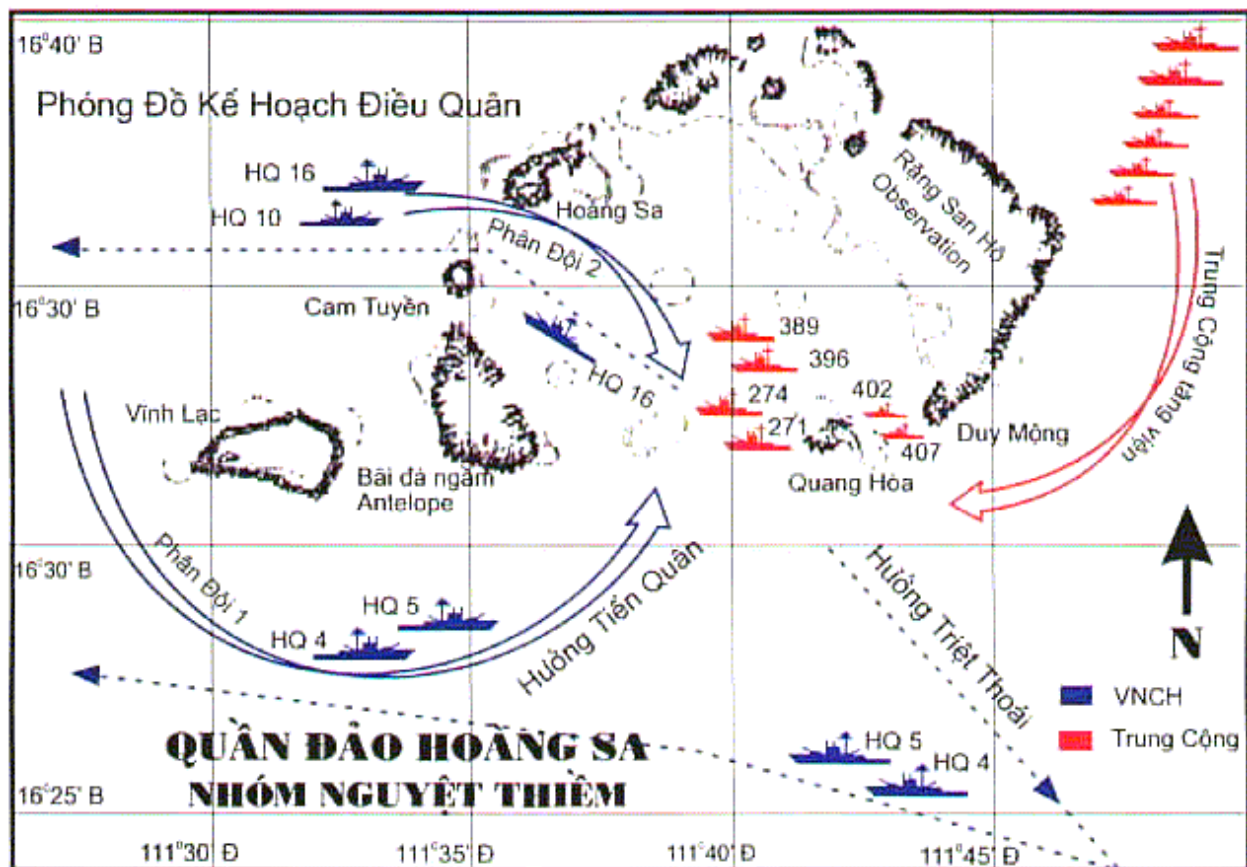


Trận Hải Chiến Hoàng Sa 19-1-1974 Đại Tá Hà Văn Ngạc, HQVNCH

The January 19, 1974 Naval Battle for
The Paracels against The People's
Republic of China Navy in The East Sea
Captain Hà Văn Ngạc, RVN

HQVNCH: Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa

RVN: Republic of Vietnam Navy



Trận Hải Chiến Hoàng Sa 19-1-1974 Đại Tá Hà Văn Ngạc, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa

The January 19, 1974 Naval Battle for The Paracels
against The People's Republic of China Navy in The
East Sea[†]

Captain Hà Văn Ngạc, Republic of Vietnam Navy
English translation by Hà Mạnh Chí

January 19, 2016

KÍNH BIỂU

In Remembrance of the 42nd Anniversary of the Naval Battle for The Paracels

Hà Mạnh Chí

Grapevine, Texas, USA

haiquantrungduong@yahoo.com

†

Chú Ý: Cuốn tài liệu này quý đọc giả đang cầm trong tay chưa hẳn là cuốn tài liệu mới nhất. Cuốn mới nhất dạng Adobe Acrobat PDF luôn được lưu trữ trên:

http://www.vnnavydallas.com/tailieu/hoang_sa_01_19_1974.pdf

Notice: A hard copy of this document may not be the document currently in effect. The current version in Adobe Acrobat PDF format is always on:

http://www.vnnavydallas.com/tailieu/hoang_sa_01_19_1974.pdf

Viết cho gia đình họ Hà: Quá Khứ, Hiện Tại, và Tương Lai
To the Hà family: Past, Present, and Future

Trận Hải Chiến Hoàng Sa 19-1-1974	The January 19, 1974 Naval Battle for The Paracels against The People's Republic of China Navy in The East Sea	
Mục Lục	Table of Contents	
Lời Ngỏ	Prologue	1
	<ul style="list-style-type: none"> • Tài Liệu Tham Khảo - References 	5
Những Diễn Biến Đưa Tới Trận Hải Chiến Hoàng Sa	Events Leading To The 1974 Naval Battle for the Paracels between the Navies of the Republic of Vietnam and the People's Republic of China	6
<ul style="list-style-type: none"> • Tài Liệu Tham Khảo 	<ul style="list-style-type: none"> • References • Acknowledgement 	23 24
Tường-Thuật Trận Hải-Chiến Lịch-Sử Hoàng-Sa	The 1974 Naval Battle for the Paracels between the Navies of the Republic of Vietnam and the People's Republic of China	25
1. Đồi Lờ Trước Khi Viết	1. Foreword	25
2. Sơ Lược	2. Overview	27
3. Lý Do Tôi Đã Có Mặt Tại Hoàng Sa	3. The Reason For My Presence At The Paracel Islands	32
4. Những Diễn Tiến Ngày Hôm Trước Trận Hải Chiến	4. The Day Before The Battle	42
5. Diễn Tiến Trận Hải Chiến Ngày 19 Tháng 1 Năm 1974	5. Orders of Battle	54
6. Kết Quả Của Trận Hải Chiến	6. Outcome of The Battle	70
7. Công Cuộc Chuẩn Bị Tái Chiếm Hoàng Sa	7. Preparation For Repossessing The Paracel Islands	75
8. Phần Sau Trận Hải Chiến	8. After The Battle	79
9. Hoàng-Trường Sa Với Việt Nam Là Một	9. The Paracel and Spratly Islands and Vietnam Are All One	79
	10. References	85
	11. Acknowledgement	86

Tiểu Sử Hải Quân Đại Tá Hà Văn Ngạc Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa 26 Tháng 4 Năm 1935 - 12 Tháng 2 Năm 1999	Biography of Navy Captain Hà Văn Ngạc Republic of Vietnam Navy 26 April 1935 - 12 February 1999	88
<ul style="list-style-type: none"> • Chức Vụ • Huy Chương • Tu Nghiệp • Tham Dự • Tác Giả • Tài Liệu Tham Khảo • Điều Văn 	<ul style="list-style-type: none"> • Rank and Function • Decorations • Training • Participation In • Bibliography • References • Eulogy in Vietnamese 	89 95 95 96 97 97 98
Hải Quân Trưng Dương	Nguyễn Đức Thu	101
Trận Hải Chiến Hoàng Sa (19/1/1974) đăng trên Nguyệt San Hội Cựu Quân Nhân Hải Quân Ba-Lan, Âu-Châu {Poland, Europe}	Okrety Wojenne, Numer 66 (4/2004), pp. 47-53	103
	Okrety Wojenne, Numer 67 (5/2004), pp. 56-70	112

Front Cover: Photo courtesy of



Mr. Trần Đỗ Cẩm (left)
 Publisher
 Đoàn Kết Monthly Magazine
 4005 Pebble Path
 Austin, Texas 78731
 U.S.A.
 nsdoanket@yahoo.com
<http://doanket.orgfree.com>

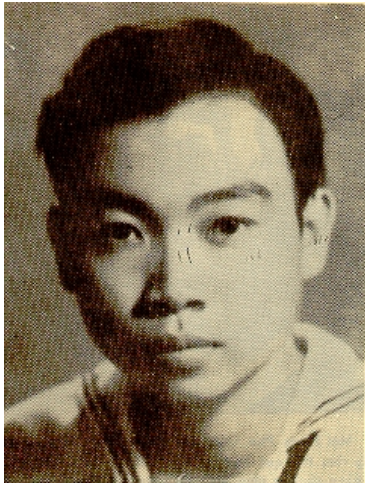
Back Cover: "Số Đặc Biệt Về Hoàng Sa", Hội Cựu Quân Nhân Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà, tháng 6, 1974 - "Special Issue on Hoàng Sa", a publication of the Republic of Vietnam Navy Veterans Association, June 1974.

Lời Ngỏ	Prologue
<p>Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại của cả hai nước, Việt Nam Cộng Hòa và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa tham dự vào một cuộc đụng độ hải quân trên một lãnh thổ xa xôi ở Biển Đông. Lãnh thổ ngoài khơi đó, cả hai nước đều tuyên bố chủ quyền vì khả năng dự trữ dầu mỏ và vị trí chiến lược, là một nhóm lớn các đảo san hô và rạn san hô thấp gọi là quần đảo Hoàng Sa, 300 km về phía đông của Đà Nẵng. Cuộc đụng độ hải quân diễn ra, khoảng 10:30 sáng Thứ Bảy, ngày 19 tháng 1 năm 1974 (27 tháng 12 năm Âm Lịch 1973 {Quý Sửu}), ở phần biển nông cạn của quần đảo Hoàng Sa, giữa một số tàu chiến từ cả hai quốc gia. Lực lượng Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa gồm một Khu Trục Hạm, hai Tuần Dương Hạm, và một Hộ Tống Hạm dưới sự chỉ huy của Hải Quân Đại Tá Hà Văn Ngạc, thân phụ tôi, người đã qua đời vào năm 1999.</p>	<p>For the first time in the modern history of both nations, the Republic of Vietnam and the People's Republic of China engaged in a naval skirmish over a faraway territory in the East Sea. That offshore territory, which was claimed by both countries because of its potentially oil-rich reserve and strategic location, is a large group of low coral islands and reefs called the Paracel Islands, 300 km east of Đà Nẵng. The naval skirmish, which took place around 10:30 on Saturday morning, January 19, 1974 (27 December in the lunar year of 1973 {year of the Buffalo}), in the shallow part of the Paracel Islands, involved a number of warships from both nations. The Republic of Vietnam naval force consisted of a destroyer (Radar Picket Destroyer Escort DER), two cruisers (Coast Guard High Endurance Cutter WHEC), and an escort (MineSweeper Frigate MSF) under the command of Navy Captain Hà Văn Ngạc, my father, who passed away in 1999.</p>
<p>Trước khi đột ngột từ trần khoảng 10:30 sáng Thứ Sáu, ngày 12 tháng 2 năm 1999 (27 tháng 12 năm Âm Lịch 1998 {Mậu Dần}), thân phụ tôi đã hoàn thành ba tác phẩm Việt Ngữ. Tác phẩm đầu tiên đưa ra một lịch sử ngắn gọn về quần đảo Hoàng Sa là một phần của Việt Nam trong thế kỷ 19, sau đó của Pháp, và trước Thế Chiến thứ II của Nhật Bản (tài liệu tham khảo 1). Riêng tác phẩm thứ hai và thứ ba lần đầu tiên tường thuật cặn kẽ các yếu tố xác định (tài liệu tham khảo 2) dẫn đến cuộc đụng độ hải quân được gọi là Trận Hải Chiến Hoàng Sa (tài liệu tham khảo 3).</p>	<p>Prior to his untimely passing around 10:30 on Friday morning, February 12, 1999 (27 December in the lunar year of 1998 {year of the Tiger}), my father had completed three Vietnamese written works. The first gives a brief history of the Paracel Islands that were part of Vietnam in the early 19th century, then of French Indochina prior to World War II, when they were occupied by the Japanese (Reference 1). The second and third respectively give a first-hand gripping account of the determining factors (Reference 2) leading to the naval skirmish called the Naval Battle for the Paracels (Reference 3).</p>
<p>Bởi vì sự ra đi đột ngột của thân phụ tôi trùng hợp quá chính xác với kỷ niệm 25 năm Trận Hải Chiến Hoàng Sa, tôi tin chắc rằng số phận đã đưa ông đến quần đảo Hoàng Sa vào tháng Giêng năm 1974, do đó giành cho ông một trang đặc biệt trong lịch sử Việt Nam và lịch sử của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa. Điều này đã thúc đẩy tôi phiên dịch tất cả ba tác</p>	<p>Because my father's sudden passing coincides so precisely with the 25th anniversary of the Naval Battle for the Paracels, I firmly believe that destiny brought my father to the Paracel Islands in January 1974, thus earning him a special place in Vietnamese history and the history of the Republic of Vietnam Navy. This has motivated me to translate all of his</p>

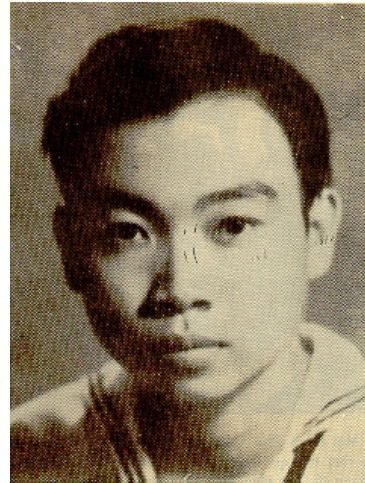
<p>phẩm Việt Ngữ sang Anh Ngữ với mục đích giữ gìn kỷ niệm và làm cho có sẵn những hồi ký của một sĩ quan suốt đời binh nghiệp hải quân chỉ huy Trận Hải Chiến Hoàng Sa.</p>	<p>Vietnamese written works into English for the purpose of preserving the memory and making available the recollections of a career naval officer in command of the Naval Battle for the Paracels.</p>
<p>Bản dịch Anh Ngữ sau đây là để tưởng nhớ tới:</p> <p>Thân phụ tôi, người với hai mươi năm binh nghiệp hải quân đã tự hào phục vụ đất nước của mình, Việt Nam Cộng Hòa, từ tháng 5, 1955 cho đến 30 tháng 4, 1975.</p> <p>Các lực lượng Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa đã ngăn chặn sự xâm lược của Trung Quốc và Cộng Sản Việt Nam, đồng thời duy trì sự tự do của vùng Biển Đông.</p> <p>Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa với lòng yêu nước, tinh thần huynh đệ chi binh, và với niềm tự hào chiến đấu cho tự do.</p> <p>Các sĩ quan và thủy thủ Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa sau đây đã theo lệnh của thân phụ tôi hy sinh để bảo vệ lãnh thổ mà ông cha ta đã tuyên bố qua nhiều thế kỷ:</p>	<p>The following English translation is dedicated to</p> <p>The loving memory of my father, a twenty-year career Navy man who proudly served his country, the Republic of Vietnam, from May 1955 to April 30, 1975.</p> <p>The Republic of Vietnam naval forces for deterring Chinese & Vietnamese Communist aggression and maintaining freedom of the East Sea.</p> <p>The men and women of the Republic of Vietnam armed forces for their professionalism, patriotism and pride in the service of freedom.</p> <p>The memory of the following officers and enlisted personnel of the Republic of Vietnam Navy who under my father's command laid down their lives to defend the territory that our forefathers had claimed for many centuries:</p>
<p>HQ Trần Khánh Dư (Khu Trục Hạm 4):</p> <p>HQ Trung Úy Nguyễn Phúc Xá, Trưởng Khẩu Hạ sĩ Nhất Nguyễn Thành Danh, Xạ Thủ</p>	<p>HQ Trần Khánh Dư (Radar Picket Destroyer Escort DER 4):</p> <p>Lieutenant Junior Grade Nguyễn Phúc Xá Petty Officer Second Class Nguyễn Thành Danh</p>
<p>HQ Trần Bình Trọng (Tuần Dương Hạm 5):</p> <p>HQ Trung Úy Nguyễn Văn Đồng Thượng Sĩ Điện Tử Nguyễn Phú Hào Trung Sĩ Nhất Trọng Pháo Nguyễn Đình Quang</p>	<p>HQ Trần Bình Trọng (Coast Guard High Endurance Cutter WHEC 5):</p> <p>Lieutenant Junior Grade Nguyễn Văn Đồng Senior Chief Petty Officer Nguyễn Phú Hào Chief Petty Officer Nguyễn Đình Quang</p>
<p>HQ Lý Thường Kiệt (Tuần Dương Hạm 16):</p> <p>Trung Sĩ Điện Khí Nguyễn Quang Xuân Hạ Sĩ Quản Kho Nguyễn Văn Duyên</p>	<p>HQ Lý Thường Kiệt (Coast Guard High Endurance Cutter WHEC 16):</p> <p>Petty Officer First Class Nguyễn Quang Xuân Petty Officer Third Class Nguyễn Văn Duyên</p>
<p>HQ Nhựt Tảo (Hộ Tống Hạm 10):</p>	<p>HQ Nhựt Tảo (MineSweeper Frigate MSF 10):</p>

HQ Trung Tá Ngụy Văn Thà, Hạm Trưởng	Commander Ngụy Văn Thà, Commanding Officer
HQ Thiếu Tá Nguyễn Thành Trí, Hạm Phó	Lieutenant Commander Nguyễn Thành Trí, Executive Officer
HQ Đại Úy Huỳnh Duy Thạch, Cơ Khí Trưởng	Lieutenant Huỳnh Duy Thạch
HQ Đại Úy Vũ Văn Bang	Lieutenant Vũ Văn Bang
HQ Trung Úy Phạm Văn Đồng	Lieutenant Junior Grade Phạm Văn Đồng
HQ Trung Úy Ngô Chí Thành, Cơ Khí	Lieutenant Junior Grade Ngô Chí Thành
HQ Trung Úy Vũ Đình Huân	Lieutenant Junior Grade Vũ Đình Huân
Thượng Sĩ Nhất T. P. Châu	Master Chief Petty Officer T. P. Châu
Thượng Sĩ Nhất Điện Khí Võ Thế Kiệt	Master Chief Petty Officer Võ Thế Kiệt
Thượng Sĩ Nhất Cơ Khí Phan Tấn Liêng	Master Chief Petty Officer Phan Tấn Liêng
Thượng Sĩ Vận Chuyển Hoàng Ngọc Lễ	Senior Chief Petty Officer Hoàng Ngọc Lễ
Thượng Sĩ Điện Tử Thọ	Senior Chief Petty Officer Thọ
Trung Sĩ Nhất Vô Tuyến Phan Tiến Chung	Chief Petty Officer Phan Tiến Chung
Trung Sĩ Cơ Khí Trần Văn Bá	Petty Officer First Class Trần Văn Bá
Trung Sĩ Thám Xuất Lê Anh Dũng	Petty Officer First Class Lê Anh Dũng
Trung Sĩ Bí Thư Trần Văn Đàm	Petty Officer First Class Trần Văn Đàm
Trung Sĩ Trọng Pháo Đức	Petty Officer First Class Đức
Trung Sĩ Điện Khí Lai Viết Luận	Petty Officer First Class Lai Viết Luận
Trung Sĩ Trọng Pháo Nam	Petty Officer First Class Nam
Trung Sĩ Giám Lộ Nguyễn Văn On	Petty Officer First Class Nguyễn Văn On
Trung Sĩ Cơ Khí Phạm Văn Quý	Petty Officer First Class Phạm Văn Quý
Trung Sĩ Trọng Pháo Huỳnh Kim Sang	Petty Officer First Class Huỳnh Kim Sang
Trung Sĩ Cơ Khí Nguyễn Tấn Sĩ	Petty Officer First Class Nguyễn Tấn Sĩ
Trung Sĩ Vận Chuyển Ngô Tấn Sơn	Petty Officer First Class Ngô Tấn Sơn
Trung Sĩ Giám Lộ Vương Thương	Petty Officer First Class Vương Thương
Trung Sĩ Trọng Pháo Nguyễn Thành Trọng	Petty Officer First Class Nguyễn Thành Trọng
Trung Sĩ Quản Kho Tuấn	Petty Officer First Class Tuấn
Trung Sĩ Trọng Pháo Nguyễn Vĩnh Xuân	Petty Officer First Class Nguyễn Vĩnh Xuân
Trung Sĩ Điện Tử Nguyễn Quang Xuân	Petty Officer First Class Nguyễn Quang Xuân
Hạ Sĩ Nhất Đoàn Viên Trần Văn Định	Petty Officer Second Class Trần Văn Định
Hạ Sĩ Nhất Cơ Khí Đinh Hoàng Mai	Petty Officer Second Class Đinh Hoàng Mai
Hạ Sĩ Nhất Trọng Pháo Nguyễn Quang Mến	Petty Officer Second Class Nguyễn Quang Mến
Hạ Sĩ Nhất Cơ Khí Trần Văn Mộng	Petty Officer Second Class Trần Văn Mộng
Hạ Sĩ Nhất Vận Chuyển Ngô Sáu	Petty Officer Second Class Ngô Sáu
Hạ Sĩ Nhất Vận Chuyển Lê Văn Tây	Petty Officer Second Class Lê Văn Tây
Hạ Sĩ Nhất Vận Chuyển Lương Thanh Thu	Petty Officer Second Class Lương Thanh Thu
Hạ Sĩ Cơ Khí Phạm Văn Ba	Petty Officer Third Class Phạm Văn Ba
Hạ Sĩ Cơ Khí Trần Văn Bảy	Petty Officer Third Class Trần Văn Bảy
Hạ Sĩ Giám Lộ Nguyễn Xuân Cường	Petty Officer Third Class Nguyễn Xuân Cường
Hạ Sĩ Điện Khí Trần Văn Cường	Petty Officer Third Class Trần Văn Cường

Hạ Sĩ Vận Chuyển Trương Hồng Đào
Hạ Sĩ Cơ Khí Nguyễn Văn Đông
Hạ Sĩ Điện Khí Nguyễn Ngọc Hòa
Hạ Sĩ Giám Lộ Nguyễn Văn Hoàng
Hạ Sĩ Trọng Pháo Phan Văn Hùng
Hạ Sĩ Trọng Pháo Nguyễn Văn Lợi
Hạ Sĩ Phòng Tai Nguyễn Văn Phương
Hạ Sĩ Trọng Pháo Nguyễn Văn Thân
Hạ Sĩ Phòng Tai Phan Văn Thép
Hạ Sĩ Phòng Tai Trần Văn Thêm
Hạ Sĩ Vận Chuyển Huỳnh Công Trứ



Petty Officer Third Class Trương Hồng Đào
Petty Officer Third Class Nguyễn Văn Đông
Petty Officer Third Class Nguyễn Ngọc Hòa
Petty Officer Third Class Nguyễn Văn Hoàng
Petty Officer Third Class Phan Văn Hùng
Petty Officer Third Class Nguyễn Văn Lợi
Petty Officer Third Class Nguyễn Văn Phương
Petty Officer Third Class Nguyễn Văn Thân
Petty Officer Third Class Phan Văn Thép
Petty Officer Third Class Trần Văn Thêm
Petty Officer Third Class Huỳnh Công Trứ



Hạ Sĩ Nhất Cơ Khí Đinh Hoàng Mai (tài liệu tham khảo 4), HQ Nhựt Tảo (Hộ Tống Hạm 10), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa

Petty Officer Second Class Đinh Hoàng Mai (Reference 4), Machinist' Mate, HQ Nhựt Tảo (MSF 10), Republic of Vietnam Navy




Hạ Sĩ Nhất Vận Chuyển Lê Văn Tây (tài liệu tham khảo 4), HQ Nhựt Tảo (Hộ Tống Hạm 10), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa





Petty Officer Second Class Lê Văn Tây (Reference 4), HQ Nhựt Tảo (MSF 10), Republic of Vietnam Navy

Thủy Thủ Nhất Trọng Pháo Nguyễn Văn Đức
Thủy Thủ Nhất Thám Xuất Phạm Văn Lèo

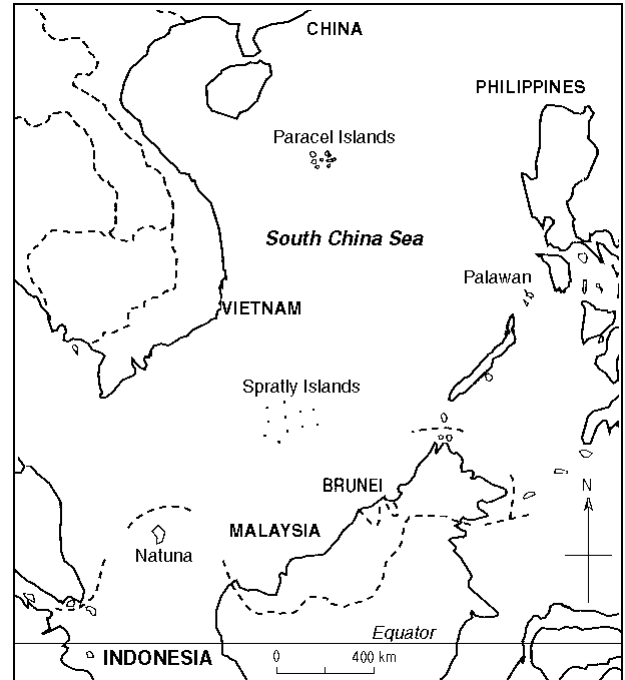
Seaman Nguyễn Văn Đức
Seaman Phạm Văn Lèo

Thủy Thủ Nhất Cơ Khí Dương Văn Lợi Thủy Thủ Nhất Trọng Pháo Nguyễn Văn Nghiã Thủy Thủ Nhất Phòng Tai Nguyễn Hữu Phương Thủy Thủ Nhất Trọng Pháo Lý Phùng Qui Thủy Thủ Nhất Trọng Pháo Thi Văn Sinh Thủy Thủ Nhất Vô Tuyến Phạm Văn Thu Thủy Thủ Nhất Điện Tử Đinh Văn Thục Thủy Thủ Nhất Cơ Khí Châu Túy Tuấn Thủy Thủ Điện Tử Thanh	Seaman Dương Văn Lợi Seaman Nguyễn Văn Nghiã Seaman Nguyễn Hữu Phương Seaman Lý Phùng Qui Seaman Thi Văn Sinh Seaman Phạm Văn Thu Seaman Đinh Văn Thục Seaman Châu Túy Tuấn Seaman Apprentice Thanh
Liên Đoàn Người Nhái: Trung Úy Lê Văn Đơn Trung Sĩ Đinh Hữu Từ Hạ Sĩ Đỗ Văn Long Nguyễn Văn Thạch Nguyễn Văn Tiến	Republic of Vietnam Navy SEALs: Lieutenant Junior Grade Lê Văn Đơn Petty Officer First Class Đinh Hữu Từ Petty Officer Third Class Đỗ Văn Long Seaman Nguyễn Văn Thạch Seaman Nguyễn Văn Tiến
Biệt Hải: Nguyễn Văn Vượng	Coastal Security Service – Sea Commando: Nguyễn Văn Vượng
và 26 mất tích (tài liệu tham khảo 5)	and 26 MIA's (Reference 5)
 <p>Hà Mạnh Chí Grapevine, Texas, U.S.A. Tân Niên Kỷ Mão 1999 The 1999 Vietnamese New Year of the Cat</p>	<p>Tài Liệu Tham Khảo - References</p>
	Hà Văn Ngạc, "Tìm Hiểu Về Quần Đảo Hoàng Sa", Grapevine, Texas, USA.
	Hà Văn Ngạc, "Những Diễn Biến Đưa Tới Trận Hải Chiến Hoàng Sa", <u>Lướt Sóng</u> , Number 35, 26 September 1998, pp. 92-102, Bạch Đằng, P.O. Box 21997, San Jose, California 95151-1997, U.S.A., http://www.vietnamnavy.com .
	Hà Văn Ngạc, "Trường Thuật Trận Hải Chiến Lịch Sử Hoàng Sa", <u>Đoàn Kết Monthly Magazine</u> , 4005 Pebble Path, Austin, Texas 78731, U.S.A., http://doanket.orgfree.com .
	"Số Đặc Biệt Về Hoàng Sa", Hội Cựu Quân Nhân Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà, tháng 6, 1974 - "Special Issue on Hoàng Sa", a publication of the Republic of Vietnam Navy Veterans Association, June 1974.
	<u>Lướt Sóng</u> , Number 50, January 10, 2004, Bạch Đằng, P.O. Box 21997, San Jose, California 95151-1997, U.S.A., http://www.hqvnch.net/default.asp?id=513&lstid=2 .

<p style="text-align: center;">Những Diễn Biến Đưa Tới Trận Hải Chiến Hoàng Sa</p>	<p style="text-align: center;">Events Leading To The 1974 Naval Battle for the Paracels between the Navies of the Republic of Vietnam and the People's Republic of China</p>
<p>Sự tranh chấp về chủ quyền của các đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được các sử gia và các nhà nghiên cứu về thềm lục địa trình bày rất nhiều. Gần đây nhất là trong cuốn "Địa Lý Biển Đông" của Hải Quân Trung Tá Vũ Hữu San, một công trình nghiên cứu tỉ mỉ, đã sưu tập những tài liệu để chứng minh chủ quyền Việt Nam không những về các hoạt động để xác nhận chủ quyền của quốc gia mà còn phân tích tỉ mỉ về các dữ kiện địa chất, thảo mộc, và khí tượng để minh xác là những hải đảo trong vùng Hoàng Trường Sa đã được tổ tiên chúng ta đặt chân tới đặt bia miếu và trong quá khứ gần đây Việt Nam Cộng Hòa đã tiếp tục tham dự các hoạt động khí tượng trên bình diện quốc tế.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Đại Trung Tá Vũ Hữu San, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (San Clemente, California, USA) – Former Commander Vũ Hữu San, Republic of Vietnam Navy (San Clemente, California, USA)</p>	<p>The issue of sovereignty over the Paracel and Spratly Islands in the East Sea has been excessively expounded by many historians and continental shelf researchers. Most recently, in his elaborate book of history (Reference 3), former Republic of Vietnam Navy Commander Vũ Hữu San cited numerous documents that validate Vietnam's sovereignty through a detailed analysis of flora, geological and meteorological data. The data confirm that our ancestors set foot to the Paracel and Spratly Islands, setting up a stele bearing a Vietnamese inscription. And prior to April 30, 1975, the Republic of Vietnam did participate in meteorological activities internationally.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Commander Vũ Hữu San, Republic of Vietnam Navy (Reference 7)</p>



Bia Chủ Quyền Việt Nam Cộng Hòa trên Đảo Pattle (Reference 2)



The Paracels and Spratlys in the East Sea (Reference 1)

Khi chính phủ bảo hộ Đông Dương của người Pháp vào năm 1933 đã ra nghị định sát nhập hành chính các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào các tỉnh ven biển thì chỉ có duy nhất Nhật Bản phản kháng mà thôi và cũng chỉ phản kháng lấy lệ và người Pháp vẫn tiếp tục thi hành nghị định đã ban bố trong công báo Pháp. Ngay cả người Anh, những nhà hàng hải của họ đã khám phá thấy các đảo vùng Trường Sa nhưng khi Việt Nam, Pháp, và Tây Ban Nha ký hiệp ước bảo hộ vào năm 1862 thì họ đã không có phản ứng gì.

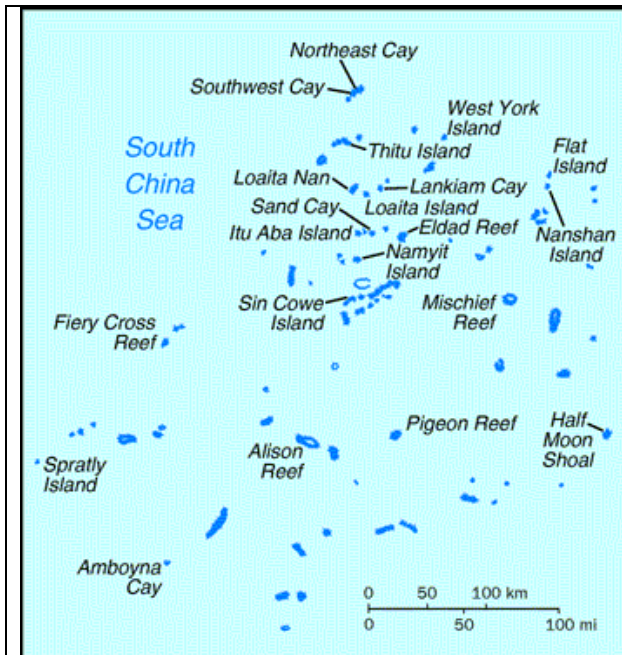
In 1933 when the government of the federation of French colonies and protectorates in Indochina decided to integrate administratively the Paracel and Spratly Islands into Vietnam's coastal provinces, Japan was the only country protesting and the protest was merely perfunctory. As a result, the French colonial authorities proceeded with their decision that had been promulgated in the French press. Even the British mariners who had discovered the Spratly Islands did not have any reaction when they learned that Vietnam, France, and Spain signed a protectorate treaty in 1862.



Bản Đồ Tây Phương năm 1817 cho thấy Quần Đảo Hoàng Sa thuộc về Việt Nam {http://bp0.blogger.com/_NEenBLhxqVck/R4zn_kl0x6I/AAAAAAAAAO8/dYh1dcrwsz0/s1600-h/map,+john+thompson.jpg}

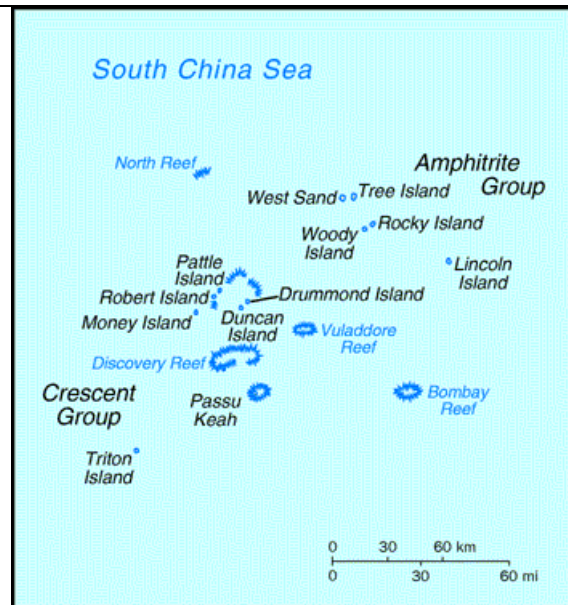


1780 Map of Vietnam and Paracel Islands {http://www.paracelspratly.com/home/index.php?option=com_content&task=view&id=48&Itemid=80}



Đảo Itu Aba, Loaita, và Spratly thuộc Quần Đảo Trường Sa (Reference 1)

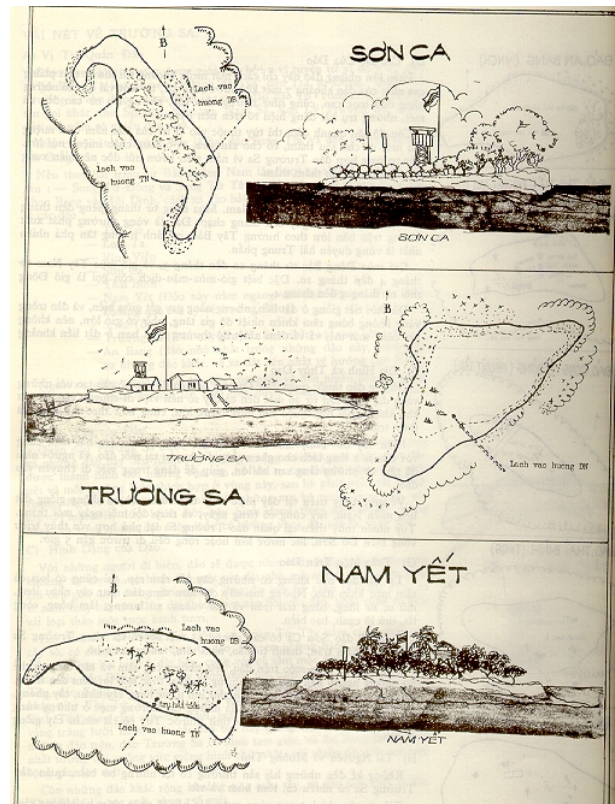
Sự chiếm đóng quân sự của Đài Loan trên đảo Thái Bình, của Phi Luật Tân trên đảo Loại Ta, của Trung Hoa Dân Quốc trên đảo Phú Lâm cực Bắc của quần đảo Hoàng Sa chỉ vì người Pháp, trong cuộc chiến tranh Đông Dương, đã phải đương đầu ngặt nghèo với các cuộc hành quân tảo thanh cũng như phòng thủ trong đất liền nên chỉ có thể đặt quân trú phòng trên đảo Hoàng Sa mà thôi bằng khoảng một trung đội Lê Dương và đã bỏ ngỏ các đảo quan trọng khác. Đặc biệt là đảo Thái Bình của quần đảo Trường Sa đã bị quân đội Nhật cưỡng chiếm trong Đệ Nhị Thế Chiến. Khi quân đội Nhật đầu hàng thì Trung Hoa Dân Quốc chỉ có nhiệm vụ giải giới quân đội Nhật nhưng họ đã lợi dụng tình thế bối rối lúc bấy giờ của người Pháp để chiếm cứ luôn, cùng lúc với đảo Phú Lâm của quần đảo Hoàng Sa. Riêng về đảo Phú Lâm thì khi chiến tranh quốc cộng đến thời kỳ gần kết thúc tại lục địa, khiến Trung Hoa Dân Quốc đã buộc phải bỏ ngỏ một thời gian và Trung Cộng đã lần chiếm vào giữa thập niên 50.



Woody Island and Pattle Island in the Paracels (Reference 1)

The military occupation of Taiwan on Itu Aba Island, of the Republic of Philippines on Loaita Island, and of Taiwan on the northernmost Woody Island in the Paracels was due to France's eight-year Indochinese war against the Communist-dominated Việt Minh guerrillas. The long, bitter war was a military strain on the French administrators in Indochina. As a result, they could only station a platoon of Foreign Legion on Pattle Island and had to abandon the other important islands in the Paracels. Japan especially conquered Itu Aba Island in the Spratlys in World War II. When the Japanese surrendered, the Chinese Kuomintang (Republic of China's Nationalist Party) soldiers were responsible for disarming the Japanese occupation forces in Vietnam. However, the Chinese Kuomintang taking advantage of France's problems concerning Vietnam occupied Itu Aba Island in the Spratlys and Woody Island in the Paracels simultaneously. When the Chinese Communist revolutionaries seized control of their nation (mainland China), all of the Chinese Kuomintang soldiers were packed off to Taiwan or Republic of China, abandoning Woody Island for a while before it was seized by Communist China in the mid 1950's.

Vào khoảng thời gian này thì Hải Quân Việt Nam còn đang ở trong thời kỳ phát triển mạnh, và lại Hải Quân còn phải tham dự các cuộc hành quân bình định của chính phủ trong vùng sông ngòi cũng như ngoài ven biển nên các hoạt động ngoài biển khơi chỉ được hạn chế trong công cuộc tiếp tục yểm trợ sự hiện diện quân sự trên đảo Hoàng Sa khi quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam và dựng bia để khẳng định chủ quyền quốc gia trên đảo, đại diện cho quần đảo Trường Sa, là đảo Trường Sa (Spratly) mà thôi. Hơn nữa đảo Phú Lâm lại nằm quá sát vĩ tuyến 17, nên còn nằm trong khu phi quân sự theo Hiệp Định Ba Lê năm 1954 mà chính phủ Việt Nam tuy không công nhận nhưng vào lúc này vẫn muốn không vi phạm.

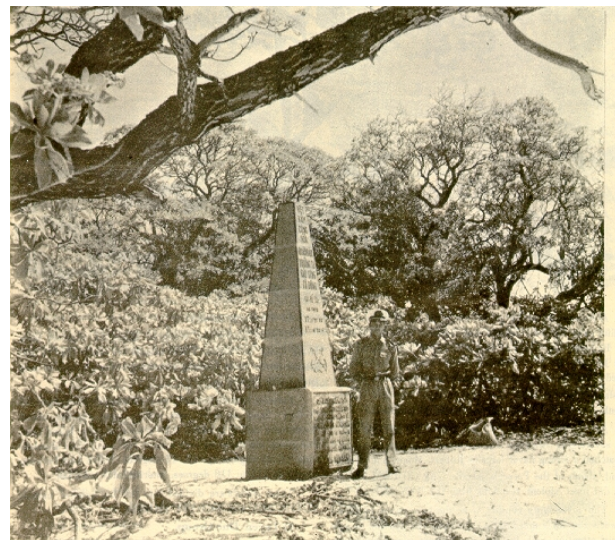


Đảo Sand Cay, Spratly, và Namyit Island thuộc Quần Đảo Trường Sa (Reference 5)

Cho đến khi kỹ thuật về khai thác dầu hỏa ngoài khơi được tiến triển thì vấn đề thềm lục địa được đặt ra, và chủ quyền của các quốc gia trên các hải đảo đã được chú trọng nhiều hơn.

During this period, the Republic of Vietnam Navy was in the process of rapidly expanding in support of its government's policy of 'pacification' through riverine and coastal operations. Consequently, its naval forces deployed to high seas were restricted to

- Supporting a military presence in the Paracels except Woody Island upon the total withdrawal of all French troops from Vietnam. Woody Island lies very close to the 17th parallel, a demilitarized zone according to the 1954 Geneva agreement that the Republic of Vietnam government neither recognized nor wanted to violate.
- Setting up a stele to reaffirm our national sovereignty on Spratly Island, the main island in the Spratlys.



Republic of Vietnam's stele on Spratly Island in the Spratlys (Reference 2)

The issue of continental shelf and national sovereignty over the Paracel and Spratly Islands did not come to the attention of many countries in the vicinity until the technology for offshore drilling became advanced.

Trong kỳ hội thảo về đồ bản khu vực của Liên Hiệp Quốc cho Á Châu và Viễn Đông lần thứ sáu (the Sixth United Nations Regional Cartographic Conference for Asia and the Far East) họp tại Tehran, thủ đô Ba Tư vào tháng 10 năm 1970 và kéo dài một tháng, trong đó có các phái đoàn của các nước Đông Nam Á như Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), Nhật Bản, Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân, Thái Lan, v.v... tham dự. Phái đoàn Việt Nam do Đại Tá Đoàn Văn Kiệu (Lục Quân), Giám Đốc Nha Địa Dư Quốc Gia, trực thuộc Bộ Quốc Phòng, hướng dẫn trong đó có một vị kỹ sư địa dư và tôi tham dự.



Tehran, thủ đô Ba Tư (Iran) { <http://www.cnn.com/WORLD/maps/iran.tehran.jpg> }

In October 1970, the Republic of Vietnam was among the Asian countries such as the Republic of China (Taiwan), Japan, Malaysia, Indonesia, Philippines, Thailand, etc ... taking part in the month-long Sixth United Nations Regional Cartographic Conference for Asia and the Far East held in Tehran, the capital of Iran. Army Colonel Đoàn Văn Kiệu, Director of the National Geographic Bureau of the Ministry of Defense, headed the Republic of Vietnam three-member delegation including a geographic engineer and me.



The Republic of Vietnam delegation at the Sixth United Nations Regional Cartographic Conference in Tehran, Iran (Photo courtesy of the Hà family, Grapevine, Texas, U.S.A.)

Trong mấy ngày đầu của cuộc hội thảo, phái đoàn Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan, do một vị tướng 3 sao Lục Quân cầm đầu) đột nhiên nêu vấn đề chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khi phát biểu trong hội trường.

On the first days of the conference, the Republic of China (Taiwan) delegation, headed by an Army Lieutenant General, suddenly voiced its opinion on the issue of sovereignty over the Parcel and Spratly Islands.

Vào thời gian này thì tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân đã có thành lập từ lâu Phòng Nghiên Cứu hay Phòng 5, và phòng này đã thu thập được nhiều tài liệu lịch sử cũng như pháp lý về chủ quyền của quốc gia Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nhưng vì đây là một cuộc hội thảo có tính cách hợp tác kỹ thuật do Liên Hiệp Quốc tổ chức, nên tôi đề nghị ngay với Đại Tá trưởng phái đoàn là phái đoàn Việt Nam sẽ thảo luận với các phái đoàn

During this time, the Republic of Vietnam Navy Headquarters established Bureau 5 or Bureau of Scientific Research, and this bureau gathered many historical as well as legal documents relating to Vietnam's sovereignty over the Parcel and Spratly Islands. Since the conference organized by the United Nations was more of a technology cooperation meeting, I immediately proposed to the colonel heading the Republic of Vietnam

Đông Nam Á khác để được sự ủng hộ của họ hầu phát biểu ý kiến lên hội trường là không đặt vấn đề chủ quyền quốc gia trong cuộc hội thảo nặng về kỹ thuật đồ bản này. Sau đó thì phái đoàn Trung Hoa Dân Quốc đã không phản đối hay nêu thêm gì khác. Cũng cần ghi thêm ở đây là sau kỳ hội thảo tại Tehran, Ba Tư, phái đoàn tham dự các cuộc hội thảo kế tiếp đều được Bộ Tư Lệnh Hải Quân đề cử sĩ quan xung vào phái đoàn. Việc nêu chủ quyền trên các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) trong một cuộc hội thảo kỹ thuật của Liên Hiệp Quốc đã là một chỉ dấu của một khúc quanh về tranh chấp về chủ quyền các hải đảo, các sự đối đầu sẽ không chỉ còn nằm trong phạm vi tuyên cáo và phản đối lấy lệ về ngoại giao nữa như các quốc gia trong vùng đã từng làm trước đây. Lý do quan trọng nhất là việc thăm dò các mỏ dầu hỏa từ năm 1969 đến năm 1971 của Việt Nam Cộng Hòa ngoài khơi Vũng Tàu và Côn Sơn đã làm cho các lân bang chú ý kể cả Trung Cộng và Cộng Sản miền Bắc. Chúng ta còn nhớ là trong khoảng thời gian này, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã ra tận một trong các dàn khoan để chiêm lửa đốt hơi dầu khánh thành sự thành công về công cuộc tìm kiếm với một trữ lượng dầu đáng kể do một công ty khảo sát địa chất Hoa Kỳ tại Houston đảm trách trong một vùng khoảng 4 ngàn hải lý vuông.

Kể từ tháng Chạp năm 1971 thì Việt Nam Cộng Hòa đã đặt ra vấn đề nhượng quyền khai thác dầu hỏa và vào tháng 2 năm 1973 việc phân chia khu vực đặc nhượng đã hoàn tất, nhưng mãi đến tháng 7 năm 1973 việc nhượng quyền khai thác mới được công bố. Việc chậm trễ này là do nhu cầu chính trị của thời điểm này mà chính phủ Hoa Kỳ đã khẩn khoản yêu cầu Việt Nam Cộng Hòa trì hoãn vì vào lúc đó phong trào phản chiến đang lên cao và họ đã chúí mũi dùi vào các hoạt động của các tổ hợp liên quốc dầu hỏa tại Việt Nam và Cam Bốt. Một phần quan trọng nữa là quốc hội Hoa Kỳ đã lưu ý đến thêm lục địa vùng Đông Nam Á vì vấn đề này có liên hệ tới chính sách của Hoa Kỳ tại vùng này. Do đó vào các

delegation that we would ask the other Southeast Asian delegations for their support prior to issuing a formal declaration that the issue of national sovereignty should not be debated at this cartographic conference. After that the Republic of China delegation neither raised its voice in protest nor brought up another issue in the meeting. It should also be noted here that after this Tehran conference, the Republic of Vietnam Navy Headquarters continued to send a naval officer to the South Vietnamese delegation attending the succeeding cartographic conferences. The issue of sovereignty over the Paracel and Spratly Islands raised by the Republic of China (Taiwan) in a United Nations cartographic conference was a turning point at which the dispute over territory and resources in the East Sea would not be merely resolved by a denunciation or by a perfunctorily diplomatic protest as every country in the vicinity had done before. Offshore oil exploration by the Republic of Vietnam from 1969 to 1971 in areas close to Vũng Tàu and Côn Sơn (or Côn Đảo) was the most important cause for concern among its neighboring countries such as Communist China and the Socialist Republic of Vietnam (the Communist government of North Vietnam). We may recall that the President of the Republic of Vietnam came right to one of the offshore drills to kindle a fire to celebrate the successful discovery of a vast oil reserve by an American geological survey company of Houston, Texas in an area of 4000 square nautical miles.

In December 1971, the government of South Vietnam began to allot its continental shelf for offshore drilling, and in February 1973, the allotment was completed, but was not publicly announced until July 1973. This delay was in response to the U.S. government's persistent request for postponement since at the time huge anti-war demonstrations spilled out into the streets and were focusing on the activities of multinational oil companies in Vietnam and Cambodia. Moreover, the U.S. Congress began to pay attention to the continental shelf in

năm 1970-1971 việc thăm dò mỏ dầu ít được quảng bá để làm dịu bớt phong trào phản chiến tại nội địa Hoa Kỳ cũng như không làm phương hại tới hòa đàm Ba Lê. Cộng Sản Bắc Việt cũng biết được các dự định của Việt Nam Cộng Hòa về việc đặc nhượng nhưng mãi tới tháng 6 năm 1971 mới lên tiếng phản đối. Đương nhiên là Trung Cộng cũng đã theo dõi các tiến triển về thăm dò trong lòng biển và chú tâm nhiều về các trữ lượng dầu hỏa đáng khích lệ trong vùng Biển Đông.

Southeast Asia since it had something to do with U.S. foreign policy in this region. Therefore, in 1970 and 1971, the oil exploration was not publicized not only to abate the anti-war movement in the U.S. but also not to stall the formal four-party peace talks in Paris. The Communist government of North Vietnam knew the allotment but waited until June 1973 to raise its voice in protest. Obviously, Communist China also watched the progress of South Vietnam's offshore oil exploration activities, and began to pay attention to the East Sea's potentially oil-rich reserve.



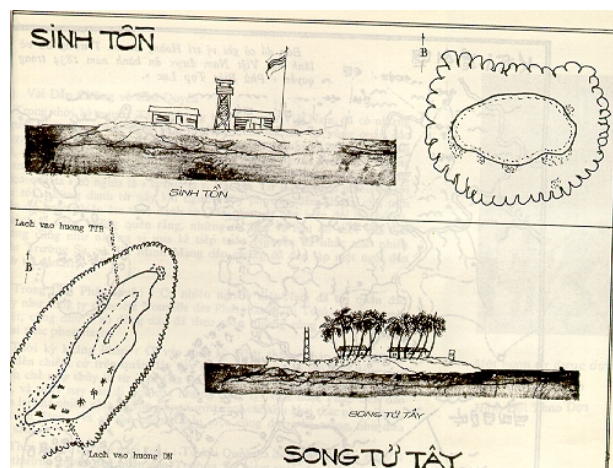
Côn Sơn (Côn Đảo) ở vùng Biển Đông (Reference 1)



Côn Sơn (or Côn Đảo) {<http://www.premier-oil.com/Asp/uploadedFiles/image/Maps/vietnam.jpg>}

<p>Kể từ tháng Chạp năm 1971 thì Việt Nam Cộng Hòa đã đặt ra vấn đề nhượng quyền khai thác dầu hỏa và vào tháng 2 năm 1973 việc phân chia khu vực đặc nhượng đã hoàn tất, nhưng mãi đến tháng 7 năm 1973 việc nhượng quyền khai thác mới được công bố. Việc chậm trễ này là do nhu cầu chính trị của thời điểm này mà chính phủ Hoa Kỳ đã khẩn khoản yêu cầu Việt Nam Cộng Hòa trì hoãn vì vào lúc đó phong trào phản chiến đang lên cao và họ đã chú ý mũi dùi vào các hoạt động của các tổ hợp liên quốc dầu hỏa tại Việt Nam và Cam Bốt. Một phần quan trọng nữa là quốc hội Hoa Kỳ đã lưu ý đến thêm lục địa vùng Đông Nam Á vì vấn đề này có liên hệ tới chính sách của Hoa Kỳ tại vùng này. Do đó vào các năm 1970-1971 việc thăm dò mỏ dầu ít được quảng bá để làm dịu bớt phong trào phản chiến tại nội địa Hoa Kỳ cũng như không làm phương hại tới hòa đàm Ba Lê. Cộng Sản Bắc Việt cũng biết được các dự định của Việt Nam Cộng Hòa về việc đặc nhượng nhưng mãi tới tháng 6 năm 1971 mới lên tiếng phản đối. Đương nhiên là Trung Cộng cũng đã theo dõi các tiến triển về thăm dò trong lòng biển và chú tâm nhiều về các trữ lượng dầu hỏa đáng khích lệ trong vùng Biển Đông.</p>	<p>In December 1971, the government of South Vietnam began to allot its continental shelf for offshore drilling, and in February 1973, the allotment was completed, but was not publicly announced until July 1973. This delay was in response to the U.S. government's persistent request for postponement since at the time huge anti-war demonstrations spilled out into the streets and were focusing on the activities of multinational oil companies in Vietnam and Cambodia. Moreover, the U.S. Congress began to pay attention to the continental shelf in Southeast Asia since it had something to do with U.S. foreign policy in this region. Therefore, in 1970 and 1971, the oil exploration was not publicized not only to abate the anti-war movement in the U.S. but also not to stall the formal four-party peace talks in Paris. The Communist government of North Vietnam knew the allotment but waited until June 1973 to raise its voice in protest. Obviously, Communist China also watched the progress of South Vietnam's offshore oil exploration activities, and began to pay attention to the East Sea's potentially oil-rich reserve.</p>
<p>Song song với việc thăm dò dầu hỏa là công cuộc thực hiện việc đặt quân trú phòng trên các đảo còn bỏ trống thuộc quần đảo Trường Sa do chính Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa chủ trương và nắm phần chủ động về mọi công tác. Công cuộc thực hiện này là kết quả của một cuộc thao dượt hạm đội vào đầu mùa hè năm 1973 do Bộ Tư Lệnh Hạm Đội lúc bấy giờ là Hải Quân Đại Tá Nguyễn Xuân Sơn đề xướng với sự chấp thuận của Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Tôi với chức vụ là Chỉ Huy Trưởng Hải Đội 3 (Hải Đội Tuần Dương) đã được Tư Lệnh Hạm Đội trao phó trách nhiệm tổ chức lực lượng và đặt kế hoạch thao dượt cũng như chương trình thám sát các hải đảo. Sau khi hòa đàm Ba Lê được ký kết thì Hạm Đội bấy giờ mới có được một số chiến hạm tạm rảnh tay với công tác tuần dương, cho nên thành phần của hải đội đặc nhiệm đã gồm các chiến hạm khiếm dụng hoặc tạm hoãn biệt phái cho Bộ Tư Lệnh Hành Quân Biển, trong công tác</p>	<p>In parallel with the offshore oil exploration was the South Vietnamese government's plan of stationing troops on those vacant islands in the Spratlys. The Republic of Vietnam Navy took the initiative in carrying out this plan. It was the result of a naval exercise at the beginning of the summer of 1973 initiated by Navy Captain Nguyễn Xuân Sơn, Fleet Forces Commander at the time, and agreed to by the Republic of Vietnam Navy Headquarters. The Fleet Forces Commander gave me, as Commander of Cruiser & Destroyer Group (Task Group III), the responsibility of organizing a naval task force, planning the naval exercise as well as a survey of the Spratly Islands. After the Paris peace agreements were signed in November 1972, the Republic of Vietnam Navy Fleet began to have a number of surface combatants free from coastal patrol. As a result, the surface combatants assigned to my Cruiser &</p>

tuần phòng cận và viễn duyên. Vào những năm chiến tranh sôi động thì các chiến hạm lớn hay nhỏ không thuộc loại chuyên chở đều phải thay phiên nhau tham dự công tác tuần dương hay tuần duyên hoặc đảm trách một vài nhiệm vụ yểm trợ hải pháo tùy theo nhu cầu trong vùng công tác. Bởi vậy sự hoạt động của các chiến hạm theo từng phân đoàn hay hải đoàn ít khi được thực hiện và có thể nói là gần như không có, và nếu có thì thời gian hoạt động rất hạn hẹp. Cũng cần lạm bàn thêm tại đây là cuộc chiến tranh tiểu trừ cộng sản trong nội địa đã phải cần sự tham dự của các đơn vị Hải Quân rất nhiều vì hệ thống sông ngòi và kinh rạch từ Cửa Việt vào miền Nam qua mũi Cà Mau cho đến Kinh Vĩnh Tế chạy dọc theo biên giới Miền Việt từ Hà Tiên cho tới Châu Đốc.



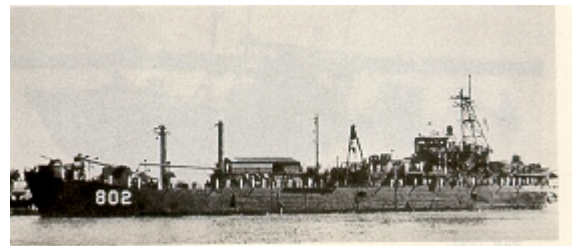
Đảo Sin Cowe và Southwest Cay thuộc Quần Đảo Trường Sa (Reference 5)

Thành phần của Hải Đội đặc nhiệm thao dượt gồm có: 1 Khu Trục Hạm, 3 Tuần Dương Hạm, 1 Trợ Chiến Hạm, 2 Cơ Xưởng Hạm. Cơ Xưởng Hạm HQ 802 (Hạm Trưởng Hải Quân Trung Tá Vũ Quốc Công) là soái hạm của cuộc thao dượt.



Destroyer Group were either available or not yet deployed to the Republic of Vietnam Navy Coastal Warfare Headquarters for coastal or maritime patrol. At the height of the Vietnam War, every large or small ship not for transportation had to by turns either take part in maritime or coastal patrol or be responsible for providing gunfire in support of ground forces ashore in its area of operations if needed. Thus, all of the ships assigned to my group rarely or never had the opportunity to take part in battle group or maritime exercises; it is quite possible to say that the duration of the exercise, if any, was very short. Also, it should be added here that during the war the Republic of Vietnam Navy

- conducted operations against the logistic lines of the Vietnamese Communists along the coast of South Vietnam from Cửa Việt to Cape Cà Mau,
- and extended the control of vital waterways in the Mekong Delta from Kinh Vĩnh Tế, Hà Tiên to Châu Đốc along the Cambodian-Vietnamese land border.

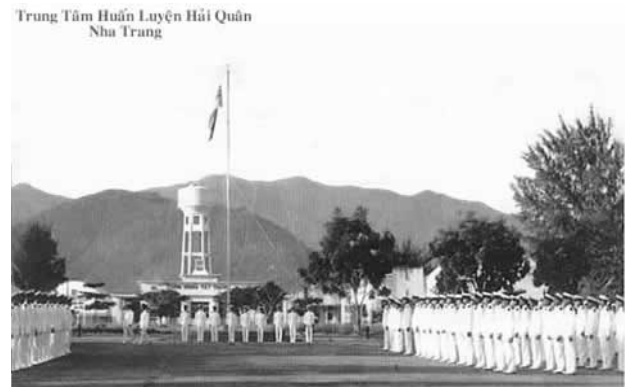


HQ Vinh Long (ARL 802), Republic of Vietnam Navy (Reference 4)

The naval task force consisted of: 1 destroyer (DER), 3 cruisers (WHEC), 1 large landing ship support (LSSL), and 2 modified tank landing ships (ARL and AGP). The landing craft repair HQ Vinh Long (ARL 802) was the flagship of the naval exercise under the command of Republic of Vietnam Navy Commander Vũ Quốc Công.

Cơ Xưởng Hạm HQ Vinh Long (ARL 802), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://upload.wikimedia.org/wikipedia/en/thumb/6/6b/RVNS_Vinh_Long_HQ-802.jpg/300px-RVNS_Vinh_Long_HQ-802.jpg}

HQ 801 có chở theo sinh viên sĩ quan của Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang và một vị Hạm Trưởng được tặng phái trên chiến hạm này để huấn luyện về tiếp tế ngoài khơi, vì vậy cuộc thao dượt còn là một môi trường huấn luyện trên đại dương cho các sĩ quan Hải Quân tương lai.

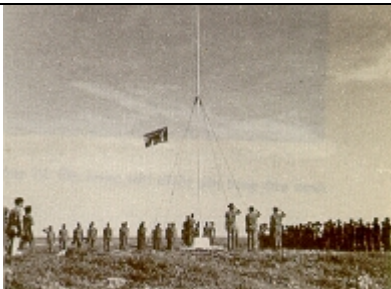


Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstdid=62>}

The patrol craft tender HQ Căn Thơ (AGP 801) carried the midshipmen of the Nha Trang Naval Training Center and a detached commanding officer in charge of training underway replenishment. Thus, the naval exercise also served as a training cruise for to-be-commissioned naval officers.



Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy (Reference 5)



Lễ Thượng Kỳ trên Quần Đảo Trường Sa (Reference 5)

Hải Đội đặc nhiệm thao dượt rời quân cảng Sài Gòn trực chỉ đảo Trường Sa và tới đảo vào một buổi sáng. Thời tiết vào đầu mùa hè đã bắt đầu nóng nên cuộc đổ bộ lên đảo được thực hiện thật sớm vì đảo không có cây tượng đối lớn khả dĩ có thể cho bóng mát để trú nắng. Công tác trên đảo gồm có dựng cờ quốc gia và xây cất một tấm bia vì tấm bia cũ đã không còn thấy, có thể là đã bị các ngư phủ của các quốc gia lân bang khi dừng chân trên đảo đã phá vỡ.



The flag of the Republic of Vietnam on Spratly Island in the Spratlys (Reference 2)

The naval task force departed the port of Saigon for the Spratly Islands and reached its destination one morning. Since the weather at the beginning of the summer was already hot and the islands did not have shade trees big enough to take shelter from the sun, the landing was carried out very early in the morning. Our task was to raise the flag of the Republic of Vietnam on Spratly Island in the Spratlys, building a new stele since the old one was no longer there. The fishermen of Vietnam's neighboring countries could have removed it when making a stop on the island.

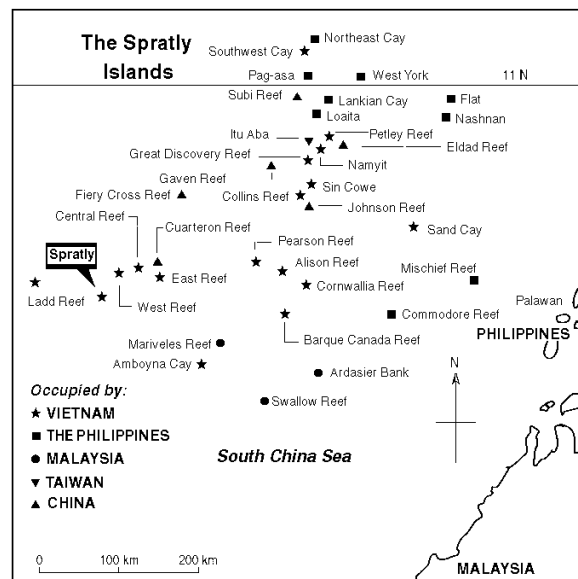
<p>Sau khi đổ bộ lên đảo Trường Sa, hải đội thao dượt trực chỉ đảo Thái Bình, Nam Yết (phía Nam đảo Thái Bình) và đảo Sơn Ca (phía Đông Nam đảo Thái Bình). Đi qua đảo Nam Yết và Sơn Ca, hải đội thao dượt chỉ quan sát đảo chứ không đổ bộ và sau đó tất cả các chiến hạm đã bỏ neo phía Nam đảo Thái Bình. Quân trú phòng của Đài Loan trên đảo đã phải đặt trong nhiệm sở tác chiến, nhưng sau đó họ nhận thấy quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa nên có thể họ đã an tâm. Hải đội đã liên lạc bằng quang hiệu để xin thăm viếng xã giao trên đảo và được sự đồng ý. Phái đoàn do Tư Lệnh Hạm Đội hướng dẫn đã lên đảo vào khoảng gần trưa và đã được Đại Tá Thủy Quân Lục Chiến Chỉ Huy Trường quân trú phòng tiếp đón trong phòng khách của Bộ Chỉ Huy và không có cuộc đi thăm viếng trên hải đảo có thể vì lý do bảo mật của họ.</p>	<p>After landing on Spratly Island, the naval task force headed directly for Itu Aba, Namyit (south of Itu Aba Island), and Sand Cay (southeast of Itu Aba Island). As the naval task force passed by Namyit and Sand Cay Islands, it did not land, making an observation instead. After that, all surface combatants lay at anchor south of Itu Aba Island. Our ships caused the Taiwanese troops on Itu Aba Island to be on the alert; however, they were probably with their minds at peace after they saw the flag of the Republic of Vietnam on our ships. The naval task force did request a social visit via light signal and the request was granted. Around noon our delegation led by the Fleet Forces Commander landed on Itu Aba Island and was warmly received by a Republic of China Marine colonel in command in the reception room of his headquarters. However, due to secret-keeping regulations, we were not given a tour of the island.</p>
<p>Sau khu Thái Bình, Nam Yết, và Sơn Ca, hải đội trực chỉ phía Bắc hướng về hai đảo Song Tử Đông và Song Tử Tây và ghé qua quan sát đảo Loại Ta. Đảo Loại Ta lúc đó đã do quân đội Phi Luật Tân trú đóng, và một chòi canh đơn sơ có thể được quan sát dễ dàng từ bên ngoài. Hai đảo Song Tử Đông và Tây tuy nhỏ nhưng rất gần nhau và có một số cây lớn có thể cho bóng mát.</p>	<p>After Itu Aba, Namyit, and Sand Cay Islands, the naval task force steamed north towards Northeast Cay and Southwest Cay Islands, coming alongside Loaita Island to make an observation of the Republic of Philippines military occupation. We could easily observe a simple watch tower. Although Northeast Cay and Southwest Cay Islands were small, they were next to one another and had a number of big shade trees.</p>
<p>Cuộc thao dượt kéo dài khoảng 1 tuần lễ, trong suốt các hải trình từ đảo này tới đảo khác, các chiến hạm tham dự đã thực tập mọi phương tiện truyền tin từ hiệu kỳ cho đến vô tuyến âm thoại, thực tập các chiến thể phòng không cho đến chống tiềm thủy đình, hộ tống và tiếp tế ngoài khơi.</p>  <p>{http://www.vnafmamn.com/untoldpage/HQVN.N.jpg}</p>	<p>The naval exercise lasted about a week. While the naval task force steamed from island to island, its group of warships practiced all means of communications from flag signal to radio, anti-aircraft and anti-submarine warfare, escort as well as underway replenishment.</p>  <p>{Reference 2}</p>

Sau cuộc thao dượt, vị Tư Lệnh Hạm Đội và tôi đã liên lạc chặt chẽ với Chánh Võ Phòng Thủ Thủ Tướng để xin cho hai chúng tôi được trình bày về quần đảo Trường Sa. Sau khoảng một tuần lễ thì lời thỉnh cầu của chúng tôi được chấp thuận. Hai chúng tôi và một vị Hạ Sĩ Quan (Thượng Sĩ VC Nguyễn Mạnh Hưởng) thuộc phòng hành quân Hải Đội 3 đã đến Phủ Thủ Tướng với đầy đủ sơ đồ và kính chiếu để thuyết trình trong một buổi hội của Hội Đồng Nội Các do chính Thủ Tướng chính phủ Đại Tướng Trần Thiện Khiêm chủ tọa và đồng đủ các vị bộ trưởng. Phần thuyết trình là phần mở đầu của buổi hội vào khoảng 9 giờ sáng. Tư Lệnh Hạm Đội, sau phần trình bày chi tiết địa lý của các hải đảo cũng như sự chiếm đóng đã lâu ngày của Trung Hoa Dân Quốc và Phi Luật Tân, đã mạnh mẽ đề nghị Việt Nam Cộng Hòa phải có sự hiện diện quân sự trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa như: Nam Yết, Trường Sa (Spratly), Song Tử Đông và Song Tử Tây, v.v.. Đề nghị của Hải Quân đã được toàn thể nội các tán đồng ngay mà không có thắc mắc nào được đưa ra thêm để bàn cãi. Sau phần trình bày phái đoàn Hải Quân rút ra khỏi phòng hội để hội đồng nội các thảo luận tiếp sang các mục khác của buổi hội.




Thượng Sĩ Nguyễn Mạnh Hưởng, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa

After the naval exercise, the Fleet Forces Commander and I coordinated closely with the Prime Minister's Chief of Staff regarding our request for a presentation on the Spratly Islands. The request was granted about a week later. The Fleet Forces Commander, Chief Warrant Officer Nguyễn Mạnh Hưởng of Task Group III Operations Directorate, and I, armed with adequate charts and a projector, gave the presentation at a cabinet meeting presided over by the Prime Minister, the Honorable Trần Thiện Khiêm, and his cabinet ministers in full numbers. The presentation took place around 9 o'clock in the morning since it was the first item on the Prime Minister's cabinet meeting agenda. The Fleet Forces Commander, after his detailed presentation on the geography of the Spratly Islands and the long-time military occupation of the Republic of China and the Republic of Philippines, forcefully proposed that the Republic of Vietnam should have a military presence on such islands as Namyit, Spratly, Northeast Cay, and Southwest Cay, etc ... in the Spratlys. Immediately, the entire cabinet unanimously approved the proposal without any need for further debate. After the presentation, we stepped out of the meeting room so that the cabinet could continue discussing the other items on its meeting agenda.



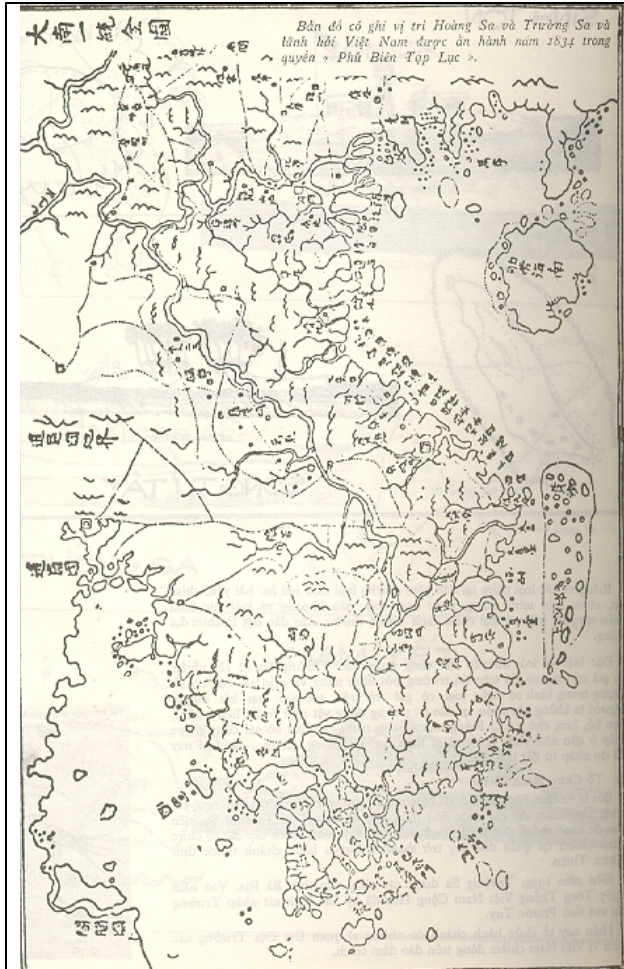
The Spratlys in the East Sea (Reference 1)	
<div data-bbox="224 235 764 583" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="186 588 803 693" data-label="Caption"> <p>HQ Qui Nhơn (LST 504), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (Reference 4). Nhân viên: 110 (7 sĩ quan, 103 thủy thủ)</p> </div> <div data-bbox="186 724 803 1428" data-label="Text"> <p>Sau đó, lệnh từ Bộ Quốc Phòng đã đến Bộ Tổng Tham Mưu, Bộ Tư Lệnh Hải Quân, Cục Công Binh, và Tiểu Khu Bình Tuy để thi hành việc đồn trú quân trên các đảo vùng Trường Sa. Đảo được thực hiện trước nhất là đảo Nam Yết. Tôi được chỉ định là Chỉ Huy Trưởng đầu tiên của cuộc hành quân Trần Hưng Đạo 22 (chỉ số không chắc chắn). Vào cuối tháng 5, khi gió mùa Đông Nam đã nhẹ nhõm, Dương Vận Hạm HQ 504 (Hạm Trưởng Hải Quân Thiếu Tá Vũ Hữu San) khởi hành từ cầu Tự Do, với khoảng một trung đội công binh, xuống cao su và vật liệu xây cất doanh trại cho một trung đội công binh. Sau gần 36 giờ hải hành, việc đổ bộ công binh và vật liệu xây cất cũng như nước ngọt lên đảo rất mỹ mãn và công tác xây cất được khởi sự ngay. Sau vài ngày thì có thêm Khu Trục Hạm Trần Khánh Dư HQ 4 (Hạm Trưởng Hải Quân Thiếu Tá Nguyễn Quang Tô) tới tăng cường.</p> </div> <div data-bbox="191 1465 797 1869" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="186 1873 803 1900" data-label="Caption"> <p>HQ Trần Khánh Dư (DER 4), Hải Quân Việt</p> </div>	<div data-bbox="868 235 1388 1008" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="820 1012 1437 1123" data-label="Caption"> <p>Captain Hà Văn Ngạc, Republic of Vietnam Navy (Reference 2) Commander, Operation Trần Hưng Đạo 22</p> </div> <div data-bbox="820 1150 1437 1858" data-label="Text"> <p>After that, the Ministry of Defense issued its order to the Office of the Joint Chiefs of Staff, the Republic of Vietnam Navy Headquarters, the Army Corps of Engineers, and Binh Tuy province to carry out the plan of stationing troops on the Spratly Islands. Namyit Island was our first task. I was appointed the first commander of Operation Trần Hưng Đạo 22 (I no longer remember the number). Near the end of the month of May, when the southeasterly monsoon began to blow very lightly, the tank landing ship HQ Qui Nhơn (LST 504), under the command of Navy Lieutenant Commander Vũ Hữu San, left Freedom Pier with a platoon of army engineers, rubber boats, and building materials for barracks construction. A few days later, HQ Trần Khánh Dư (DER 4) under the command of Navy Lieutenant Commander Nguyễn Quang Tô arrived as reinforcements.</p> </div>

<p>Nam Cộng Hòa (Reference 2). Nhân viên: 170</p>  <p>HQ 4 - Khu Trục Hạm Trần Khánh Dư - DER</p> <p>HQ Trần Khánh Dư (DER 4), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://hqvnch.net/default.asp?id=529&lstid=62}</p>	 <p>TRUNG TÁ VŨ HỮU SAN</p> <p>HẠM TRƯỞNG HQ-4</p> <p>Commander Vũ Hữu San, Republic of Vietnam Navy (Reference 7)</p>
<p>Trong thời gian xây cất, Thủy Quân Lục Chiến của Trung Hoa Dân Quốc ở đảo Thái Bình có gửi một xuồng khoảng 3 người xuống gần tới các chiến hạm và khi nhận dạng được thì họ quay đầu về và sau đó không có hành động gì khác.</p>	<p>During the construction, the Republic of China Marine troops on Itu Aba Island sent a 3-men boat towards our ships and when they identified us, they turned around and after that took no action.</p>
 <p>Lễ Thượng Kỳ Việt Nam Cộng Hòa trên Đảo Namyit (Reference 6)</p> <p>Công cuộc xây cất doanh trại được hoàn tất trong vòng hơn 2 tuần lễ và một lễ thượng kỳ đã được tổ chức long trọng trên đảo với nhân viên hải quân, công binh và địa phương quân trú phòng. Một bảng khắc chữ bằng kim loại không rỉ sét (inox) ghi tên cuộc hành quân Trần Hưng Đạo ... và cấp bậc, danh tánh của tôi là Chỉ Huy Trưởng cuộc hành quân cùng ngày tháng đã được gắn trên nền của kỳ đài. Tin từ một cựu chiến hữu Hải Quân còn ở lại</p>	 <p>Captain Hà Văn Ngạc, Republic of Vietnam Navy on Namyit Island in the Spratlys (Reference 6)</p> <p>The construction of barracks was completed within three weeks and a flag raising ceremony was solemnly held on Namyit Island in the presence of naval personnel, army engineers, and regional troops. A stainless steel plate engraved with the date and name of the operation, my name and rank as Officer in Tactical Command (OTC) was fastened into the base of the flagpole. After April 30, 1975, a former Republic of Vietnam naval officer</p>

<p>quê hương cho biết là hình ảnh của bản khắc nói trên đã được Việt Cộng sử dụng ít nhất là một lần trong một cuộc triển lãm tại Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa cũ để chứng minh chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng và Trường Sa.</p>	<p>living in Vietnam discloses that the Vietnamese Communists at least once exhibited a photo of this plate at the former Republic of Vietnam's Naval Training Center in Nha Trang as an evidence of Vietnam's sovereignty over the Parcel and Spratly Islands.</p>
<p>Theo nhiều phân tích gia thì trong thế kỷ 21, vùng Châu Á Thái Bình Dương sẽ trở thành một khu vực kinh tế rất quan trọng của thế giới, cho nên Trung Cộng không những chỉ muốn đạt tới và duy trì vai trò một siêu cường kinh tế mà còn muốn tái diễn một sức mạnh đế quốc của họ trong lịch sử đối với các nước lân bang như là thuộc quốc phải thần phục và triều cống. Trong quá khứ về trước người Trung Hoa không có khả năng để quan tâm tới biển cả nên chỉ phần lớn xâm lăng bằng đường bộ và lực lượng Hải Quân của họ chỉ đủ để bảo vệ vùng ven biển và chống hải tặc hoành hành các vùng cận duyên và các cửa sông. Nhưng vai trò mới của Trung Cộng trong vùng Đông Nam Á về kinh tế cũng như ảnh hưởng về chính trị, cộng thêm với khả năng tối tân của lực lượng hải quân nên Trung Cộng đã đặt nặng vấn đề bành trướng chủ quyền trên mặt biển như một trọng tâm trong tiến trình trở thành một siêu cường trong thế kỷ tới. Cho nên việc hoàn tất cưỡng chiếm toàn quần đảo Hoàng Sa vào năm 1974 bằng một lực lượng hùng hậu về hải lục không quân cũng như quân thủy bộ, và vào các năm sau 1975, các hành động lấn chiếm bằng cách đánh bật lực lượng hải quân Việt Cộng để dành giựt cùng cầm dùi các hải đảo cũng như các bãi đá ngầm trong vùng Trường Sa, đã chứng tỏ là các đường lối của họ đã theo đúng các chỉ đạo chiến lược bá chủ vùng Đông Nam Á.</p>	<p>According to many analysts, the Asia-Pacific region will become a very important economic zone of the world in the 21st century. Hence, Communist China would like to not only attain and maintain its role as an economic superpower but also repeat its past imperialism over its neighboring countries that were once regarded as dependencies owing allegiance and paying tribute to China. In the past, China's military strength was traditionally in land warfare; its naval forces were only strong enough to guard China's coastal zones and oppose pirates plundering the coastal zones and waterways. However, Communist China's new economic and political role in Southeast Asia plus the modern maritime strike capabilities of its naval forces have enabled it to give emphasis to the policy of territorial expansion as the crux of the strategy of becoming a superpower in the upcoming century. Indeed,</p> <ul style="list-style-type: none"> • Communist China's complete control over the Paracel Islands by its large and powerful navy, ground, air forces as well as amphibious troops in 1974 • and in the years after April 30, 1975, Communist China's forcible possession of a few of the islets and reefs in the Spratlys by driving out the Socialist Republic of Vietnam naval forces <p>prove that its military actions follow exactly the strategy of becoming a hegemony in Southeast Asia.</p>
<p>Báo Tuổi Trẻ phát hành ngày 18 tháng 4 năm 1998 tại Sài Gòn có đăng tải cuộc phỏng vấn của Đài Phát Thanh Quốc Tế Pháp (RFI), bà Mônica Sorniliê Giảngdrô (nguyên văn), giáo sư luật Đại Học Đường Paris đã khẳng định là việc Trung Cộng chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa là hoàn toàn trái với luật pháp quốc tế, vì</p>	<p>The Youth published on April 18, 1998 in Sài Gòn featured an interview of the French Radio International (RFI) with Madame Mônica Sorniliê Giảngdrô (textually translated from French), a law professor at Paris University, who asserts that since the Paracel Islands historically belong to Vietnam, Communist</p>

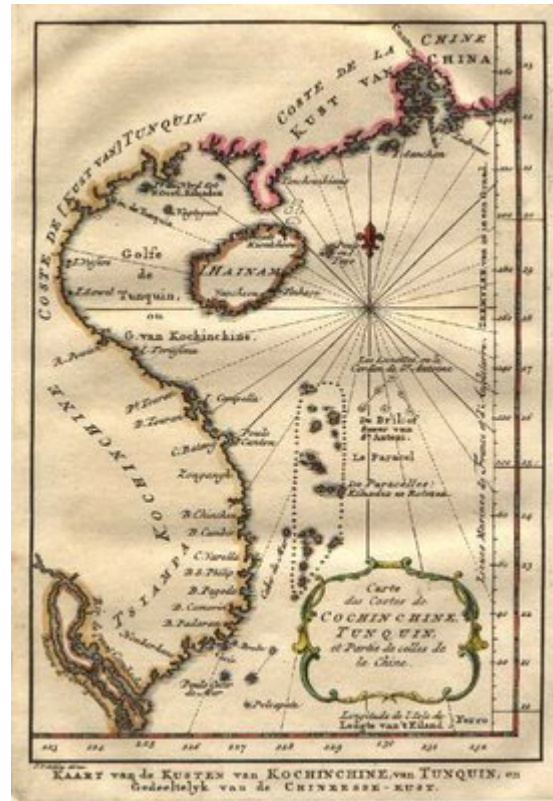
những tài liệu lịch sử cho thấy quần đảo thuộc về Việt Nam. Bà cũng đề cập đến các dẫn chứng lịch sử từ thế kỷ 17 và thời vua Minh Mạng. Về phía Trung Cộng, tuy họ nói có những tài liệu xưa hơn cả tài liệu của Việt Nam, nhưng lại chưa đưa ra được văn bản nào đáng tin cậy để chứng minh. Đài RFI cũng nêu tờ Minh Báo của Hồng Kông (ngày 4 tháng 4 năm 1998) tiết lộ Trung Cộng có kế hoạch biến một đảo thuộc Hoàng Sa thành một trung tâm du lịch như Hawaii với khách sạn và nhà hàng và một giới hữu trách ở đảo Hải Nam xác nhận là trong vài năm tới sẽ bắt đầu tổ chức du lịch trên quần đảo Hoàng Sa. Đài RFI nhận xét kế hoạch này cho thấy Bắc Kinh vẫn không từ bỏ tham vọng lấn chiếm lãnh thổ dần từng bước không những tại biên giới trên bộ mà còn ở vùng biển. Bộ Ngoại Giao Cộng Sản Việt Nam đã kịch liệt lên án kế hoạch này và khẳng định là mọi hành động trái phép của ngoại quốc trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều là sự vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. Cũng nên ghi thêm ở đây là Trung Cộng và Việt Cộng đã có tới 10 vòng hội đàm nhưng vẫn chưa giải quyết xong vấn đề Hoàng Trường Sa và cả biên giới trên bộ. Tuổi Trẻ cũng tố cáo là bằng việc xây cất cơ sở hành chánh và với kế hoạch xây khu du lịch để đón du khách, Bắc Kinh đã sáng tạo ra ảo tưởng là quần đảo này vĩnh viễn thuộc về Trung Cộng. Không những thế, ngày 21 tháng 5 năm 1998 vừa qua Trung Cộng lại thêm một lần nữa xác nhận chủ quyền trên các đảo Trường Sa. Phát ngôn nhân của Bộ Ngoại Giao Trung Cộng nói: Trung Cộng có chủ quyền không thể chối cãi ở Trường Sa và các vùng biển lân cận và còn nói thêm là các tàu Trung Cộng có những hoạt động khảo cứu khoa học bình thường ở vùng nói trên hồi gần đây là vấn đề hoàn toàn nằm trong lãnh hải của họ. Trong khi đó thì Bộ Ngoại Giao của Việt Cộng nói chiếc tàu nghiên cứu khoa học của Trung Cộng đã hoạt động sâu trong thềm lục địa Việt Nam từ tháng 4 năm 1998.

China's occupation of the islands is completely contrary to international law. She cites many historical documents pertaining to the 17th century and the period of the reign of Emperor Minh Mạng. Although Communist China claims its documents are older than those of Vietnam, it has not produced a reliable one to prove its claim. The French Radio International (RFI) also brought up an article in one of Hong Kong daily newspapers (Minh Báo published on April 4, 1998) revealing Communist China's plan to turn an island in the Paracels into a resort area with hotels and restaurants like Hawaii. Additionally, the Chinese authorities on Hainan Island confirmed that within a few years a regular tour of the Paracel Islands would be organized. The French Radio International (RFI) criticized Beijing for not renouncing its ambition to gradually encroach upon territory not only on land but also at sea. The Socialist Republic of Vietnam's Foreign Ministry vehemently denounced this plan and asserted that any unlawful action by any foreign country in the Paracels and Spratlys would be a violation of Vietnam's territorial integrity. It should also be noted here that Communist China and the Socialist Republic of Vietnam have met more than 10 times but not been able to resolve their dispute over the Paracel and Spratly Islands as well as land border. The Youth also accused Beijing of creating an impression that the Paracel and Spratly Islands eternally belong to China by constructing administrative buildings and a resort area. Not only that, on May 21, 1998, Communist China once again confirmed its sovereignty over the Spratly Islands. A spokesperson of China's Foreign Ministry said that China's sovereignty over the Spratly Islands in the East Sea is an irrefutable fact, and that its vessels recently conducting normal scientific research in the vicinity were completely within China's territorial waters. On the contrary, the Socialist Republic of Vietnam's Foreign Ministry stated that the Chinese scientific research vessels had been operating deep inside Vietnam's territorial waters since April 1998.





Bản Đồ Có Ghi Vị Trí Hoàng Sa (the Paracels), Trường Sa (the Spratlys) Và Lãnh Hải Việt Nam Được Ấn Hành Năm 1834 Trong Quyển "Phủ Biên Tạp Lục" (Reference 5) – This 19th Unified Đại Nam Map found in the National History Book of the Nguyen Dynasty indicates that the Paracel and Spratly islands belonged to Vietnam

Mặc dầu Việt Nam và Trung Cộng đã có hơn 10 cuộc thương thảo về chủ quyền các hải đảo và lần cả biên giới trên bộ, nhưng đến nay vẫn chưa có một kết quả cụ thể nào và đương nhiên chúng ta sẽ còn thấy nhiều phen gay go xảy ra giữa Việt Nam và Trung Cộng trong tương lai nhất là Việt Nam và Thái Lan đã chia phần biển để tìm kiếm dầu trong vịnh Thái Lan, sau khi đã đạt tới một sự thỏa thuận về lần ranh khai thác trên mặt biển.

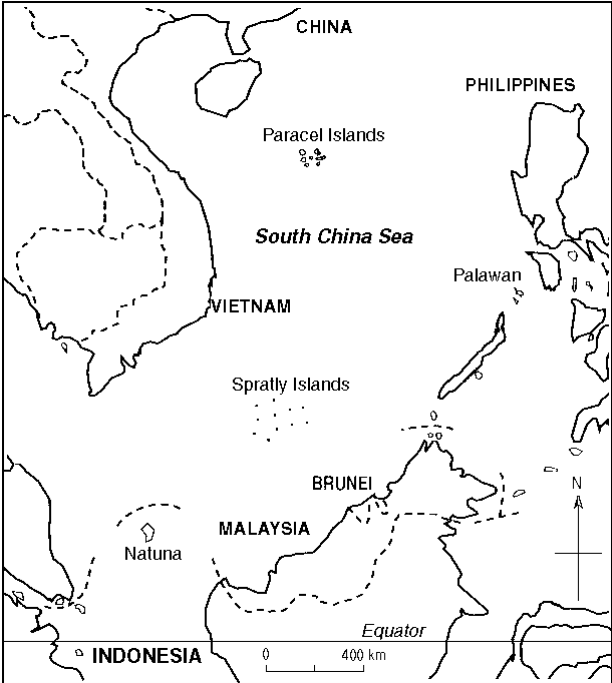
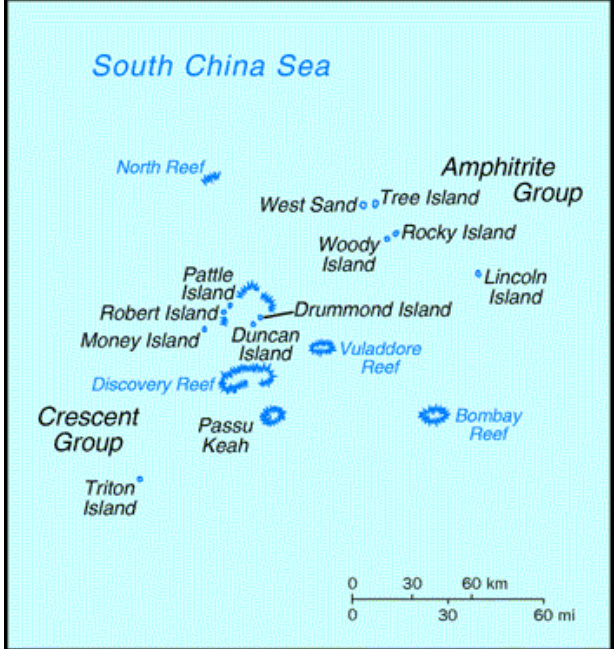


The Map of Vietnam drawn in 1754 showing both Parcel and Spratly archipelagos as parts of Vietnam
 {http://bp0.blogger.com/_NEenBLhxqVCK/R4zudkI0x9I/AAAAAAAAAPU/72IMvu8HwKg/s1600-h/ban+do+1754+VN.jpg}





Although the Socialist Republic of Vietnam conferred with Communist China more than 10 times in order to reach an agreement regarding the sovereignty over the Paracel and Spratly Islands and the Sino-Vietnamese land border, so far both sides have not reach any specific agreements. As a result, we expect to see more brief conflicts between the two countries in the near future, especially after the Socialist Republic of Vietnam and Thailand come to an agreement on the partitioning of the Gulf of Thailand for oil exploration.

 <p>Hà Văn Ngạc Grapevine, Texas, U.S.A. June 15, 1998</p>	 <p>English translation by Hà Mạnh Chi Grapevine, Texas, U.S.A. The 1999 Vietnamese New Year of the Cat</p>
<p>Tài Liệu Tham Khảo</p>	<p>References</p>
<ol style="list-style-type: none"> Hà Văn Ngạc, "Những Diễn Biến Đưa Tới Trận Hải Chiến Hoàng Sa", Lướt Sóng, số 35, ngày 26 tháng 9 năm 1998, Bạch Đằng, P.O. Box 21997, San Jose, California 95151-1997, U.S.A., pp. 92-102, webmaster@vietnamnavy.com, http://www.vietnamnavy.com. 	<ol style="list-style-type: none"> http://www.lib.utexas.edu/Libs/PCL/Map_collection. "Số Đặc Biệt Về Hoàng Sa", Hội Cựu Quân Nhân Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, tháng 6, 1974. Vũ Hữu San, Địa Lý Biển Đông Với Hoàng-Sa Và Trường-Sa - Eastern Sea Geography And Paracel, Spratly Archipelagoes, Ủy-Ban Bảo-Vệ Sự Ven-Toàn Lãnh-Thổ Việt-Nam, 44120 Old Warm Spring Blvd., Fremont, California 94538, U.S.A., 1995. Jane's Fighting Ships 1960-1969 and 1970-1979, http://www.janes.com/company/catalog99/fightingships.html. "Lướt Sóng - Ngày Hải Quân 1974", Tiếng Nói Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (courtesy of Commander Richard R. Ward, U.S. Navy (Retired), Pembroke, Massachusetts, U.S.A.). Hà Văn Ngạc, "Những Diễn Biến Đưa Tới Trận Hải Chiến Hoàng Sa", Lướt Sóng, số 35, ngày 26 tháng 9 năm 1998, Bạch Đằng, P.O. Box 21997, San Jose, California 95151-1997, U.S.A., pp. 92-102, webmaster@vietnamnavy.com, http://www.vietnamnavy.com. Trần Đỗ Cẩm, "Trận Hải Chiến Tại Quần Đảo Hoàng Sa 19/1/1974 (Phần 1, 2, & 3)", Đoàn Kết Monthly Magazine, 4005 Pebble Path, Austin,

	Texas 78731, U.S.A., http://doanket.orgfree.com .
	Acknowledgement
	I am indebted to the Hà family of Grapevine, Texas and of Irvine, California, U.S.A. for their encouragement, support, and love that made the English translation possible.

<h2 style="text-align: center;">Tường-Thuật Trận Hải-Chiến Lịch-Sử Hoàng-Sa</h2>	<h2 style="text-align: center;">The 1974 Naval Battle for the Paracels between the Navies of the Republic of Vietnam and the People's Republic of China</h2>
<h3 style="text-align: center;">1. Đôi Lời Trước Khi Viết</h3>	<h3 style="text-align: center;">1. Foreword</h3>
 <p>Quần Đảo Hoàng Sa ở Biển Đông (Reference 1)</p>	 <p style="text-align: center;">The Paracels (Reference 1)</p>
<p>Đã 25 năm kể từ ngày tôi tham-dự trận hải-chiến Hoàng-Sa, tôi chưa từng trình bày hay viết mô-tả lại về trận đánh này, ngay cả có nhiều lần tôi đã thất hứa với các bậc tiên-sinh yêu-cầu tôi thuật lại chi-tiết của cuộc đụng-độ. Dù thắng hay bại, chỉ có một điều duy-nhứt không thể chối cãi được là các chiến-hữu các cấp của Hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa trong</p>	<p>It has been 25 years since I took part in the Naval Battle for the Paracels between the Republic of Vietnam Navy and the Chinese Navy. I have never spoken or written about this battle, even on many occasions breaking my promise to the former senior officers of the Republic of Vietnam Navy requesting me to give a detailed account of the naval skirmish. Whether they were victors or vanquished, it is an irrefutable fact that the officers and enlisted</p>

<p>trận hải-chiến đã anh-dũng chiến-đấu bằng phương-tiện và kinh-nghiệm có trong tay để chống lại một kẻ xâm-lãng truyền-kiếp của dân-tộc hầu bảo-vệ lãnh-thổ của Tổ-quốc. Trước một thù-địch có sức mạnh gấp bội, dù cuộc-chiến có hạn-chế hay kéo dài hoặc mở rộng, phần cuối là chúng ta vẫn phải tạm lùi bước trước các cuộc cường-tập của đối-phương để tìm-kiếm một cơ-hội thuận-tiện khác hầu khôi-phục lại phần đất đã bị cưỡng-chiếm.</p>	<p>personnel of the Republic of Vietnam Navy in the naval battle used their experience and whatever means in their hands to fight valiantly against Chinese invasion in order to preserve the territorial integrity of their motherland. Whether or not we wanted the battle to be prolonged, limited or escalated to a regional conflict, in the final analysis, the Republic of Vietnam Navy had to temporarily give way to the Chinese forces' barrage of assaults in order to wait for another opportunity to reconquer the occupied territory.</p>
<p>Hôm nay nhân ngày Tết Kỷ-Mão, tôi viết những giòng này để tưởng-niệm anh-linh các liệt-sĩ đã hy-sinh khi cùng tôi chiến-đấu chống kẻ xâm-lãng trên các mảnh đất xa vời của Quốc-Tổ, một số đã vĩnh-viễn nằm lại trong lòng biển Hoàng-Sa như để thêm một chứng-tích lịch-sử của chủ-quyền quốc-gia, một số khác đã bỏ mình trên biển cả khi tìm đường thoát khỏi sự tàn-bạo của người phương Bắc.</p>	<p>Today, on the occasion of the 1999 lunar New Year of the Cat (year of the Cat), I write the following lines in hallowed memory of those naval heroes who laid down their lives defending our country's faraway territory. Some rested eternally in the shallow part of the Paracel Islands as an additional historical evidence of our national sovereignty. Others lost their lives at sea escaping the cruel Chinese Communist aggressors.</p>
<p>Có nhiều chiến-hữu Hải-quân đã từng hăng-say viết lại một trang-sử oai-hùng của Hải-quân và toàn Quân-lực Việt-Nam của nền Đệ-Nhị Cộng-Hòa, nhưng đã thiếu-xót nhiều chi-tiết chính-xác mà vào những năm trước 1975 chưa được phép phổ-biến, và cũng vì phải lưu-lạc khắp thế-giới tự-do nên các chiến-hữu đó đã không thể liên-lạc để tham-khảo cùng tôi.</p>	<p>Many Navy veterans of the battle were so eager to write awe-inspiring history's pages about the Republic of Vietnam Navy and the Republic of Vietnam armed forces that they unfortunately left out many accurate details. Either these veterans were not allowed to publish classified information before April 30, 1975 or they were not able to consult with me because of their wandering around the free world after April 30, 1975.</p>
<p>Nhiều chi-tiết về giờ-giấc và về vị-trí bạn và địch, cũng như tên họ của các cấp có liên-hệ tới biển cả, vì không có tài-liệu truy-lục, nên chỉ có thể viết vào khoảng gần đúng nhất. Tôi chỉ tưởng-thuật trung-thực những chi-tiết theo khía-cạnh của một người chỉ-huy chiến-thuật được biết và cũng mong-mỏi các chiến-hữu nào còn có thể nhớ chắc-chắn các chi-tiết quan-trọng khác, tôi sẽ sẵn-sàng tiếp-nhận qua tòa-soạn này, để sửa lại tài-liệu này cho đúng.</p>	<p>Since I do not have any reference materials at hand, many details about the hours of the battle, enemy position and our position, as well as the names and ranks of those naval officers connected with the battle are only approximate. Here, I try to truthfully give a detailed account of the battle from the point of view of an Officer in Tactical Command (OTC), and I hope that whoever may still exactly remember other important details will come forward to help me revise this historical document.</p>

 <p>Hà-Văn-Ngạc Grapevine, Texas, U.S.A.</p>	 <p>English translation by Hà Mạnh Chí Grapevine, Texas, U.S.A.</p>
<p style="text-align: center;">2. Sơ Lược</p>	<p style="text-align: center;">2. Overview</p>
<p style="text-align: center;">Tân xuân Giáp-Dần Hoàng-Sa-chiến Nam-ngư hải-ngoại huyết lưu hồng</p>	<p style="text-align: center;">"Tân Xuân Giáp Dần Hoàng Sa chiến Nam ngư hải ngoại huyết lưu hồng"</p>
<p>Hai câu thơ với lối hành-văn vận theo sấm Trạng-Trình đã được truyền-khẩu rất nhanh khi Hải-đội Đặc-nhiệm Hoàng-Sa trở về tới Đà-nẵng vào sáng sớm ngày 20 tháng 4 năm 1974. Và câu thơ này do chính Hải-quân Đại-Tá Nguyễn-Việt-Tân (thủ-khoa Khóa 5 của tôi) lúc đó đang giữ chức-vụ Chỉ-huy-trưởng Sở Phòng-Vệ Duyên-hải, đọc cho tôi nghe. Từ ngày đó tới nay đã đúng 25 năm, và do sự khuyến-khích của các bậc thượng-trưởng của Hải-quân Việt-Nam, những chi-tiết về diễn-tiến chưa từng tiết-lộ của trận hải-chiến cần được ghi lại để làm chứng-liệu lịch-sử.</p>	<p>The two Vietnamese verses above long predicted that a bloody naval skirmish between the South Vietnamese Navy and a foreign invader would take place at the Paracel Islands in the East Sea near the end of the lunar calendar year of 1973 (year of the Buffalo). The verses whose style rhymed according to the book of prophecies of the well-known Vietnamese prophet, Trạng Trình, were quickly transmitted by word of mouth when my task force returned to the naval port of Đà Nẵng, Coastal Zone I Headquarters, in the early morning hours of January 20, 1974. These two verses were read to me by Navy Captain Nguyễn Việt Tân (the top graduate of my 1955 class at the Nha Trang Naval Training Center) who at the time was Commander, Coastal Security Service. Since then it has been exactly 25 years, and with the encouragement of former ranking officers of the Republic of Vietnam Navy, many details about the naval battle never revealed before are written down in this document for the sake of history.</p>
 <p style="text-align: center;">Vietnam (Reference 1)</p>	 <p>Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {http://www.vnafmamn.com/NAVYphoto/VN_navy7.jpg}</p>

<p>Sau trận hải-chiến, những ưu và khuyết điểm về chiến-thuật và chiến-lược của Hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa đến nay nếu nêu ra thì sẽ không còn một giá-trị thực-tiến nào để có thể làm những bài học cho những biến-cổ kế-tiếp. Vì vậy một vài điều nếu có nêu ra tại đây thì chỉ để ghi lại tình-trạng và khả-năng khi Hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa khi đã phải đương đầu với Trung-cộng, là một quốc-gia vào thời-điểm đó, đã sẵn có một lực-lượng hùng-hậu về hải-lục-không-quân gấp bội của Việt-Nam Cộng-Hòa.</p>	<p>After the naval battle, good and bad points about the tactics, as well as strategies of the Republic of Vietnam Navy, if brought up, will not serve any practical purpose as valuable lessons for future conflicts. Therefore, a few points considered worthy to be brought up here concern only the status and war-fighting capability of the Republic of Vietnam Navy at the time of its confrontation with Communist China whose naval, ground, and air forces were larger and more powerful.</p>
<p>Một điểm hãnh-diện cho Hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa lúc bấy giờ là đã không những phải sát-cánh với lực-lượng bạn chống lại kẻ nội-thù là cộng-sản miền bắc trong nội-địa, lại vừa phải bảo-vệ những hải-đảo xa-xôi, mà lại còn phải chiến-đấu chống kẻ xâm-lãng, đã từng biết bao lần dầy xéo đất nước trong suốt lịch-sử lập-quốc và dành quyền độc-lập của xứ sở. So-sánh với các cuộc hành-quân ngoại-biên vào các năm 1970-71 của Quân-lực VNCH sang đất Kampuchia (Cambodia) và Hạ-Lào, thì quân-lực ta chỉ chiến đấu ngang ngửa với cộng-sản Việt-Nam ẩn náu trên đất nước láng-giềng mà thôi. Phải thành-khẩn mà nhận rằng Hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa ngoài nội-thù còn phải chống ngoại-xâm mà đã rất khó tiên-liệu để chuẩn-bị một cuộc chiến chống lại một lực-lượng hải-quân Trung-cộng tương-đối dồi-dào hơn cả chúng ta về phẩm cũng như lượng. Hải-quân Việt-Nam ta đã có những gánh nặng về hành-quân để yểm-trợ lực-lượng bạn và hành-quân ngăn-chặn các vụ chuyển-quân lén-lút của Việt-cộng qua biên-giới Miên-Việt trong vùng sông ngòi cũng như các vụ tiếp-tế quân-dụng của chúng vào vùng duyên-hải.</p>	<p>At that time, the Republic of Vietnam Navy prided itself on the task of not only fighting side by side with the other services of the Republic of Vietnam armed forces against the North Vietnamese Communists inland, but also defending faraway islands against a conqueror who many times throughout the history of our nation had trampled on our native soil. In comparison with the 1970-1971 operations of the Republic of Vietnam Army in Kampuchea (Cambodia) and Laos where our troops fought evenly against North Vietnamese forces hiding in these neighboring countries, I frankly admit this was not the case with the Republic of Vietnam Navy. It would be very difficult for the Republic of Vietnam Navy, whose mission was to defeat Communist aggression internally and deter foreign invasion externally, to foresee how to prepare to defend evenly against the Chinese Navy that was relatively superior in terms of quality as well as quantity. During the Vietnam war, the Republic of Vietnam Navy shouldered the responsibility for:</p> <ul style="list-style-type: none"> • providing gunfire from destroyers and cruisers in support of forces ashore • interdicting infiltration routes from Cambodia into the Mekong Delta • and conducting operations against the logistic lines of the North Vietnamese Army along the coast of South Vietnam
<p>Trước khi đi vào chi-tiết của trận hải-chiến lịch-sử này, chúng ta thử nhắc sơ-lược lại cấu-trúc nhân-sự của thượng-tầng chỉ-huy và của các đơn-vị tham-chiến của Hải-quân vào lúc biến-cổ:</p>	<p>Before recounting the naval battle in every detail, let's take a look at the Republic of Vietnam Navy's chain of command and the surface combatant force taking part in the battle:</p>



1/ Tư-Lệnh Hải-Quân: Đề-Đốc Trần-Văn-Chơn (Reference 6)



1/ Rear Admiral Trần Văn Chơn, Chief of Naval Operations, Republic of Vietnam Navy



2/ Tư-Lệnh-Phó Hải-Quân: Phó Đề-Đốc Lâm-
Ngươn-Tánh
{<http://members.tripod.com/~nguyentinh/tanh.jpg>}



2/ Commodore Lâm Ngươn Tánh, Vice Chief of Naval Operations, Republic of Vietnam Navy

3/ Commodore Diệp Quang Thủy, Chief of Staff, Republic of Vietnam Navy

4/ Captain Nguyễn Xuân Sơn, Fleet Forces Commander, Republic of Vietnam Navy



5/ Commodore Hồ Văn Kỳ-Thoại, Commander in Chief, Coastal Zone I, Republic of Vietnam Navy {<http://www.hovanky.com/cantruong/>}



3/ Tham-Mưu-Trưởng Hải-Quân: Phó Đề-Đốc Diệp-Quang-Thủy
{<http://members.tripod.com/~nguyentin/thuy.jpg>}

4/ Tư-Lệnh Hạm-Đội: HQ Đại-Tá Nguyễn-Xuân-Sơn



5/ Tư-Lệnh HQ Vùng 1 Duyên-Hải: Phó Đề-Đốc Hồ-Văn Kỳ-Thoại
{<http://www.hovanky.com/cantruong/>}



6/ Captain Hà Văn Ngạc, Republic of Vietnam Navy (Reference 2), Commander, Cruiser & Destroyer Group (Task Group III)/Task Force Parcel



7/ Commander Vũ Hữu San, Commanding Officer, HQ Trần Khánh Dư (DER 4), Republic of Vietnam Navy (Reference 8)



8/ Commander Phạm Trọng Quỳnh (right), Commanding Officer, HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), Republic of Vietnam Navy (Reference 8)

6/ Chỉ-Huy-Trưởng Hải-Đội Tuần-Dương (Hải-Đội 3) và là sĩ-quan chỉ-huy chiến-thuật trận hải-chiến:HQ Đại-Tá Hà-Văn-Ngạc

7/ Hạm-Trưởng Khu-Trục-hạm HQ 4: HQ Trung-Tá Vũ-Hữu-San

8/ Hạm-Trưởng Tuần-Dương-Hạm HQ 5: HQ Trung-Tá Phạm-Trọng-Quỳnh

9/ Hạm-Trưởng Tuần-Dương-Hạm HQ 16: HQ Trung-Tá Lê-Văn-Thự

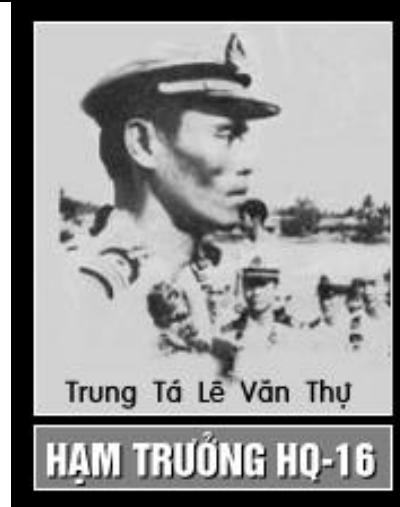


10/ Hạm-Trưởng Hộ-Tổng-Hạm HQ 10: HQ Thiếu-Tá Ngụy-Văn-Thà (truy-thăng HQ Trung-Tá)

{<http://hoangsa74.tripod.com/images/image022.jpg>}



11/ Trưởng toán Hải-Kích Đổ-Bộ: HQ Đại-Uý Nguyễn-Minh-Cảnh (Hình chụp ngày 19 tháng 1 năm 2008 tại Santa Ana, California, USA) – Former Lieutenant Nguyễn Minh Cảnh, Republic of Vietnam Navy, in Santa Ana, California, USA on January 19, 2008





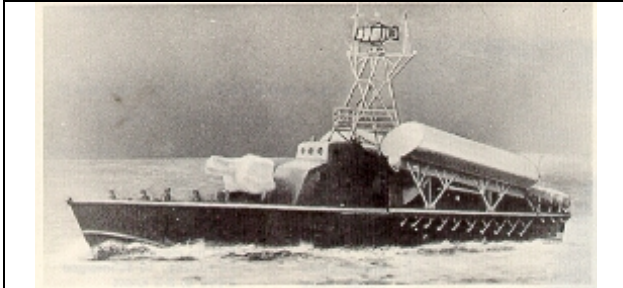
9/ Commander Lê Văn Thự, Commanding Officer, HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16), Republic of Vietnam Navy (Reference 8)






10/ Lieutenant Commander Ngụy Văn Thà (promoted to Commander posthumously) (Reference 5), Commanding Officer, HQ Nhật Tảo (MSF 10), Republic of Vietnam Navy (Reference 3)

11/ Lieutenant Nguyễn Minh Cảnh, Team Leader, Amphibious Assault Team, Republic of Vietnam Navy (Reference 5)

HQ is for Hải Quân, meaning "Navy"

3. Lý-Do Tôi Đã Có Mặt Tại Hoàng-Sa	3. The Reason For My Presence At The Paracel Islands								
<p>Rất nhiều chiến-hữu trong Hải-quân đã không rõ nguyên-cớ nào mà tôi đã có mặt để đích-thân chỉ-huy tại chỗ trận hải-chiến Hoàng-Sa. Sự có mặt của tôi bắt nguồn từ khi tôi được Hội-đồng Đô-đốc chỉ-định tôi tăng-phái cho Vùng I duyên-hải khoảng từ cuối năm 72 đầu 1973. Lý do tăng-phái của tôi đến Vùng I duyên-hải tôi không được biết trước cho đến khi tôi tới Quân-Khu 1, tôi mới được biết nhiệm-vụ chính của tôi là chuẩn-bị một trận thư-hùng giữa Hải-quân VNCH và hải-quân Bắc-Việt mà lúc đó, tin tình-báo xác-nhận là cộng-sản đã được viện-trợ các cao-tốc-đỉnh loại Komar của Nga-sô trang-bị hỏa-tiến hải-hải (surface to surface). Vào thời-gian đó Hải-quân VNCH chỉ có khả-năng chống-đỡ thụ-động loại vũ-khí này. Cuộc hải-chiến tiên-liệu có thể xảy ra khi lực-lượng hải-quân cộng-sản tràn xuống để hỗ-trợ cho quân-bộ của chúng khi chúng muốn tái-diễn cuộc cường-tập xuất-phát từ phía bắc sông Bến-Hải như vào ngày cuối tháng 3 năm 1972 để khởi phát các cuộc tấn-công suốt mùa hè đỏ lửa 1972.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div data-bbox="305 1171 695 1360">  </div> <div data-bbox="181 1369 805 1476"> <p>Cao-Tốc-Đỉnh Komar {http://img106.imageshack.us/img106/8690/komarsidece6.jpg}</p> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div data-bbox="228 1507 761 1766">  </div> <div data-bbox="181 1768 805 1875"> <p>Cao-Tốc-Đỉnh Komar {http://users.qld.chariot.net.au/~dialabull/Up%20Top_files/Komar.jpg}</p> </div> </div>	<p>Not many comrade-in-arms in the Republic of Vietnam Navy clearly knew the reason for my personal command of the naval battle. The authority to command originated from my nomination by the Board of Admiralty for a special duty in Coastal Zone I between the end of 1972 and the beginning of 1973. I had not learned of the reason for my special duty until I arrived at the headquarters of Coastal Zone I in Đà Nẵng where I became aware of my main responsibility which was to prepare for a fight to the death between the Republic of Vietnam Navy and the North Vietnam Navy. Intelligence sources confirmed that the North Vietnam Navy had received from the Soviet Union Komar-class guided missile boats carrying subsonic Styx anti-ship missiles. At the time, all surface combatants of the Republic of Vietnam Navy's war-fighting fleet had only a defensive capability against these Styx anti-ship missiles. It was anticipated that this naval battle would take place when the North Vietnamese Navy began to flood into the coast of South Vietnam in support of the North Vietnamese Army ashore trying to repeat its stunning offensive from the north of the Bến Hải River between the end of March 1972 and the end of the summer of 1972.</p> <div style="display: flex; justify-content: center; align-items: center;"> <div data-bbox="829 1339 1448 1625">  </div> </div> <table border="1" data-bbox="829 1625 1448 1875"> <tr> <td colspan="2">KOMAR-class Fast Attack Craft-Missile (Reference 3)</td> </tr> <tr> <td>Displacement, tons</td> <td>70 standard; 80 full load</td> </tr> <tr> <td>Dimensions, feet (metres)</td> <td>83.7 x 19.8 x 5 (25.5 x 6 x 1.8)</td> </tr> <tr> <td>Guns</td> <td>Two 25-mm anti-</td> </tr> </table>	KOMAR-class Fast Attack Craft-Missile (Reference 3)		Displacement, tons	70 standard; 80 full load	Dimensions, feet (metres)	83.7 x 19.8 x 5 (25.5 x 6 x 1.8)	Guns	Two 25-mm anti-
KOMAR-class Fast Attack Craft-Missile (Reference 3)									
Displacement, tons	70 standard; 80 full load								
Dimensions, feet (metres)	83.7 x 19.8 x 5 (25.5 x 6 x 1.8)								
Guns	Two 25-mm anti-								

		aircraft (AA) (1 twin forward)							
	Surface missiles	2 "Styx" type launchers							
	Main engines	Diesels; 2 shafts; 4800 bhp							
	Speed, knots	40							
<p>Tôi lưu lại Vùng I duyên-hải chừng hai tuần lễ hầu nghiên-cứu để thiết-kế. Kế-hoạch chính của cuộc hải-chiến này là xử-dụng nhiều chiến-hạm và chiến-đỉnh (WPB và PCF) để giảm bớt sự thiệt-hại bằng cách trải nhiều mục-tiêu trên mặt biển cùng một lúc. Song-song với việc này là các chiến-hạm và chiến-đỉnh phải xử-dụng đạn chiếu-sáng và hỏa-pháo cầm-tay như là một cách chống hỏa-tiến thụ-động. Ngoài ra Hải-quân cũng cần đặt ra sự yểm-trợ của pháo-binh của Quân-đoàn I để tác-xạ ngăn-chặn và tiêu-diệt lực-lượng hải-quân cộng-sản tại phía bắc Cửa Việt trước khi họ tràn xuống phía nam để đủ tầm phóng hỏa-tiến.</p>	<p>I stayed at the headquarters of Coastal Zone I roughly two weeks in order to work out a defense plan. The plan called for dispersing widely and simultaneously at sea various ships and small craft such as Patrol Boat (WPB) and Patrol Craft (PCF) in order to cut down casualties. In addition to this spread formation, many ships and small craft had to utilize flare and chaff as a passive means against the Styx anti-ship missile. In addition, the Republic of Vietnam Navy was to receive artillery support from the I Corps Tactical Zone in order to annihilate the North Vietnamese naval forces north of the Cửa Việt before their southward movement along our coast brought our ships and small craft within the range of their Styx anti-ship missile.</p>								
									
<p>Tuần Duyên Đỉnh (WPB), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa</p>	<p>Patrol Boat (WPB), Republic of Vietnam Navy (Reference 3). Former US Coast Guard 82-ft Point-class patrol boats (designated WPB); actual length is 83 feet overall. Transferred to South Vietnamese Navy in 1969 and 1970.</p>								
	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="818 1570 1143 1644">Displacement, tons</td> <td data-bbox="1143 1570 1455 1644">64 standard; 67 full load</td> </tr> <tr> <td data-bbox="818 1644 1143 1688">Dimensions, feet</td> <td data-bbox="1143 1644 1455 1688">83 x 17.2 x 5.8</td> </tr> <tr> <td data-bbox="818 1688 1143 1829">Guns</td> <td data-bbox="1143 1688 1455 1829">One 81-mm/50-cal MG; two to four 50-cal MG or one 20-mm</td> </tr> <tr> <td data-bbox="818 1829 1143 1894">Main engines</td> <td data-bbox="1143 1829 1455 1894">2 diesels; 2 shafts; 1200 bhp</td> </tr> </table>	Displacement, tons	64 standard; 67 full load	Dimensions, feet	83 x 17.2 x 5.8	Guns	One 81-mm/50-cal MG; two to four 50-cal MG or one 20-mm	Main engines	2 diesels; 2 shafts; 1200 bhp
Displacement, tons	64 standard; 67 full load								
Dimensions, feet	83 x 17.2 x 5.8								
Guns	One 81-mm/50-cal MG; two to four 50-cal MG or one 20-mm								
Main engines	2 diesels; 2 shafts; 1200 bhp								
<p>Tuần Duyên Đỉnh (WPB), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://www.gdat.org/works/quanluc/hq_wpb.html}</p>									



Duyên Tốc Đỉnh (PCF), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
 {http://www.gdat.org/works/quanluc/hq_pcf.html}



Duyên Tốc Đỉnh (PCF), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
 {http://www.vnafmamn.com/untoldpage/HQ_pcf47.jpg}

Sau khi đã thuyết-trình tại Bộ-Tư-Lệnh Hải-quân Vùng I duyên-hải cùng các Chỉ-huy-trưởng các đơn-vị duyên-phòng và duyên-đoàn, Tư-lệnh HQ Vùng I duyên-hải chấp-thuận kế-hoạch và đưa kế-hoạch lên thuyết-trình tại Bộ-Tư-Lệnh Quân-đoàn I và Quân-Khu I. Buổi thuyết-trình tại BTL/Quân-đoàn I do đích-thân Trung-Tướng Ngô-quang-Trưởng chủ-tọa, ngoài Tư-lệnh HQ Vùng I duyên-hải còn có Đại-Tá Hà-mai-Việt Trưởng Phòng 3 Quân-đoàn, Đại-tá Khiếu-hữu-Diêu, Đại-Tá Nguyễn-văn-Chung Chỉ-huy-trưởng pháo-binh Quân-đoàn và một số rất ít các sĩ-quan phụ-tá. Nhu-cầu yểm-trợ pháo-binh cho cuộc hải-chiến được chấp-thuận ngay và Chỉ-huy-trưởng pháo-binh quân-đoàn hứa sẽ phối-trí pháo-binh, đặc-biệt là pháo-binh 175 ly để thỏa-mãn kế-hoạch của Hải-quân, khi được yêu-cầu.

Speed, knots	16.8
Complement	8 to 10
Patrol Craft (PCF), Republic of Vietnam Navy (Reference 3). Transferred from the U.S. Navy to South Vietnamese Navy from 1968 to 1970.	
Displacement, tons	22.5 full load
Dimensions, feet	50 x 13 x 3.5
Guns	One 81-mm mortar/one 50-cal MG combination; Mount: two 50-cal MG (twin)
Main engines	2 geared diesels (General Motors); 2 shafts; 960 bhp
Speed, knots	28
Complement	6

After my briefing of the defense plan to the commanders of various Coastal Groups and Coastal Patrol Maritime Groups at Coastal Zone I Headquarters, the Commander in Chief of Coastal Zone I approved the plan and asked me to brief it to the headquarters of the I Corps Tactical Zone also in Đà Nẵng. My briefing at the headquarters of I Corps was personally presided over by the I Corps Commander, Lieutenant General Ngô Quang Trưởng. In addition to the Commander in Chief of Coastal Zone I, there were Colonel Hà Mai Việt, I Corps Operations Directorate, Colonel Khiếu Hữu Diêu, Colonel Nguyễn Văn Chung who is I Corps field artillery commander, and a handful of military aides. Artillery support for the naval battle was immediately granted and the field artillery commander promised to coordinate his various 175-mm artillery units to meet the Navy's defense plan when requested.

Kể từ khi được chỉ-định tăng-phái, tôi thường có mặt tại Vùng I duyên-hải mỗi tháng chừng hai tuần tùy theo công-việc của tôi tại Hải-đội, nhưng chưa lần nào Bộ-Tư-lệnh HQ, Bộ-Tư-lệnh Hạm-đội hoặc Vùng I Duyên-hải chỉ-thị tôi phải có mặt trong vùng. Khi có mặt tại vùng tôi thường tìm-hiểu tình-hình tổng-quát tại Quân-Khu I cũng như đi hoặc tháp-tùng Tư-lệnh HQ vùng I duyên-hải thăm-viếng các đơn-vị lực-quân bạn cấp sư-đoàn, lữ-đoàn hay trung-đoàn.

Ever since reporting for duty in Coastal Zone I, I was usually present at the headquarters around two weeks per month depending on my work schedule at the headquarters of Task Group III in Saigon. However, never did I receive an order from the headquarters of Coastal Zone I in Đà Nẵng, of the Navy Fleet Forces Command, or of the Republic of Vietnam Navy in Saigon to stay in Coastal Zone I. When I visited there, I usually carried out a fact finding investigation of the general situation in Tactical Zone I, and accompanied the Commander in Chief of Coastal Zone I to visit an army division, brigade, or regiment of the I Corps Tactical Zone.

Trở lại trận hải-chiến Hoàng-Sa, vào khoảng ngày 11 tháng giêng năm 1974, chỉ khoảng vài ngày sau khi Ngoại-Trưởng Hoa-Kỳ Kissinger rời Trung-cộng, thì đột-nhiên Ngoại-trưởng Trung-cộng lại một lần nữa tuyên-bố về chủ-quyền của họ trên các quần-đảo Hoàng Sa và Trường-Sa. Tôi rất lưu-ý tin này vì tôi đã chỉ-huy công-cuộc đặt quân trú-phòng đầu tiên trên đảo Nam-Yết vùng Trường-Sa vào cuối mùa hè 1973. Vào ngày sau, vì Ngoại-trưởng VNCH Vương-văn-Bắc còn bận công-cán ngoại-quốc, thì phát-ngôn-viên Bộ Ngoại-giao VNCH bác-bỏ luận-cứ của Trung-cộng và tái xác-nhận một lần nữa chủ-quyền của VNCH trên các quần-đảo đó.

Returning to the Naval Battle for the Paracels, on January 11, 1974, only a few days after U.S. Secretary of State Henry A. Kissinger left China, suddenly the Chinese Foreign Minister once again declared China's sovereignty over the Paracel and Spratly Islands. I was very much concerned about this news since I commanded the task of first stationing our troops on Namyit Island within the Spratly Islands near the end of the summer of 1973. A few days later, since Republic of Vietnam Foreign Minister Vương Văn Bắc was still on an official mission overseas, a spokesman of the Foreign Ministry refuted China's claim and once again reaffirmed the Republic of Vietnam's sovereignty over the Paracel and Spratly Islands.



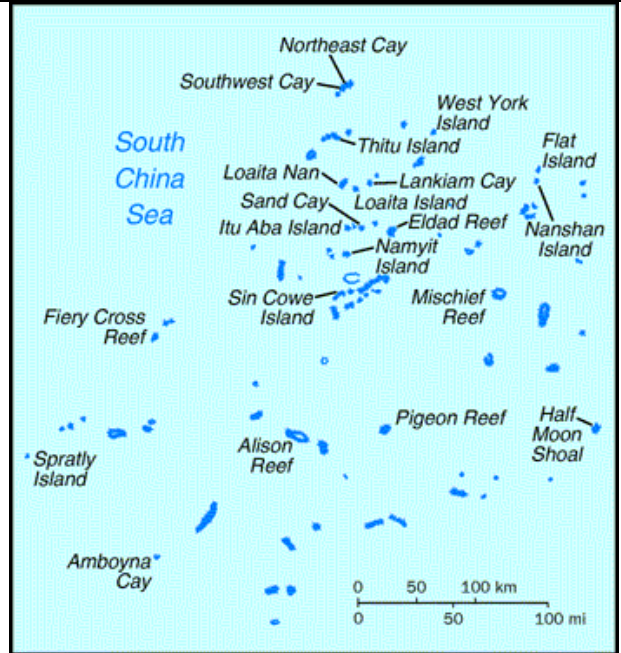
Ngoại-Trưởng Hoa-Kỳ Henry Kissinger
 {http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/archive/e/e3/20080526015212!Henry_Kissinger.jpg}



The Paracels
 {<http://www.vnafmamn.com/paracel.html>}



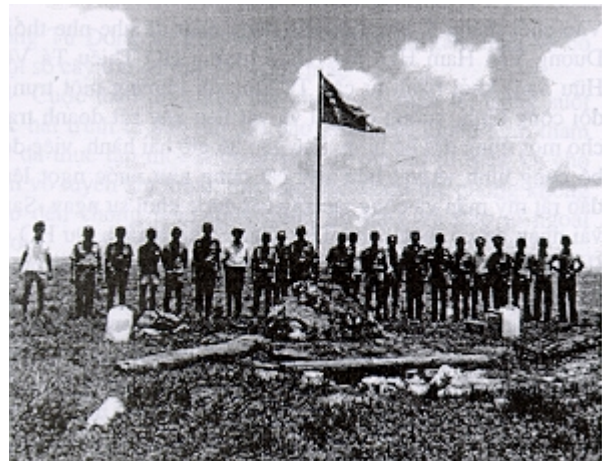
Ngoại-Trưởng Việt Nam Cộng Hòa Vương-Văn-Bắc
{http://lh5.ggpht.com/_Viz5OWnf5rU/RgPEB66m-SI/AAAAAAAAAVg/WWG4h4s2_Rk/CIMG0562.JPG}



Namyit Island in the Spratlys (Reference 1)



Đại Tá Hà Văn Ngạc, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trên Đảo Namyit thuộc Quần Đảo Trường Sa (Reference 10)



The flag of the Republic of Vietnam on Namyit Island (Reference 10)

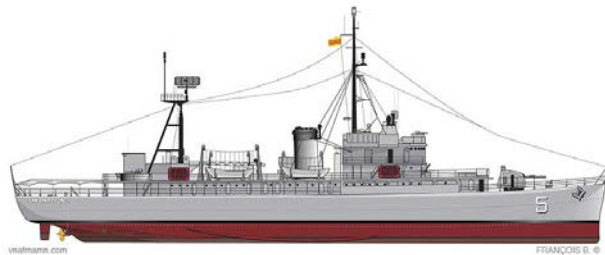
Ngày 16 tháng giêng năm 1974, tôi từ Sài Gòn đi Vũng-Tàu để chủ-tọa lễ trao-quyền chỉ-huy Tuần-dương-hạm HQ 5 Trần-bình-Trọng đang neo tại chỗ, cho tân-hạm-trưởng là Hải-quân Trung-tá Phạm-trọng-Quỳnh (tôi không còn nhớ tên cựu hạm-trưởng). Khi trở về Sài Gòn, lúc theo dõi bản tin-tức hàng ngày của đài

On January 16, 1974, I left Saigon for the naval port of Vũng Tàu to preside over a formal change of command ceremony on the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5). Commander Phạm Trọng Quỳnh relieved ? (I no longer remember the name of the departing commanding officer) as the commanding

truyền-hình thì thấy Ngoại-trưởng Vương-văn-Bắc hùng-hồn và nghiêm-trọng khi tuyên-bố chủ-quyền của VNCH trên 2 quần-đảo Hoàng Sa và Trường-Sa. Tôi thấy có chuyện bất-ổn có thể xảy ra tại Vùng I duyên-hải nhất là Việt-cộng có lẽ được Trung-cộng hỗ-trợ tạo ra tình-thế rắc-rối ngoài hải-đảo để thu-hút lực-lượng của Hải-quân Việt-Nam, và đương nhiên cộng-sản sẽ lợi-dụng để tràn-xuống dưới vĩ-tuyến 17 như đã dự-liệu.



HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<http://www.vnafmamn.com/untoldpage/HQ5.jpg>}



HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{http://www.vnafmamn.com/NAVYphoto/HQ5_illustration.jpg}

officer of the HQ Trần Bình Trọng. After returning to Saigon, I watched daily news on television in which Foreign Minister Vương Văn Bắc forcefully and formally declared the Republic of Vietnam's sovereignty over the faraway Paracel and Spratly Islands. I sensed a crisis was about to take place in Coastal Zone I especially if the North Vietnamese naval forces, perhaps aided by China, decided to stir up trouble in the faraway islands to draw the Republic of Vietnam Navy into a fight to the death. Naturally, the North Vietnamese Army would avail itself of the opportunity to launch an offensive across the 17th parallel as foreseen.



HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), Republic of Vietnam Navy (Reference 4). Ex-US Coast Guard Cutter Castle Rock, WHEC 383, ex-AVP 35. Built by Lake Washington Shipyard in Houghton, Washington. Launched on March 11, 1944. US Navy comm. on October 8, 1944. Transferred from US Coast Guard to South Vietnamese Navy on December 21, 1971.



HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16), Republic of Vietnam Navy (Reference 5). Ex-US Coast Guard Cutter Chincoteague, WHEC 375, ex-AVP 24. Built by Lake Washington Shipyard in



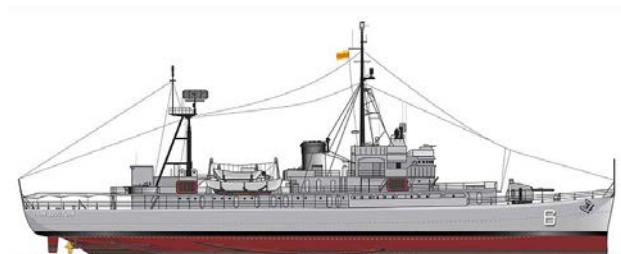
HQ 16 - Tuần Dương Hạm Lý Thường Kiệt - WHEC

HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
 {<http://hqvnch.net/default.asp?id=529&lstid=62>}



HQ16 LY THUONG KIET

HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
 {<http://www.vnafmamn.com/untoldpage/HQ16.jpg>}



HQ Trần Quốc Toàn (WHEC 6), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
 {http://www.vnafmamn.com/NAVYphoto/HQ6_illustration.jpg}

Houghton, Washington. Launched on April 15, 1942. US Navy comm. on April 12, 1943. Transferred from US Coast Guard to South Vietnamese Navy on June 21, 1972.

HQ Trần Quốc Toàn (WHEC 6), Republic of Vietnam Navy (Reference 3). Ex-US Coast Guard Cutter Cook Inlet, WHEC 384, ex-AVP 36. Built by Lake Washington Shipyard in Houghton, Washington. Launched on May 13, 1944. US Navy comm. on November 5, 1944. Transferred from US Coast Guard to South Vietnamese Navy on December 21, 1971.


HQ Ngô Quyền (WHEC 17), Republic of Vietnam Navy (Reference 3). Ex-US Coast Guard Cutter McCulloch, WHEC 375, ex-AVP 24. Built by Lake Washington Shipyard in Houghton, Washington. Launched on July 10, 1943. US Navy comm. on May 17, 1944. Transferred from US Coast Guard to South Vietnamese Navy on June 21, 1972.



HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16), HQ Trần Quốc Toàn (WHEC 6), and HQ Ngô Quyền (WHEC 17) were built as seaplane tenders of the Barnegat-class for the US Navy. All transferred to US Coast Guard in 1946-1948, initially on loan designated WAVP and then on permanent transfer; subsequently redesignated as High Endurance Cutters (WHEC) (Reference 3).

These ships were the largest combatants in the South Vietnamese Navy and the only ones to mount a 5-inch gun battery. All anti-submarine weapons were believed to have been removed prior to transfer (Reference 3).

Displacement, tons	1766 standard; 2800 full load
--------------------	-------------------------------

Dimensions (Length x Beam x Draught), feet (metres)	310.75 x 41.1 x 13.5 (94.7 x 12.5 x 4.1)
---	--

	one 5-inch (127-mm) 38-cal DP; one or two 81-mm mortars; several MG
--	---

	5-inch (127-mm) gun (Reference 11) Guns	
	Main engines	Diesels (Fairbanks Morse); 2 shafts; 6080 bhp
	Speed, knots	Approx. 18
	Complement	Approx. 200
<p>Nên sáng sớm ngày 17, không kịp thông-báo đến Tư-lệnh Hạm-đội; tôi lên phi-trường Tân Sơn-nhứt và đến thẳng ngay Trạm hàng-không quân-sự. Tôi gặp ngay một vị Thượng-sĩ không-quân trưởng-trạm và nói là tôi cần đi gấp ra Đà-nẵng. Vị Thượng-sĩ trình với tôi là danh-sách hành-khách đã đầy-đủ cho chuyến bay và giới-thiệu tôi gặp vị Trung-úy phi-công-trưởng phi-cơ C-130. Sau khi trình-bày lý-do khẩn-cấp đi Đà-nẵng của tôi, vị phi-công-trưởng trang-trọng mời tôi lên phi-cơ ngồi vào ghế phụ trong phòng phi-công.</p>  <p>C-130, Không Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://www.vnafmamn.com/untoldpage/anloc_C130.jpg}</p>	<p>In the early morning hours of January 17, 1974, as I did not have time to inform the Fleet Forces Commander, I went to Tân Sơn Nhất air base and walked straight to its military terminal. I met a Republic of Vietnam Air Force chief warrant officer in charge and told him that I needed to go to Đà Nẵng urgently. The chief warrant officer explained to me that the flight was full and introduced me to the first lieutenant piloting a C-130. After I explained to the pilot my urgent reason for going to Đà Nẵng, the pilot respectfully invited me to sit in his cockpit.</p>  <p>C-130, Republic of Vietnam Air Force (Reference 7)</p>	
<p>Đến Đà-nẵng khoảng 9:00 sáng, tôi mới kêu điện-thoại cho HQ Đại-tá Nguyễn-hữu-Xuân, Tư-lệnh-phó Vùng cho xe đón tôi tại phi-trường. Đến BTL/HQ Vùng I duyên-hải tôi mới được biết chi-tiết những gì đang xảy ra tại Hoàng-Sa, và được biết thêm là chiếc tuần-dương-hạm HQ 5, mà tôi vừa chủ-tọa trao quyền chỉ-huy ngày hôm qua tại Vũng-Tàu, sẽ có mặt tại quân-cảng vào buổi chiều tối cùng với toán hải-kích.</p>	<p>Arriving at Đà Nẵng air base around 09:00 hours, I called Captain Nguyễn Hữu Xuân, Deputy Commander in Chief, Coastal Zone I, for a military jeep to pick me up. After I arrived at the headquarters of Coastal Zone I, I then became aware of the details about what had been happening at the Paracel Islands. I also learned that the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), aboard which I had presided over the change of command at Vũng Tàu the day before, would arrive at the naval port of Đà Nẵng in the evening with an amphibious assault team aboard.</p>	

<p>Tư-lệnh HQ vùng I duyên-hải cũng cho tôi hay và giơ một tờ giấy nhỏ nói là ông có thủ-bút của Tổng-thống vừa tới thăm bàn-doanh trước đây, nhưng tôi không hỏi về chi-tiết cũng như xin xem thủ-bút vì tôi nghĩ đó là chỉ-thị riêng tư giữa Tổng-Thống và một vị Tướng-lãnh. Vị Tư-lệnh này còn cho tôi hai chọn-lựa: một là chỉ-huy các chiến-hạm ngay tại Bộ-Tư-lệnh Vùng, hai là đích-thân trên chiến-hạm. Tôi đáp trình ngay là: Tôi sẽ đi theo các đơn-vị của tôi. Từ ngày được thuyền-chuyển về Hạm-đội, không như các vị tiền-nhiệm, tôi thường xa Bộ-chỉ-huy để đi theo các chiến-hạm trong công-tác tuần-dương. Mỗi chuyến công-tác, sự hiện-diện của tôi đã mang lại cho nhân-viên chiến-hạm niềm phấn-khởi sau nhiều ngày phải xa căn-cứ. Tôi thường lưu ý các vị hạm-trưởng đến việc huấn-huyện nội-bộ hoặc thao-dượt chiến-thuật với chiến-hạm khác khi được phép.</p>	<p>The Commander in Chief of Coastal Zone I also showed me in his hand a small piece of paper that he said contained the handwriting of the President of the Republic of Vietnam who had made a visit to the headquarters earlier. I did not ask him about the visit or to see the autograph since in my opinion it was a private instruction from the President to a flag officer. The Commander in Chief gave me two choices, to stay at command post in the rear or be present on scene. I immediately answered: I wanted to be involved on scene personally inspiring my men. Since my assignment to the Cruiser & Destroyer Group (Task Group III) of the Fleet Forces Command, unlike my predecessors, I was usually away with my unit patrolling at sea. On every extended patrol, my presence brought high morale to the officers and enlisted personnel under my command. I usually reminded the commanding officers about training their sailors how to respond to battle stations and about getting involved in joint training exercises with other ships when allowed.</p>
<p>Đến khoảng buổi chiều thì Tư-lệnh vùng I duyên-hải còn hỏi tôi có cần thêm gì, tôi trình xin thêm một chiến-hạm nữa vì cần hai chiếc khi di-chuyển trong trường-hợp bị tấn-công trên hải-trình, chứ không phải vì số lượng chiến-hạm Trung-cộng đang có mặt tại Hoàng-Sa. Chiếc Hộ-tống-hạm (PCE) HQ 10 Nhựt-Tảo được chỉ-định xung vào Hải-đoàn đặc-nhiệm, với lý-do chính là chiếc Hộ-tống-hạm này đang tuần-dương ngay khu-vực cửa khẩu Đà-nẵng nên giảm bớt thời-gian di-chuyển, chiến-hạm chỉ có một máy chành khiển-dụng mà thôi. Ngoài ra vị Tư-lệnh HQ vùng còn tặng-phái cho tôi HQ Thiếu-Tá Toàn (Ghi chú của Trần Đổ Cẩm: HQ Thiếu Tá Nguyễn Chí Toàn, Khóa 11 SQHQ/Nha Trang), mà tôi chưa biết khả-năng nên trong suốt thời-gian tặng-phái tôi chỉ trao nhiệm-vụ giữ liên-lạc với các Bộ Tư-lệnh cho vị sĩ-quan này. Tôi dùng cơm chiều gia-đình cùng Tư-lệnh HQ vùng tại tư-thất trong khi chờ đợi Tuần-dương-hạm HQ 5 tới. Sau bữa ăn, Tư-lệnh HQ Vùng đích-thân đi bộ tiền-chân tôi ra cầu quân-cảng. Sau trận-chiến, vị Đô-đốc này có thổ-lộ cùng tôi là ông đã tưởng đó là bữa</p>	<p>In the afternoon, the Commander in Chief of Coastal Zone I asked me if I needed anything else. I explained to him the need for an additional ship for fear of being attacked along the sea route from Đà Nẵng to the Paracel Islands, not because of the number of Chinese warships present at the Paracel Islands. The escort HQ Nhựt Tảo (MSF 10) was assigned because it was patrolling the entrance area to the naval port of Đà Nẵng, thus cutting down the deployment time of my task force even though the ship had only one diesel engine in operation. In addition, the Commander in Chief of Coastal Zone I also assigned to me Navy Lieutenant Commander Nguyễn Chí Toàn (former Navy Lieutenant Commander Trần Đổ Cẩm's footnote: Nguyễn Chí Toàn was a 1961 graduate of the Nha Trang Naval Training Center) whom I appointed as liaison officer throughout his tour of duty since I was not familiar with his qualification. I then had supper at the residence of the Commander in Chief of Coastal Zone I while waiting for the arrival at Đà Nẵng of the cruiser HQ Trần Bình</p>

cơm cuối cùng của ông với tôi. Như vậy là trận hải-chiến đã dự-liệu là sẽ có thể xảy ra, và chắc vị Đô-đốc đã mật-trình về Tư-lệnh Hải-quân thường có mặt tại Bộ-Tư-lệnh.



Hộ Tống Hạm HQ Nhựt Tảo (MSF 10), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://hoangsa74.tripod.com/toantapTaiLieu_files/image025.jpg}



HQ 10 - Hộ Tống Hạm Nhựt Tảo - PCE

Hộ Tống Hạm HQ Nhựt Tảo (MSF 10), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<http://hqvnch.net/default.asp?id=529&lstdid=62>}



Hộ Tống Hạm HQ Nhựt Tảo (MSF 10), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://www.vnafmamn.com/NAVYphoto/HQ10_illustration.jpg}

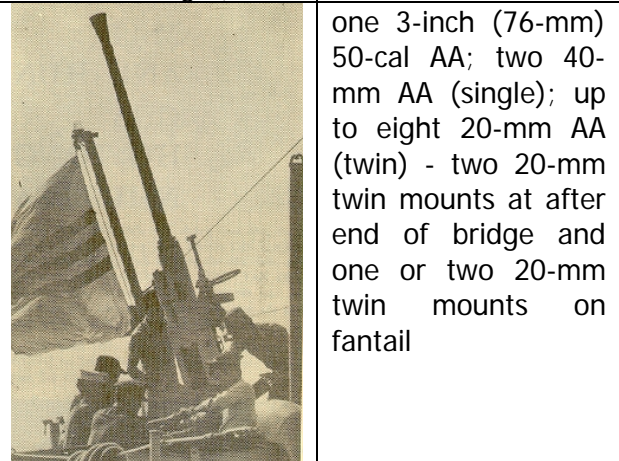
Trọng (WHEC 5). Following the supper, he personally walked with me to the port. After the naval battle, he confided to me that he thought we had the Last Supper together. This means the naval battle was anticipated, and he must have reported regularly to the Office of the Chief of Naval Operations.



HQ Nhựt Tảo (MSF 10), Republic of Vietnam Navy (Reference 3). Ex-USS Serene, MSF 300. Built by Winslow Marine Railway & SB Co., Winslow, Washington. US Navy comm. On October 31, 1943. Transferred from US Navy to South Vietnamese Navy in January 1964.

Former US Navy minesweeper of the Admirable-class (originally designated AM). Minesweeping equipment has been removed prior to transfer and two depth charge racks fitted on fantail; employed in patrol and escort roles (Reference 3).

Displacement, tons	650 standard; 945 full load
Dimensions (Length x Beam x Draught), feet	180 wl; 184.5 oa x 33 x 9.75

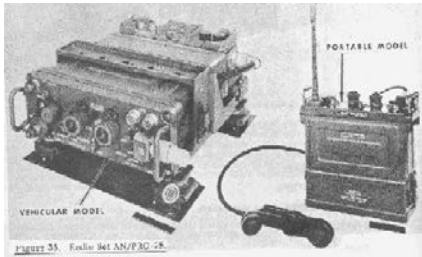


40-mm anti-aircraft Guns (Reference 5)

one 3-inch (76-mm) 50-cal AA; two 40-mm AA (single); up to eight 20-mm AA (twin) - two 20-mm twin mounts at after end of bridge and one or two 20-mm twin mounts on fantail

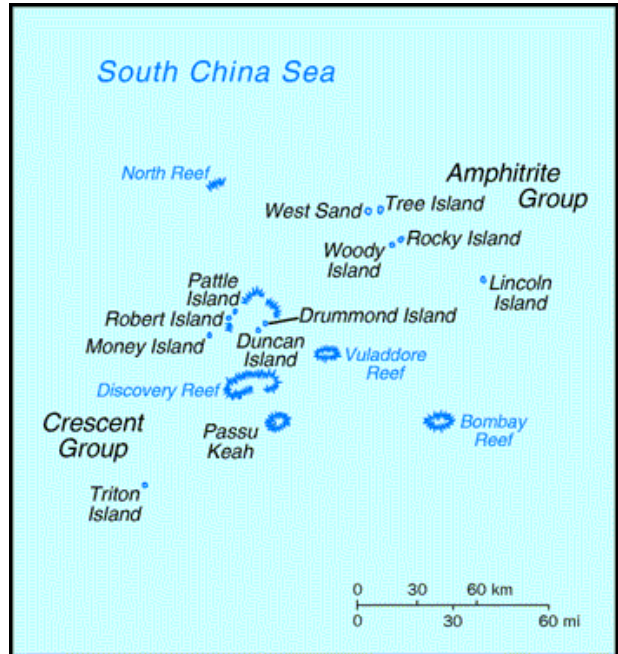
	Anti-submarine weapons	1 fixed hedgehog; depth charges
	Main engines	Diesel (Cooper Bessemer); 2 shafts; 1710 bhp
	Speed, knots	14
	Complement	Approx. 80
<p>Tuần-dương-hạm HQ 5 rời bến khoảng 09:00 tối và tôi trao nhiệm-vụ đi tới Hoàng-Sa cho Hạm-trưởng HQ 5 là vị hạm-trưởng thâm-niên hơn (Ghi chú của Trần Đổ Cẩm: HQ 5 và HQ 10 cùng đi Hoàng Sa, Hạm Trưởng HQ 5 là Trung Tá Quỳnh thuộc khóa 11 SQHQ Nha Trang, thâm niên hơn Hạm Trưởng HQ 10 là Thiếu Tá Thà thuộc khóa 12 SQHQ Nha Trang). Sự hiện-diện của tôi trên chiến-hạm này đã làm tân-hạm-trưởng, vừa nhậm-chức 2 ngày trước, được vững-tâm hơn vì chắc tân-hạm-trưởng chưa nắm vững được tình-trạng chiến-hạm cũng như nhân-viên thuộc-hạ. Các chiến-hạm đều giữ im-lặng vô-tuyến ngoại trừ các báo-cáo định-kỳ về vị-trí.</p>	<p>Both cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) and escort HQ Nhật Tảo (MSF 10) left Đà Nẵng around 21:00 hours that evening for the Paracel Islands. I gave the responsibility of navigating to the Paracel Islands to Navy Commander Phạm Trọng Quỳnh, commanding officer of the HQ Trần Bình Trọng, since he was more senior than Navy Lieutenant Commander Ngụy Văn Thà, commanding officer of the HQ Nhật Tảo, (Trần Đổ Cẩm's footnote: Phạm Trọng Quỳnh was a 1961 graduate while Ngụy Văn Thà was a 1962 graduate of the Nha Trang Naval Training Center). My presence on the HQ Trần Bình Trọng made the newly appointed commanding officer, who had assumed his duty two days earlier, feel more secure since he might not have grasped fully the capabilities as well as the crew of his ship. Both vessels remained at radio silence except when reporting their position now and then.</p>	
4 Những Diễn-Tiến Ngày Hôm Trước Trận Hải-Chiến	4 The Day Before The Battle	
<p>Khoảng 8 hay 9:00 giờ sáng ngày 18, hai chiến-hạm HQ 5 và HQ 10 đã đến gần Hoàng-Sa, và trong tầm âm-thoại bằng máy VRC 46 (hậu-thân của máy PRC 25 nhưng với công-xuất mạnh hơn) để liên-lạc bằng bạch-văn, vì tầm hữu-hiệu của máy chỉ ở trong vùng Hoàng-Sa mà thôi, tôi nói chuyện với Hạm-trưởng HQ 4 HQ Trung-tá Vũ-hữu-San, lúc đó đang là sĩ-quan thâm-niên hiện-diện, để được am-tường thêm tình-hình cũng như thông-báo về sự hiện-diện của tôi, vừa là Chỉ-huy-trưởng Hải-đội vừa là để thay-thế quyền chỉ-huy mọi hoạt-động, theo đúng thủ-tục ghi trong Hải-quy. Sau khi được trình bày chi-tiết các diễn-tiến, tôi có lời khen ngợi Hạm-trưởng này và</p>	<p>Around 08:00 or 09:00 hours on January 18, 1974, the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) and its escort HQ Nhật Tảo (MSF 10) arrived near the Paracel Islands. Within the effective range of VRC 46 (the later model of PRC 25 and more powerful), I spoke not in cipher with the commanding officer of the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) - Navy Commander Vũ Hữu San at the time was the most senior officer present - in order to be better informed about the situation as well as to inform him of my arrival, not only as the Commander of Cruiser and Destroyer Group (Task Group III), but also as the Officer in Tactical Command (OTC), according to the</p>	

chia sẻ những khó-khăn mà vị này đã trải qua trong những ngày trước khi tôi có mặt tại vùng.

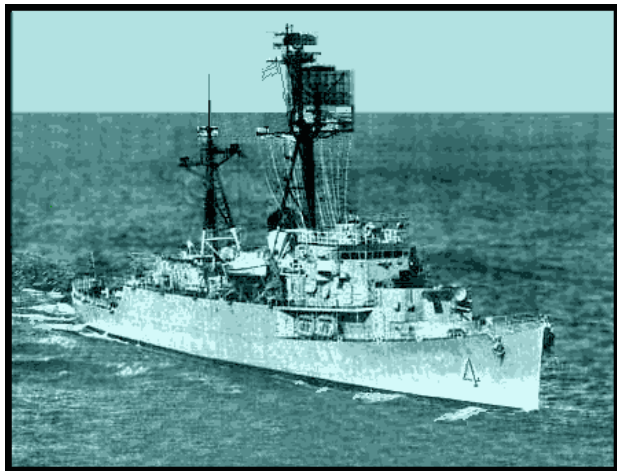


PRC 25
 {<http://nhs.needham.k12.ma.us/cur/wwii/05/p1-05/wexler-km-p1-5-05/images/prc-25.jpg>}

procedures of the Navy rules and regulations. After I was briefed on the situation, I commended the commanding officer and extended my sympathy for the troubles that he and the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) had gone through prior to my arrival.



The Paracel Islands (Reference 1)



Khu Trục Hạm HQ Trần Khánh Dư (DER 4), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
 {<http://sanvu.tripod.com/images/covnHQ4.gif>}



HQ Trần Khánh Dư (DER 4), Republic of Vietnam Navy (Reference 3). Ex-USS Forster, DER 334. Built by Consolidated Steel Corp., Orange, Texas. Launched on November 13, 1943. US Navy comm. On January 25, 1944. Transferred from US Navy to South Vietnamese Navy on September 25, 1971.



Súng (76-ly) ở phía sau tàu (Reference 6)

Former US Navy destroyer escort of the FMR design group. After World War II the ship was extensively converted to radar picket configuration to serve as seaward extension of US aircraft attack warning system; redesignated DER with original DE hull



Khu Trục Hạm HQ Trần Khánh Dư (DER 4), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa




Khu Trục Hạm HQ Trần Khánh Dư (DER 4), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{http://www.gdat.org/works/quanluc/hq_der.html}



Khu Trục Hạm HQ Trần Khánh Dư (DER 4), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{http://www.vnafmamn.com/NAVYphoto/HQ4_illustration.jpg}

numbers. Large SPS-8 search radar and TACAN (tactical aircraft navigation) "pod" removed after radar picket barrier ended in 1965, but ships retained DER designation. Subsequently employed during 1960s in Indochina for coastal patrol and maritime interdiction by US Navy (Operation MARKET TIME) (Reference 3).

The ship was second in firepower in the South Vietnamese Navy only to HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) and HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) with respect to gun calibre; however, the ship has two guns (forward mount enclosed, after mount open). Also, it is the most capable anti-submarine ship of the Navy (Reference 3).

Displacement, tons	1590 standard; 1850 full load
Dimensions (Length x Beam x Draught), feet	300 wl; 306 oa x 36.6 x 14
	Two 3-inch (76-mm) 50-cal anti-aircraft (AA) (single)
3-inch (76-mm) gun (after mount) (Reference 6) Guns	
Anti-submarine weapons	six to twelve 75-inch (324-mm) torpedo tubes (Mk 32 triple); 1 trainable hedgehog (Mk 15); depth charge rack
Main engines	Diesels (Fairbanks Morse); 2 shafts; 6000 bhp
Speed, knots	21
Complement	Approx. 170

Vào khoảng xế trưa, thì cả 4 chiến-hạm (Ghi chú của Trần Đổ Cẩm: HQ 4, HQ 5, HQ 10 và HQ 16) đều tập-trung trong vùng lòng chảo của quần-đảo Hoàng-Sa và Hải-đoàn đặc-nhiệm được thành hình. Nhóm chiến-binh thuộc Tuần-dương-hạm HQ 16 và Khu-trục-

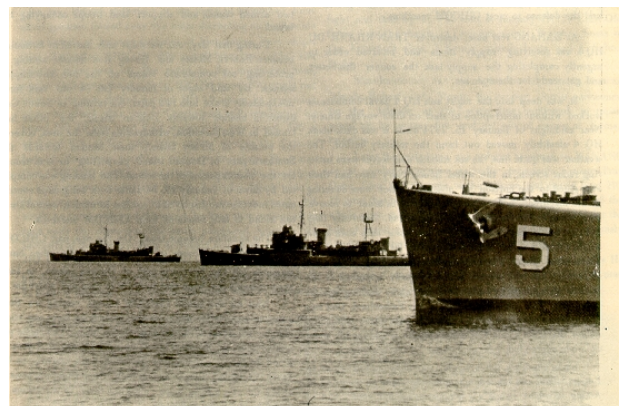
As the afternoon was drawing to a close, all four warships (Trần Đổ Cẩm's footnote: the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4), cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), escort HQ Nhật Tảo (MSF 10), and cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16)) concentrated in the shallow

hạm HQ 4 đã đổ-bộ và trưng quốc-kỳ VNCH trên các đảo Cam-Tuyền (Robert), Vĩnh-Lạc (Money) và Duy-mộng (Drummond) từ mấy ngày qua vẫn được giữ nguyên vị-trí phòng-thủ để giữ đảo. Sau khi quan-sát các chiến-hạm Trung-cộng lớn vờn phía bắc đảo Quang-Hòa (Duncan), tôi quyết-định ngay là hải-đoàn sẽ phô-trương lực-lượng bằng một cuộc thao-diễn chiến-thuật tập-đội để tiến về phía đảo Quang-Hòa với hy-vọng là có thể đổ-bộ hải-kích như các chiến-hạm ta đã làm trước đây. Lúc này trời quang-đăng, gió nhẹ và biển êm. Tất cả chiến-hạm đều phải vào nhiệm-sở tác-chiến, nhưng các dàn hải-pháo và vũ-khí đại-liên phải ở trong thể thao-diễn. Khởi hành từ nam đảo Hoàng-Sa để tiến về đảo Quang-Hòa, 4 chiến-hạm vào đội-hình hàng dọc, dẫn đầu là Khu-trục-hạm HQ 4, theo sau là tuần-dương-hạm HQ 5 làm chuẩn-hạm đã có trưng hiệu-kỳ hải-đội, thứ ba là tuần-dương-hạm HQ 16 và sau cùng là Hộ-tống-hạm HQ 10, tốc-độ chừng 6 gút, khoảng cách giữa các chiến-hạm là hai lần khoảng cách tiêu-chuẩn (tức 1000 yard), phương-tiện truyền-tin là kỳ-hiệu và quang-hiệu, và âm-thoại bằng VRC 46 hoặc PRC 25 chỉ xử-dụng để tránh hiểu-lầm ám-hiệu vận-chuyển chiến-thuật mà thôi.

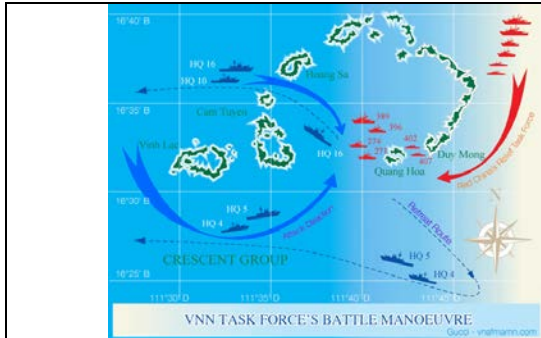


VRC 46
{<http://www.kpjung.de/bilder2/vrc46a.jpg>}

water environment of the Paracel Islands; thus, my task force was formed. The combatant groups of the HQ Trần Khánh Dư and HQ Lý Thường Kiệt who had landed and flown the flag of the Republic of Vietnam on Robert Island, Money Island, and Drummond Island the past few days still remained at their defensive positions to guard these islands. After observing Chinese surface warships loitering about the northern area of Duncan Island, I immediately decided to show off our task force via a tactical exercise near Duncan Island with the hopes of landing an amphibious assault team as the HQ Trần Khánh Dư and HQ Lý Thường Kiệt had done earlier. At this time the sky was clear with light wind and calm sea. I ordered battle stations, but all the 5-inch and 3-inch gun batteries and heavy machine guns were not to be aimed straight at their targets. Starting from the south of Pattle Island, all four warships lined up in a column led by the HQ Trần Khánh Dư, followed by the task force flagship HQ Trần Bình Trọng, then the HQ Lý Thường Kiệt, and finally the HQ Nhựt Tảo. All warships moved at a speed of 6 knots and maintained a separation of 1000 yards (twice the minimum distance). Light and flag signals were the means of communication, and the VRC 46 or PRC 25 was only used to avoid misunderstanding of coded signals during the tactical exercise.



Task Force (reference 5)



Trận Hải Chiến Hoàng Sa
 {<http://www.vnafmamn.com/paracel.html>}



Battlefield (Reference 8)

Chỉ nửa giờ sau khi hải-đoàn vận-chuyển vào đội-hình hướng về phía đảo Quang-Hòa thì hai chiến-hạm Trung-cộng loại Kronstadt mang số-hiệu 271 và 274 bắt đầu phản-ứng bằng cách vận-chuyển chặn trước hướng đi của hải-đoàn, nhưng hải-đoàn vẫn giữ nguyên tốc-độ, trong khi đó thì hai chiếc chiến-hạm khác nhỏ hơn mang số 389 và 396 (Ghi chú của Trần Đỗ Cẩm: đây là hai trục-lôi hạm tức là tàu vớt mìn loại T 43) cùng 2 chiếc ngư-thuyền ngư-trang 402 và 407 (Ghi chú của Trần Đỗ Cẩm: ngư thuyền số 402 mang tên Nam Ngư) của họ vẫn nằm nguyên vị-trí sát bờ bắc đảo Quang-Hòa. Tôi đã không chú-tâm đến 2 chiếc chiến-hạm nhỏ của địch vì cho rằng, hai chiếc này chỉ là loại phụ mà thôi (sau này, khi sừ tâm tài liệu về trận hải chiến Hoàng Sa, HQ Thiếu-Tá Trần-Đỗ-Cẩm truy ra theo số-hiệu là loại trục-lôi-hạm và chắc trang-bị vũ-khí nhẹ hơn), còn hai chiếc tàu tiếp-tế ngư-trang như ngư-thuyền thì không đáng kể. Hành-động chặn đường tiến của chiến-hạm ta đã từng được họ sử-dụng trong mấy ngày trước đây khi các chiến-hạm ta đổ quân lên các đảo Cam-tuyền, Vĩnh-lạc và Duy-mộng để xua quân của Trung-cộng rời đảo. Chiếc Kronstadt 271 bắt đầu xin liên-lạc bằng quang-hiệu để xin liên-lạc, Tuần-dương-hạm HQ 5 trả lời thuận và nhận công-điện bằng anh-ngữ:

About half an hour after the task force moved into its column to approach Duncan Island, two Chinese Kronstadt-class corvettes numbered 271 and 274 began to react by moving into the direction of our task force which still maintained its speed of 6 knots. Meanwhile, the other two smaller Chinese warships numbered 389 and 396 (Trần Đỗ Cẩm's footnote: these two ships were T43-class minesweepers) along with two camouflaged fishing vessels numbered 402 and 407 (Trần Đỗ Cẩm's footnote: the fishing vessel numbered 402 named Nam Ngư) remained at their positions close to the northern shore of Duncan Island. I did not pay attention to the two smaller enemy warships because I thought they were auxiliary ships. Later, during his search for documents on the Naval Battle for the Paracels, former Republic of Vietnam Navy Lieutenant Commander Trần Đỗ Cẩm discovered that the two T43-class minesweepers were lightly armed. As for the two supply ships disguised as fishing vessels, they were of little significance. Their tactics of obstructing the right-of-way of our warships had been employed a few days earlier when the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) and cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) had landed our troops on Robert Island, Money Island, and Drummond Island in order to drive away Chinese troops from these islands. The Chinese Kronstadt-class corvette 271 began to use light signal to request communication, and the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) agreed, receiving a message in English as follows:

HỘ TỔNG HẠM KRONSTADT



2 giá thủy lôi đạn chống tàu ngầm
2 đường rầy thả mìn
đại bác 37ly đơn
đại liên 14.5ly đôi
đại liên 14.5ly đôi
đại bác 85ly
2 dàn phóng hỏa tiễn chống tàu ngầm

ĐẶC TÍNH

Trọng tải : 300 tấn tiêu chuẩn - 335 tấn tối đa
 Kích thước : dài 52.1 m (170.9 ft) - ngang 6.5 m (21.3 ft) - tầm nước 2.2 m (7.2 ft)
 Máy chính : - 3 máy dầu cận 3300 mã lực (có thể chìm đến 20 tấn dầu)
 - 3 trục chân vịt
 Vận tốc (1) : 24 kts - tầm hoạt động 2500 miles với vận tốc 14 kts
 - tầm hoạt động 1400 miles với vận tốc 12 kts

Thủy thủ đoàn : khoảng 50 đến 60 người (có 4 SQ)
 Vũ khí trang bị : - 1 đại bác 85 ly (3.5 in) DP của Nga, có thể tác xạ với tốc độ 18 phút/phút tầm xa 15 km (8 miles) với quả đạn nặng 9.6 kg
 - 2 đại bác 37 ly AA của TC , có thể tác xạ với tốc độ 180 phút/phút tầm xa 8.5 km (4.6 miles) với quả đạn nặng 1.42 kg)
 - 6 đại liên 14.5 ly AA của TC (3 khẩu đôi), có thể tác xạ 600 phút/phút tầm xa 7 km (3.8 miles)
 Vũ khí chống tàu ngầm : - 2 dàn phóng hỏa tiễn RBU 1200 mỗi dàn có 5 ống phóng tầm xa 1200 m với đầu đạn nặng 34 kg
 - 2 giá ném thủy lôi đạn (depth charge)
 Mìn : 2 đường rầy thả mìn (khoảng 20 quả mìn)

GHI CHÚ : (1) vận tốc Kronstadt trích từ ấn bản Jane's 86-87 trở về trước. Trong tài liệu "Kronstadt Project/Class 122-B" viết là 23 kts.
 - Từ ấn bản Jane's 89-90 trở về sau và các tài liệu như Guide To Far Eastern Navies, Wikipedia, Type 6604 Kronstadt đều cho là vận tốc 18 kts.

{<http://hqvnch.net/default.asp?id=1000&lstd=135>}

HỘ TỔNG HẠM KRONSTADT



kronstadt 271 kronstadt 274
(hình trích trong Hải Sử Tuyển Tập)

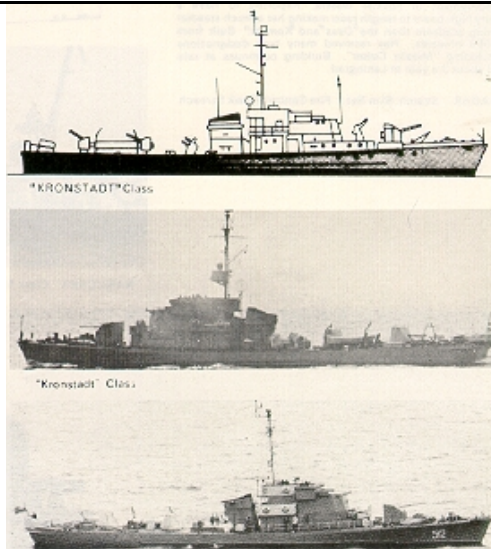


(hình trích trong Jane's)




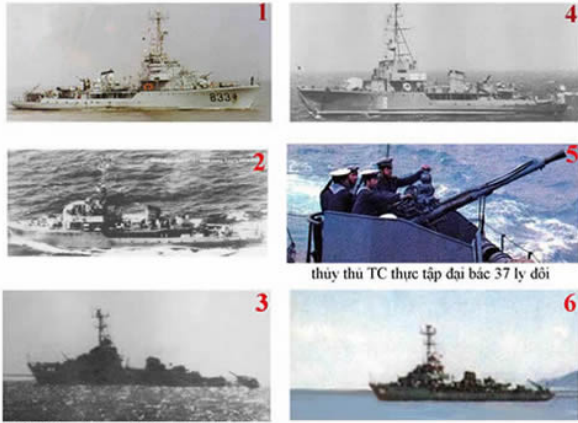

Đại bác 37 ly đôi (trích trong Chinese Defence Today)
 Đại bác 85 ly (3.5 in)
 Chủ Thích : như loại Hainan, đề nghị dùng tên Hộ Tổng Hạm cho loại Kronstadt.

{<http://hqvnch.net/default.asp?id=1000&lstd=135>}



Kronstadt-class corvette & submarine chaser (Reference 3). Flush decked, squat funnel, slightly raked, block bridge structure.

Displacement, tons	310 standard; 380 full load
Dimensions (Length x Beam x Draught), feet (metres)	170.6 x 21.5 x 9 (52 x 6.5 x 2.7)
Guns	one 3.5-inch; two 37-mm anti-aircraft (AA); six 12.7-mm anti-aircraft (AA)
 Kronstadt-class firing rocket launchers (Reference 3)	2 rocket launchers; 2 depth charge racks as anti-submarine weapons
Mines	2 rails for 8-10 mines
Main engines	Diesels; 2 shafts; 3300 bhp
Speed, knots	24
Range, miles	1500 at 12 knots
Complement	Approx. 65
Radar	Ball Gun, Skinhead

TRỤC LÔI HẠM T 43																	
 <p>chiếc 389 nghiêng về bên trái và phần lái chìm thấp xuống trong trận hải chiến ngày 19-1-1974.</p> <p>CHÚ THÍCH :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình (1) và (5) trích trong Chinese Defence Today - Hình (2) và (4) trích trong Jane's - Hình (7) trích trong Naval Weapons of The World - Hình (3) và (6) trích trong www.military.china.com/zh_cn/history 	 <p>T43-class fleet minesweeper (Reference 3)</p> <table border="1"> <tr> <td>Displacement, tons</td> <td>500 standard; 610 full load</td> </tr> <tr> <td>Dimensions (Length x Beam x Draught), feet (metres)</td> <td>190.2 x 28.2 x 6.9 (58 x 2.6 x 6.1)</td> </tr> <tr> <td>Guns</td> <td>four 37-mm anti-aircraft (AA) (2 twin); four 25-mm (2 twin)</td> </tr> <tr> <td>Main engines</td> <td>2 diesels; 2 shafts; 2200 bhp</td> </tr> <tr> <td>Speed, knots</td> <td>17</td> </tr> <tr> <td>Range, miles</td> <td>1600 at 10 knots</td> </tr> <tr> <td>Complement</td> <td>Approx. 40</td> </tr> <tr> <td>Radar</td> <td>Skinhead or Ballgun</td> </tr> </table>	Displacement, tons	500 standard; 610 full load	Dimensions (Length x Beam x Draught), feet (metres)	190.2 x 28.2 x 6.9 (58 x 2.6 x 6.1)	Guns	four 37-mm anti-aircraft (AA) (2 twin); four 25-mm (2 twin)	Main engines	2 diesels; 2 shafts; 2200 bhp	Speed, knots	17	Range, miles	1600 at 10 knots	Complement	Approx. 40	Radar	Skinhead or Ballgun
Displacement, tons	500 standard; 610 full load																
Dimensions (Length x Beam x Draught), feet (metres)	190.2 x 28.2 x 6.9 (58 x 2.6 x 6.1)																
Guns	four 37-mm anti-aircraft (AA) (2 twin); four 25-mm (2 twin)																
Main engines	2 diesels; 2 shafts; 2200 bhp																
Speed, knots	17																
Range, miles	1600 at 10 knots																
Complement	Approx. 40																
Radar	Skinhead or Ballgun																
<p>{http://hqvnch.net/default.asp?id=1000&lstdid=135}</p>																	
<p>"These islands belong to the People's Republic of China (phần này tôi nhớ không chắc-chắc) since Ming dynasty STOP Nobody can deny (phần này tôi nhớ rất kỹ vì tôi có phụ nhận quang-hiệu)"</p>	<p>"These islands belong to the People's Republic of China (I definitely do not remember this part) since Ming dynasty STOP Nobody can deny (I surely do remember this part because I additionally received the message via light signal)."</p>																
<p>Tôi cho gởi ngay một công-điện khái-quát như sau:</p>	<p>I immediately replied with a message generally as follows:</p>																
<p>"Please leave our territorial waters immediately"</p>	<p>"Please leave our territorial waters immediately."</p>																
<p>Công-điện của chiến-hạm Trung-cộng được lập đi lập lại ít nhất 3 lần sau khi họ nhận được công-điện của Hải-đoàn đặc-nhiệm VNCH, và chiến-hạm ta cũng tiếp-tục chuyển lại công-điện yêu-cầu họ rời khỏi lãnh-hải của VNCH.</p>	<p>Kronstadt 271 repeated its message to our task force at least three times after it received our reply, and the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), in turn, continued to transmit our message requesting them to leave the territorial waters of the Republic of Vietnam immediately.</p>																
<p>Vì 2 chiến-hạm Kronstadt Trung-cộng cố-tình chặn đường tiến của Hải-đoàn đặc-nhiệm với tốc-độ khá cao, nếu Hải-đoàn tiếp-tục tiến</p>	<p>Since the two Chinese Kronstadt-class corvettes were deliberately passing in front of our vessels at high speed, a collision seemed</p>																

thêm thì rất có thể gây ra vụ đụng tàu, tôi đưa Hải-đoàn trở về phía nam đảo Hoàng-Sa và vẫn giữ tình-trạng ứng-trực cũng như theo dõi các chiến-hạm Trung-cộng, họ cũng lại tiếp-tục giữ vị-trí như cũ tại phía bắc và tây-bắc đảo Quang-Hòa. Sự xuất-hiện thêm 2 chiến-hạm của Hải-quân Việt-Nam vào trong vùng chắc-chắn đã được chiếc Kronstadt 271 của Trung-cộng, được coi như chiến-hạm chỉ-huy, báo cáo về Tổng-hành-dinh của họ, và việc tăng-viện có thể được coi như đã được chuẩn-bị.

Tàu đánh cá nguy trang của TC mang số 407 chụp ngày 18/01/74



Trích từ Hải sử Tuyển tập



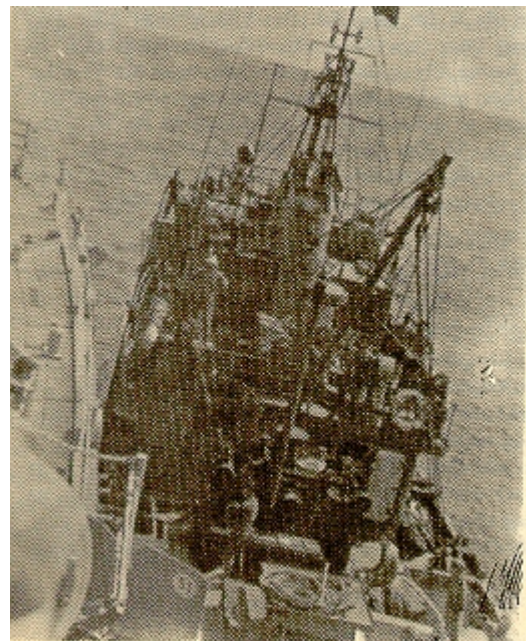
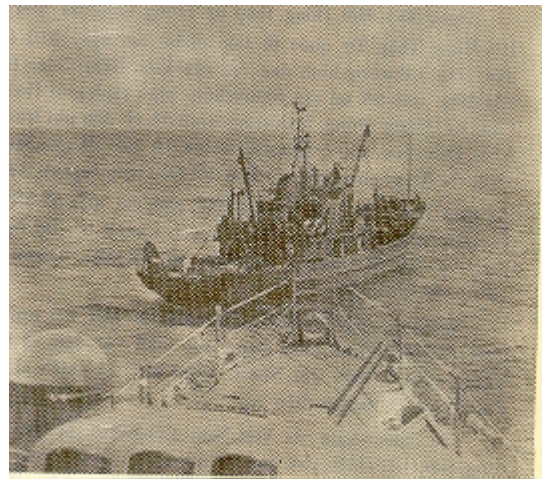
Tàu Đánh cá nguy trang của TC mang số 419
(Trích từ Jane's Fighting Ships 1989-1990)



2 tàu đánh cá nguy trang và tiểu đình bọc sắt của TC

{<http://hqvnch.net/default.asp?id=1000&lstid=135>}

unavoidable if our task force continued to advance. I, therefore, ordered our task force to return to the south of Pattle Island and to remain at battle stations. Meanwhile, the Chinese warships continued to maneuver north-northwest of Duncan Island. The presence of two more Republic of Vietnam Navy ships - the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) and escort HQ Nhật Tảo (MSF 10) - in the area must have been reported by Kronstadt 271, considered as the flagship, to its headquarters, and reinforcements must have been under way.



Chinese vessels did not abide by the International Right-of-Way Rules (Reference 5)

Với hành-động quyết-liệt ngăn-chặn ta không tiến được đến đảo Quang-Hòa, tôi cho rằng họ muốn cố-thủ đảo này. Việc đổ-bộ quân để xua đuổi họ ra khỏi đảo, lúc đó tôi hy-vọng, chỉ có thể phải thực-hiện bất-thần để tránh hành-động ngăn-chặn của họ và có lực-lượng hải-kích với trang-phục người nhái, may ra họ có thể phải nhượng-bộ, như Tuần-dương-hạm HQ 16 và Khu-trục-hạm HQ 4 đã thành-công trong mấy ngày trước đó. Nếu họ tấn-công thay vì nhượng-bộ, Hải-đoàn đặc-nhiệm buộc phải sẵn-sàng chống-trả.

Because of their drastic measures, I sensed the Chinese were determined to prevent our task force from landing on Duncan Island. At that time I thought the only way of successfully driving Chinese armies away from the island without any opposition was to suddenly convey our troops to shore. And with our amphibious assault team dressed as frogmen, we might further the chance of their withdraw from the island, as the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) and cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) had done successfully a few days earlier. If they attacked instead of giving way, our task force would be compelled to resist.



Republic of Vietnam Navy SEALs (SEa, Air, and Land) (Reference 6)

Vào khoảng 8 giờ tối, tôi yêu-cầu Tuần-dương-hạm HQ 16 chuyển phái-đoàn công-binh của Quân-đoàn I sang Tuần-dương-hạm HQ 5 bằng xuồng. Phái-đoàn công-binh Quân-đoàn I do Thiếu-tá Hồng hướng-dẫn đã vào gặp tôi tại phòng ăn sĩ-quan có theo sau Ông Kosh thuộc cơ-quan DAO Hoa-Kỳ tại Đà-nẵng. Tôi cho cả hai hay là tình-hình sẽ khó tránh khỏi một cuộc đụng-độ nên tôi không muốn các nhân-viên không Hải-quân có mặt trên chiến-hạm và tôi sẽ đưa họ lên đảo. Tôi cũng yêu-cầu Tuần-dương-hạm HQ 5 cấp cho tất cả một ít lương-khô. Riêng ông Kosh thì tôi yêu-cầu Hạm-trưởng HQ 5 đưa cho ông 1 bịch thuốc lá 10 bao Capstan. Tôi tiễn chân tất cả phái-đoàn xuống xuồng và vẫy tay chào họ khi xuồng bắt đầu hướng về đảo Hoàng-Sa. Kể từ giờ phút đó tới nay tôi không có dịp nào gặp lại ông Kosh để thăm hỏi ông và yêu-cầu ông cho trả lại Tuần-dương-hạm HQ 5 bịch thuốc lá Capstan vì thuốc lá này thuộc quân-tiếp-vụ của chiến-hạm xuất ra ứng trước. Riêng Thiếu-tá Hồng thì tôi đã có dịp thăm hỏi ông tại Los Angeles vào năm 1996, cũng theo lời ông thì ông đã viết xong vào trước năm 1975, một

About 20:00 hours, I requested the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) to transfer a company of I Corps combat engineers to the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) by boat. Major Hồng, company commander, followed by Mr. Gerald E. Kosh, a civilian at the U.S. Defense Attaché's Office (DAO) at Đà Nẵng, came to see me in the officer's dining room. I told both of them that since a clash was likely going to take place, I did not want any non-Navy personnel on my ship, HQ Trần Bình Trọng, and I would send them to shore. I also requested the commanding officer of HQ Trần Bình Trọng to issue them some dry provisions. As for Mr. Kosh, he was also given a carton of 10 boxes of Capstans cigarettes. I saw Mr. Kosh and the company of I Corps combat engineers off and waved goodbye to them as their landing craft was heading toward Pattle Island. From that moment to April 30, 1975 I never had a chance to meet Mr. Kosh again to ask him to return to the cruiser HQ Trần Bình Trọng the carton of 10 boxes of Capstans cigarettes since the boxes were advanced to him from the ship's supply room. As for Major

<p>cuốn ký-sự về thời-gian bị bắt làm tù-binh trong lục-địa Trung-Hoa nhưng không được Tổng Cục Chiến-tranh Chính-trị cho xuất bản vì chưa phải lúc thuận-tiện.</p>	<p>HỒNG, I had an opportunity to visit him in Los Angeles, California in 1996. He told me that prior to 1975, he had written a chronicle about his prisoner of war experience in China but that it had been deemed not suitable for publication by the Political Warfare General Department of the Republic of Vietnam Army.</p>
<p>Vào khoảng 10 giờ tối, tôi trực-tiếp nói chuyện bằng vô-tuyến với tất cả hạm-trưởng để cho hay là tình-hình sẽ khó tránh được một cuộc đụng-độ, và yêu-cầu các vị này chuẩn-bị các chiến-hạm và huy-động tinh-thần nhân-viên để sẵn-sàng chiến-đấu. Tôi biết rõ cuộc chiến nếu xảy ra thì tất cả nhân-viên đều không đủ kinh-nghiệm cho các cuộc hải-chiến, vì từ lâu các chiến-hạm chỉ chú-tâm và đã thuần-thuộc trong công-tác tuần-dương ngăn-chặn hoặc yểm-trợ hải-pháo mà thôi, nếu có những nhân-viên đã phục-vụ trong các giang-đoàn tại các vùng sông ngòi thì họ chỉ có những kinh-nghiệm về chiến-đấu chống các mục-tiêu trên bờ và với vũ-khí tương-đối nhẹ hơn và dễ-dàng trấn-áp đối-phương bằng hỏa-lực hùng-hậu.</p>	<p>About 22:00 hours, through wireless radio, I spoke directly with all four commanding officers to inform them that a skirmish was unavoidable and that they should prepare their ships and mobilize their men to be ready to fight. I clearly knew that if the naval battle took place, all of my men would be at a disadvantage because of their limited experience. For long our surface combatant force had been well trained for coastal patrol and maritime interdiction or for providing gunfire in support of ground forces ashore. As for those naval officers and sailors who had served in various Riverine Assault Groups in the Mekong Delta, they only had experience in inshore operations against Việt Cộng guerrillas using relatively light weapons or overwhelming firepower if needed to suppress the guerrillas in their base areas.</p>
<p>Vào khoảng 11:00 giờ tối ngày 18, một lệnh hành-quân, tôi không còn nhớ được xuất-xứ, có thể là của Vùng I duyên-hải, được chuyển mã-hóa trên băng-tần SSB (single side band) (Ghi chú của Trần Đổ Cẩm: đây là công điện Mật/Khẩn chiến dịch mang số 50.356, nhóm ngày giờ 180020H/01/74 do BTL/HQ/V1ZH gửi với tiêu đề: Lệnh Hành Quân Hoàng Sa 1). Lệnh hành-quân vừa được nhận vừa mã-dịch ngay nên không bị chậm-trễ, và lệnh này ghi rõ quan-niệm hành-quân như sau: tái-chiếm một cách hòa-bình đảo Quang-Hòa. Lệnh hành-quân cũng không ghi tình-hình địch và lực-lượng trừ-bị nhưng những kinh-nghiệm từ trước tới nay nhất là trong hai năm tôi đảm-nhận trách-vụ Tham-mưu-phó hành-quân tại BTL/HQ, tôi dự-đoán Trung-cộng, vì đã thiết-lập một căn-cứ tiền-phương tại đảo Phú-lâm thuộc nhóm Tuyên-đức nằm về phía đông-bắc đảo Hoàng-Sa sát vĩ-tuyến 17, nên họ đã có thể đã phối-trí tại đây lực-lượng trừ-bị, và hơn nữa trên đảo Hải-Nam còn có một căn-cứ Hải-</p>	<p>Around 23:00 hours on January 18, 1974, a coded execute order that I no longer remember its source and that could come from the headquarters of Coastal Zone I was transmitted via a SSB (single side band) frequency (Trần Đổ Cẩm's footnote: This is a coded urgent and secret execute order numbered 50.356, dated 180020H/01/74, and sent from the headquarters of Coastal Zone I with a heading as follows: Execute Order for Operation Paracel 1). The order, which was immediately decoded as it was received to avoid any delay, clearly noted down the following main objective: Repossess Duncan Island peacefully. Although the order did not spell out the enemy strength and its reserve troops, from my two-year experience as Deputy Chief of Staff for Operations at the Republic of Vietnam Navy Headquarters, I predicted the Chinese Navy would have its reserve troops on Woody Island. This island belongs to the Amphitrite Group lying</p>

quân rất lớn và một không-lực hùng-hậu với các phi-cơ MIG 19 và 21 với khoảng cách gần hơn là từ Đà-nẵng ra. Việc Trung-cộng lấn-chiếm những đảo không có quân trú-phòng của ta trong vùng Hoàng-Sa, đã phải được họ chuẩn-bị và thiết-kế chu đáo từ lâu trước khi tái tuyên-bố chủ-quyền. Trong khi đó việc Hải-quân VNCH phát-hiện sự hiện-diện của họ chỉ có từ khi Tuần-dương-hạm HQ 16 được lệnh đến thăm-viếng định-kỳ và chờ theo phái-đoàn công-binh Quân-đoàn I ra thám-sát đảo để dự-kiến việc thiết-lập một phi-đạo ngắn.



MIG 19
{<http://miglover.files.wordpress.com/2007/09/shenyangj-5-2424.jpg>}

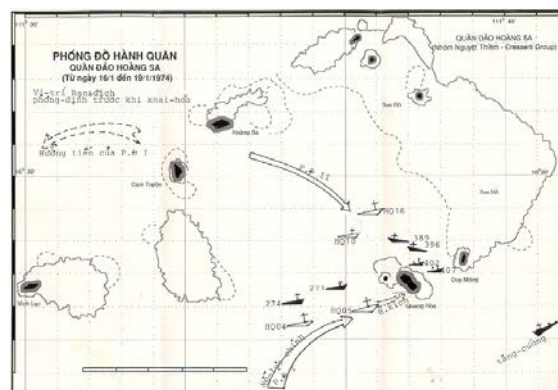
northeast of Pattle Island close to the 17th parallel where the Chinese Navy had built an outpost. Furthermore, the Chinese Naval Air Force had a large naval air station equipped with MIG 19 and MIG 21 fighter aircraft on the island of Hainan closer to the Paracel Islands than Đà Nẵng. China's occupation of the vacant islands within the Paracel Islands must have been well prepared and well planned in advance before it announced its sovereignty. Meanwhile, the Republic of Vietnam Navy only became aware of the presence of Chinese troops when the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) was ordered to make a scheduled visit and to carry a company of I Corps combat engineers planning to scout an area in preparation for building a short landing strip.



MIG 21 (Reference 7)

Ngay sau khi hoàn-tất nhận lệnh hành-quân, tôi chia Hải-đoàn thành hai phân-đoàn đặc-nhiệm: Phân-đoàn I là nỗ-lực chính gồm Khu-trục-hạm HQ 4 và Tuần-dương-hạm HQ 5 do Hạm-trưởng Khu-trục-hạm HQ 4 chỉ-huy; Phân-đoàn II là nỗ-lực phụ gồm Tuần-dương-hạm HQ 16 và Hộ-tổng-hạm HQ 10 do Hạm-trưởng Tuần-dương-hạm HQ 16 chỉ-huy. Nhiệm-vụ là phân-đoàn II giữ nguyên vị-trí trong lòng chảo Hoàng-Sa để tiến về đảo Quang-Hòa vào buổi sáng. Phân-đoàn I khởi hành vào 12:00 đêm đi bọc về phía tây rồi xuống phía nam sẽ có mặt tại nam đảo Quang-Hòa vào 06:00 sáng ngày hôm sau tức là ngày 19 để đổ-bộ toán hải-kích. Phân-đoàn I phải đi bọc ra phía tây quần-đảo thay vì đi thẳng từ đảo Hoàng-Sa xuống đảo Quang-Hòa là để tránh việc các chiến-hạm Trung-cộng có thể lại vận-chuyển ngăn-chặn đường tiến của chiến-hạm như họ đã làm vào buổi chiều, và lại việc hải-hành tập-đội về đêm trong vùng có bãi cạn

Immediately after I finished receiving the coded execute order, I divided our task force into two groups:



Battleground (Reference 11)

- Group I, the striking force, consists of the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) and cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) under the command of Navy Commander

và đá ngầm có thể gây trở ngại cho các chiến-hạm, nhất là Khu-trục-hạm còn có bồn SONAR (máy dò tiềm-thủy-đỉnh), hy-vọng hải-trình như vậy sẽ tạo được yếu-tố bất ngờ. Hơn nữa về mùa gió đông-bắc, việc đổ-bộ vào phía tây-nam sẽ tránh được sóng biển cho xuống-bè. Nên ghi-nhận tại điểm này là kể từ năm 1973, toán cố-vấn HQ Hoa-kỳ tại Hạm-đội mà trưởng toán là HQ Đại-tá Hamn (tên họ) đã nhiều lần yêu-cầu tháo gỡ máy Sonar trên các khu-trục-hạm. Phó Đề-đốc Nguyễn-thành-Châu (lúc đó còn mang cấp HQ Đại-tá) Tư-lệnh Hạm-đội đã trao nhiệm-vụ cho tôi thuyết-phục họ giữ máy lại để dùng vào việc huấn-luyện. Mãi đến khi HQ Đại-tá Nguyễn-xuân-Sơn nhận chức Tư-lệnh Hạm-đội một thời-gian, tôi vẫn tiếp-tục liên-lạc với toán cố-vấn, và sau cùng họ mới bằng lòng giữ máy lại với tính-cách để huấn-luyện. Thực ra một khu-trục-hạm mà thiếu máy thám-xuất tiềm-thủy-đỉnh thì khả-năng tuần-thám và tấn-công sẽ giảm đi nhiều.



HQ Trần Hưng Đạo (DER 1), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (Reference 9)



HQ Trần Hưng Đạo (DER 1), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{http://www.vnafmamn.com/NAVYphoto/HQ1_illustration.jpg}

Vũ Hữu San, Commanding Officer, HQ Trần Khánh Dư

- Group II, the auxiliary force, comprises the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) and escort HQ Nhật Tảo (MSF 10) under the command of Navy Commander Lê Văn Thự, Commanding Officer, HQ Lý Thường Kiệt

The objective of Group II was to remain in the shallow water environment of Pattle Island in order to move to Duncan Island in the morning. Group I would set off at 00:00 hours to go around by heading west, then south to arrive in the southern part of Duncan Island around 06:00 hours on the following day, January 19, 1974, in order to land our amphibious assault team. Group I had to go around heading west instead of straight from Pattle Island to Duncan Island in order to avoid being intercepted by the Chinese warships as they had done during the afternoon. In addition, night movement in the shallow sea of coral reef could cause trouble to our ships, especially the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) which had a hull-mounted anti-submarine sonar. Hopefully such a movement would create an element of surprise. Furthermore, in the face of northeast wind, landing in the southwest area would enable our landing craft to avoid the high waves of the sea. At this point it should be recorded that since 1973, the group of U.S. Navy advisors, headed by Captain Hamn at our Fleet Forces Command, many times requested to have the anti-submarine sonar on the HQ Trần Khánh Dư and her sister ship, the destroyer HQ Trần Hưng Đạo (DER 1), removed. At that time, Captain Nguyễn Thành Châu (Commodore Selectee), Fleet Forces Commander, assigned me to convince the Americans that we needed the sonar for training purposes. Even after Captain Nguyễn Xuân Sơn becoming Fleet Forces Commander, I continued to stay contact with Captain Hamn, and finally he agreed to our training idea. In fact, a destroyer without its anti-submarine sonar loses its offensive and defensive capabilities.

5. Diễn-Tiến Trận Hải-Chiến Ngày 19 Tháng 1 Năm 1974	5. Orders of Battle
<p>Đúng 6:00 sáng ngày 19, trời vừa mờ sáng, Phân-đoàn I đã có mặt tại tây-nam đảo Quang-Hòa, thủy-triều lớn, tầm quan-sát trong vòng 1.50 đến non 2.00 hải-lý, trời có ít mây thấp nhưng không mưa, gió đông-bắc thổi nhẹ, biển tương-đối êm tuy có sóng ngầm. Phân-đoàn I tiến sát đảo khoảng hơn 1 hải-lý, Tuần dương-hạm HQ 5 nằm gần bờ hơn một chút để thuận-tiện đổ-bộ hải-kích. Hai chiếc Kronstadt 271 và 274 bị bất ngờ rõ-rệt nên thấy họ đã vận-chuyển lúng-túng và không thực-hiện được hành-động ngăn-cản như họ đã từng làm vào chiều hôm trước. Tôi cũng bị bất-ngờ là hai chiếc chủ-lực địch lại có mặt cùng một nơi để sẵn-sàng đối đầu mà tôi không phải tìm-kiếm họ, như tôi đã coi họ như là mục-tiêu chính. Họ đã phải luồn ra khỏi khu lòng chảo vào ban đêm, nhưng không hiểu là họ có theo dõi được đường tiến-quân của Phân-đoàn I hay không? Vào giờ này thì họ đã phải biết rõ là Tuần-dương-hạm HQ 5 là chiến-hạm chỉ-huy của ta và cũng đã phải biết được hỏa-lực của chiếc khu-trục-hạm.</p>	<p>Exactly at 06:00 hours on January 19, 1974 when visibility was still reduced, Group I was already present southwest of Duncan Island. The tide was high. Visibility was from 1.5 to 2 nautical miles. The sky had a few low clouds but no rain anticipated. Light wind came from the northeast, and the sea was relatively calm with light waves. Group I approached closer, more than a nautical mile from Duncan Island. The cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) stationed closer to shore to conveniently land our amphibious assault team. The Chinese Kronstadt-class corvettes 271 and 274 were clearly caught off guard as they moved awkwardly and could not accomplish their interception as they had done successfully in the afternoon of the day before. I was also surprised to learn that I did not have to look for these two Chinese warships which had been present together since I considered them as our main targets. They must have sneaked out of the shallow water environment at night, but I was not sure whether or not they had followed the movement of Group I. I was sure they must have known HQ Trần Bình Trọng to be the flagship of my task force and must have been aware of the firepower of the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4).</p>
 <p>Cựu Hải Quân Đại Úy Nguyễn Minh Cảnh (Santa Ana, California, USA) – Hình chụp ngày 19 tháng 1 năm 2008</p>	 <p>Operation Trần Hưng Đạo 22 in 1973 (Reference 10)</p>

<p>Toán hải-kích do HQ Đại-úy Nguyễn-minh-Cảnh chỉ-huy đã được tôi chỉ-thị là không được nổ súng và lên bờ yêu-cầu toán quân của họ rời đảo. Trong toán này có một chiến-sĩ hải-kích Đỗ-văn-Long và luôn cả HQ Đại-Úy Nguyễn-minh-Cảnh là những chiến-sĩ đã tham-dự cuộc hành-quân đầu-tiên Trần-hưng-Đạo 22 (nếu tôi không lầm) cũng do tôi chỉ-huy để xây-cất doanh-trại và đặt quân trú-phòng đầu-tiên trên đảo Nam-Yết thuộc quần-đảo Trường-Sa vào cuối mùa hè năm 1973.</p>	<p>The amphibious assault team commanded by Lieutenant Nguyễn Minh Cảnh was instructed by me not to open fire when landing and request the Chinese troops to leave the island. In this team, only Nguyễn Minh Cảnh and Đỗ Văn Long participated in the first Operation Trần Hưng Đạo 22 (if I am not mistaken) under my command to build a barrack and station our troops to defend Namyit Island belonging to the Spratly Islands near the end of the summer of 1973.</p>
<p>Một lần nữa, khi toán hải-kích xuống xuống cao-su, tôi đích-thân ra cầu thang căn-dẫn và nhấn mạnh về việc đổ-bộ mà không được nổ súng, và khi bắt liên-lạc được với họ thì yêu-cầu họ rời khỏi đảo.</p>	<p>Once again, as the amphibious assault team descended to its two rubber boats, I personally went to the ladder to remind the team of the fact that the landing should be without force, and when contact was made, we should request the Chinese troops to leave the island.</p>
<p>Tôi không chắc là cuộc đổ-bộ sẽ thành-công vì quân Trung-cộng trên đảo đã phải tổ-chức bố-phòng cẩn-mật tiếp theo sự thất-bại của họ trên các đảo khác đã nói ở trên, trong khi đó toán hải-kích lại không có được hỏa-lực chuẩn-bị bãi đổ-bộ. Một lần nữa tôi lại chỉ-thị cho các hạm-trưởng chuẩn-bị để chiến-đấu. Nếu cuộc đổ-bộ thất-bại thì với hỏa-lực của 2 khẩu 76 ly tự-động trên Khu-trục-hạm HQ 4, một chiến-hạm chủ-lực của Hải-đoàn đặc-nhiệm, sẽ có đủ khả-năng loại ít nhất là hai chiến-hạm chủ-lực Trung-cộng ra khỏi vòng chiến không mấy khó-khăn, còn quân-bộ của Trung-cộng trên-đảo thì tôi tin chỉ là một mục-tiêu thanh-toán sau cùng. Tôi còn có ý-định là sẽ điều-động chiếc khu-trục-hạm vượt vùng hơi cạn trực-chỉ hướng bắc vào thẳm vùng lòng chảo để tăng-cường cho Phân-đoàn II nếu cần sau khi đã loại xong 2 chiếc Kronstadt mà tôi luôn-luôn cho là mục-tiêu chính. Tôi rất vững lòng vào hỏa-lực của chiến-hạm chủ-lực vì tôi đã được tường-trình đầy-đủ về khả-năng của hải-pháo 76 ly tự-động khi Khu-trục-hạm này yểm-trợ hải-pháo tại vùng Sa-huỳnh trong nhiệm-kỳ hạm-trưởng của HQ Trung-Tá Nguyễn-quang-Tộ.</p>	<p>I was not sure the landing would be successful since Chinese armies had guarded Duncan Island with strict security precautions after their failure on the other islands. Meanwhile, the amphibious assault team did not have the gunfire of our ships in support of its landing. Once again, I instructed the four commanding officers to prepare for combat. If the landing failed, the firepower of two automatic 76-mm guns on the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4), the powerful ship of the task force, would be easily capable of putting the Chinese Kronstadt-class corvettes 271 and 272 out of action. As for the Chinese ground troops on the island, I believed they would be the final targets to be eliminated. I still had an intention of mobilizing the HQ Trần Khánh Dư to head north to the shallow water environment to reinforce Group II if needed, after having eliminated our main targets, the Chinese Kronstadt-class corvettes 271 and 272. I was very confident in the firepower of this ship since I had been fully briefed on the capability of these two automatic 76-mm guns when this ship had provided gunfire support in the area of Sa-Huỳnh under the command of Navy Commander Nguyễn Quang Tộ.</p>
<p>Biệt-đội hải-kích tiến vào đảo bằng 2 xuống cao-su, từ chiến-hạm ta, việc quan-sát sự bố-phòng của Trung-cộng trên đảo không được rõ</p>	<p>The amphibious assault team approached Duncan Island via its two inflatable rubber boats. From the bridge of the cruiser HQ Trần</p>

<p>ràng. Các chiến-hạm Trung-cộng cũng không có phản-ứng gì đối với xuồng của hải-kích. Theo báo-cáo của Biệt-đội-trưởng hải-kích thì chiến-sĩ hải-kích Đỗ-văn-Long là người đầu-tiên tiến vào đảo và vừa nổ súng vừa tiến vào trong nên đã bị hỏa-lực trong bờ bắn tử-thương ngay tại bãi-biển. HQ Trung-Úy Lê-văn-Đơn (xuất-thân từ bộ-binh) tiến vào để thu-hồi tử-thi của liệt-sĩ Long cũng lại bị tử-thương ngay gần xuồng nên tử-thi vị sĩ-quan này được thu-hồi ngay. Việc thất-bại đổ-bộ được báo-cáo ngay về Bộ-Tư-lệnh HQ vùng I duyên-hải và chừng ít phút sau đó (vào khoảng 09:30 sáng) thì đích thân Tư-lệnh HQ VNCH hay Tư-lệnh Vùng I duyên-hải ra lệnh vẫn-tắt có hai chữ: "khai-hỏa" bằng bạch-văn cho Hải-đoàn đặc-nhiệm và không có chi-tiết gì khác hơn. Tôi nhận biết được khẩu-lệnh trên băng siêu-tần-số SSB (single side band) không phải là của nhân-viên vô-tuyến mà phải là của cấp Đô-đốc, nhưng từ đó đến nay tôi vẫn tin rằng là của Tư-lệnh Hải-quân mà tôi đã quen-thuộc giọng nói, nên tôi đã không kiểm-chứng thêm về sau. Tôi trở nên yên-tâm hơn vì khẩu-lệnh khai hỏa đã giải-tỏa trách-nhiệm của tôi ghi trong phần quan-niệm của lệnh hành-quân là tái-chiếm một cách hòa-bình. Tôi đích-thân vào máy siêu-tần-số trình ngay là chưa có thể khai-hỏa được vì phải chờ triệt-thối toán hải-kích về chiến-hạm, họ còn trên mặt biển và ở vào vị-thế rất nguy-hiểm. Riêng tử-thi của liệt-sĩ hải-kích Đỗ-văn-Long tôi lệnh không cho vào lấy vì có thể gây thêm thương-vong. Tôi tin rằng tử-thi của Liệt-sĩ Long sẽ không khó-khẩn để thu-hồi khi toán quân-bộ Trung-cộng được tiêu-diệt sau đợt các chiến-hạm của họ bị loại hoàn-toàn khỏi vòng chiến.</p>	<p>Bình Trọng (WHEC 5), my observation of China's defense measures on the island was not clear. Meanwhile, the Chinese warships strangely enough seemed not to have any reaction to the landing. According to the report of the amphibious assault team leader, Đỗ Văn Long was the first to come ashore and as he opened fire to advance he was fatally shot right on the shoreline. Lieutenant Junior Grade Lê Văn Đơn (transferred from the Republic of Vietnam Army) tried to retrieve Long's body but was also shot dead near the boat. His body was quickly recovered. This failed landing attempt was reported immediately to the headquarters of Coastal Zone I. A few minutes later (around 09:30 hours) either the Chief of Naval Operations or the Commander in Chief of Coastal Zone I personally issued a brief and plain order in two words to the task force: "open fire" and no other details. As I received the voice order via the SSB (single side band) I knew it did not come from a communications technician, but from a flag officer who I believed was the Chief of Naval Operations. Since I was so familiar with his voice, I did not verify further. I became at ease since the verbal order to "open fire" had cleared my responsibility of repossessing the island by peaceful means as specified in the execute order. I personally used the radio explaining we could not open fire yet as the amphibious assault team was still at sea on its way back to the HQ Trần Bình Trọng and in danger of being caught in the crossfire. As for Đỗ Văn Long, I ordered my people not to retrieve his body for fear of losing more lives. I firmly believed it would not be difficult to retrieve Long's body once the Chinese ground troops on Duncan Island were wiped out after their warships had been completely put out of action.</p>
<p>Vào khoảng gần 10:00 giờ sáng, toán hải-kích được hoàn-tất thu-hồi về Tuần-dương-hạm HQ 5 với HQ Trung-Úy Lê-văn-Đơn tử-thương. Trong khi đó thì tôi chỉ-thị cho các chiến-hạm chuẩn-bị tấn-công, mỗi chiến-hạm tấn-công một chiến-hạm địch, và bám sát địch trong tầm hải-pháo 40 ly (khoảng 3 cây-số), vì loại hải-pháo này có nhịp tác-xạ cao, để điều-chỉnh</p>	<p>Around 10:00 hours, the amphibious assault team finished boarding the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) with the dead body of Navy Lieutenant Junior Grade Lê Văn Đơn. At the same time, I ordered all four ships to prepare for attack. Each ship would take on one Chinese warship, and would stay close to its target within the range of its 40-mm guns</p>

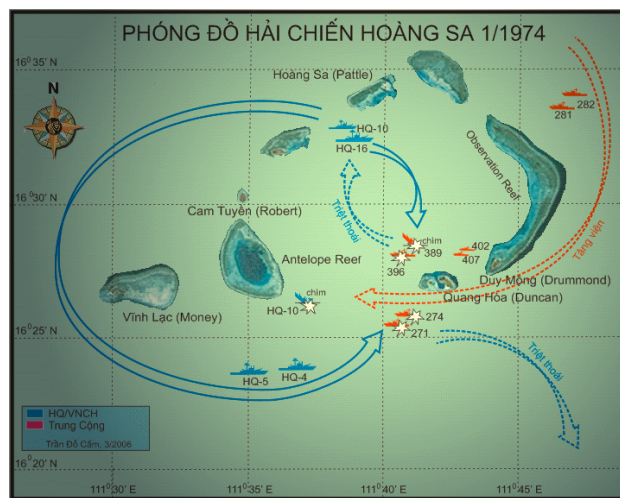
<p>và xoay hướng nhanh hơn. Tôi không tin-tưởng nhiều vào hải-pháo 127 ly và khả-năng điều-khiển chính-xác của nhân-viên vì hải-pháo chỉ có thể tác-xạ từng phát một, nạp đạn nặng-nề và chậm xoay hướng nên tốt hơn là trực-xạ.</p>	<p>(around 3 km) since this gun has a faster rate of firing, is easily adjusted, and trains quicker. I did not have any confidence in our 127-mm guns and the ability of our gunners to aim accurately because these guns fire one round at a time, are clumsy in loading and too heavy to train.</p>
<p>Tất cả các chiến-hạm phải cùng khai-hỏa một lúc theo lệnh khai-hỏa của tôi để tạo sự bất ngờ và sẽ gây thiệt-hại trước cho các chiến-hạm Trung-cộng. Vì tầm quan-sát còn rất hạn-chế, nên từ Tuần-dương-hạm HQ 5 không quan-sát được Tuần-dương-hạm HQ 16 và Hộ-tống-hạm HQ 10 cũng như hai chiến-hạm khác và hai ngư-thuyền ngư-trang của Trung-cộng nên tôi không rõ các chiến-hạm này bám-sát các chiến-hạm Trung-cộng được bao nhiêu, nhưng tôi đã tin rằng Phân-đoàn II không có bận tâm về việc đổ-bộ nên có nhiều thì-giờ hơn để thi-hành kế-hoạch tấn-công và sẽ dễ-dàng chế-ngự được hai chiến-hạm phụ của địch cùng hai ngư-thuyền. Riêng Tuần-dương-hạm HQ 5 và Khu-trục-hạm HQ 4 đã nghiêm-chỉnh thi-hành lệnh. Trước khi ban-hành lệnh khai-hỏa tôi lần-nữa hỏi các chiến-hạm đã sẵn-sàng chưa và nhấn-mạnh một lần nữa là phải khai-hỏa đồng-loạt để đạt yếu-tố bất-ngờ. Các hạm-trưởng đích-thân trên máy VRC 46 lần-lượt báo-cáo sẵn-sàng. Tôi rất phấn-khởi vì giờ tấn-công hoàn-toàn do tôi tự-do quyết-định, không phải lệ-thuộc vào lệnh của thượng-cấp và vào ý-đồ chiến-thuật của địch. Địch lúc này đã tỏ ra không có một ý-định gì cản-trở hay tấn-công chiến-hạm ta.</p>	<p>All four ships had to open fire simultaneously under my order to create an element of surprise and to quickly disable the Chinese warships. Because of poor visibility, from the bridge of the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) I could not make any observations toward the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) and escort HQ Nhật Tảo (MSF 10), as well as the other two Chinese T43-class minesweepers numbered 389 and 396, and the two disguised fishing boats numbered 402 and 407. Therefore, I was not sure how close the HQ Lý Thường Kiệt and HQ Nhật Tảo were to their targets. But I believed that since these two ships of Group II were not busy themselves with the landing task, they should have plenty of time to carry out the plan of attack, and would easily suppress the two auxiliary ships as well as the two disguised fishing boats. As for the HQ Trần Bình Trọng and destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4), they respectfully followed the order. Before I ordered open fire, I again asked each of the four ships whether they were ready or not, and emphasized one more time that we had to open fire simultaneously to achieve the element of surprise. Each commanding officer in turn answered on the VCR 46 to report his ship was ready. I was very elated because I was now in control of the attack hour, no longer dependent upon the execute order from my superior or the military tactics of the enemy. This time the Chinese warships did not show any signs of intercepting or attacking our ships.</p>
<p>Hải-quân Đại-Tá Đỗ-Kiểm, Tham-mưu-phó hành-quân tại Bộ-Tư-lệnh Hải-quân còn đặc-biệt cho tôi hay là có chiến-hạm bạn ở gần, nhưng với sự hiểu-biết của tôi, tôi không có một chút tin-tưởng gì vào đồng-minh này vì kể từ tháng 2 năm 1972 khi Hoa-Kỳ và Trung-</p>	<p>Navy Captain Đỗ Kiểm, Deputy Chief of Staff for Operations at the Republic of Vietnam Navy Headquarters, informed me of the presence of U.S. Navy ships nearby. However, from my experience, I had not had any confidence in our ally since the U.S. and China ended their</p>

cộng đã chấm-dứt sự thù-nghịch nên Hải-quân của họ sẽ không một lý do gì lại tham-dự vào việc hỗ-trợ Hải-quân Việt-Nam trong vụ tranh-chấp về lãnh-thổ. Họ chẳng họ có thể cứu-vớt những người sống-sót nếu các chiến-hạm HQVN lâm-nạn. Nhưng thực-tế cho thấy trong suốt cuộc tìm-kiếm những nhân-viên từ Hộ-tống-hạm HQ 10 và các toán đã đổ-bộ lên trấn giữ các đảo đã đào-thoát để trở về đất liền, chúng ta không nhận thấy một hành-động nhân-đạo nào từ phía đồng-minh kể cả của phi-cơ không-tuần.

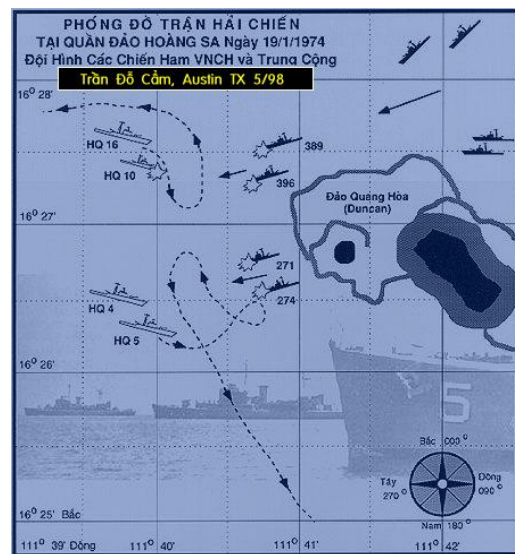
animosity beginning February 1972. Thus, there should be no reason for the U.S. Pacific Fleet to get involved in helping us in a territorial dispute between the Republic of Vietnam and the People's Republic of China. American ships could rescue our men in case we were in trouble. However, reality indicated otherwise that during the search and rescue of the survivors of the escort HQ Nhật Tảo (MSF 10) and of our ground troops defending Pattle Island who managed to avoid capture by Chinese naval forces, we did not see any humanitarian acts from the U.S. ships or aircrafts.

Khoảng 10:24 sáng thì lệnh khai-hỏa tấn-công được ban-hành và tôi vào trung-tâm chiến-báo trực-tiếp báo cáo bằng máy siêu-tần-số SSB, tôi đã cố-ý giữ ống nói sau khi tôi chấm-dứt báo-cáo để tiếng nổ của hải-pháo cũng được truyền đi trên hệ-thống này. Cuộc khai-hỏa tấn-công đã đạt được yếu-tố bất ngờ cho các chiến-hạm địch vì tôi cho rằng họ vẫn tin là các hành-động của chiến-hạm cũng tương-tự như trong những vài ngày trước, khi Hải-quân Việt-Nam đổ-quân trên các đảo Cam-tuyền, Vĩnh-lạc và Duy-mộng và nhất là cuộc phô-diễn lực-lượng của hải-đoàn đặc-nhiệm ngày hôm trước Hải-quân Việt-Nam đã không có một hành-động khiêu-khích nào, mà còn chấp-thuận giữ liên-lạc bằng quang-hiệu.

Around 10:24 hours, the order to open fire was issued and I went into the Combat Information Center (CIC) of the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) to directly report the battle to the headquarters of Coastal Zone I via the SSB (single side band). I intentionally held the microphone after I finished reporting so that the sound of gunfire was also recorded. The attack achieved the element of surprise since the Chinese warships thought that our action was like the days before, i.e., the peaceful landing of our ground troops on the islands of Robert, Money, and Drummond, and especially, the unprovoked tactical exercise of our task force that brought about the direct communication via light signal between both sides.

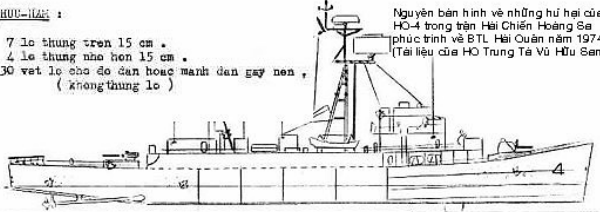
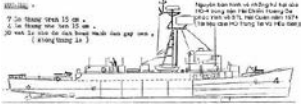
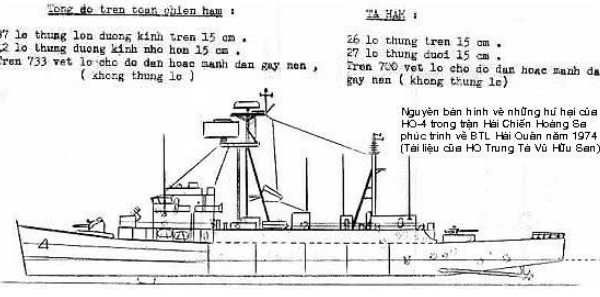
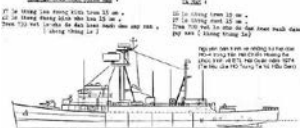


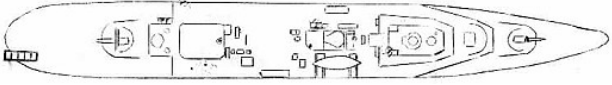


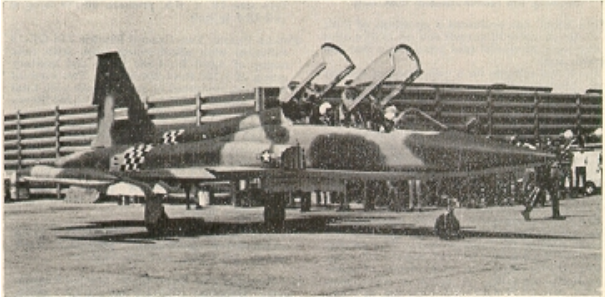
{<http://doanket.orgfree.com/>}



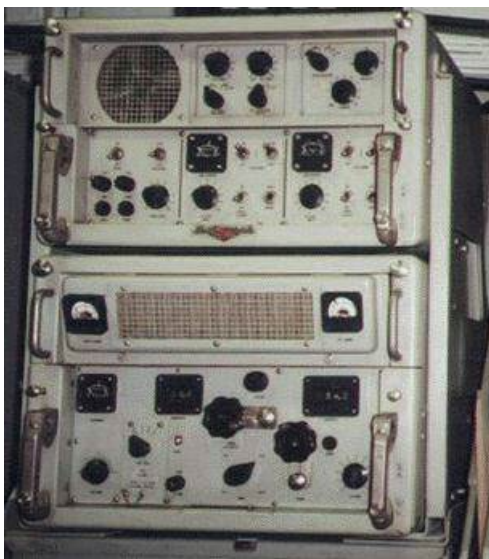
Battlefront (Reference 8)

<p>Chiếc Kronstadt 271 nằm về hướng tây gần đảo Quang-Hòa, hướng mũi về phía tây là mục-tiêu của Tuần-dương-hạm HQ 5 đang hướng mũi vào bờ tức là phía đông, đặt mục-tiêu về phía tả-hạm (tức là phía bắc). Chiếc này bị trúng đạn ngay từ phút đầu, vận-chuyển rất chậm-chạp nên đã là mục-tiêu rất tốt cho Tuần-dương-hạm HQ 5. Hỏa-lực của chiếc Kronstadt 271 này không gây nhiều thiệt-hại cho Tuần-dương-hạm HQ 5, nhưng có thể đã gây thiệt-hại nặng cho Hộ-tổng-hạm HQ 10 nằm về phía bắc. Khu-trục-hạm HQ 4 nằm về phía tây-nam của Tuần-dương-hạm HQ 5 đặt mục-tiêu là chiếc Kronstadt 274 nằm về phía bắc tức là tả-hạm của chiến-hạm. Nhưng chẳng may, HQ 4 báo cáo bị trở-ngại tác-xạ ngay từ phút đầu-tiên và phải chờ sửa-chữa. Việc này đã làm đảo lộn các dự-tính của tôi và làm tôi bối-rối. Sau vài phút thì chiến-hạm này xin bắn thử và kết-quả là vẫn bị trở-ngại và cần tiếp-tục sửa chữa thêm, nhưng tôi vẫn còn chút hy-vọng. Khu-trục-hạm HQ 4 vài phút sau lại xin tác-xạ thử lần thứ ba nhưng vẫn không có kết-quả, tuy-nhiên chiến-hạm này vẫn phải tiếp-tục bám-sát mục-tiêu của mình trong tầm các loại đại-liên nên đã bị thiệt-hại nhiều bởi hỏa-lực của chiếc Kronstadt 274, và đại-liên đã không áp-đảo được hỏa-lực của địch.</p>	<p>The Chinese Kronstadt-class corvette 271 stationed off the west coast of Duncan Island with her bow heading west was the target of the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) whose bow pointing east and guns on the port side pointing north. The Chinese warship was immediately hit in the first minute, moving so slowly that it became a good target for the HQ Trần Bình Trọng. The firepower of this Kronstadt-class corvette did not cause any serious damage to the HQ Trần Bình Trọng, but could cause heavy damage to the escort HQ Nhật Tảo (MSF 10) lying further north. The destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) lying southwest of the HQ Trần Bình Trọng aimed at the Kronstadt-class corvette 274 on its port side. Unfortunately, the HQ Trần Khánh Dư reported that it had trouble firing its 76-mm guns in the first minute and had to wait for repairs. This report upset my plan and caused difficulties. After a few minutes, the HQ Trần Khánh Dư retried its 76-mm guns and they were still inoperable, but I still had a little bit of hope. After a few more minutes, the HQ Trần Khánh Dư tried for the third time but without success. However, since this ship had to follow closely its target to stay within the range of its heavy machine guns, it was seriously damaged by the firepower of the Kronstadt-class corvette 274.</p>
<p>Trên Tuần-dương-hạm HQ 5, tôi sử-dụng chiếc máy PRC 25 trước ghế hạm-trưởng bên hữu-hạm của đài chỉ-huy để liên-lạc với các chiến-hạm, tôi vừa rời ghế để ra ngoài quan-sát hai phía thì một trái đạn loại nổ mạnh gây một lỗ lủng khoảng nửa thước đường kính và làm nát máy PRC 25, nên từ phút này trở đi tôi phải vào tận Trung-tâm chiến-báo để dùng máy VRC 46. Hạm-trưởng Tuần-dương-hạm HQ 5 đứng cạnh đài chỉ-huy bên tả-hạm với sĩ-quan hải-pháo để dễ quan-sát mục-tiêu được chỉ-định, nên tôi thường nói trực-tiếp với hạm-trưởng tại nơi này. Trung-tâm chiến-báo của chiến-hạm này chỉ quen-thuộc dùng radar vào việc hải-hành, và lại trời mù, mây thấp, radar có nhiều nhiễu-xạ nên tôi không được rõ về vị-trí của Phân-đoàn II và các chiến-hạm của địch còn nằm trong khu lòng-chảo Hoàng-Sa.</p>	<p>On the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), I used the PRC 25 in front of the commanding officer's chair on the starboard side of the bridge to stay in contact with the other ships. As I left the chair to go outside to observe both sides of the ship, a high-explosive projectile burst violently nearby creating a small crater of half a meter in diameter and completely destroying the PRC 25. Hence, I had to go to the ship's Combat Information Center to use the VCR 46. Since the commanding officer of the HQ Trần Bình Trọng and his weapons officer stood on the port side of the bridge to easily observe their designated target, this is where I usually spoke directly with the commanding officer. In the Combat Information Center, due to fog and low cloud radar had diffraction; as a result, I could not</p>

	<p>comprehend the exact positions of Group II and of the enemy warships in the shallow water environment of Duncan Island.</p>
<p>Sau chừng 15 phút thì Tuần-dương-hạm HQ 16 báo-cáo là bị trúng-đạn hầm máy, tàu bị nghiêng nên khả-năng vận-chuyển giảm-sút, buộc phải lui ra ngoài vòng chiến để sửa-chữa và cũng không còn liên-lạc được với Hộ-tổng-hạm HQ 10, không biết rõ tình-trạng và chỉ thấy nhân-viên đang đào-thoát. Tôi nhận thấy một tuần-dương-hạm đã vận-chuyển nặng-nề mà chỉ còn một máy và bị nghiêng, nếu tiếp-tục chiến-đấu thì sẽ là một mục-tiêu tốt cho địch, nên tôi đã không ra phản-lệnh. Ngoài ra, Hạm-trưởng Tuần-dương-hạm HQ 16 là một vị sĩ-quan ít tích-cực hơn, nên tôi không mấy tin-tưởng là vị này có thể vượt qua được các khó-khăn kỹ-thuật để cố-gắng tiếp-tục tấn-công. Khu-trục-hạm HQ 4 đã bị thiệt-hại nhiều sau khi phải bám-sát chiến-hạm địch trong tầm đại-liên, nên tôi ra lệnh cho Khu-trục-hạm HQ 4 phải rút ra khỏi vòng-chiến ngay và chỉ-thị cho Tuần-dương-hạm HQ 5 yểm-trợ cho chiếc này khi tiến ra xa, vì tất-nhiên Hải-đội đặc-nhiệm không thể để bị thiệt-hại một khu-trục-hạm mà Hải-Quân VNCH chỉ có tổng-cộng 2 chiếc mà thôi.</p>	<p>After 15 minutes, the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) reported its engine room was hit. Since the ship was listing, its speed was reduced. It requested to retreat out of the action area in order to make repairs and thus lost contact with the escort HQ Nhật Tảo (MSF 10), not knowing exactly the ship's status except sighting the crew abandoning the ship. I granted the HQ Lý Thường Kiệt the request to withdraw since I recognized that this cruiser was slowly moving with one engine operational and it was listing. If it continued to fight, it would become a good target for enemy ships. In addition, the commanding officer of the HQ Lý Thường Kiệt was less energetic, I did not have confidence in his ability to overcome the technical difficulties of his ship to continue the attack. On the other hand, the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) was seriously damaged because of running close to the Kronstadt-class corvette 274 to stay within the range of its heavy machine guns. I also ordered the HQ Trần Khánh Dư to retreat and instructed the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) to provide cover because the Republic of Vietnam Navy had a total of two destroyers of this kind, i.e., our task force could not afford to lose this ship.</p>
<p>HỤP-HẠM :</p> <p>7 lỗ thủng trên 15 cm . 4 lỗ thủng nhỏ hơn 15 cm . 30 vết lo cho do đạn hoặc mảnh đạn gây nên , (không thủng lỗ)</p>  <p>Nguyên bản hình vẽ những hư hại của HQ-4 trong trận Hải Chiến Hoàng Sa phục trình về BTL Hải Quân năm 1974 (Tài liệu của HQ Trung Tá Vũ Hữu Sơn)</p>	 <p>7 lỗ thủng trên 15 cm . 4 lỗ thủng nhỏ hơn 15 cm . 30 vết lo cho do đạn hoặc mảnh đạn gây nên , (không thủng lỗ)</p> <p>Nguyên bản hình vẽ những hư hại của HQ-4 trong trận Hải Chiến Hoàng Sa phục trình về BTL Hải Quân năm 1974 (Tài liệu của HQ Trung Tá Vũ Hữu Sơn)</p> <ul style="list-style-type: none"> • 7 holes over 15 centimeters in diameter • 4 holes under 15 centimeters in diameter • 30 dents caused by shrapnel
<p>Tổng độ trên toàn chiến hạm :</p> <p>37 lỗ thủng lớn đường kính trên 15 cm . 42 lỗ thủng đường kính nhỏ hơn 15 cm . Trên 733 vết lo cho do đạn hoặc mảnh đạn gây nên , (không thủng lỗ)</p> <p>TÀ HẠM :</p> <p>26 lỗ thủng trên 15 cm . 27 lỗ thủng dưới 15 cm . Trên 700 vết lo cho do đạn hoặc mảnh đạn gây nên (không thủng lỗ)</p>  <p>Nguyên bản hình vẽ những hư hại của HQ-4 trong trận Hải Chiến Hoàng Sa phục trình về BTL Hải Quân năm 1974 (Tài liệu của HQ Trung Tá Vũ Hữu Sơn)</p>	 <p>26 lỗ thủng trên 15 cm . 27 lỗ thủng dưới 15 cm . Trên 700 vết lo cho do đạn hoặc mảnh đạn gây nên (không thủng lỗ)</p> <p>Nguyên bản hình vẽ những hư hại của HQ-4 trong trận Hải Chiến Hoàng Sa phục trình về BTL Hải Quân năm 1974 (Tài liệu của HQ Trung Tá Vũ Hữu Sơn)</p> <ul style="list-style-type: none"> • 26 holes over 15 centimeters in diameter • 27 holes under 15 centimeters in diameter • 700 dents caused by <p>Port side of HQ Trần Khánh Dư (DER 4), Republic of Vietnam Navy (References 3 & 8)</p>

<p>BƯỚC :</p> <p>4 lỗ thủng lớn trên 15 cm . 11 lỗ thủng nhỏ dưới 15 cm . 30 vết lõm cho đo đạn hoặc mảnh đạn gây nên , (không thủng lỗ)</p>  <p>Hư hại của Khu Trục Hạm HQ Trần Khánh Dư (DER 4) {References 3 & 8}</p>	<p>8)</p>  <p>HQ Trần Khánh Dư's deck (DER 4), Republic of Vietnam Navy (Reference 8)</p>	<p>shrapnel</p> <ul style="list-style-type: none"> • 4 holes over 15 centimeters in diameter • 11 holes under 15 centimeters in diameter • 30 dents caused by shrapnel
<p>Khi khu-trục-hạm HQ 4 ra khỏi vùng chiến, thì không bị chiếc Kronstadt 274 truy-kích hoặc tác-xạ đuổi theo, ngược lại chiếc này của địch có phần rảnh tay hơn để tấn-công Tuần-dương-hạm HQ 5 vào phía hữu-hạm hầu giảm-bớt hỏa-lực của chiến-hạm ta như để cứu vãn chiếc 271 đang bị tê-liệt. Vào giờ này thì tin-tức từ Bộ-Tư-lệnh Hải-quân tại Sài-gòn do chính Tham-mưu-phó hành-quân cho hay là một phi-đội khu-trục-cơ F5 đã cất-cánh để yểm-trợ cho Hải-đoàn đặc-nhiệm.</p>  <p>Phản Lực Cơ F-5, Không Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://upload.wikimedia.org/wikipedia/en/9/94/Vnf-5c-23tw-522fs--bh-1971.jpg}</p> <p>Do sự liên-lạc từ trước với Bộ-Tư-lệnh Sư-đoàn I Không-quân tại Đà-nẵng, tôi hiểu là phi-cơ F5 chỉ có thể yểm-trợ trong vòng 5 tới 15 phút mà thôi vì khoảng-cách từ Đà-nẵng tới Hoàng-Sa quá xa so với nhiên-liệu dự-trữ. Tôi vẫn tin rằng loãn tin việc phi-cơ cất-cánh, Bộ-Tư-lệnh Hải-quân đã cho rằng tin này có thể làm cho tôi vững-tâm chiến-đấu. Một điều nữa là từ trước tới giờ phút đó tôi chưa được thấy có cuộc thao-dượt hỗn-hợp nào giữa Không-quân và Hải-quân nên tôi rất lo-âu về sự nhận-dạng của phi-công để phân-biệt giữa chiến-hạm của Hải-quân Việt-Nam và chiến-hạm Trung-cộng, nhất là lúc có mây mù thấp, nên phi-cơ có thể gây tác-xạ nhầm mục-tiêu. Máy VRC 46 trong</p>	<p>As the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) began to retreat out of the action area, it was not pursued or fired upon by the Kronstadt-class corvette 274. On the contrary, this ship was now free to attack the starboard side of the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) in order to help rescue the disabled Kronstadt-class corvette 271. At this time, the information sent directly from the Deputy Chief of Staff for Operations at the Republic of Vietnam Navy Headquarters indicated that a squadron of F-5 had already taken off from Đà Nẵng air base to provide air cover for the task force.</p>  <p>F-5, Republic of Vietnam Air Force (Reference 7)</p> <p>From our prior liaison with the Headquarters of the Republic of Vietnam Air Force Division I at Đà Nẵng, I understood that the F-5 fighter aircraft with its external fuel tank could only provide air support within 5 to 15 minutes because of the long distance between Đà Nẵng and the Paracel Islands. I believed that this news of air operation from the Republic of Vietnam Navy Headquarters was nothing but to make me feel reassured to fight out the battle. Another concern is that up to that time I had never seen a joint training exercise between the Air Force and the Republic of Vietnam</p>	

Trung-tâm chiến-báo phải chuyển sang tần-số không-hải và đích thân tôi dùng danh-hiệu để bắt liên-lạc với phi-cơ. Một viên đạn xuyên-nổ trúng ngay Trung-tâm chiến-báo tử hữu-hạm, sát gần ngay nơi tôi đứng, làm trung-tâm bị phát-hỏa. Các nhân-viên trong trung-tâm còn mãi núp sau bàn hải-đồ thì tôi nhanh tay với một bình cứu-hỏa gần chỗ tôi đứng dập tắt ngay ngọn lửa. Tôi bị té ngã vì vấp chân vào bàn hải-đồ, bàn chân trái bị đau mất vài ngày. Tôi vẫn tiếp-tục liên-lạc với phi-cơ nhưng sau chừng 5 tới 10 phút vẫn không thấy đáp-ứng nên tôi phải ngưng và chuyển tần-số về liên-lạc với các chiến-hạm khác vì cuộc giao-tranh đã đến độ khốc-liệt hơn. Sau phút này thì Tuần-dương-hạm HQ 5 bị trúng nhiều đạn làm sĩ-quan trưởng-khẩu 127 ly tử-thương và hải-pháo bị bất-khiển-dụng vì phần điện điều-khiển pháo-tháp tê-liệt, và máy siêu-tần-số SSB không còn liên-lạc được vì giây trời bị sập rớt xuống sàn tàu, hiệu-kỳ hải-đội bị rách nát phần đuôi. Tôi ra ngoài quan-sát phía tả-hạm và được nghe báo cáo là hầm-đạn phát-hỏa. Tôi nói ngay với hạm-trưởng là cần phải làm ngập hầm-đạn. Khẩu hải-pháo 40 ly đơn tả-hạm bị bất-khiển-dụng vì bị trúng đạn vào khối nạp-đạn và khẩu 40 ly hữu-hạm bị hư-hại nhẹ. Tôi yêu-cầu hạm-trưởng là chỉ nên cho tác-xạ từng viên mà thôi, vì nhu-cầu phòng-không rất có thể xảy ra trong một thời-gian ngắn.



SSB

{http://www.io.com/~nielw/nat_list/wrr.jpg}

Navy. I became very worried about our pilots capable of identifying our ships and the Chinese ships, especially when the sky was cloudy and foggy. Our pilots could fire at wrong battlefield targets. The VCR 46 in the Combat Information Center had to be switched to a naval air frequency and I myself called to talk to the pilots using my appellation. Suddenly, a shell exploded in the starboard side of the Combat Information Center, close to where I stood, and the center caught fire. While the center's personnel were scared hiding behind a map table, I quickly grabbed a fire extinguisher nearby to immediately wipe out the fire. I fell down because I tripped over the map table; as a result, my left leg got hurt for a few days. I then continued to make contact with our F-5 fighter aircraft but after 5 to 10 minutes of no response I stopped and switched the VCR 46 back to its normal frequency to contact the other ships because the fighting was intensifying. This time the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) was hit in many places; not only the gunnery officer of the 127-mm gun was fatally wounded but also the gun itself was out of action because the electrically-actuated gun turret stopped rotating. The SSB (single side band) was also inoperative because its antenna fell down to the deck and the flag of the task force was completely torn. I went out to observe the port side and was reported that the ammunition room was on fire. I immediately instructed the commanding officer to flood the ammunition room. The 40-mm anti-aircraft (AA) gun (single) on the port side was inoperative because its self-loading was hit, and the other on the starboard side was slightly damaged. I requested the commanding officer to instruct his gunners to only fire one shell at a time because the gun might soon be needed for defense against aircraft attack.

Bất thần về phía đông vào khoảng 11:25 sáng cách xa chừng 8 đến 10 hải-lý, xuất hiện một chiến-hạm của Trung-cộng loại có trang bị mỗi bên một dàn phóng kép hỏa-tiến (loại hải-hải) (Ghi chú của Trần Đỗ Cẩm: đây là loại khinh tốc đỉnh Komar) đang tiến vào vùng giao-tranh với một tốc-độ cao, quan-sát được bằng mắt viễn-kính và không một chiến-hạm nào báo-cáo khám-phá được bằng radar từ xa. Tôi dự-đoán loại chiến-hạm này ít khi được điều-động từng chiếc một, và tin là có thể thêm ít nhất một chiếc theo sau. Với tình-trạng của Hải-đội đặc-nhiệm:



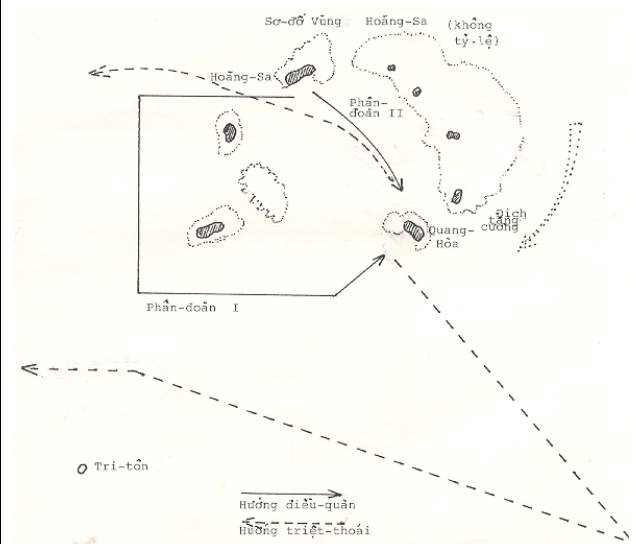
Hộ-Tống-Hạm HQ Nhựt Tảo (MSF 10), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<http://www.vnafmamn.com/NAVYphoto/HQ10a.jpg>}

- một hộ-tống-hạm bị loại khỏi vòng-chiến;
- một tuần-dương-hạm bị thương nơi hầm máy;
- một khu-trục-hạm và một tuần-dương-hạm chỉ còn hỏa-lực rất hạn-chế;
- cộng với nguy-cơ bị tấn-công bằng cả hỏa-tiến hải-hải cũng như bằng phi-cơ rất có thể xảy ra,

nên tôi triệt-thoái phần còn lại của lực-lượng là Khu-trục-hạm HQ 4 và Tuần-dương-hạm HQ 5 ra khỏi vùng Hoàng-Sa tiến hướng đông-nam về phía Subic Bay (Hải-quân công-xưởng của Hoa-Kỳ tại Phi-luật-tân). Tôi cũng cầu-nguyện Đức Thánh Trần, Thánh-Tổ của Hải-quân VNCH ban cho tôi một trận mưa để giảm tầm

Suddenly, around 11:25 hours from a distance of 8 to 10 nautical miles there was a binocular sighting of a Chinese warship with two "Styx-type" anti-ship missile launch canisters (Trần Đỗ Cẩm's footnote: Komar-class guided missile boat) visible on both sides of the ship approaching at a high speed from the east. None of our warships, however, reported to have seen this ship on radar. I guessed this type of ship was rarely on coastal patrol by itself, and believed another one could possibly follow. As I looked at the status of our task force:

- The escort HQ Nhựt Tảo (MSF 10) was out of action
- The cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) suffered damage in its engine room
- The cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) and the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) both had very limited firepower
- An imminent threat of being attacked by enemy anti-ship missile as well as aircraft could take place



The Naval Battle for the Paracels (Reference 11)

I, therefore, decided to have the remaining task force consisting of the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) and destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) withdrawn out of the Paracel Islands and headed southeast to the

quan-sát và khả-năng tấn-công của phi-cơ địch.



Đức Thánh Trần, Thánh-Tổ của Hải-quân Việt Nam Cộng Hòa
{http://www.vietnamnavy.com/Images/thanhtohq_nho.jpg}

Sau khi hai chiến-hạm còn lại rút ra khỏi vùng giao-tranh chừng 10 phút thì một trận mưa nhẹ đã đổ xuống toàn vùng quần-đảo Hoàng-Sa. Các chiến-hạm ta đã không bị truy-kích và phi-cơ địch cũng chưa xuất-hiện. Mục-đích tôi hướng về phía đông-nam là để tránh bị phục-kích của tiềm-thủy-đỉnh Trung-cộng tại hải-trình Hoàng-Sa Đà-nẵng, và khi ra ngoài xa lãnh-hải thì nếu còn bị tấn-công bằng phi-cơ hoặc tiềm-thủy-đỉnh thì may ra đồng-minh Hải-quân Hoa-Kỳ có thể cấp-cứu chúng tôi dễ-dàng hơn theo tinh-thần cấp-cứu hàng-hải quốc-tế. Nếu chúng tôi không còn bị tấn-công thì việc đến Subic Bay Phi-luật-tân để xin sửa-chữa trước khi hồi-hương là một điều khả-dĩ được thượng-cấp chấp-thuận.

Subic Bay Naval Shipyard at Subic Bay, Philippines. I also prayed to the patron saint of the Republic of Vietnam Navy, Field Marshal Trần Hưng Đạo, for rain in order to reduce visibility, thus hampering the attack capability of enemy aircraft. A light rain poured down over the Paracel area about 10 minutes after our two ships were out of the battlefield. Our ships were not pursued and enemy aircraft did not appear yet. My objective of heading to the southeast was to avoid being ambushed by the Chinese Romeo- and Whiskey-class submarines along the Paracel-Đà-Nẵng sea route. Once we were out of our territorial waters, if enemy aircraft or submarines attacked us, luckily our U.S. ally could more easily rescue us according to the spirit of the international maritime rescue treaty. If we were not attacked, our arrival at Subic Bay, Philippines for repair prior to repatriation would be acceptable to higher authorities.



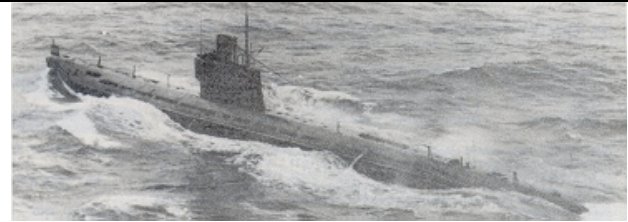
Field Marshal Trần Hưng Đạo, the Patron Saint of the Republic of Vietnam Navy (Reference 6)



Tiềm-Thủy-Đĩnh Trung Cộng loại Romeo
{http://upload.wikimedia.org/wikipedia/en/4/48/Romeo_class_submarine.jpg}



Tiềm-Thủy-Đĩnh Trung Cộng loại Whiskey
{http://webs.lanset.com/aeolusaero/images/Whiskey_class_sub--web.jpg}



Chinese Romeo-class submarine (Reference 3)



Chinese Whiskey-class submarine (Reference 3)

Tuần-dương-hạm HQ 5 phải mất gần một giờ mới kéo lên được giây trời khẩn-cấp để tái-lập sự liên-lạc bằng máy siêu-tần-số SSB. Hầm đạn phía mũi của chiến-hạm đã bị làm ngập, mũi bị chúc xuống nên tốc-độ có bị thuyên-giảm. Chính trong thời-gian mất liên-lạc, Bộ Tư-lệnh tại Sài-gòn cũng như tại Đà-nẵng rất bối-rối cho sự an-toàn của hai chiến-hạm và bản-thân tôi. Chính Tư-lệnh Hạm-đội tại Sài-gòn cũng đã đưa tin mất liên-lạc đến với gia-đình tôi.

It took almost an hour for the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) to repair its antenna and reestablish its communication via the SSB (single side band). Since the ammunition room in the bow was flooded, the ship was listing forward; as a result, its speed was reduced. Due to the loss of communications, the Republic of Vietnam Navy Headquarters as well as the headquarters of Coastal Zone I pondered over my safety as well as the safety of the two ships. The Fleet Forces Commander in Saigon also imparted this information to my family.

Vào khoảng 01:00 trưa, hai chiến-hạm HQ 4 và HQ 5 đã cách Hoàng-Sa chừng 10 hải-lý, trời nắng và quang-đãng. Tư-lệnh Hải-quân đích thân ra lệnh cho cả hai chiến-hạm phải trở lại Hoàng-Sa và đánh chìm nếu cần, tôi nhận được giọng nói của Đô-đốc. Lệnh đã được thi-hành nghiêm-chỉnh ngay tức khắc. Sau khi liên-lạc vô-tuyến siêu-tần-số được điều-hòa trở-lại thì mọi báo-cáo chi-tiết về tổn-thất và tình-trạng lúc bấy giờ của các hai chiến-hạm

Around 13:00 hours, the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) and cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) were about 10 nautical miles southeast of the Paracel Islands. The sky was sunny and clear. I suddenly heard the voice of the Chief of Naval Operations ordering the two ships to return to the Paracel Islands and to self-destruct if necessary. The voice order was respectfully carried out immediately. After the wireless communication via the SSB (single

được chuyển đầy-đủ. Trên Tuần-dương-hạm HQ 5 tôi cũng được thông-báo về Tuần-dương-hạm HQ 16 sẽ được Tuần-dương-hạm HQ 6 tới hộ-tống về Căn-Cứ Hải-Quân Đà-Nẵng.

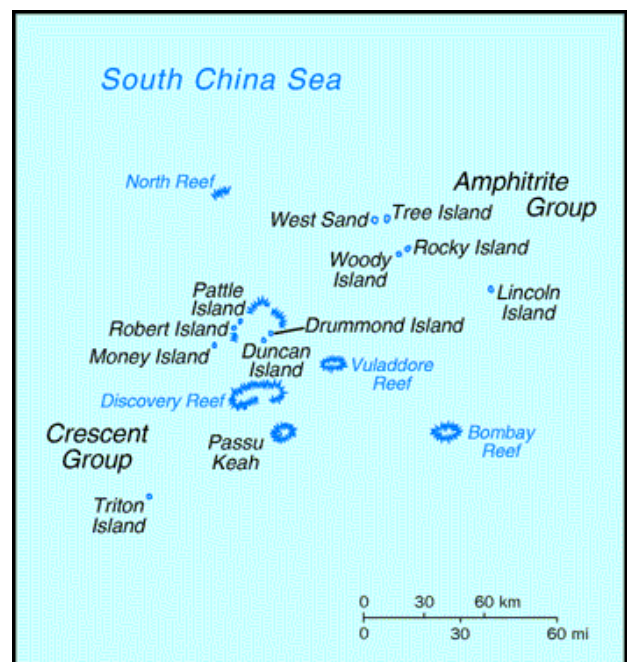
side band) returned to normalcy, all of the detailed reports of casualties and the status of the two ships were transmitted fully to the headquarters of Coastal Zone I. On the HQ Trần Bình Trọng, I was informed that the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) had been escorted to Đà Nẵng seaport by the cruiser HQ Trần Quốc Toàn (WHEC 6).

Đến khoảng 02:30 chiều, khi cả hai chiến-hạm đang trở về Hoàng-Sa, quá ngang Hòn Tri-Tôn, nghĩa là còn cách đảo Hoàng-Sa chừng 1 giờ rưỡi hải-hành nữa, thì hai chiến-hạm được phản-lệnh trở về Đà-nẵng. Lúc này trời đã nắng, mây cao nên rất dễ-dàng cho việc hải-hành. Trong một cuộc đến thăm Tư-lệnh Hải-quân VNCH tại tư-dinh vào khoảng tháng 2 năm 1974, thì vị Đô-Đốc này đã tiết-lộ rằng nếu biết được sớm tình-trạng của Hải-đoàn đặc-nhiệm thì Tư-lệnh đã cho lệnh trở về căn-cứ trước sớm hơn. Trên đường về, tôi vẫn ra lệnh cho các chiến-hạm giữ nguyên nhiệm-sở tác-chiến và nhất các nhân viên không ở trong nhiệm-sở phòng máy phải túc-trực trên boong để tránh tổn-thất về nhân-mạng trong trường-hợp bị tiềm-thủy-dĩnh Trung-cộng phục-kích bằng ngư-lôi. Nhưng may-mắn là điều tôi dự-liệu đã không xảy ra. Các chiến-hạm đã khởi-sự ngay thu-dọn các tổn-thất về vật-liệu và thu-hồi các dư-liệu tác-xạ.

Around 14:30 hours when the two ships were on their way to the Paracel Islands, passing Triton Island, i.e., about an hour and half from Duncan Island by sea, then I received another execute order to return to Đà Nẵng. This time the sky was sunny with high clouds, very ideal for ocean voyage. During my visit to the Office of the Chief of Naval Operations in February 1974, Rear Admiral Trần Văn Chơn revealed to me that had he learned early of the status of the task force, he would have ordered me to return to Đà Nẵng seaport sooner. On our way to Đà Nẵng, I still ordered our two ships to remain at battle stations and especially the crew not in the engine room to be on deck to avoid casualties in case of being torpedoed by the Chinese submarine. Fortunately, what I had anticipated did not happen. Both ships immediately began the task of collecting material damage and recovering empty shells.



Quần Đảo Hoàng Sa
{<http://www.vnafmamn.com/paracel.html>}



Triton Island in the Paracels (Reference 1)

Tôi một mình ngồi bên hữu-hạh đài chỉ-huy, nhiều suy-tư và bâng-khuâng về trận đánh vừa qua đã không diễn-tiến được như tôi dự-tính cũng như khó tiên-liệu về phản-ứng của Trung-cộng nếu họ dùng cường-lực để tấn-công trả đũa trong các ngày kế-tiếp và số-phận các quân-nhân đồn-trú trên đảo Hoàng-Sa cũng như các chiến-sĩ hải-quân đã đổ-bộ lên các đảo lân-cận để phòng-vệ đảo. Tôi rất băn-khoãn về số-phận cuối-cùng của Hộ-tống-hạm HQ 10, vì mất liên-lạc nên không một chi-tiết nào được báo-cáo có thể tin được về khả-năng và kết-quả của chiến-hạm tấn-công địch, và sự thiệt-hại do địch gây ra. Tôi rất tiếc việc Phân-đoàn-trưởng là Hạm-trưởng Tuần-dương-hạm HQ 16 đã không cố gắng quan-sát diễn-biến trên Hộ-tống-hạm HQ 10 và chỉ báo-cáo đến tôi là mất liên-lạc và chỉ thấy các nhân-viên đang đào-thoát. Trong phần chiến-đấu, tôi nhận-thấy Phân-đoàn I đã hăng-say tấn-công nhiều hơn Phân-đoàn II, nên Phân-đoàn I đã gây nhiều tổn-thất nặng cho đối-phương. Tôi rất tiếc là trên Tuần-dương-hạm HQ 5 còn có HQ Đại-Úy Trần-kim-Điệp thuộc phòng nhì Vùng I duyên-hải, mà tôi mới biết về sau, có mang theo máy ảnh, nhưng vị này đã không có can-đảm của một phóng-viên chiến-trường, ra khỏi phòng ăn sĩ-quan, trong lúc khói đạn mịt-mùng, để chụp ảnh ít nhất là chiếc Kronstadt 271 đang dẫy chết.



Đại Tá Hà Văn Ngạc, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{http://www.vnafmamn.com/untoldpage/HQ_hvngac.jpg}

I sat alone on the starboard side of the bridge of the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), contemplating and thinking about the naval battle that had not gone well according to my plan. I worried about China's reaction if it decided to use massive forces to retaliate in the next few days and what would happen to our military personnel and civilians on the Paracel Islands? I also worried about the final fate of the escort HQ Nhật Tảo (MSF 10) because I lost contact. Thus, I had no report on the casualties of the ship. I regretted that the commanding officer of the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) did not try to observe what was happening on the HQ Nhật Tảo. He only reported losing contact and sighting the crew abandoning the ship. During the naval battle, I realized that Group I was more engrossed in attacking than Group II, causing heavy losses to our adversary. I also regretted to learn later that on the HQ Trần Bình Trọng, Navy Lieutenant Trần Kim Điệp, Director of Naval Intelligence for Coastal Zone I, had a camera but did not have the courage of a battlefield correspondent to venture out of the officer's dining room to photograph the naval battle amidst dim and immense smoke, especially the disabled Kronstadt-class corvette 271.



Captain Hà Văn Ngạc, Republic of Vietnam Navy (Reference 2)

<p>Tôi tò-mò mở đài phát-thanh BBC vào sáng sớm ngày 20, thì họ chỉ vồn-vẹn loan tin một trận hải-chiến đã xảy ra trong vùng quần-đảo Hoàng-Sa giữa Hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa và Cộng-Hòa Nhân-dân Trung-Hoa, mỗi bên thiệt-hại 1 chiến-hạm và không thêm một chi-tiết nào khác. Tôi tỏ ra khâm-phục đài này về sự loan-tin nhanh chóng và xác đáng.</p>	<p>I curiously listened to the British Broadcasting Corporation (BBC) news on the radio in the early morning hours of January 20, 1974. All in all it only announced a naval battle having taken place in the Paracel Islands between the Navies of the Republic of Vietnam and the People's Republic of China. It also reported that each side lost one warship and no other details. I felt a deep admiration for the BBC for its accurate and fast news.</p>
<p>Tôi đã không hút thuốc từ nhiều tháng qua, nhưng tôi muốn hút một vài điếu thuốc cho tinh-thần bớt căng-thẳng sau gần 48 tiếng đồng-hồ liên-tục không được nghỉ-ngơi, tôi yêu cầu Hạm-trưởng dùng hệ-thống liên-hợp để loan-báo xem có nhân-viên nào còn thuốc lá cho tôi xin một ít để hút. Tôi không ngờ là các nhân-viên tuần-tự mang đến cho tôi hơn 2 chục bao cả loại trong khẩu-phần C của đồng-minh và các loại thuốc trong thương-trường lúc bấy giờ, tôi lấy làm cảm-động về sự ưu-ái của các nhân-viên trên chiến-hạm này. Vào khoảng 2 giờ đêm tôi soạn-thoàn một sơ-đồ hành-quân và các chi-tiết về tổn-thất để chuẩn-bị thuyết-trình khi về tới căn-cứ.</p>	<p>I had not smoked for the past several months. I suddenly felt the urge to smoke a few cigarettes to relieve my tense mind after nearly 48 hours without rest. I requested the commanding officer of the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) to use intercom to ask any of his crew for a few cigarettes. I did not anticipate that every crewmember individually brought to me more than 20 boxes of cigarette, including those standard C-ration boxes of our U.S. ally and those in market at the time. I was moved by the solicitude of the officers and crew of the HQ Trần Bình Trọng. Around 02:00 hours I compiled a diagram of the operation and the details of casualties for briefing upon returning to Đà Nẵng.</p>
<p>Khoảng 7:00 sáng ngày 20 tháng giêng thì hai chiến-hạm của Phân-đoàn I về tới căn-cứ an-toàn. Tuần-dương-hạm HQ 16 cũng đã về bến trước đó ít lâu. Một điều mà các nhân-viên của các chiến-hạm và riêng tôi rất cảm-động là trên cầu Thương-cảng Đà-nẵng là nơi đã được chỉ-định cho các chiến-hạm cập bến, đã có sự hiện-diện của các vị Đô-Đốc Tư-lệnh và Tư-lệnh-phó HQ VNCH, Đô-Đốc Tư-lệnh HQ Vùng I Duyên-hải, một số đồng sĩ-quan cùng nhân-viên của các đơn-vị HQ vùng Đà-nẵng cùng các trại gia-binh đã túc-trực đón đoàn chiến-hạm trở về với rừng biểu-ngữ:</p>	<p>Around 07:00 hours on January 20, 1974, the two warships of Group I arrived safely at Đà Nẵng seaport. The cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) had also arrived not long before. On the pier designated for our two ships to dock, the crew and officers, especially myself, were very moved by the presence of the Chief of Naval Operations, the Vice Chief, and the Commander in Chief of Coastal Zone I. In addition, a large crowd of officers and enlisted personnel of various naval units at Đà Nẵng joined in company with their families had already been waiting to welcome the returning task force with a sea of banners:</p>
<ul style="list-style-type: none"> • Hải-quân Việt-Nam quyết-tâm bảo-vệ lãnh-thổ đến giọt máu cuối cùng • Một ý-chí: chống cộng. Một lời thề: bảo-vệ quê-hương • Hoan-hô tinh-thần chiến-đấu anh-dũng của các chiến-sĩ Hải-quân tham-dự Hải-chiến Hoàng-Sa • Hoan-hô tinh-thần bất-khuất của các chiến- 	<ul style="list-style-type: none"> • The Republic of Vietnam Navy is determined to defend the nation's territory to the last drop of blood • An iron will: to oppose Communism. A solemn oath: to defend our country • Hurrah the valiant fighting spirit of the naval officers and sailors taking part in the Naval Battle for the Paracels

sĩ Hải-chiến Hoàng-Sa



Phó Đề-Đốc Hồ Văn Kỳ-Thoại, Tư-Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên-Hải
{<http://www.hovanky.com/cantruong/>}

- Hurrah the indomitable fighters of the Naval Battle for the Paracels



The Chief of Naval Operations, Rear Admiral Trần Văn Chơn, welcomed the returning task force (Reference 11)



Thuyết trình trận hải chiến (Reference 11)

Sau khi di-tàn các chiến-sĩ thương-vong và tử-vong lên căn-cứ thì chỉ có 3 vị Đô-Đốc cùng HQ Đại-tá Nguyễn-viết-Tân Chỉ-Huy-Trưởng Sở Phòng-vệ Duyên-hải lên Tuần-dương-hạm HQ 5 và vào phòng-khách của Hạm-trưởng để dự cuộc thuyết-trình về trận đánh. Ba vị Hạm-trưởng đều có mặt để trình bày chi-tiết về chiến-hạm của mình. Các vị Đô-đốc cũng không hỏi thêm tôi về những yếu-tố đã đưa



Briefing of the Naval Battle: (from left to right) Commodore Hồ Văn Kỳ Thoại, Commander in Chief, Coastal Zone I, Rear Admiral Trần Văn Chơn, Chief of Naval Operations, Commodore Lâm Ngươn Tánh, Vice Chief of Naval Operations, and Captain Hà Văn Ngạc (Reference 11)

After the evacuation of the dead and the wounded to base, the Chief of Naval Operations, the Vice Chief, and the Commander in Chief of Coastal Zone I, along with Captain Nguyễn Viết Tân, Commander of

<p>đến những quyết-định chiến-thuật của tôi, nhất là quyết-định triệt-thoái phần còn lại của Hải-đoàn đặc-nhiệm ra khỏi vùng Hoàng-Sa. Sau phần thuyết-trình các vị Đô-Đốc đã đi quan-sát sự thiệt-hại của các chiến-hạm và ủy-lạo nhân-viên các cấp. Tôi cũng được nghe Đô-đốc Tư-lệnh-phó đề-nghị với Tư-lệnh HQ là sẽ không có thuyết-trình cho Tư-lệnh Quân-đoàn I.</p>	<p>Coastal Security Service, came aboard the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) to attend a briefing of the naval battle in the commanding officer's guest room. The three commanding officers were there to present the details about their ships, respectively. The three flag officers did not ask me about my tactical decisions, especially my decision to withdraw Group I out of the Paracel area. After the briefing, the three flag officers inspected damage and solaced the officers and enlisted personnel. I also heard the suggestion from the Vice Chief to the Chief of Naval Operations not to have a briefing for the I Corps Tactical Zone Commander.</p>
<p>Sau chừng một giờ thì Trung-tướng Tư-lệnh Quân-đoàn I/Quân-Khu I cũng tới thăm-viếng và được hướng-dẫn quan-sát một vòng các chiến-hạm để nhận-định sự thiệt-hại.</p>	<p>About an hour later, the Lieutenant General commanding I Corps also made a visit and was provided a guided tour around the ships to assess damage.</p>
<p></p>	<p></p>
<p style="text-align: center;">6. Kết-Quả Của Trận Hải-Chiến</p>	<p style="text-align: center;">6. Outcome of The Battle</p>
<div data-bbox="186 1024 803 1428" data-label="Image"> </div> <p style="text-align: center;">The Chinese Kronstadt 274 was greeted in China after the battle</p> <p>Kronstadt 274, People's Liberation Army Navy (PLAN) http://www.vnafmamn.com/untoldpage/HoangSa_274.jpg</p> <p>Một cách tổng-quát thì sự thiệt hại của hai đối-thủ được kể như tương-đương trong trận hải-chiến. Mỗi bên bị tổn-thất một chiến-hạm, như đài BBC loan tin vào sáng sớm ngày 20 tháng giêng, phía VNCH là Hộ-tống-hạm HQ 10, phía Trung-cộng là chiếc Kronstadt 271 (được coi là chiến-hạm chỉ-huy) còn một số khác thì chịu</p>	<p>In general, both sides sustained the same losses in the naval battle. Each side lost one warship, as reported by BBC Radio in the early morning hours of January 20, 1974. The Republic of Vietnam Navy lost the escort HQ Nhựt Tảo (MSF 10), the Chinese Navy lost its Kronstadt-class corvette 271 (regarded as flagship). The other ships of both sides suffered damage from average to above average. The two smaller Chinese warships 389 and 396 along with their two disguised fishing boats 402 and 407, according to my estimate, were slightly out of order due to our overwhelming firepower. As for Kronstadt 271, it could sustain heavy losses since its superstructure was hit repeatedly by the 76-mm guns of the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), while its counterpart, Kronstadt 274, suffered minor damage since it was hit by heavy machine guns and trench mortars. Nevertheless, in a naval battle it is usually counted toward the number of ships out of action rather than the number of casualties. As for the HQ Nhựt Tảo, according to its crew who escaped safely to shore, the commanding officer and the executive officer were both</p>

một sự hư-hại trung-bình hoặc trên trung-bình. Hai chiếc nhỏ hơn 389 và 396 cùng hai ngư-thuyền nguy-trang theo tôi ước-lượng chỉ hư-hỏng hơi nặng mà thôi vì tầm hỏa-lực của ta trội hơn. Riêng chiếc Kronstadt 271 có thể bị tổn-thất nhiều nhân-viên hơn vì trúng nhiều hải-pháo của Tuần-dương-hạm HQ 5 vào thượng-tầng kiến-trúc, trong khi đó chiếc 274 thì tổn-thất được coi là nhẹ hơn cả vì chỉ bị tấn-công nhiều bằng đại-liên và ít hải-pháo về sau này.



Đại Úy Nguyễn Thành Trí, Hạm Phó Hộ Tống Hạm HQ Nhựt Tảo (MSF 10), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<http://hqvnch.net/default.asp?id=895&lstid=135>}

Tuy-nhiên trong các trận hải-chiến thì người ta thường kể về số chiến-hạm bị loại khỏi vòng chiến hơn là số thương-vong về nhân-mạng. Riêng trên Hộ-tống-hạm HQ 10, theo các nhân-viên đã đào-thoát về được đất liền, thì vị Hạm-trưởng và Hạm-phó đều bị thương-nặng, nhưng Hạm-trưởng đã từ-chối di-tàn và quyết ở lại tuần-tiết cùng chiến-hạm của mình theo truyền-thống của một sĩ-quan hải-quân và một nhà hàng-hải. Hạm-phó được nhân-viên diu đào-thoát được nhưng đã phải bỏ mình trên mặt biển vì vết thương quá nặng. Vụ này làm tôi nhớ lại, theo lời kể của các bậc tiên-sinh, thì khi hải-quân Pháp hành-quân trên sông (nếu

seriously wounded. However, the commanding officer refused to be evacuated in order to go down with his ship according to the tradition of a naval officer and a sailor. The executive officer was able to flee with his men; however, he lost his life at sea because his wounds were so severe. This reminded me of what my predecessors had told me that when the French Navy conducted an operation on the Đáy River, one of its ships, either an (LSSL) or (LSIL), was hit at the bridge, killing both the commanding officer and the executive officer. The engineering officer then had to assume the command. After this experience, the French Navy never allows the commanding officer and the executive officer to be present together in combat. I personally at the time did not have time to remember applying what my predecessors had taught.



Lieutenant Nguyễn Thành Trí, Executive Officer of HQ Nhựt Tảo (MSF 10), Republic of Vietnam Navy (Reference 5)



HQ Đoàn Ngọc Tảng (LSSL 228), Republic of Vietnam Navy (Reference 3)

không làm thì là Sông Đáy) một chiến-hạm loại trợ-chiến-hạm (LSSL) hay Giang-pháo-hạm (LSIL) đã bị trúng đạn đài-chỉ-huy, làm tử-thương cả hai hạm-trưởng và hạm-phó cùng một lúc, sĩ-quan cơ-khí đã phải lên thay thế tiếp-tục chỉ-huy. Sau kinh-nghiệm này, hải-quân Pháp không cho hạm-trưởng và hạm-phó có mặt cùng một nơi khi lâm-trận. Cá-nhân tôi lúc đó đã không có chút thì giờ để nhớ tới kinh-nghiệm mà các bậc tiên-sinh đã truyền lại tôi mà áp-dụng.



HQ 228 - Trợ Chiến Hạm Đoàn Ngọc Tăng - LSSL

HQ Đoàn Ngọc Tăng (LSSL 228), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<http://hqvnch.net/default.asp?id=529&lstd=62>}

Một điều lạ là Trung-cộng có đủ khả-năng tuy khiêm-nhượng, vào lúc cuối trận-chiến, vì có thêm tăng-viện đến kịp thời, nhưng đã bỏ rơi cơ-hội truy-kích khi lực-lượng ta triệt-thoái, hay xử-dụng hỏa-tiến hải-hải vì lực-lượng ta vẫn còn nằm trong tầm hữu-hiệu của loại vũ-khí này. Tôi cho rằng có thể họ đã bận-tâm vào việc cứu vãn chiếc Kronstadt 271 và quân bộ trên đảo Quang-Hòa, hoặc họ đã không nhận được lệnh tấn-công, và chỉ đương-nhiên chống-trả tự-vệ mà thôi. Tôi nhận rằng ước-tính của tôi về phản-ứng của địch đã cao hơn như thực-tế đã xảy ra. Việc Hải-quân Việt-Nam khai-hỏa tấn-công sau khi thất-bại đổ-bộ đã tạo cho Trung-cộng có nguyên-cớ vì bị tấn-công mà phải hành-động, nên đã dùng cường-lực cưỡng-chiếm các đảo vào ngày sau.

Theo các quân-nhân trú-phòng trên đảo Hoàng-Sa thì sáng sớm ngày hôm sau tức là



HQ Thiên Kịch (LSIL 329), Republic of Vietnam Navy (Reference 3)



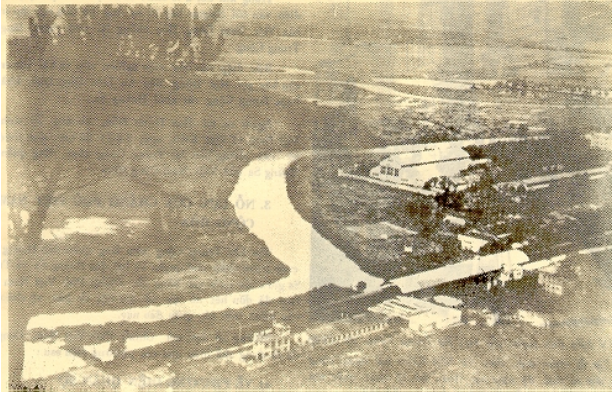
HQ 329 - Giang Pháo Hạm Thiên Kịch - LSIL

HQ Thiên Kịch (LSIL 329), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<http://hqvnch.net/default.asp?id=529&lstd=62>}

The Chinese Navy near the end of the naval battle did receive a timely reinforcement but strangely enough abandoned the opportunity of pursuing our task force or of using the Styx anti-ship missile since our task force was still within the range of the missile. I suspected either the Chinese Navy was possibly busy rescuing Kronstadt 271 and landing more troops on Duncan Island, or it received the execute order not to attack but to fight us in self-defense. I admitted that I had overestimated the enemy reaction. The open fire to attack by the Republic of Vietnam Navy after its failed landing attempt on Duncan Island gave China an excuse to retaliate by extorting by force the rest of the Paracel Islands the following day.

According to our troops stationing on Pattle Island, in the early morning of the following

<p>ngày 20 tháng giêng, Trung-cộng đã huy-động một lực-lượng hùng-hậu kết-hợp hải-lục-không-quân đổ-bộ tấn-chiếm đảo Hoàng-Sa và các đảo kế-cận mà các chiến-binh hải-quân đang chiếm-giữ. Theo ký-giả Lê-Vinh, một cựu sĩ-quan hải-quân, đã từng đảm-trách chức-vụ thư-ký của ủy-ban nghiên-cứu trận hải-chiến cho biết, thì vào thời-gian trận hải-chiến, Hải-quân Hoa-Kỳ đã chuyển cho Hải-quân Việt-Nam một tin-tức về 42 chiến-hạm Trung-cộng với 2 tiềm-thủy-dĩnh đang tiến xuống Hoàng-Sa. Dù nhiều hay ít thì lực-lượng của họ sẽ trội hẳn lực-lượng Hải-quân Việt-Nam có thể điều-động tới. Nếu hai chiến-hạm còn lại của Hải-đoàn đặc-nhiệm phải lưu-lại Hoàng-Sa như lệnh ban ra lúc đầu, với khả-năng chiến-đấu đã bị giảm-sút nhiều thì sự bảo-tồn của hai chiến-hạm này rất mong-manh. Thế cho nên phan-lệnh cho hai chiến-hạm phải trở về căn-cứ được kể như là đúng lúc và sát với thực-tế hơn.</p>	<p>day, January 20, 1974, China mobilized its large and powerful navy, ground and air forces to invade Pattle Island and its surroundings. Also according to Lê Vinh, a journalist and former naval officer who once was the recording secretary for the Republic of Vietnam Navy's Warfare Assessment Committee, the U.S. Navy passed to the Republic of Vietnam Navy an intelligence report of 42 Chinese warships and two submarines on their way to the Paracel Islands at the time of the battle. More or less the Chinese naval forces would eventually prevail over whatever reinforcements the Republic of Vietnam Navy could muster. If the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) and cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) of the task force stayed near Pattle Island as originally ordered, the survival of these two ships would be very slim since their offensive and defensive capabilities were significantly reduced. I, therefore, concurred that the order for the two ships to return to Đà Nẵng came at the right time and was more realistic.</p>
<p>Trung-cộng đã bắt giữ tất cả quân-nhân và dân-chính Việt-Nam trên đảo Hoàng-Sa và toán hải-quân đổ-bộ thuộc Khu-trục-hạm HQ 4 trên đảo Vĩnh-Lạc (sát phía nam đảo Hoàng-Sa) mà trưởng toán là HQ Trung-Uý Lê-văn-Dũng (sau được vinh-thắng HQ Đại-Uý tại mặt-trận), làm tù-binh đưa về giam-giữ đầu tiên tại đảo Hải-nam. Riêng ông Kosh là nhân-viên của cơ-quan DAO Hoa-Kỳ tại Đà-nẵng thì được trao trả cho Hoa-Kỳ sớm nhất tại Hồng-Kông. Còn các nhân-viên Việt đã bị họ nhồi-sọ về chủ-nghĩa của họ trong suốt thời-gian tại Quảng-Đông, và trao trả về Việt-Nam tại ranh-giới Hồng Kông và Trung-cộng. Đô-đốc Tư-lệnh-phó HQ đã được đề-cử đích-thân đến Hồng Kông tiếp-nhận. Các chiến-sĩ từ Trung-cộng hồi-hương đều được đưa vào Tổng-Y-viện Cộng-Hòa điều-trị về các bệnh-trạng gây ra do các hành-động ngược-đãi trong khi bị giam-cầm trên lục-địa Trung-Hoa.</p>	<p>China captured all South Vietnamese military personnel and civilians on Pattle Island and an expeditionary force of the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) on Money Island (south of Pattle Island) led by Navy Lieutenant Junior Grade Lê Văn Dũng (promoted to Lieutenant at the front) as prisoners of war. First, they were detained on the island of Hainan, later transferred inland to Guangdong (Quảng Đông). As for Mr. Kosh, an employee of the U.S. Defense Attaché's Office at Đà Nẵng, he was released earliest to the U.S. consulate in Hong Kong. As for the South Vietnamese military personnel and civilians, they were indoctrinated with Communism throughout their ordeal, and then released to the Republic of Vietnam at the border between Hong Kong and China. The Vice Chief of Naval Operations came to Hong Kong to receive our servicemen. All of the repatriated front-line soldiers received treatment at the Cộng Hòa General Army Hospital in Saigon for their illness as a result of maltreatment during their detention in mainland China.</p>



Biên Giới Hong Kong và China (Reference 5)





The release of South Vietnamese servicemen at the border between Hong Kong and China (Reference 5)



Nhân dân Việt Nam Cộng Hòa đón chào các chiến sĩ Hải Quân trở về (Reference 5)



South Vietnamese servicemen received medical treatment prior to repatriation (Reference 5)

 <p>Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa Trần Thiện Khiêm thăm viếng và úy lạo (Reference 5)</p>	 <p>Visit by the I Corps Tactical Zone Commander, Lieutenant General Ngô Quang Trưởng, and the Chief of Naval Operations, Rear Admiral Trần Văn Chơn (Reference 5)</p>
<p>Thế là cuối cùng thì Việt-Nam Cộng-Hòa đã mất nốt nhóm đảo Nguyệt-Thiền phía nam của cả quần-đảo Hoàng-Sa cho tới ngày hôm nay.</p>	<p>Finally, from January 20, 1974, to April 30, 1975, the Republic of Vietnam lost control over all of the Paracel Islands.</p>
<p>Các chiến-sĩ Hải-quân đào-thoát từ Hoàng-Sa, sau nhiều ngày trôi-dạt trên mặt biển, một số đã được chính các tuần-duyên-đỉnh của Hải-quân cứu vớt, một số đã được các thương-thuyền trên hải-trình Singapore Hồng Kông bắt gặp. Tất cả các chiến-sĩ thoát-hiểm được đưa về điều-trị tại các Tổng-y-viện Duy-Tân (Đà-nẵng) hay Cộng-Hòa, và còn được Thủ-tướng chính-phủ, các vị Tư-lệnh Quân-đoàn, và các vị Đô-đốc Hải-quân đến thăm hỏi và úy-lạo.</p>	<p>As for those sailors and naval officers who escaped from Pattle Island and spent many days drifting at sea, some were rescued by our patrol craft (PCF). Others were picked up by merchant vessels on the Singapore-Hong Kong sea route. All received treatment at the Duy Tân General Army Hospital in Đà Nẵng or at Cộng Hòa in Saigon. They also received solace from the Prime Minister, the I Corps Tactical Zone Commander, and the flag officers of the Republic of Vietnam Navy.</p>
<p>7. Công-Cuộc Chuẩn-Bị Tái-Chiếm Hoàng-Sa</p>	<p>7. Preparation For Repossessing the Paracel Islands</p>
<p>Khi phần thăm-viếng của thượng-cấp kết-thúc, thì tất cả các chiến-hạm bắt tay ngay vào việc sửa-chữa và tái tiếp tế đạn-dược để chuẩn-bị tấn-kích tái-chiếm Hoàng-Sa. Một toán thợ thượng-thặng của Hải-quân công-xưởng cũng đã được điều-động từ Sài-gòn ra để phụ-lực với chuyên-viên của Thủy-xưởng Đà-nẵng. Riêng Tuần-dương-hạm HQ 16, tuy không bị hư-hại nhiều trên thượng-tầng kiến-trúc, nhưng các chuyên-viên đã tháo-gỡ được đầu viên đạn đã xuyên lủng hầm máy. Viên đạn này là một loại đạn xuyên-phá và không nổ 127 ly của Tuần-dương-hạm HQ 5 bị lạc. Kinh-nghiệm cho thấy là loại đầu đạn không nổ nếu trúng nước thì</p>	<p>After the visit of high-ranking military and government officials, the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4), cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5), and cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) set to work the task of repairing and resupplying munitions in preparation for an offensive to reoccupy the Paracel Islands. A team of repair experts from the Saigon Naval Shipyard arrived in Đà Nẵng to assist their counterparts. As for the HQ Lý Thường Kiệt whose superstructure was slightly damaged, the team of repair experts was able to disassemble the projectile penetrating its engine room. This astray projectile which is</p>

<p>đạn-đạo sẽ thay đổi rất nhiều vì đầu đạn nhọn bị nước làm chuyển hướng đi rất xa. Tin này do đích thân Tư-lệnh phó Hải-quân mang đến cho tôi. Đó là một điều không may-mắn cho Hải-đoàn đặc-nhiệm Hoàng-Sa, nhưng trong bất cứ một cuộc chiến-tranh nào, sự nhầm-lẫn về mục-tiêu, về bạn và địch, về vị-trí tác-xạ đều đã xảy ra ít nhất là tại chiến-trường Việt-Nam. Hơn nữa trong cuộc hải-chiến này, Tuần-dương-hạm HQ 5 đã tác-xạ cả trăm đại-pháo 127 ly, mà chỉ có một viên bị lạc, nên vẫn còn là điều may-mắn. Việc chiến-hạm bị trúng 1 viên đạn của bạn cộng với việc hai khẩu hải-pháo 76 ly tự-động trên khu-trục-hạm HQ 4 đã bị trở-ngại kỹ-thuật ngay từ phút đầu của cuộc chiến, là hai nhược-điểm chiến-thuật mà Hải-quân VNCH chỉ muốn phổ-biến hạn-chế vào đầu năm 1974 là thời điểm, mà nhiều sự phân-tích đáng tin cho rằng Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu đã lợi-dụng biển-cổ Hoàng-Sa để tránh-né sự chỉ-trích của các phần-tử đối-lập lúc đó đang rất-mạnh.</p>	<p>capable of piercing but not exploding was fired from the HQ Trần Bình Trọng. Experience indicated that the trajectory of this sharply armor piercing projectile would change significantly when wet. This information was personally brought to my attention by the Vice Chief of Naval Operations. Fortune was not on the side of my task force. In any battle, mistaken military targets, confusion about friend or foe, and wrong firing coordinates are all expected to take place. This situation happened on many battlefields in Vietnam during the war. Furthermore, in the Naval Battle for the Paracels, the HQ Trần Bình Trọng fired hundreds of 127-mm rounds, yet only one went astray; I considered my task force was very fortunate. The HQ Lý Thường Kiệt hit by a friendly fire and the two automatic 76-mm guns on the HQ Trần Khánh Dư inoperative during the first minute of the battle were the two tactical errors that the Republic of Vietnam Navy preferred not to disclose in the early months of 1974. Reliable sources confirmed that during that time Republic of Vietnam President Nguyễn Văn Thiệu used the naval battle to distract the growing criticism of his administration from various opposition parties.</p>
<p>Sau ít ngày sửa chữa, thì Tuần-dương-hạm HQ 16 chỉ đủ khả-năng tự hải-hành về quân-cảng Sài-gòn và được đón-tiếp trọng-thể. Khu-trục-hạm HQ 4 không sửa chữa tại chỗ được hai khẩu 76 ly tự-động. Tuần-dương-hạm HQ 5, sau khi tái tiếp-tế đạn và hàn vá các hư-hại đã cùng HQ 6 ra khơi tìm-kiếm các nhân-viên đào-thoát khỏi vùng Hoàng-Sa. Các phi-cơ C-130 đã bay lượn trong một vùng duyên-hải hạn-chế để tránh sự hiểu nhầm về hành-động khiêu-khích của Việt-Nam đối với Trung-cộng. Các phi-cơ hướng-dẫn các chiến-hạm xem xét các vật trôi trên mặt biển nhưng vẫn chưa cấp-cứu được nhân-viên nào ngoại trừ vỏ một thùng xăng dự-trữ. Tôi vẫn có mặt trên Tuần-dương-hạm HQ 5 để tham-dự cuộc tìm-kiếm. Riêng hộ-tống-hạm HQ 10, vì mất liên-lạc nên tôi đã không biết được tình-trạng cuối cùng của chiến-hạm, nhưng chúng tôi vẫn còn một hy-vọng tuy mong-manh là chiến-hạm này chưa chìm hẳn và có thể trôi dạt về phía duyên-hải</p>	<p>After a few days of repair, the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) steamed on its own to Saigon Naval Base and received a warm reception. The two automatic 76-mm guns on the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) could not be repaired on the spot. After resupplying its munitions and patching its damage, the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) and cruiser HQ Trần Quốc Toàn (WHEC 6) put to sea searching for any survivors. Numerous C-130 tactical transport aircraft circled within a restricted coastal area to avoid provoking another military confrontation between the Republic of Vietnam and Communist China. So far the tactical transport aircraft guided our ships to afloat objects such as an empty barrel of petrol. I was present on the HQ Trần Bình Trọng overseeing the search, rescue, and recovery. As for the escort HQ Nhựt Tảo (MSF 10), due to lost communication I did not know the ship's</p>

miền Trung trong mùa gió đông-bắc.



ex Benag Strait (AVP-34), in South Vietnamese service as Ly Thuong Kiet (HQ-16) moored parade, date and place unknown. (Another source noted HQ-16 was ex-Chicotague (WHEC 373)).

HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
 {<http://www.vnafmamn.com/untoldpage/HQ16b.jpg>}

Với Tuần-dương-hạm HQ 6 đã có mặt trong vùng và vừa hoàn-tất hộ-tống Tuần-dương-hạm HQ 16 từ nửa đường Hoàng-Sa Đà-nẵng về bến, cộng với HQ 17 (Hạm-trưởng HQ Trung-Tá Trần-đình-Trụ) điều-động từ Trường-Sa tới tăng-cường đã kết-hợp với Tuần-dương-hạm HQ 5 thành một Hải-đoàn đặc-nhiệm mới với nhiệm-vụ chuẩn-bị tái-chiếm Hoàng-Sa. Mặc dầu nhiều sĩ-quan thâm-niên hơn tôi có mặt tại chỗ, nhưng tôi vẫn được chỉ-định tiếp-tục chỉ-huy. Một cuộc thao-dượt chiến-thuật và thực-tập tác-xạ đã diễn ra trong vòng một ngày tại vùng một đảo nhỏ nằm về phía bắc vùng Cù-lao Chàm phía đông-nam Đà-nẵng. Sau cuộc thao-dượt, tôi trình bày kết-quả việc huấn-luyện trong các buổi thuyết trình hành-quân tại Bộ-Tư-lệnh Hải-quân vùng, vẫn được Tư-lệnh-phó Hải-quân chủ-tọa.

Nhưng cuối cùng thì công-cuộc tái-chiếm Hoàng-Sa được hủy-bỏ. Tuy vẫn được tín-nhiệm để chỉ-huy, nhưng tôi tin rằng cuộc phản-kích tái-chiếm sẽ thất-bại ngoại trừ đó là một chiến-thuật thí-quân nằm trong một chiến-lược cao hơn. Với các tuần-dương-hạm cũ-kỹ (WHEC) sử-dụng trong lực-lượng phòng-vệ duyên-hải Hoa-Kỳ (US Coast guard) từ lâu,

final status, but I remained slimly hopeful that the ship had not sunk completely and could have drifted along the current towards the Central coastal area during the season of northeasterly wind.




HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) received a warm reception in Saigon, Republic of Vietnam (Reference 5)

The presence in the area of the cruiser HQ Trần Quốc Toàn (WHEC 6) which had just finished escorting the cruiser HQ Lý Thường Kiệt (WHEC 16) halfway from the Paracel Islands to the port of Đà Nẵng, and the cruiser HQ Ngô Quyền (WHEC 17) (under the command of Navy Commander Trần Đình Trụ) mobilized from the Spratly Islands as reinforcement combined with the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) formed a new task force. The responsibility of this new task force was to prepare for repossessing the Paracel Islands. Although there were more senior officers present, I was still appointed to be in command of the new task force. A training exercise and firing practice took place within a day in the area of a small island north of Chàm Island southeast of Đà Nẵng. After the exercise, I presented the training results in all of my operation briefings at the headquarters of Coastal Zone I presided over by the Vice Chief of Naval Operations.

However, at last, the objective of repossessing the Paracel Islands was cancelled. Although I was entrusted the command, I believed the offensive would fail unless it was to score a moral victory. Old cruisers (WHEC) used to be employed in the U.S. Coast Guard were better armed for patrol than for fighting because they were slow. It would be difficult for them to

<p>được trang-bị vào công-tác tuần-tiểu hơn là để chiến-đấu, vừa chậm-chạp và vận-chuyển nặng-nề, nên khó chống trả lại với các chiến-hạm chiến-đấu tối-tân hơn. Loại này chỉ có một hải-pháo 127 ly, còn 2 hải-pháo 40 ly đã được Hải-quân Việt-Nam đặt thêm vào lái tàu là nơi đã được dùng làm sàn đáp trực-thăng.</p>	<p>fight against more modern warships. Armament for this type of cruiser consisted of only one 5-inch (127-mm) gun and a pair of 40-mm anti-aircraft guns installed by the Republic of Vietnam Navy on the fantail which used to be a flight deck for helicopter operations.</p>
<p>Trong thời-gian tại căn-cứ, Tư-lệnh-phó HQ ít nhất đã hai lần tập-hợp nhân-viên tất cả các chiến-hạm có mặt tại chỗ để chỉ-thị không được có hành-động kiêu-ngạo về chiến-tích của Hải-quân VNCH. Để làm gương cho tất cả nhân-viên thuộc quyền, tôi đã giữ một thái-độ rất khiêm-nhượng và im-lặng. Tôi chưa bao giờ thảo-luận hoặc trình bày chi-tiết với bất cứ một ai hay một tổ chức nào, về những yếu-tố đã đưa đến các quyết-định chiến-thuật của tôi trong trận đánh.</p>	<p>During the time I was at base, the Vice Chief of Naval Operations at least twice gathered the officers and enlisted personnel of all ships present at their home port to instruct them not to be arrogant about the feat of arms of the Republic of Vietnam Navy. To set a good example for subordinates, I kept quiet and maintained a very unassuming attitude. I have never discussed or explained in detail to anyone or any organization about the factors leading to my tactical decisions during the battle.</p>
<p>Tôi lưu-lại Vùng I duyên-hải chừng hơn một tuần-lễ, đã được cùng Đô-đốc Tư-lệnh HQ vùng I Duyên-hải xuất-hiện trên đài chỉ-huy cũng của Tuần-dương-hạm HQ 5 để thực-hiện một phóng-sự cho đài truyền-hình quân-đội. Sau đó tôi trở về nhiệm-sở chính tại Sài-gòn. Tôi còn được đến phòng thu-hình của quân-đội cùng các vị hạm-trưởng và một vài hạ-sĩ-quan trưởng pháo-khẩu để trình bày các chiến-tích. Tuy nhiên tôi không đề-cập nhiều chi-tiết và nhường lời lại nhiều hơn cho các hạm-trưởng vì tôi nghĩ rằng các vị này đáng được đề-cao vì đã đích-thân huy-động tinh-thần nhân-viên và can-dảm trực-tiếp chiến-đấu. Ít lâu sau tôi phải theo học Khóa Chỉ-huy Tham-mưu đặc-biệt tại Long-Bình, đặc-biệt vì khóa gồm nhiều các sĩ-quan đang đảm-trách những vai-trò then-chốt của quân-lực và các đại-đơn-vị. Khi Phó-Đề-đốc Phụ-tá hành-quân biển của Tư-lệnh-Hải-quân đến thuyết trình tại trường về tổ-chức của Hải-quân Việt-Nam, thì một câu hỏi đầu-tiên của khóa-sinh là về hải-chiến Hoàng-Sa. Đô-đốc đã chuyển câu hỏi này cho tôi đang ngồi trong hội-trường, quả thật vị này đã trao cho tôi một trái banh khó đỡ. Tôi đáp lại câu hỏi vồn-vẹn ngay là: Các quý-vị đã nghiên cứu về trận đánh Ấp-Bắc, thì trận hải-chiến Hoàng-Sa cũng gần tương-tự. Sau câu trả lời của tôi thì không một câu hỏi nào về</p>	<p>I stayed at the headquarters of Coastal Zone I more than a week, appearing with the Commander in Chief of Coastal Zone I on the bridge of the cruiser HQ Trần Bình Trọng (WHEC 5) for a news report by the armed forces television broadcasting station. After that I returned to my main post in Saigon. I was again invited to the armed forces television broadcasting station along with the three commanding officers and a handful of Navy petty officers in charge of ordnance to talk about our exploit of arms. Nevertheless, I did not go into details of the battle. Instead, I called upon the three commanding officers to speak since I thought they deserved to be accoladed for personally maintaining the high morale of their men and displaying great courage to fight out the battle to the end. Not long after, I had to attend a special class on Command and General Staff at Long Binh. This class was special because the majority of its students were armed force officers taking on important roles in their major units. When the commodore, Deputy Chief of Naval Operations for Coastal Warfare, came to the class to give an overview of the organization of the Republic of Vietnam Navy, the first question among the students was about the Naval Battle in the Paracels. The commodore related this question</p>

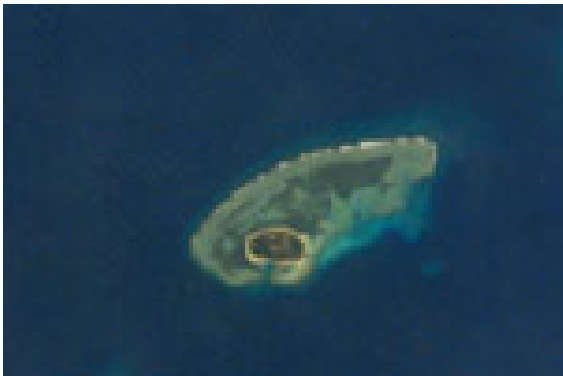
<p>trận Hoàng-Sa được nêu ra thêm. Xin ghi thêm vào nơi này, trận Ấp-Bắc đã làm cho quân-lực bị bất ngờ về chiến-thuật của địch, có sự sai lầm về ước-tính tình-báo và nhầm-lẫn về chiến-thuật điều-quân.</p>	<p>to me sitting in classroom. Frankly, I was caught off guard. My only immediate answer was: Gentlemen, since you all studied the Battle of Ấp Bắc, the Naval Battle in the Paracels was very similar. After my answer, no other questions about the Naval Battle in the Paracels were raised. It should be added that in the Battle of Ấp Bắc our ground troops were unprepared for the tactics of the North Vietnamese Army and Viet Cong soldiers due to wrong intelligence and confusion in deploying and directing troops.</p>
	
<p>Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí, Phụ-Tá Hành-Quân Biển của Tư-Lệnh-Hải-Quân – Commodore Nguyễn Hữu Chí, Deputy Chief of Naval Operations for Coastal Warfare {http://tonthatphusi.t.o.pic.centerblog.net/38efbc23.JPG}</p>	
<p>Vào những năm tháng cuối cùng của cuộc-chiến Việt-Nam tôi được biệt-phái giữ chức-vụ Phụ-Tá Hải-quân cho Trung-tướng Chỉ-Huy-trưởng Trường Chỉ-huy Tham-mưu Liên-quân đồn-trú tại Long-Bình.</p>	<p>In the final months of the Vietnam war, I was detached to the Armed Forces Command and General Staff College at Long Binh as an executive assistant to the Superintendent for Naval Affairs.</p>
<p style="text-align: center;">8. Phần Sau Trận Hải-Chiến</p>	<p style="text-align: center;">8. After The Battle</p>
<p>Sau trận hải-chiến, Hải-quân được nhiều vinh-danh nhờ trận-chiến đã nêu cao và nối-tiếp được tinh-thần chống bắc-xâm của dân-tộc. Trận hải-chiến được liên-tục ca-ngợi hàng ngày trên các phương-tiện truyền-thông của quân-đội cũng như ngoài dân-sự để thêm vào với: Bình-long anh-dũng, Kontum kiêu-hùng v.v....</p>	<p>After the naval battle, the Republic of Vietnam Navy received many accolades for carrying on the heroic fighting spirits of our ancestors in the expulsion of northern invaders. The naval battle was daily praised in the civilian and armed forces media network as much as the Battles of Binh Long and Kontum had been.</p>
<p style="text-align: center;">9. Hoàng-Trường-Sa Với Việt-Nam Là Một</p>	<p style="text-align: center;">9. The Parcel and Spratly Islands and Vietnam Are All One</p>
<p>Cũng nhờ trận hải-chiến mà phần đông nhân-dân Việt-Nam mới được biết đến phần lãnh-thổ nằm xa vời trong Biển-Đông mà Hải-quân</p>	<p>Thanks to the naval battle, the majority of the South Vietnamese people became aware of our faraway territory in the East Sea that the</p>

<p>VNCH từ ngày thành-lập đã âm-thần bảo-vệ và tuần-tiểu.</p>	<p>Republic of Vietnam Navy had quietly defended and patrolled until April 30, 1975, since its establishment on January 1, 1955.</p>  <p>The people of the Republic of Vietnam held a rally to protest China's invasion of the Paracel Islands (Reference 5)</p>
<p>Nói về trận hải-chiến, dù Hải-quân VNCH giả thử có thắng được trận ngày đầu, thì chúng ta khó lường được sự tổn-thất nếu Hải-quân còn ở lại để cố-thủ Hoàng-Sa. Phó Đề-Đốc Chủ-tịch Ủy-Ban nghiên-cứu về trận hải-chiến khi vị này đích thân thăm-viếng Khu-trục-hạm HQ 4, khi đang nằm trong ụ lớn sửa chữa đã nói riêng với tôi: thế là vừa đủ, ý của vị này nói là không nên tiếp-tục chiến-đấu thêm ít nhất là vào thời-điểm đó Hải-quân còn phải đảm-nhận nhiều công-tác tiêu-trừ cộng-sản trong đất liền. Đó là chưa kể việc tấn-chiếm phần còn lại của quần-đảo Hoàng-Sa có thể đã nằm trong các đường lối đi-đem chiến-lược của các cường-quốc. Tôi nghĩ rằng nếu chiếc khu-trục-hạm HQ 4 không bị trở-ngại kỹ-thuật và trận-chiến đã xảy ra gần như tôi đã dự-liệu và mong-muốn, nghĩa là ta thắng trận đầu, thì cường-lực hải-lục-không quân của chúng huy-động ngày hôm sau không những đủ sức tràn ngập quân trú-phòng và lại còn đủ sức truy-kích Hải-quân VNCH trong một vùng rộng lớn hơn. Tôi đã tin-tưởng rằng Quân-đoàn I/Quân-khu I đã phải đặt trong tình-trạng báo-động đề-phòng sự tấn-công của Trung-cộng ngay sau khi trận hải-chiến diễn ra. Một phi-tuần chiến-đấu-cơ F5 của Sư-đoàn I Không-quân tại Đà-nẵng đã sẵn-sàng trên phi-đạo nhưng không được lệnh cất cánh từ cấp cao để yểm-trợ cho Hải-quân vì có thể là e-ngại sẽ châm-ngòi cho một cuộc chiến mới, hoặc chỉ hạn-chế trận-chiến tới mức có thể chấp-nhận được trong một thể chính-trị.</p>	<p>Speaking of the naval battle, on the first day had the Republic of Vietnam Navy won and set up a last-ditch defense on Pattle Island, it would have been difficult to estimate our losses. The commodore, who chaired the Warfare Assessment Committee, did personally visit the destroyer HQ Trần Khánh Dư (DER 4) under repair in a naval shipyard and privately told me, "That's enough." I interpreted what he had just said to mean that we should stop fighting at least for the time being since the Republic of Vietnam Navy still had to take upon itself the responsibility for defeating Communist guerrillas inshore. Besides, China's strategic move to occupy the rest of the Paracel Islands could have been secretly agreed on among the superpowers. I believed if the two 76-millimetre guns of the HQ Trần Khánh Dư were not hindered and the battle progressed as planned, i.e., winning on the first day of the battle, then China's massive naval, ground, and air forces mobilized the following day would be able not only to overwhelm our troops stationing on Pattle Island but also to pursue our task force in a wider area. I also believed the I Corps Tactical Zone had been on the alert taking precautions in contemplation of an attack. A squadron of F-5s of the Republic of Vietnam Air Force Division I at Đà Nẵng air base were ready on the runway but received no order to take off to provide air cover for our task force for fear either of escalating to a new conflict or that an acceptable political solution to both Communist China and the Republic of Vietnam could not</p>

<p>Một lần nữa, giả-dụ rằng ta cứ để Trung-cộng có mặt trên đảo Quang-Hòa, trận hải chiến đã không xảy ra thì chúng ta vẫn có thể tiếp-tục hiện-diện trên đảo Hoàng-Sa, tuy nhiên có thể phải trải thêm quân trên các đảo Cam-tuyền, Vĩnh-Lạc và Duy-mộng, để tránh sự lấn-chiếm, cộng thêm là Hải-quân Việt-Nam phải thường-xuyên tuần-tiểu với một hải-đoàn tương-đối mạnh. Nhưng dần-dà thì Trung-cộng sẽ cưỡng chiếm toàn vùng Hoàng-Sa theo kế-hoạch bành-trướng thế-lực của họ trong vùng Đông-Nam-Á. Có thể Trung-cộng đã trả đũa hay dập theo khuôn-mẫu Việt-Nam Cộng-Hòa khi ta đã đặt quân trú-phòng trên đảo Nam-Yết và Sơn-Ca nằm phía nam và đông cùng trên một vòng-đai san-hô với đảo Thái-Bình, đã bị Trung-Hoa Dân-quốc (Đài-Loan) chiếm-đóng từ khi Nhật-Bản thua trận đệ-nhi thế-chiến. Người Trung-Hoa dù là lục-địa hay hải-đảo, đã từng nhiều lần tuyên-bố là lãnh-thổ của họ, không những vùng này mà thôi mà cả toàn vùng Hoàng-Sa Trường-Sa. Phải thành-khẩn mà nhận rằng, khi Việt-Nam Cộng-Hòa đặt quân trú-phòng trên các đảo còn bỏ trống trong vùng Trường-Sa như Nam-Yết, Sơn-Ca, Song-Tử-đông, Song-Tử-tây, Trường-Sa v.v..., chúng ta đã không gặp một hành-động đối-kháng về quân-sự nào từ phía Trung-Hoa Dân-quốc hoặc Phi-Luật-Tân hay Mã-Lai-Á.</p>	<p>be found.</p> <p>Once again, let's assume that if we had let Communist China be present on Duncan Island, the naval battle would not have taken place and we would still have occupied Pattle Island. This means that besides stationing additional troops on Robert, Money, and Drummond Islands to prevent an invasion, the Republic of Vietnam Navy would have had to patrol regularly with a relatively large fleet of warships. I believed China would gradually extort the entire Paracel Islands according to its plan to exert a sphere of influence in Southeast Asia. China either retaliated or simply followed the Republic of Vietnam's pattern of once stationing its troops on Nam Yit and Sand Cay Islands lying south and east of Itu Aba Island occupied by the Republic of China (Taiwan) since the defeat of Japan in World War II. These islands are parts of the Spratly Islands. China and Taiwan also many times proclaimed the entire Paracel and Spratly Islands in the East Sea part of its territorial waters. We have to frankly admit that when the Republic of Vietnam stationed its troops on vacant islands of the Spratly Islands such as Namyit, Sand Cay, North-East Cay, South-East Cay, and Spratly, v.v..., we did not encounter any opposition militarily from China, Taiwan, Philippines, or Malaysia.</p>

Quần Đảo Trường Sa (Reference 1)	The Paracel Islands (Reference 1)
<p>Một suy-luận nữa là có thể trận hải-chiến là một cuộc điều-chỉnh sự nhượng quyền chiếm-giữ từ một nhược-tiểu đến một cường-quốc theo một chiến-lược hoàn-cầu mà vài cường-quốc đã ngầm thỏa-thuận trước. Chúng ta có thể nhớ lại cuộc tấn-công hùng-hậu của Anh-quốc trong cuộc tranh-chấp đảo Falkland (Nam Mỹ-Châu) vào thập-niên 80, mà Á-căn-đình (Argentina) vẫn luôn coi như lãnh-thổ của họ. Họ đã chiến-đấu mạnh-mẽ trên mặt ngoại-giao và buộc phải chiến-đấu trên mặt quân-sự sau khi ngoại-giao thất-bại. Về mặt quân-sự, họ biết trước là khó chống lại Anh-quốc với lực-lượng khá dồi-dào, nhưng họ đã phải chiến-đấu trong khả-năng của họ, họ biết tự kiểm-chế cường-độ chiến-tranh để giảm-thiểu tổn-thất. Kết-qua là đảo Falkland đã về tay Anh-quốc. Tuy đảo Falkland rộng lớn hơn về diện-tích và nguồn-lợi cũng như dân-số, quân-lực hai đối-thủ đưa vào cuộc đụng-độ hùng-hậu hơn, mức-độ chiến-tranh nặng hơn, nhưng hai trận Falkland và Hoàng-Sa đã gần tương-tự nhau về tính-chất của một cuộc chiến.</p>	<p>Another conclusion is that the naval battle was to set in motion the territorial concession from a small and weak country to a superpower according to a global strategy secretly agreed on among the superpowers. We could recall in the 80's Great Britain's powerful offensive to drive the Argentines out of its Falkland Islands in the South Atlantic (South America). The Argentines who regarded the Falkland Islands as parts of their territory attempted to negotiate vigorously on the diplomatic front and were compelled to fight the British militarily after their diplomacy effort failed. Militarily, the Argentines knew it would be difficult to oppose the mighty British forces, but they fought within their means, controlling the intensity of the fighting in order to reduce their casualties. Finally, the Falkland Islands were reclaimed by Great Britain. Although the Falkland Islands are larger in area, more abundant in natural resources, more populated than the Paracel Islands, and the fighting involved larger number of troops as well as was fierce, the Battles of the Falklands and Paracels were very similar to each other in terms of their procedures of war.</p>
<p>Người Pháp, trong chiến-tranh tại Đông-dương sau 1945, vì chiến-cuộc gia-tăng tại nội-địa, đã phải bỏ-ngò hoàn-toàn nhóm đảo Tuyên-đức phía bắc, và bỏ-ngò nhóm Nguyệt-thiểm phía nam trong vài năm. Riêng nhóm Tuyên-đức phía bắc đã do Trung-Hoa Dân-quốc cưỡng-chiếm trong ít lâu, nhưng sau đó họ đã phải rút về vì sự thất-trận của họ trong lục-địa. Về sau, hiệp-định Balê 1954 lại đề ra khu phi-quân-sự dọc theo vĩ-tuyến 17, đã làm cho Việt-Nam Cộng-Hòa đã không thể tích-cực hiện-diện tại nhóm Tuyên-Đức bắc đảo Hoàng-Sa thuộc nhóm Nguyệt-thiểm.</p>	<p>After 1945, because of a long, bitter war known as the Indochinese War against the Communist forces inland, the French completely abandoned control of the Paracel Islands consisting of the Amphitrite and Crescent Groups for a few years. As for the Amphitrite Group, the Nationalist government of China occupied it for a while, but later withdrew when it was defeated by Chinese Communist armies and retreated to Taiwan in 1949. Later, the 1973 Paris Agreement designation of a demilitarized area along the 17th Parallel made it impossible for the Republic of Vietnam to be actively present in the Amphitrite Group, lying northeast of the Crescent Group.</p>
<p>Xét về sự phòng-thủ, so sánh với đảo Thái-Bình trong vùng Trường-Sa thì thế bố-trí trên đảo Hoàng-Sa của VNCH đã thua kém rất xa, và không thể đủ sức để cố-thủ chống lại một cuộc cường-kích thủy-bộ. Trên đảo không có</p>	<p>Considering the line of defense on Pattle Island by the Republic of Vietnam, it was far less adequate than that by the Republic of China (Taiwan) on Itu Aba Island belonging to the Spratly Islands, not capable of holding against</p>

công-sự nặng, chỉ có khoảng một trung-đội địa-phương-quân với vũ-khí cá-nhân và một vài quan-sát viên khí-tượng. Trong khi đó Đào Thái-Bình, khi Nhật chiếm-đóng trong đệ-nhi thế-chiến, họ đã xây-cất nhiều công-sự nặng. Sau này khi Trung-Hoa dân-quốc (Đài-Loan) chiếm-đóng, chắc-chắn họ đã tăng-cường mọi cơ-cấu phòng-thủ, lại có trang-bị các khẩu đại-pháo chống chiến-hạm, đưa quân-số trú-phòng có thể tới cấp hơn tiểu-đoàn và do một vị Đại-tá Thủy-quân lục-chiến chỉ-huy.



Đảo Pattle
{<http://www.oceandots.com/pacific/paracel/t/47150b.jpg>}

a massive amphibious assault. There was no heavy fortification on Pattle Island, only a platoon of lightly armed Republic of Vietnam regional soldiers and a handful of meteorologists. As for Itu Aba Island, Japan built a heavy fortification when it occupied during World War II. Later, when the Republic of China (Taiwan) occupied, it surely must have reinforced the line of defense, equipping with cannons capable of delivering heavy artillery fire on warships, and bringing troops to a battalion under the command of a Marine colonel.



The Line of Defense on Pattle Island (Reference 5)

Ngoài ra việc tuyên-bố chủ-quyền của Trung-cộng trên cả hai quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa được nhận-xét chỉ diễn ra sau cuộc thăm-viếng Trung-cộng của Ngoại-trưởng Hoa-Kỳ Kissinger. Ít nhất là Hoa-Kỳ và Trung-cộng đã ngầm có nhiều thỏa-thuận về chiến-lược hay ít nhất cũng đồng-ý là Hoa-kỳ sẽ không can-thiệp vào các hành-động của Trung-cộng trong vùng. Đối với Việt-Nam Cộng-Hòa, Hoa-Kỳ đã không muốn can-dự vào sự bảo-vệ lãnh-thổ. Trong ngày hải-chiến thì các đối-tác-viên tại Bộ-Tổng-Tham-mưu đã khẳng-định đó là công chuyện riêng của Việt-Nam.



Furthermore, China's declaration of sovereignty over the Paracel and Spratly Islands was considered to have taken place after the visit to China of U.S. Secretary of State Henry A. Kissinger. At least, either the U.S. and China signed some secret strategic agreements or the U.S. agreed not to intrude in China's affairs in the East Sea. As for the Republic of Vietnam, the U.S. did not want to get involved in our territorial defense. On the day of the naval battle, the Joint Staff Operations Deputies at the Office of the Joint Chiefs of Staff did assert that the defense of our territory was our private matter.

Quan-niệm của Hoa-Kỳ trong việc mở-rộng lực-lượng Hải-quân chỉ là vừa đủ để hành-quân yểm-trợ hỏa-lực và ngăn-chặn trong vùng sông-ngòi và duyên-hải mà thôi. Công-cuộc xây-cất một hệ-thống thám-báo liên-tục từ Bến-Hải đến Vịnh Thái-lan là một công-tác cao, cả về kỹ-thuật lẫn tài-chánh với mục-tiêu duy-nhất là kiểm-soát hữu-hiệu sự xâm-nhập lén-

From the American point of view, the war-fighting capability of the Republic of Vietnam Navy should be expanded to the extent of:



- a) providing supporting fire to troops ashore
- b) controlling vital waterways in the Mekong Delta and
- c) conducting operations against the logistic


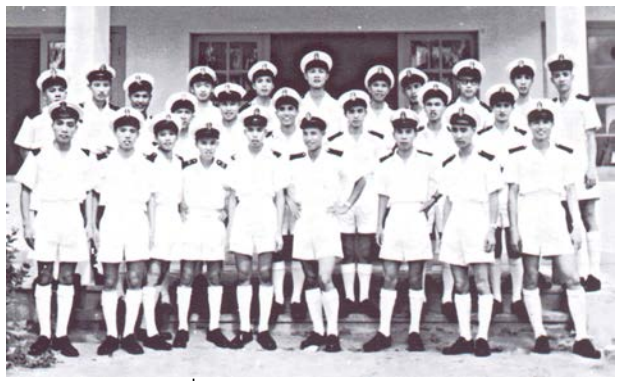


<p>lút băng đường-biển của cộng-sản Bắc-Việt vào vùng duyên-hải. Việc viện-trợ hai chiếc khu-trục-hạm, vì là loại tấn-công, nên sau 1973 họ đã nhiều lần đòi tháo gỡ máy dò tiềm-thủy-đỉnh như đã trình-bày, làm như vậy là sẽ giảm khả-năng của loại này một nửa. Vũ-khí tấn-công trên mặt biển và trên không của khu-trục-hạm là hai dàn hải-pháo 76 ly tự-động với nhịp tác-xạ khoảng 60 viên một phút. Với hỏa-lực tấn-công mạnh-mẽ như vậy, Hải-quân Hoa-Kỳ, vào những năm cuối của cuộc chiến, song-song với kế-hoạch rút lui, đã không bỏ sót cơ-hội cắt đứt hay ít nhất cũng trì-hoãn việc tiếp-tế cơ-phận thay-thế cho loại hải-pháo tối-tân này.</p>	<p>lines of the North Vietnam military personnel along the coast of South Vietnam with the help of a network of radar surveillance sites</p>
<div data-bbox="191 751 799 1003" data-label="Image"> </div> <p>HQ Trần Hưng Đạo (DER 1), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa http://www.vnafmamn.com/NAVYphoto/HQ1_illustration.jpg</p>	<p>The construction of the network of radar surveillance sites continuing from the demilitarized zone (DMZ) at Bến Hải to the Gulf of Thailand to effectively control the infiltration by sea from the North was a challenging task in terms of technical know-how and financial resources. After the transfer to the South Vietnamese Navy in 1971 of two ex-US DER type destroyers - the HQ Trần Hưng Đạo (DER 1) and HQ Trần Khánh Dư (DER 4) - which became our Navy's largest combatants with respect to gun calibre, the U.S. Navy on many occasions after 1973 requested to remove the ship's hull-mounted anti-submarine sonar. This removal would certainly degrade the ship's offensive capability. The ship was armed with two 76-millimetre anti-aircraft guns that could fire 60 rounds a minute. With this powerfully offensive weapon, it was no wonder that the U.S. Navy in the final years of the Vietnam War did not miss any opportunities at least to either delay or cut off providing spare parts for these two modern guns.</p>
<p>Sau trận hải-chiến, để nêu gương hy-sinh của các chiến-sĩ bỏ mình trên đại-dương, Bộ-Tư-lệnh HQ đã có nghiên-cứu một kiến-trúc dự-định xin phép Đô-thành Sài-gòn Chợ-lớn xây cất trong khu-vực cột-cờ thủ-ngữ bên sông Sài-gòn. Riêng Hội-đồng Đô-thành đã đồng-ý trên nguyên-tắc là sẽ có một đường-phố mang tên Ngụy-văn-Thà. Một buổi lễ kỷ-niệm lần thứ nhất trận hải-chiến Hoàng-Sa đã được tổ-chức vào ngày 19 tháng giêng năm 1975 do Tư-lệnh Hải-quân Đề-Độc Lâm-ngươn-Tánh chủ-tọa nhưng tôi không được thông-báo để đến tham-dự.</p>	<p>After the naval battle, in order to pay a lasting tribute to the officers and enlisted personnel who laid down their lives at sea for their country, the Republic of Vietnam Navy Headquarters did consider the construction of a landmark memorial within the area around the Thủ Ngữ flagpole by the Saigon River pending the approval of the city of Saigon. The Saigon City Council had already agreed in principle to have a street named after Navy Commander Ngụy Văn Thành. A ceremony commemorating the first anniversary of the Naval Battle for the Paracels held on January 19, 1975, was presided over by Rear Admiral Lâm Ngươn Tánh, Chief of Naval Operations; however, I was not able to take part in the ceremony.</p>
<p>Hàng năm cứ mỗi Tết nguyên-đán đến, dù vào tháng giêng hay không, tôi luôn luôn có ít phút tưởng-niệm dành cho các liệt-sĩ đã hy-sinh và cũng tưởng nhớ tới chiến-sĩ đã anh-dũng cùng</p>	<p>Every year on the occasion of our Vietnamese Lunar New Year whether falling in January or not, I always have a moment of thinking longingly of the naval officers and enlisted</p>

<p>tôi chiến-đấu trong trận-hải-chiến Hoàng-Sa, mà số đông đang lưu-lạc trong vùng đất tự-do. Họ là những anh-hùng đã xả-thân để bảo-vệ lãnh-thổ của tiền-nhân xây-dựng từ bao thế-kỷ. Mong rằng tài-liệu này sẽ mang lại niềm hãnh-diện cho toàn-thể các chiến-sĩ Hải-quân đã tham-dự trận đánh mà tôi đã có vinh-dự chỉ-huy.</p>	<p>personnel who laid down their lives for their country and those who fought bravely under my command at the Naval Battle for the Paracels. The majority of the naval veterans of the battle, now wandering throughout the free world, are the heroes willing to sacrifice their lives to preserve the territory that our forefathers had built for many centuries. It is hoped that this document will bring a sense of pride to those naval officers and enlisted personnel of the Republic of Vietnam Navy who participated in the Naval Battle for the Paracels that I had the honor to command.</p>
 <p>Hà Văn Ngạc Dallas, Texas, U.S.A. mùa Xuân Kỷ-Mão</p>	 <p>English translation by Hà Mạnh Chí Grapevine, Texas, U.S.A. The 1999 Vietnamese New Year of the Cat</p>
	<p style="text-align: center;">10. References</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. http://www.lib.utexas.edu/Libs/PCL/Map_collection. 2. Hà, Chí M. et al., Biography of Captain Hà Văn Ngạc, Republic of Vietnam Navy (26 April 1935 - 12 February 1999). 3. Jane's Fighting Ships 1960-1969 and 1970-1979, http://www.janes.com/company/catalog99/fightingships.html. 4. The Association of Former Vietnamese Naval Officers - Alumni of Naval Officer Candidate School, Newport, Rhode Island, http://www.geocities.com/Heartland/6700/ocs.html. 5. "Số Đặc Biệt Về Hoàng Sa", Hội Cựu Quân Nhân Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà, tháng 6, 1974 - "Special Issue on Hoàng Sa", a publication of the Republic of Vietnam Navy Veterans Association, June 1974. 6. "Lướt Sóng - Ngày Hải Quân 1974", Tiếng

	<p>Núi Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa - "Riding Waves - Navy Day 1974", Republic of Vietnam Navy Publication (courtesy of Commander Richard R. Ward, U.S. Navy (Retired), Pembroke, Massachusetts, U.S.A.).</p> <p>7. Jane's All the World's Aircraft 1960-1969 and 1970-1979, http://www.janes.com/company/catalog99/jawa.html.</p> <p>8. Trần Đổ Cẩm, "Trận Hải Chiến Tại Quần Đảo Hoàng Sa 19/1/1974 (Phần 1, 2, & 3)", Đoàn Kết Monthly Magazine, 4005 Pebble Path, Austin, Texas 78731, U.S.A., http://doanket.orgfree.com.</p> <p>9. Republic of Vietnam Navy photo, 16 September 1973 (courtesy of Commander Richard R. Ward, U.S. Navy (Retired), Pembroke, Massachusetts, U.S.A.).</p> <p>10. Hà Văn Ngạc, "Những Diễn Biến Đưa Tới Trận Hải Chiến Hoàng Sa", Lướt Sóng, Number 35, 26 September 1998, pp. 92-102, Bạch Đằng, P.O. Box 21997, San Jose, California 95151-1997, U.S.A., http://www.vietnamnavy.com.</p> <p>11. Republic of Vietnam Navy photo (courtesy of the Hà family, Grapevine, Texas, U.S.A.).</p>
	<p style="text-align: center;">11. Acknowledgement</p> <p>I would like to thank</p> <p>Cdr. Richard R. Ward, U.S. Navy (Retired) 63 Fairwood Drive Pembroke, Massachusetts 02359-2712 U.S.A.</p> <p>Mr. Trần Đổ Cẩm (former Navy Lieutenant Commander, Republic of Vietnam Navy) Publisher Đoàn Kết Monthly Magazine 4005 Pebble Path Austin, Texas 78731 U.S.A. nsdoanket@yahoo.com http://doanket.orgfree.com</p> <p>Mr. Trần Chấn Hải (former Navy Commander,</p>

	<p>Republic of Vietnam Navy) Federation of Associations of the Republic of Vietnam Navy and Merchant Marine 2540 Blackton Drive San Diego, California 92105 U.S.A. hq504@hotmail.com or webmaster@vietnamnavy.com http://www.vietnamnavy.com</p> <p>Mr. Vũ Hữu San (former Navy Commander, Republic of Vietnam Navy) Mr. Nguyễn An Cường (former Navy Lieutenant Commander, Republic of Vietnam Navy) Hội Bạch Đằng P.O. Box 21997 San Jose, California 95151-1997 U.S.A. luotsong@hotmail.com</p> <p>for their assistance in preparing this English translation; Mr. Richard R. Ward and Mr. Trần Đỗ Cẩm for providing images from their personal collection. I am especially indebted to the Hà family of Grapevine, Texas and of Irvine, California, U.S.A. for their encouragement, support, and love that made the English translation possible.</p>
--	--

<p style="text-align: center;">Tiểu Sử Hải Quân Đại Tá Hà Văn Ngạc Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa 26 Tháng 4 Năm 1935 - 12 Tháng 2 Năm 1999</p>	<p style="text-align: center;">Biography of Navy Captain Hà Văn Ngạc Republic of Vietnam Navy April 26, 1935 – February 12, 1999</p>
	
<p>Hải Quân Đại Tá Hà Văn Ngạc sinh ngày 26 tháng 4 năm 1935 tại làng Nguyệt Trung, xã Yên Tân (tên cũ Nguyệt Lãng), huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Bắc Việt trong một gia đình nho học. Ông có 1 chị và 2 em trai. Cha ông sau 2 năm bị tù cộng sản tại trại Lý Bá Sơ mất vào tháng 3 năm 1951. Từ đó ông phải thay thế cha săn sóc gia đình 1 mẹ và 2 em. Ông tốt nghiệp Bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp vào ngày 27 tháng 5 năm 1952 rồi vào Nam theo học trường Pétrus Ký ở Sài Gòn. Với bằng Tú Tài I, ông thi đậu vào trường Hàng Hải Thương Thủy ở Phú Thọ. Tuy nhiên, trong lúc học ông bị động viên vào khóa V (Đệ Nhất Hải Sư) Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang trong chương trình bàn giao giữa Hải Quân Pháp và Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa. Ông tốt nghiệp vào ngày 25 tháng 5 năm 1955.</p>	<p>Navy Captain Hà Văn Ngạc was born to a Confucian family on April 26, 1935, in Yên Tân (formerly Nguyệt Lãng) village, Ý Yên district, Nam Định province in North Vietnam (formerly the French protectorate of Tonkin). Navy Captain Hà Văn Ngạc was the second of four children; he had one older sister and two younger brothers. After two years of imprisonment at Camp Lý Bá Sơ by the Vietnamese Communists, his father passed away in March 1951. Since then he took over the responsibility of caring for his mother and his two younger brothers. On May 27, 1952, he graduated from junior high school, then moved to South Vietnam to enter Pétrus Ký High School in Sài Gòn. Having obtained the first baccalaureate, he passed the entrance examination to the Republic of Vietnam Merchant Marine at Phú Thọ. While studying there, he was compulsorily enrolled for the 5th Nha Trang Naval Training Center class (Sea Lion I) under the turnover program between the Navies of the Republic of France and the Republic of Vietnam. He graduated on May 25, 1955.</p>

 <p>Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (Tài Liệu Tham Khảo 1) - Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy (Reference 1)</p>	 <p>Front row, 2nd from left: Midshipman Hà Văn Ngạc</p>
<p>Trong hoàn cảnh nhiễu nhương của đất nước, ông là người duy nhất nhập ngũ trong khi các anh em chú bác của ông đều là nhà giáo. Phục vụ trong Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa từ năm 1955 cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 với cấp bậc cuối cùng là Đại Tá, ông đã đảm nhiệm những chức vị sau đây:</p>	<p>During his country's troublous times, Navy Captain Hà Văn Ngạc was the only one serving in the military while his cousins all became teachers. From May 1955 to April 30, 1975, his distinguished 20-year career in the Republic of Vietnam Navy, from which he attained the rank of captain, included the following sea and shore duty assignments:</p>
 <p>Thăng cấp Đại Tá tại Văn Phòng Tư Lệnh Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, Đề Đốc Trần Văn Chơn - Promotion to Captain in the Office of the Chief of Naval Operations, Rear Admiral Trần Văn Chơn, Republic of Vietnam Navy</p>	 <p>Republic of Vietnam Navy {http://www.rivervet.com/images/vnnavalhistory.gif}</p>
<p>Chức Vụ</p>	<p>Rank and Function</p>
<ul style="list-style-type: none"> Hạm Trưởng HQ 225 Nỏ Thần 	<ul style="list-style-type: none"> Commanding Officer of ex-U.S. Landing Ships Support (LSSL) HQ 225 Nỏ Thần, Republic of Vietnam Navy



HQ Nổ Thần (LSSL 225), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (Tài Liệu Tham Khảo 3)



HQ Nổ Thần (LSSL 225), Republic of Vietnam Navy

- Hạm Trưởng HQ 451 Hóa Giang



Đại Úy Hà Văn Ngạc, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (1963)

- Commanding Officer of ex-U.S. Freighter (FS) HQ 451 Hóa Giang, Republic of Vietnam Navy



Lieutenant Hà Văn Ngạc
Republic of Vietnam Navy



HQ Hóa Giang (FS 451), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa - HQ Hóa Giang (FS 451), Republic of Vietnam Navy

- Hạm Trưởng HQ 09 Kỳ Hòa

- Commanding Officer of ex-U.S. MineSweeper (MSF) HQ 09 Kỳ Hòa, Republic of Vietnam Navy



HQ Kỳ Hòa (MSF 09), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (Tài Liệu Tham Khảo 3)



HQ Kỳ Hòa (MSF 09), Republic of Vietnam Navy
{<http://www.vnafmamn.com/NAVYphoto/HQ9.jpg>}

- Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 25 Xung Phong, Cần Thơ
- Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 22 Xung Phong, Nhà Bè

- Commander, Riverine Assault Group 25, in Cần Thơ, Republic of Vietnam
- Commander, Riverine Assault Group 22, in Nhà Bè, Republic of Vietnam



Giang Thuyền, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (Tài Liệu Tham Khảo 3)



Yabuta Junk, Republic of Vietnam Navy
{<http://pcf45.com/anthoi/pcf4/yabutargia.jpg>}

"Hải Quân Thiếu Tá Hà Văn Ngạc và tôi có mặt trong phòng họp của chiến hạm Hải Quân Hoa Kỳ ELDORADO để bàn kế hoạch hành quân cho Chiến Dịch 'Đâm Dao Găm' sắp sửa xảy ra ở một khu vực gần Mũi Ke Ga. Theo như tôi nhớ lại thì Hải Quân Thiếu Tá Hà Văn Ngạc và tôi đi ra chiến hạm bằng một ghe Hải Thuyền của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa và lên tàu ELDORADO bằng một cầu thang dây thừng đang lắc qua lắc lại. Tôi phải thú nhận rằng việc nhảy vọt từ một chiếc ghe đang nhấp nhô trên mặt biển lên trên chiếc cầu thang đang lắc lư một cách dữ tợn là một việc

"Ngac and I were aboard USS ELDORADO for a planning meeting in conjunction with an upcoming 'Dagger Thrust' Operation scheduled for an area near Point Ke Ga. I do recall that Ngac and I went out to the ship in a South Vietnamese Navy Yabuta Junk and boarded USS ELDORADO via a swinging rope ladder. I must confess, however, that the leap from the foredeck of the bouncing Junk to the wildly swinging rope ladder was an event not to be forgotten and, hopefully, never to be repeated. As the saying goes, 'a miss could have really ruined our day!!!"

khó quên và hy vọng không bao giờ phải lặp lại. Như người ta thường nói, 'lỡ hụt chân, hụt tay thì toi cả mạng'!!!"

Trung Tá Richard R. Ward, Hải Quân Hoa Kỳ (Hữu Trí)
Pembroke, Massachusetts
U.S.A.



Hải Quân Hoa Kỳ Đại Úy Richard R. Ward (ngồi bên trái) và Hải Quân Thiếu Tá Hà Văn Ngạc (ngồi bên phải) trong phòng họp của chiến hạm Hải Quân Hoa Kỳ ELDORADO (LCC 11 hoặc AGC 11) ngoài khơi Biển Nam Hải gần Mũi Ke Ga vào tháng 11 năm 1965 - Lieutenant Richard R. Ward (left), U.S. Navy, and Lieutenant Commander Hà Văn Ngạc (right), Republic of Vietnam Navy, on board USS ELDORADO (LCC 11 or AGC 11) in the South China Sea off Point Ke Ga in November 1965



Chiến Hạm Hải Quân Hoa Kỳ ELDORADO (LCC 11 hoặc AGC 11) vào năm 1965 (Tài Liệu Tham Khảo 3)

Commander Richard R. Ward, U.S. Navy (Retired)
Pembroke, Massachusetts
U.S.A.



USS ELDORADO (LCC 11 or AGC 11), United States Navy
{<http://www.stokerfamily.org/aboutus.html>}



USS ELDORADO (LCC 11 or AGC 11), United States Navy
{http://www.battleships-cruisers.co.uk/images/len0280_usseldorado.jpg}



USS ELDORADO (LCC 11 or AGC 11), United States Navy
{<http://images.military.com/UserImages/110202>}

- Tham Mưu Trưởng Vùng IV Duyên Hải



- Chief of Staff, Coastal Zone IV, Republic of Vietnam Navy



Coastal Zone IV Headquarters at An Thới, Phú Quốc Island, Republic of Vietnam {<http://www.pcf45.com/>}

- Chỉ Huy Trưởng Hải Đội IV Duyên Phòng



Hải Đội IV Duyên Phòng, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (Tài Liệu Tham Khảo 1) - Coastal Patrol Maritime Group IV, Republic of Vietnam Navy (Reference 1)

- Commander, Coastal Patrol Maritime Group IV, Republic of Vietnam Navy



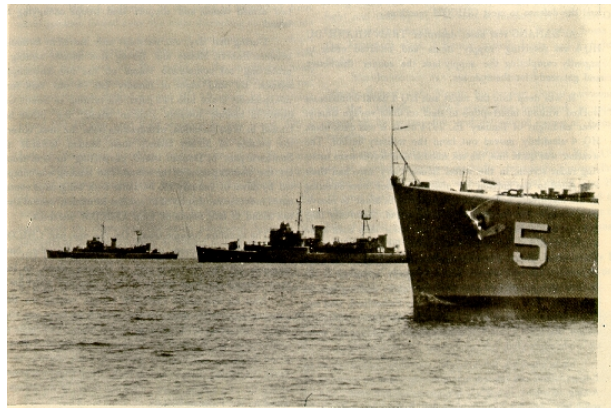
Patrol Craft Fast (PCF), Republic of Vietnam Navy {<http://www.pcf45.com/>}

- Chỉ Huy Trưởng, Trung Tâm Hành Quân, Bộ Tư Lệnh Hải Quân
- Tham Mưu Phó Hành Quân, Bộ Tư Lệnh Hải Quân

- Director, Operations Center, Republic of Vietnam Navy Headquarters
- Deputy Chief of Staff for Operations, Republic of Vietnam Navy Headquarters



- Hải Đội Trưởng Hải Đội III Tuần Dương/Hải Đội Đặc Nhiệm Hoàng Sa



Hải Đội III Tuần Dương, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (Tài Liệu Tham Khảo 2)

- Phụ Tá về Hải Quân cho Trung Tướng Chỉ Huy Trưởng Trường Chỉ Huy Tham Mưu Liên Quân tại Long Bình



Đại Tá Hà Văn Ngạc, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (1974) (Tài Liệu Tham Khảo 2) - Captain Hà Văn Ngạc, Republic of Vietnam Navy (1974) (Reference 2)



- Commander, Cruiser & Destroyer Group III/Task Force Hoàng Sa, Republic of Vietnam Navy






Cruiser & Destroyer Group III, Republic of Vietnam Navy
 {<http://www.vnafmamn.com/untoldpage/HQVN.jpg>}

- Executive Assistant to the Superintendent for Naval Affairs, Armed Forces Command and General Staff College in Long Bình, Republic of Vietnam



Captain Hà Văn Ngạc, Republic of Vietnam Navy
 {http://www.vnafmamn.com/untoldpage/HQ_hvngac.jpg}

Huy Chương	Decorations
<ul style="list-style-type: none"> • Certificate of Achievement Awarded for Outstanding United States/Vietnamese Naval Support for the 2nd Battalion, 3rd Infantry Brigade during the period August 3, 1967 to September 5, 1967 • Bộ Tư Lệnh Vùng IV Duyên Hải Bằng Tướng Lục Cấp Quân Đoàn, ngày 10 tháng 12 năm 1968 • Bộ Chỉ Huy Hải Đội III Bằng Tướng Lục Cấp Quân Đoàn, ngày 17 tháng 12 năm 1973 • Nhiều loại huy chương khác 	<ul style="list-style-type: none"> • Certificate of Achievement Awarded for Outstanding United States/Vietnamese Naval Support for the 2nd Battalion, 3rd Infantry Brigade during the period August 3, 1967 to September 5, 1967 • Certificate of Merit with Corps Citation from Coastal Zone IV Headquarters, December 10, 1968, Republic of Vietnam Navy • Certificate of Merit with Corps Citation from Cruiser & Destroyer Group III Headquarters, December 17, 1973, Republic of Vietnam Navy • Various service and campaign medals
Tu Nghiệp	Training
<ul style="list-style-type: none"> • Tốt nghiệp khóa Kỹ Thuật về Hải Dương Học và Thủy Đạo Trắc Lường Học tại Viện Hải Dương Học Hoa Kỳ ở tiểu bang Maryland vào ngày 23 tháng 8 năm 1963  <p>Viện Hải Dương Học Hoa Kỳ ở tiểu bang Maryland (1963) - United States Navy Oceanographic Office, Suitland, Maryland, U.S.A. (1963)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Oceanographic-Hydrographic Engineering, United States Navy Oceanographic Office, Suitland, Maryland, U.S.A., graduated on August 23, 1963  <p>U.S. Navy Oceanographic Office, Suitland, Maryland, U.S.A. {http://www.history.navy.mil/pics/maury-oceanbldg.jpg}</p>
<ul style="list-style-type: none"> • Tốt nghiệp khóa Quản Trị Quốc Phòng tại trường Cao Học Hải Quân Hoa Kỳ ở thành phố Monterey, tiểu bang California vào ngày 31 tháng 3 năm 1972 	<ul style="list-style-type: none"> • International Defense Management Course, Naval Postgraduate School, Monterey, California, U.S.A., graduated on March 31, 1972

 <p>Trường Cao Học Hải Quân Hoa Kỳ ở thành phố Monterey, tiểu bang California (1972)</p>	 <p>U.S. Naval Postgraduate School, Monterey, California {http://cisr.nps.navy.mil/WECS6/images/campus.jpg}</p>
<p>Tham Dự</p>	<p>Participation In</p>
<ul style="list-style-type: none">Hội Nghị Liên Hiệp Quốc lần thứ VI về Đồ Bản Khu Vực Á Châu và Viễn Đông tại thủ đô Tehran, Ba Tư vào tháng 10 năm 1970  <p>Tehran, Ba Tư (1970) - Tehran, Iran (1970)</p>	<ul style="list-style-type: none">The 6th United Nations Regional Cartographic Conference For Asia And The Far East in Tehran, Iran in October, 1970  <p>Tehran, Iran {http://www.hotelsiran.com/images/iran-tehran.jpg}</p>

Tác Giả	Bibliography
<ol style="list-style-type: none"> Hà Văn Ngạc, "Tìm Hiểu Về Quần Đảo Hoàng Sa", Vietalk, Bộ 4, Số 4, Tháng Tư 1999, trang 1-5, Grapevine, Texas, U.S.A. Hà Văn Ngạc, "Những Diễn Biến Đưa Tới Trận Hải Chiến Hoàng Sa", Lướt Sóng, số 35, ngày 26 tháng 9 năm 1998, trang 92-102, Bạch Đằng, P.O. Box 21997, San Jose, California 95151-1997, U.S.A., http://www.vietnamnavy.com. Hà Văn Ngạc, "Trường Thuật Trận Hải Chiến Lịch Sử Hoàng Sa", Nguyệt San Đoàn Kết, 4005 Pebble Path, Austin, Texas 78731, U.S.A., http://doanket.orgfree.com. 	<ol style="list-style-type: none"> Hà Văn Ngạc, "Tìm Hiểu Về Quần Đảo Hoàng Sa", Vietalk, Volume 4, Number 4, April 1999, pp. 1-5, Grapevine, Texas, U.S.A. Hà Văn Ngạc, "Những Diễn Biến Đưa Tới Trận Hải Chiến Hoàng Sa", Lướt Sóng, Number 35, 26 September 1998, pp. 92-102, Bạch Đằng, P.O. Box 21997, San Jose, California 95151-1997, U.S.A., http://www.vietnamnavy.com. Hà Văn Ngạc, "Trường Thuật Trận Hải Chiến Lịch Sử Hoàng Sa", Đoàn Kết Monthly Magazine, 4005 Pebble Path, Austin, Texas 78731, U.S.A., http://doanket.orgfree.com.
Tài Liệu Tham Khảo	References
<ol style="list-style-type: none"> "Lướt Sóng - Ngày Hải Quân 1974", Tiếng Nói Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (courtesy of Commander Richard R. Ward, U.S. Navy (Retired), Pembroke, Massachusetts, U.S.A.) "Số Đặc Biệt Về Hoàng Sa", Hội Cựu Quân Nhân Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà, tháng 6, 1974 Jane's Fighting Ships 1960-1969 and 1970-1979, http://www.janes.com/company/catalog99/fightingships.html 	<ol style="list-style-type: none"> "Riding Waves - Navy Day 1974", Republic of Vietnam Navy Publication (courtesy of Commander Richard R. Ward, U.S. Navy (Retired), Pembroke, Massachusetts, U.S.A.) "Special Issue on Hoàng Sa", a publication of the Republic of Vietnam Navy Veterans Association, June 1974 Jane's Fighting Ships 1960-1969 and 1970-1979, http://www.janes.com/company/catalog99/fightingships.html
<p>Gia đình họ Hà làm xong vào tháng 4 năm 1999 tại thành phố Grapevine, tiểu bang Texas và thành phố Irvine, tiểu bang California để tưởng nhớ Hải Quân Đại Tá Hà Văn Ngạc, chồng, cha, và ông của chúng tôi, đã qua đời lúc 10:30 sáng ngày Thứ Sáu, 12 tháng 2 năm 1999 (nhằm ngày 27 tháng 12 năm Âm Lịch Mậu Dần 1998) tại Trung Tâm Y Khoa Baylor ở thành phố Grapevine, tiểu bang Texas, Hoa Kỳ</p>	<p>Prepared by the Hà family of Grapevine, Texas and of Irvine, California in April 1999 in loving memory of Navy Captain Hà Văn Ngạc, husband, father, and grandfather, who passed away at 10:30 on Friday morning, February 12, 1999 (27 December in the lunar year of 1998), at Baylor Regional Medical Center in Grapevine, Texas, U.S.A.</p> <p>English translation by Hà Mạnh Chi Grapevine, Texas, U.S.A. The 1999 Vietnamese New Year of the Cat</p>



Gia đình họ Hà nhân dịp Lễ Giáng Sinh năm 1998 tại thành phố Grapevine, tiểu bang Texas, Hoa Kỳ

Hàng đầu (từ trái qua phải): Hà Melinda, Hà Audrey, Hà Natalie, Hà Daniel, Hà Michael, và Hà David

Hàng giữa (từ trái qua phải): Hà Văn Ngạc (ông nội, ông ngoại), Hà M. Kimberly, Hà Marissa, Hà Brannon, Nguyễn T. Mỹ (bà nội, bà ngoại), và Hà Candice

Hàng sau (từ trái qua phải): Lữ Đ. Chung, Cao P. Loan, Phạm T. Phương-Trâm, Hà N. Mỹ-Linh, Hà M. Quý, Hà V. Minh, Hà C. Dũng, và Hà M. Chí



The Hà family at Christmas of 1998 in Grapevine, Texas, U.S.A.

Front row (left to right): Melinda Hà, Audrey Hà, Natalie Hà, Daniel Hà, Michael Hà, and David Hà

Middle row (left to right): Ngạc V. Hà (grandfather), Kimberly M. Hà, Marissa Hà, Brannon Hà, Mỹ T. Nguyễn (grandmother), and Candice Hà

Back row (left to right): Chung Đ. Lữ, Loan P. Cao, Phương-Trâm T. Phạm, Mỹ-Linh N. Hà, Quý M. Hà, Minh V. Hà, Dũng C. Hà, and Chí M. Hà

Tiệc Thương Hải Quân Đại Tá Hà Văn Ngạc Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa

*Kinh-Ngư từ giã biển xanh rồi
Thương tiếc anh tài lẫm hỡi ôi!
Hận nước thù nhà đau cố-quốc
Ôm hận tuyền đài mãi không thôi
Trùng-Dương lịm tắt vừng sao sáng
Sông núi lu mờ bóng nguyệt soi
Kính điệu hồn linh nơi chín suối
Vô-Thường cõi lạc thoát luân hồi
Thôi! "Anh ngủ nhé hồn vào biển rộng
Thương dạt rồi vun vút trời cao."*

Bạn hữu Hải Quân
Fort Worth, Texas, U.S.A.
Chủ Nhật, ngày 14 tháng 2 năm 1999



Hà Văn Ngạc's tomb

<p>Tiểu Thương Hà Văn Ngạc</p> <p>Ố hô, ố hô, ố hô, bác Ngạc ơi! Được tin bác sớm qua đời, Lòng tôi đau xót, ngậm ngùi nhớ thương. Dương trần còn lắm vấn vương, Vội đi, bác để nhớ thương bao người. Cớ sao bác sớm chán đời? Gia đình thương tiếc, người người xót xa, Đường mây cánh hạc bay xa, Bồng lai tiên cảnh lánh xa bụi trần. Lâu lâu gặp bác một lần, Hàn huyên chưa kịp vội dần xa nhau. Về trông đàn cháu lau nhau, Nổi buồn trút bỏ, chuyển sầu thành vui. Bao năm sống với ngậm ngùi, Nổi lòng mất nước, một người Quốc Gia. Hải Quân Đại Tá tham gia, Hoàng Sa nổi sóng, chẳng tha quân thù. Trùng dương thuốc súng mịt mù, Dốc lòng chống trả kẻ thù quá to. Đoàn tàu lướt sóng vo vo, Trường Sa trực chỉ giáng cho quân Tàu. Ngàn năm lệ thuộc đã lâu, Giờ đây chiếm đất, bác cầu đánh ta. Phen này đã có họ Hà, Gương Trần Hưng Đạo thật là xứng danh. Tiếc thay mộng lớn chưa thành, Dương trần vĩnh biệt sao đành yên tâm. Hồn có linh ứng, Chứng giám lòng này. Từ nay thiên hạ, Tri âm còn ai ? Than ôi! Đau đớn thay, Xin hồn về thượng hưởng. Ố hô, ố hô, ố hô, bác Ngạc ơi! Giờ đây bác đã ra người, Ngàn năm thiên cổ, một đời tài hoa. Niết bàn cõi Phật bao la, Cầu linh hồn bác thoát xa cõi trần.</p> <p>Vũ Ngọc Định Dallas, Texas, U.S.A. Chủ Nhật, ngày 14 tháng 2 năm 1999</p>	<p>Điếu Văn Anh Hà Văn Ngạc</p> <p>Hỡi ôi ! anh đã đi rồi ! Nghe tin sét đánh lưng trời lòng đau ! Cứ tưởng rằng: Nhân sinh bách tuế vui trần thế Đâu ngờ anh sớm: Giấc điệp ngàn thu nhập niết bàn Để: Vợ con anh đau buồn đứt ruột Bạn bè thương tiếc lại nhớ nhung Hậu duệ mất đi người nương tựa Họ hàng trò chuyện lúc sớm trưa Vẫn biết rằng: Sinh ký tử quy, tránh sao khỏi số Hóa công ơi: Tạo chi ra cảnh đau lòng Buộc người không thoát khỏi vòng tử sinh Ô hô ! Anh Hà Văn Ngạc Tắm thân tứ đại giờ nằm đó Mà hồn đã lướt gió theo mây Cầu xin chư Phật hôm nay Đón anh về chốn phương Tây cõi trời Nam Mô A Di Đà Phật</p> <p>Kính Điếu Thanh-Toàn Đặng Phạm Khảo San Jose, California, U.S.A. Chủ Nhật, ngày 14 tháng 2 năm 1999</p>

Cảm nhớ Cố Đại-Tá Hà Văn Ngạc

*Hải-Quân Đại-Tá Hà Văn Ngạc,
Thân-thể oai-hùng chống ngoại-xâm.
Hải-Chiến Hoàng-Sa vào sách-sử;
Chiến-công oanh-liệt để nêu gương.
Giang-san gấm-vóc đầy hào-kiệt;
Nước Việt Thiên-Thư định phú-cường.
Tiếng gọi Họ Hà hồn Việt-Quốc,
Âm-Dương cách-biệt vẫn còn thương ...*



Gia-Trọng LÊ Ngọc-Quỳnh
Paris, France

Cảm nhớ Họ Hà Hải-Quân Việt-Nam

*Việt-Nam Quân-Lực ngọn cờ hoàng (vàng
1948),
Diệt Nội-Thù, vừa chống Ngoại-Xâm (7/1954 -
4/1975).
Oanh-liệt Hoàng-Sa vinh sử-ký (19/01/1974),
Kiên-cường bảo-vệ ven biên-cương.
Hải-Quân Đại-Tá Hà Văn Ngạc (26/4/1935 -
12/02/1999),
Dũng-cảm giao-tranh trận-chiến trường.
Hào-Kiệt Anh-Hùng thời thế-tạo;
Văn thơ Gia-Trọng cảm niềm-thương.*



Gia-Trọng LÊ Ngọc-Quỳnh
Paris, France

Hải quân trùng dương

Để tưởng nhớ những kinh ngư đã
nằm yên trong lòng biển cả.

NGUYỄN ĐỨC THU

The musical score is written in treble clef with a key signature of three sharps (F#, C#, G#) and a 2/4 time signature. It consists of ten staves of music with Vietnamese lyrics underneath. The lyrics describe the bravery of fishermen who sacrificed their lives for the sea, and the determination of the Vietnamese Navy to defend the sea islands.

Bập bênh bập bênh trùng dương sóng vỗ, Lênh đênh lênh
đênh biết đâu bến bờ. Chập chùng chập
chùng trời mây nước biếc, Vi vu vi
vu gió reo lời thơ. Âm âm âm
âm tàu ta lướt sóng, Đi qua bao
nhiều sóng biển thác ghềnh, Hải đảo rộn
ràng ngày đêm trông ngóng, Nơi đây quân
ta đã từng ghi chiến công. Chúng ta
(Chúng ta)
là hải quân Việt Nam hào hùng, Rạch Gầm năm
là cháu con của Đức Thánh Trần, Một lòng vì

xưa vang khúc quân ca, Ta thì gan
dân giữ nước quên thân, Bao nhiêu gian
trao giành lại hải đảo, Quyết chí chiến đấu bảo vệ biển
lao nguyện chẳng sờn lòng, Quyết chí chiến đấu bảo vệ biển
trời, Hải trận Hoàng Sa chiến công rộn rã... Chúng ta... vang.
thù, Trận Bạch Đằng giang chiến công rền...
Trời chiều hải đảo buồn vương man mác, Nơi đây năm xưa có
người không về, Thả hồn vào lòng đại dương bát ngát,
Nghe như dư âm tiếng ai cười vui. Cuộc đời vạn dặm nghìn
phương trăm hướng, Xin ghi thân trai bốn bể tung hoành,
Hải trình nghìn dặm trời mây xa tít, Lưu danh muôn
đời hải quân Việt Nam!

Nguyễn Đức Thu
Johnson City, Tennessee, USA
01/2012

ISSN 1231-014X

Indeks 386138

Cena 17,90 zł (0% VAT)

OKRĘTY WOJENNE

www.okretywojenne.pl

Magazyn miłośników spraw wojennomorskich

**Okręty liniowe typu «Bellerophon»
Niemieckie okręty lotnicze**

**Kanonierki typu «Ratanakosindra»
Podwodne zagadki**

**Numer
66
4/2004**



**Ciężkie krążowniki lotnicze typu «Kijew»
Marynarka Wojenna Korei Północnej**



Hà Văn Ngạc
(Stany Zjednoczone A.P.)

Ptaki – prawdziwi gospodarze Wysp Paracelskich i Spratly, na drugim planie widoczne 2 fregaty zespołu kmdr Hà Văn Ngạc
fot. zbiory Hà Manh Chí

Bitwa o Wyspy Paracelskie

(19 stycznia 1974 roku) Część I

O autorze

Hà Văn Ngạc urodził się 26 kwietnia 1935 roku we wsi Yen Tân w prowincji Nam Dinh ówczesnego Tonkinu na północy Wietnamu. Po ukończeniu w roku 1952 szkoły średniej przeniósł się z rodziną przesładowaną przez komunistyczną partyzantkę na południe Wietnamu, gdzie kontynuował naukę w Sajgonie. Po zdaniu egzaminów został przyjęty do Szkoły Morskiej w Phu Tho, którą następnie zmienił na Morskie Centrum Szkoleniowe w Nha Trang, gdzie 25 maja 1955 uzyskał oficerskie szlify i rozpoczął służbę w marynarce wojennej Republiki Wietnamu. W toku trwającej równo 20 lat służby wojskowej zakończonej ewakuacją z Wietnamu 30 kwietnia 1975 roku Hà Văn Ngạc był między innymi dowódcą okrętu desantowego *No Than*, transportowca *Hoa Giang*, eskortowca *Kỳ Hoa*, dowodził także 22 i 25 Rzeczną Grupą Szturmową. Zajmował również stanowiska dowódczo-sztabowe, między innymi był szefem IV Strefy Brzegowej, dyrektorem Centrum Organizacyjnego, z-cą szefa sztabu operacyjnego marynarki wojennej oraz dowódcą Grupy III Zespołu Operacyjnego HOANG SA. Hà Văn Ngạc ukończył kurs oceanograficzno-hydrograficzny w Waszyngtonie w 1963 oraz Naval Postgraduate School w Monterey w 1972. W roku 1975 w związku z upadkiem Wietnamu Południowego zakończył służbę wojskową w stopniu komandora,

a po opuszczeniu ojczyzny zamieszkał w Stanach Zjednoczonych, gdzie zmarł 12 lutego 1999 roku w Grapevine w stanie Teksas.

Niepublikowany wcześniej tekst został sporządzony przez autora w oparciu o zachowane po latach informacje, zaś jego angielską wersję zawdzięczamy synowi komandora, Hà Manh Chí.

Uwagi tłumacza

Zachowano układ tekstu i oryginalne stosowane przez autora słownictwo, rażące nieco anachronizmem, zwłaszcza w kwestiach natury politycznej, zrezygnowano natomiast z przypisów, które odwołują się głównie do piśmiennictwa w języku wietnamskim

Wstęp

Do pierwszej potyczki w nowożytnych dziejach Republiki Wietnamu i Chińskiej Republiki Ludowej doszło na wodach Morza Południowo-Chińskiego. To terytorium, które oba państwa uważały za własne z uwagi na znajdujące się tam potencjalnie znaczne podmorskie zasoby ropy naftowej oraz jego strategiczne położenie, jest rozległą grupą niskich koralowych wysepek i raf określanych mianem Wysp Paracelskich, położonych w odległości około 300 km na wschód od Da Nang. W potyczce, która miała miejsce w piątkowy poranek około godz. 10.30 w dniu 19 stycznia 1974 roku

(wg kalendarza księżycowego 27 grudnia 1973) na płytkich wodach Paraceli, uczestniczyło kilka okrętów obu państw. Zespół sił morskich Republiki Wietnamu składał się z fregat i eskortowca pod dowództwem mego ojca kmdr Hà Văn Ngạc, który zmarł w roku 1999.

Do chwili swej śmierci, ojciec mój sporządził 3 opracowania w języku wietnamskim. Pierwsze dotyczyło historii Paracelów od początku wieku XIX, stanowiły one część Wietnamu, poprzez epokę Indochin Francuskich aż do II wojny światowej, gdy archipelag opanowali Japończycy. Drugie i trzecie opracowanie zajmowały się przy-

Hà Văn Ngạc. fot. zbiory Hà Manh Chí



Bitwa o Wyspy Paracelskie



Komandor Hà Văn Ngạc, marynarka wojenna Republiki Wietnamu, dowódca Zespołu Operacyjnego III (Task Force III) Sił Paracelów. fot. zbiory Hà Manh Chí

czynami i bezpośrednim przebiegiem samej potyczki, nazywanej też Bitwą Morską o Paracelę.

Nagła śmierć mego ojca niemal dokładnie w 25 rocznicę potyczki na Wyspach Paracelskich, skłoniły mnie do przetłumaczenia na język angielski pozostawionych opracowań, by choć w ten sposób utrwalić jego miejsce zarówno w historii samego Wietnamu jak i jego marynarki wojennej.

Poniższe angielskie tłumaczenie dedykuję:

- wdzięcznej pamięci mego ojca, marynarza, który dumnie służył swojemu krajowi Republice Wietnamu przez 20 lat od maja 1955 do 30 kwietnia 1975 roku,
- pamięci wymienionych niżej oficerów i marynarzy floty Republiki Wietnamu:

Ngu Văn Thà, Nguyễn Thành Trí, Đinh Hoàng Mai, Lê Văn Tây, Phạm Anh Dũng, Nguyễn Phúc Xá, Lê Văn Don, Nguyễn Văn Thàch, Trần Văn Bang oraz Ngô Chí Thành.

Którzy oddali swe życie w obronie terytorium Wietnamu pod dowództwem mego ojca,

- kobietom i mężczyznom, członkom Sił Zbrojnych Republiki Wietnamu za ich profesjonalizm, patriotyzm i dumę w służbie wolności.

Hà Manh Chí

Przed bitwą

Kwestia suwerenności nad Wyspami Paracelskimi i Spratly na Morzu Południowochińskim była już poruszana przez wielu historyków oraz badaczy problemów szelfu kontynentalnego. Ostatnio w swej pracy historycznej Vũ Hữu San (eks-kmdr por. floty Republiki Wietnamu) zacytował szereg dokumentów wskazujących na ważność wietnamskiego zwierzchnictwa nad tymi

wyspami, w tym analizy danych przyrodniczych, geologicznych i meteorologicznych. Dane te potwierdzają, że to nasi przodkowie pierwsi postawili swoją stopę na Paracelach i Spratly, pozostawiając tam znaki graniczne z wietnamskimi inskrypcjami. Do 30 kwietnia 1975 roku Republika Wietnamu uczestniczyła też w międzynarod-

wej służbie meteorologicznej na tym obszarze.

W roku 1933, gdy zarząd federacji francuskich kolonii i protektoratów w Indochinach zdecydował się przyłączyć administracyjnie Paracelę i Spratly do wietnamskich prowincji nadbrzeżnych, Japonia była jedynym krajem, który zaprotestował przeciwko tej decyzji. Sam protest był jednak zaledwie formalny. W rezultacie władze francuskie zdecydowały się ogłosić swą decyzję w prasie. Nawet marynarze brytyjscy, którzy jako pierwsi Europejczycy odkryli Spratly, nie zareagowali, gdy dowiedzieli się, że Wietnam, Francja i Hiszpania podpisały porozumienie o protektoracie już w roku 1862.

Okupacja wojskowa przez Tajwan wyspy Itu Aba oraz najdalej na północ wysuniętej wyspy Paraceli Woody Island, a także wyspy Loaita przez Republikę Filipin, była następstwem ośmioletniej wojny indochińskiej prowadzonej przez Francję przeciwko komunistycznej partyzantce Viet Minh. Długa, gorzka wojna stanowiła spory wysiłek militarny dla francuskiej administracji w Indochinach. W rezultacie Francuzi utrzymali jedynie pluton Legii Cudzoziemskiej jako załogę na wyspie Pattle, będąc zmuszeni do opuszczenia innych strategicznie ważnych punktów Paraceli.



rys. Przemysław Federowicz

Bitwa o Wyspy Paracelskie

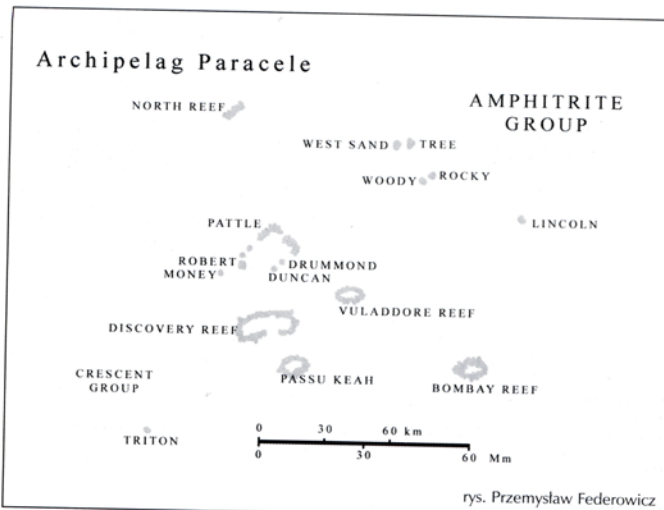
Japonia opanowała wyspę Itu Aba w archipelagu Spratly w czasie II wojny światowej. Po kapitulacji Japonii żołnierze Kuomintangu (Narodowej Republiki Chin) byli odpowiedzialni za rozbrojenie japońskich sił okupacyjnych w Wietnamie. Tymczasem Kuomintang wykorzystując francuskie zaangażowanie w działania na obszarze Wietnamu, sam zajął Itu Aba i wyspę Woody na Paracelach. Gdy chińscy komuniści opanowali Chiny kontynentalne, co nastąpiło w 1949, wszyscy żołnierze Kuomintangu wycofali się na Tajwan bądź do Chin, opuszczając wyspę Woody, która pozostała „bezpieczna”, do czasu zajęcia jej przez siły zbrojne ChRL, co nastąpiło dopiero w połowie lat pięćdziesiątych.

W tym okresie marynarka wojenna Republiki Wietnamu zaangażowana była głównie w wspieranie rządowej polityki „pacyfikacji” na wodach śródlądowych i przybrzeżnych. W rezultacie działania sił morskich na wodach otwartego morza ograniczały się jedynie do:

- wspierania obecności wojskowej na Paracelach, poza wyspą Woody aż do czasu ostatecznego wycofania się oddziałów francuskich z Wietnamu. Wyspa Woody leżała bardzo blisko 17° równoleżnika, w strefie zdemilitaryzowanej, zgodnie z porozumieniem genezyjskim z 1954 roku, którego władze Republiki Wietnamu nie chciały w żaden sposób naruszać,
- postawienia znaków granicznych na głównej wyspie archipelagu Spratly, oznaczających przejęcie suwerenności państwowej nad tym terytorium przez Republikę Wietnamu.

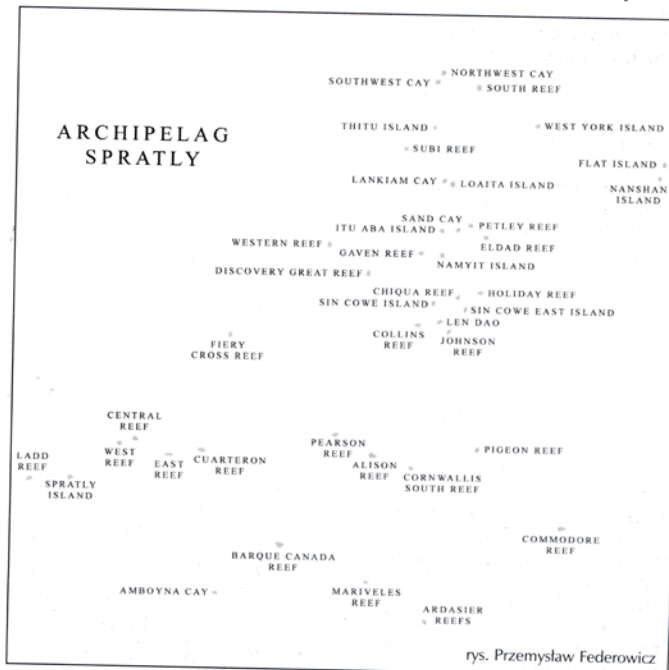
Kwestie szelfu kontynentalnego oraz przynależności państwowej Paracelów i Spratly nie stanowiły przedmiotu szczególnego zainteresowania sąsiadujących z Morzem Południowo-Chińskim państw aż do czasu, gdy rozwój technologii pozwolił na przystąpienie do wiercenia podmorskich i wydobywania tą drogą ropy naftowej.

W październiku 1970 Republika Wietnamu znalazła się w gronie państw azjatyckich takich jak Republika Chin (Tajwan), Japonia, Malezja, Indonezja, Filipiny, Tajlandia i inne, które uczestniczyły w trwającej miesiąc, a odbywającej się pod auspicjami ONZ w stolicy Iranu Teheranie VI Regionalnej Konferencji Kartograficznej ds. Azji i Dalekiego Wschodu. Delegacji wietnamskiej, liczącej 3 członków, w tym kartografa i mnie, przewodniczył płk Doãn Văn Kiêu dyrektor Narodowego Biura Geograficznego Ministerstwa Obrony. Już w pierwszych dniach Konferencji delegacja Republiki Chin (Tajwanu) kierowana przez generała dywizji, ogłosiła nagle swą opinię w kwestii zwierzchnictwa nad Paracelami i Spratly.

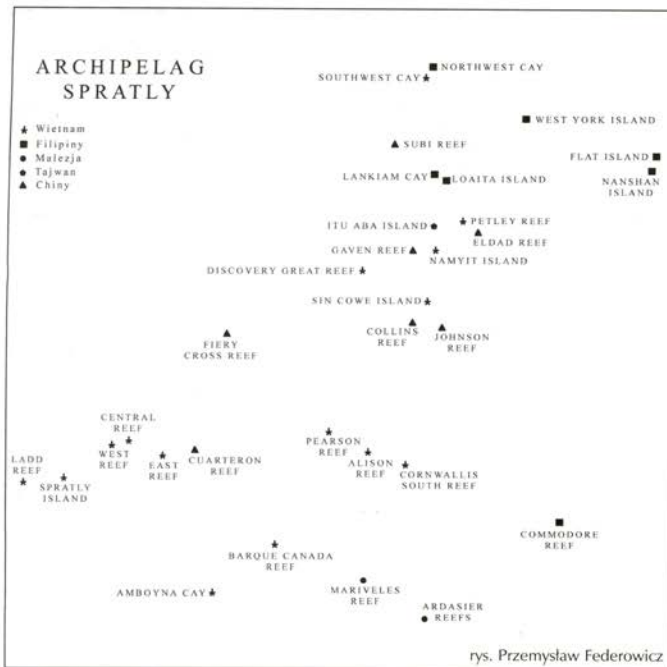


W tym czasie Kwatera Główna marynarki wojennej Republiki Wietnamu utworzyła Biuro 5 lub inaczej Biro Badań Naukowych, którego zadaniem było między innymi zbieranie zarówno historycznych jak i prawnych dokumentów potwierdzających wietnamskie zwierzchnictwo nad Paracelami i Spratly. Ponieważ jednak Konferencja zorganizowana pod auspicjami ONZ była

czymś więcej niż tylko spotkaniem specjalistów w sprawie współpracy technicznej, zaproponowałem szefowi naszej delegacji, że powinniśmy poprosić delegację innych państw Azji Południowo-Wschodniej o pomoc w kwestii złożenia i przyjęcia formalnej deklaracji, że sprawy przynależności państwowej obszarów spornych nie będą rozstrzygane na forum konferencji karto-



Bitwa o Wpisy Paracelskie



rys. Przemysław Federowicz

graficznej. Po przyjęciu takiej deklaracji delegacja Republiki Chin ani nie złożyła protestu, ani też nie podnosiła więcej tej kwestii w czasie całego spotkania. Należy odnotować, że po Teheranie Kwatera Główna marynarki wojennej Republiki Wietnamu kontynuowała przydzielanie swoich oficerów morskich do składu południowo-wietnamskiej delegacji na kolejne konferencje kartograficzne. Kwestia zwierzchnictwa nad Paracelami i Spratly podniesiona przez Republikę Chin (Tajwan) na oenietowskiej konferencji kartograficznej stała się punk-

tem zwrotnym w sporze o terytoria i zasoby na Morzu Południowo-Chińskim. Od tej pory problemów nie można już było więcej rozstrzygać na drodze wzajemnych oskarżeń czy zręcznych protestów dyplomatycznych.

Badania podmorskie złóż ropy naftowej prowadzone przez Republikę Wietnamu w latach 1969-1971 na obszarze w pobliżu Vũng Tàu i Côn Sơn (lub Côn Đảo) miały istotne znaczenie i zwróciły uwagę sąsiadujących państw takich jak komunistyczne Chiny (ChRL) oraz DRW (komunistyczne

władze Wietnamu Północnego). Możemy tylko przypomnieć, że prezydent Republiki Wietnamu miał zaszczyt podpalić jeden z podmorskich odwiertów by uświetnić zakończenie uwieńczonych sukcesem prac badawczych prowadzonych przez amerykańskie służby geologiczne firmy naftowej z Houston w Teksasie na obszarze blisko 4000 Mm².

W grudniu 1971 roku władze Wietnamu Południowego rozpoczęły podział szelfu kontynentalnego na działki do prac wiertniczych dla firm naftowych. Proces ten został zakończony w lutym 1973, lecz jego wyniki ogłoszono publicznie dopiero w lipcu 1973 roku. Zwłoka nastąpiła w rezultacie realizacji prośby władz amerykańskich by wstrzymać się z publikacją do czasu opadnięcia w USA fali ulicznych demonstracji skierowanych przeciwko działalności wielonarodowych koncernów w Wietnamie i Kambodży. Prócz tego władze Stanów Zjednoczonych zaczęły już same zwracać uwagę na kwestie szelfu kontynentalnego w Azji Południowo-Wschodniej, odgrywającego coraz istotniejszą rolę w amerykańskiej polityce w tym regionie. Dlatego też w latach 1970 i 1971 prace badawcze nie były upubliczniane by z jednej strony nie wspierać ruchu antywojennego w samym USA, a z drugiej nie utrudniać prowadzonych w Paryżu nader delikatnych czterostronnych negocjacji pokojowych. Rząd komunistycznego Wietnamu Północnego wiedział o podziale szelfu, lecz czekał aż do czerwca 1973 roku by złożyć w tej sprawie swój protest. Oczywiście komunistyczna ChRL także bacznie śledziła południowo-wietnamskie prace poszukiwawcze i zaczęła interesować się potencjalnymi zasobami ropy naftowej pod dnem Morza Południowo-Chińskiego.

Równoległe z badaniami na szelfie kontynentalnym władze Republiki Wietnamu

Znak graniczny Republiki Wietnamu na wyspie Pattle w Archipelagu Paraceli. fot. zbiory Hà Manh Chí



Znak graniczny Republiki Wietnamu na wyspie Spratly, największej w Archipelagu Spratly. fot. zbiory Hà Manh Chí



Bitwa o Wyspy Paracelskie

planowały również wprowadzenie swych oddziałów wojskowych na nie obsadzone dotąd wyspy archipelagu Spratly. Wietnamska marynarka wojenna przejęła inicjatywę w zakresie wdrożenia tego planu. Było to rezultatem ćwiczeń morskich przeprowadzonych w początkach lata 1973 roku z inicjatywy ówczesnego dowódcy floty kmdr Nguyễn Xuân Sơn, w uzgodnieniu z Kwaterą Główną marynarki wojennej. Dowódca floty uczynił mnie jako dowodzącego Zespołem Operacyjnym III (Task Force III) odpowiedzialnym za zorganizowanie odpowiedniego zespołu okrętów, zaplanowanie ćwiczeń oraz inspekcję archipelagu Spratly.

Po podpisaniu w listopadzie 1972 roku porozumień pokojowych w Paryżu, marynarka wojenna Republiki Wietnamu dysponowała pewną liczbą okrętów nawodnych zwolnionych z dotychczasowych zadań patrolowych na wodach przybrzeżnych. W rezultacie wspomniane okręty nawodne zostały przydzielone do mojej Grupy, względnie nie znalazły jeszcze swego nowego zatrudnienia w działaniach minowych czy patrolowych w ramach Dowództwa Bezpieczeństwa w Strefie Przybrzeżnej. W szczytowym okresie wojny wietnamskiej, każdy okręt duży czy mały, o ile nie wykonywał zadań transportowych, brał udział w patrolach morskich względnie przybrzeżnych, a w razie potrzeby wspierał ogniem artyleryjskim oddziały lądowe. Wszystkie jednostki przydzielone do mojej Grupy miały wcześniej bardzo rzadko lub wcale okazję uczestniczyć na ćwiczeniach w składzie Grupy bojowej. O ile zaś uczestniczyły kiedykolwiek w manewrach, to były one krótkie i fragmentaryczne. Warto w tym miejscu dodać, że w czasie wojny wietnamskiej marynarka wojenna Republiki Wietnamu miała za zadanie:

- prowadzić operacje przeciwko liniom zaopatrzeniowym komunistycznej partyzantki wzdłuż wybrzeża

Wietnamu Południowego od Cửa Viêt do Cape Cà Mâu,

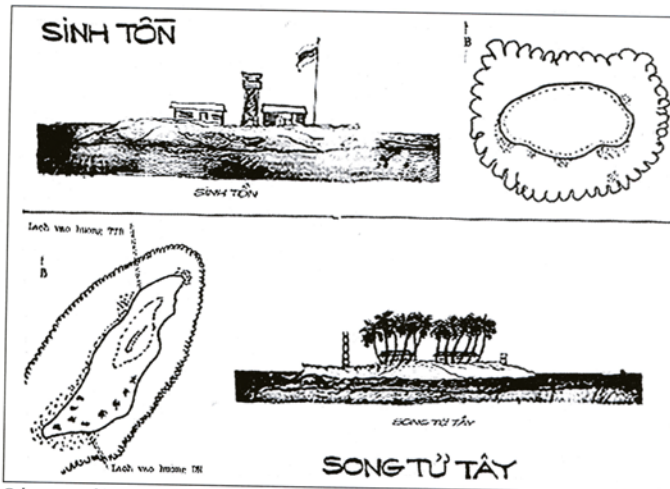
- zapewnić stałą kontrolę nad ważnymi śródlądowymi drogami wodnymi w Deltcie Mekongu od Kinh Vinh

Tè, Ha Tien do Chau Doc przy granicy lądowej między Kambodżą a Wietnamem.

Mój Zespół Operacyjny składał się z 1 niszczyciela eskortowego (DER), 3 fregat (WHEC), 1 dużego okrętu wsparcia desantu (LSSL) oraz 2 dużych, zmodernizowanych okrętów desantowych do przewozu czołgów (ARL i AGP). Desantowa jed-

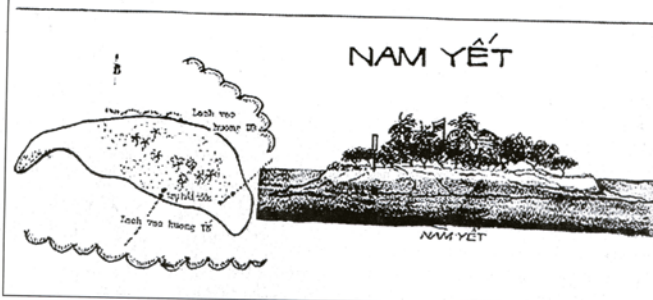
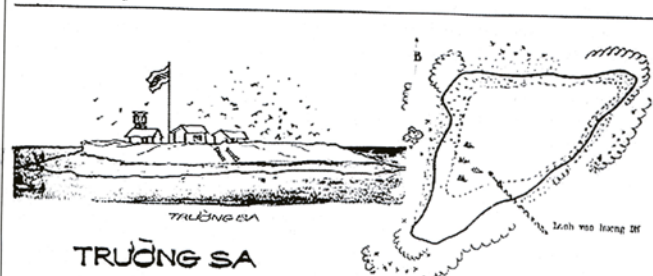
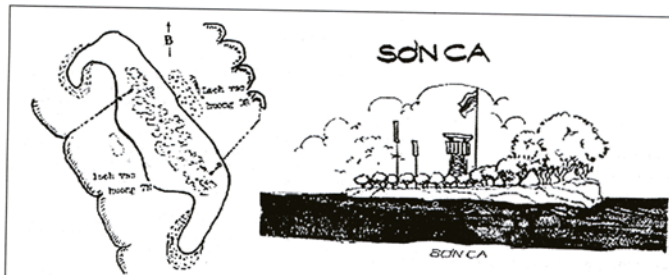
Odrębne szkice wysp Archipelagu Spratly: Son Ca – Sand Cay, Truong Sa – Spratly i Nam Yet – Namyit, sporządzone w czasie rejsu rozpoznawczego zespołu kmdr Hà Văn Ngạc.

rys. zbiory Hà Manh Chí



Odrębne szkice wysp Archipelagu Spratly: Sinh Ton – Sin Cowe i Song Tu Tay – Southwest Cay, sporządzone w czasie rejsu rozpoznawczego zespołu kmdr Hà Văn Ngạc

rys. zbiory Hà Manh Chí



Bitwa o Wyspy Paracelskie



Flaga państwowa Republiki Wietnamu na wyspie Spratly w Archipelagu Spratly, uwagę zwraca poza południowowietnamskich marynarzy, jako żywo przypominająca U. S. Marines z pamiętnego zdjęcia na szczycie wulkanu Suribachi na Iwo Jimie w lutym 1945 roku.
fot. zbiory Hà Manh Chí

nostka warsztatowa *Vinh Long* (ARL) dowodzona przez kmrdr por. Vũ Quốc Công, była okrętem flagowym ćwiczeń.

Niewielki patrolowiec *Cần Thơ* (HQ-801) obsadzony przez podchorążych z Morskiego Centrum Szkoleniowego w Nha Trang pod dowództwem przydzielonego oficera, uczestniczył również w ćwiczeniach, zapewniając niezbędną praktykę przyszłej kadry dowódczej floty.

Zespół Operacyjny opuścił port w Sajgonie i skierował się w rejon Wysp Spratly, które osiągnął następnego ranka. Mimo początków lata, utrzymywała się wysoka temperatura, zaś na wyspach nie było drzew zapewniających niezbędny cień i schronienie przed słońcem, wobec czego lądowanie na wyspach można było przeprowadzić jedynie we wczesnych godzinach rannych. Naszym zadaniem było podniesienie flagi Republiki Wietnamu na wyspie Spratly, największej w całym archipelagu oraz ustawienie nowego znaku granicznego na miejscu starego, który gdzieś przepadł. Zapewne został usunięty przez rybaków z sąsiadujących z Wietnamem państw, w czasie ich postoju na wyspie.

Po lądowaniu na Spratly, Zespół Operacyjny skierował się bezpośrednio na Itu Aba, Namyit (na południe od Itu Aba) oraz Sand Cay (na południowy wschód od Itu Aba). W trakcie przechodzenia sił zespołu w pobliżu wysp Namyit i Sand Cay nie lądowano, ograniczając się jedynie do obserwacji. Następnie wszystkie nasze okręty stanęły na kotwicy na południe od Itu Aba.

Obecność naszych okrętów wywołała alarm wśród chińskich oddziałów stacjonujących na Itu Aba, jednak po rozpoznaniu południowo wietnamskiej bandery sytuacja powróciła do normy. Korzystając z lampy sygnalizacyjnej Zespół poprosił o pozwolenie złożenia towarzyskiej wizyty na wyspie, na co otrzymał zgodę. Około południa nasza delegacja na czele z dowódcą floty wyładowała na Itu Aba, gdzie została gorąco przyjęta przez plk piechoty morskiej Republiki Chin (Tajwan) w jego kwaterze. Z uwagi jednak na wymogi tajemnicy wojсковej nie pozwolono nam na zwiedzenie wyspy.

Po opuszczeniu Itu Aba oraz Namyit i Sand Cay Zespół skierował się na północ ku wyspom Northeast Cay i Southwest Cay. Trasa wiodła w pobliżu wyspy Loaita obsadzonej przez wojska filipińskie. W trakcie obserwacji wyspy można było łatwo dostrzec pojedynczą wieżę strażniczą. Choć na wyspy Northeast Cay i Southwest Cay były niewielkie, to jednak leżały obok siebie i rosły na nich duże cieniste drzewa.

Manewry trwały tydzień, a w ich czasie Zespół Operacyjny przemieszczał się od wyspy do wyspy, prowadząc między innymi ćwiczenia z łączności zarówno radiowej jak i klasycznej sygnalizacji za pomocą chorągiewek. Zajęcia obejmowały również obronę przeciwlotniczą i zwalczanie okrętów podwodnych oraz zagadnienia zaopatrzenia.

Po zakończeniu ćwiczeń i powrocie do bazy, dowódca floty i ja skontaktowaliśmy się z szefem gabinetu premiera by móc wspólnie przedstawić swoje opinie na temat obecności militarnej na wyspach archipelagu Spratly. Nasza prośba została rozpatrzona po tygodniu. Dowódca floty i ja „uzbrojeni” w niezbędne mapy i projektor dokonaliśmy prezentacji na posiedzeniu całego gabinetu pod przewodnictwem premiera

Trần Thiên Kiêm. Prezentacja, która była pierwszym punktem porządku obrad, rozpoczęła się o godz. 09.00 dowódca floty po szczegółowym przedstawieniu geografii wysp Spratly i sprawy ich długotrwałej wojskowej okupacji przez Republikę Chin (Tajwan) i Republikę Filipin zdecydowanie zaproponował by Republika Wietnamu utrzymywała również swoją stałą obecność militarną na takich wyspach archipelagu jak Namyit, Spratly, Northeast Cay i Southwest Cay. Gabinet natychmiast zaakceptował propozycję bez dalszej dyskusji. Po naszej prezentacji zatrzymaliśmy się w pokoju recepcyjnym premiera, bowiem gabinet kontynuował obrady nad dalszym porządkiem dnia.

Po tym spotkaniu Minister Obrony wydał rozkazy dla Szefa Połączonych Sztabów Sił Zbrojnych, Kwatery Głównej marynarki wojennej Republiki Wietnamu, korpusu saperów oraz władz wojskowych prowincji Binh Tuy w sprawie opracowania planu wprowadzenia wojsk na wyspach archipelagu Spratly. Wyspa Namyit była naszym pierwszym zadaniem. Zostalem wyznaczony na pierwszego dowódcę Operacji „Hung Dao 22” (dlugo nie mogłem przypomnieć sobie tego numeru). Pod koniec maja, gdy południowo wschodni monsun zaczął dmuchać bardzo łagodnie, okręt desantowy *Qui Nhom* (HQ 504) pod dowództwem kmrdr ppor. Vũ Hữu Sơn, opuścił nabrzeże Freedom Pier z plutonem saperów, gumowymi pontonami oraz materiałami do budowy posterunku na pokładzie. Kilka dni później jako wzmocnienie operacji wyruszył niszczyciel eskortowy *Tran Khan Du* (HQ-4) dowodzony przez kmrdr Nguyễn Quang Tô.

W czasie budowy posterunku na wyspie chińskie oddziały piechoty morskiej z Itu Aba wystąpiły w kierunku naszych okrętów łódź rozpoznawczą z 3-osobową załogą,

Duży okręt desantowy *Qui Nhom* (HQ 504).

fot. zbiory Hà Manh Chí



Bitwa o Wyspy Paracelskie

która po dokonaniu identyfikacji zawróciła nie podejmując żadnej akcji. Budowę posterunku na wyspie Namyit ukończono w czasie 3 tygodni, po czym dokonano uroczystego podniesienia na maszt flagi narodowej w obecności personelu morskigo, saperów i żołnierzy. Wykonana z nierdzewnej stali tablica z wygrawerowaną datą, nazwą operacji, moim nazwiskiem i stopniem wojskowym jako OTC (Operational Theater Commander – pol. D-ca Obszaru Operacyjnego) została zamontowana u podnóża masztu. Po dniu 30 kwietnia 1975 roku, oficerowie dawnej marynarki wojennej, którzy pozostali w kraju, ujawnili, że wietnamscy komuniści zademonstrowali w końcu zdjęcie wspomnianej tablicy w dawnym Morskim Centrum Szkoleniowym w Nha Trang jako dowód wietnamskiego zwierzchnictwa nad wyspami Spratly i Paracelami.

Zgodnie z wieloma analizami w XXI wieku region Azji i Pacyfiku ma się stać ważną ekonomicznie strefą świata. Od czasu, gdy komunistyczny ChRL nie tylko osiągnął, ale i utrzymał rolę ekonomicznego supermocarstwa, nastąpił również nawrót dawnego chińskiego imperializmu skierowanego przede wszystkim w stronę sąsiednich państw, które kiedyś w przeszłości pozostawały w zależności od Chin i płaciły im daninę. W przeszłości potęgą wojskowa Chin opierała się głównie na armii lądowej, zaś marynarka wojenna pozwalała jedynie na zabezpieczenie strefy wybrzeża oraz zwalczanie uciążliwego piractwa na wodach przybrzeżnych i śródlądowych. Jednak współcześnie nowa rola ekonomiczna i militarna komunistycznego ChRL w Azji Południowo-Wschodniej oraz możliwości jej morskich sił uderzeniowych, stwarzają realną szansę prowadzenia polityki ekspansji terytorialnej jako podstawy strategii supermocarstwa w nadchodzącym stuleciu.

Rzeczywiście:

- komunistyczna ChRL przejęła całkowitą kontrolę nad Paracelami w roku 1974 wysyłając tam znaczne siły floty, wojsk lądowych i lotnictwa oraz oddziały desantowe
- w latach, które nastąpiły po 30 kwietnia 1975, komunistyczna ChRL zajęła przemocą kilka wysepek i raf w archipelagu Spratly, usuwając stamtąd siły morskie Socjalistycznej Republiki Wietnamu.

Akcje te jednoznacznie dowodzą, że ChRL realizuje przyjętą strategię zostania hegemonem w Południowo-Wschodniej Azji.

W dniu 18 kwietnia 1998 roku w agencji prasowej „Youth” w Sajgonie (Ho Chi Minh) ukazał artykuł stanowiący wywiad Radia France International (RFI) z panią Monique Somilie Giangdro (francuskie nazwisko w brzmieniu wietnamskiej trans-



Do brzegu dobiega następna szalupa, w oddali poza granicą raf widoczne 2 fregaty zespołu kmdr Hà Văn Ngac.

fol. zbiory Hà Manh Chi

krypcji), profesora prawa na Uniwersytecie Paryskim, która twierdzi, że chińska okupacja należących historycznie do Wietnamu Paraceli pozostaje w całkowitej sprzeczności z prawem międzynarodowym. Cytuje ona szereg dokumentów pochodzących z XVII wieku oraz okresu panowania cesarza Minh Mang. Chociaż komunistyczne władze ChRL utrzymują, że dysponują dokumentami starszymi od wietnamskich, to jednak nigdy nie przedstawiły wiarygodnie żadnego z nich. Radio RFI zaprezentowało również artykuł jednego z dzienników wychodzących w Hong Kongu („Minh Báo” z 4 kwietnia 1998), który ogłosił plany władz ChRL przekształcenia wysp na Paracelach w strefę turystyczno-wypoczynkową z hotelami i restauracjami, podobną do Hawajów. Dodatkowo jeszcze chińskie władze wyspy Hainan potwierdziły, że w okresie najbliższych kilku lat będą organizowane regularne wycieczki na Paracele. Radio RFI krytykuje Pekin za nie wyrzeczenie się ambicji do stopniowego wdzierania się nie tylko na lądzie, ale i na morzu. Ministerstwo Spraw Zagranicznych Socjalistycznej Republiki Wietnamu gwałtownie oskarżyło ten ten plan i stwierdziło, że każda bezprawna akcja obcego kraju na Paracelach i Spratly będzie naruszeniem integralności terytorialnej Wietnamu. Należy równocześnie odnotować, że przedstawiciele ChRL i Socjalistycznej Republiki Wietnamu spotykali się już ponad 10 razy, jednak nie zdołali dojść do porozumienia w kwestii Paraceli i Spratly, podobnie zresztą jak i przebiegu granicy lądowej.

Agencja prasowa „Youth” oskarża także Pekin o stwarzanie wrażenia jakby Paracele

i Spratly od zawsze należały do Chin przez budowanie obiektów administracyjnych i turystyczno-wypoczynkowych na spornym obszarze. W dniu 21 maja 1998 roku komunistyczne Chiny raz jeszcze potwierdziły swoje zwierzchnictwo nad archipelagiem wysp Spratly. Sprawozdawca Ministerstwa Spraw Zagranicznych ChRL stwierdził, że chińskie zwierzchnictwo nad wyspami Spratly jest niezaprzeczalnym faktem. Równocześnie zauważył, jednostki pływające prowadzące ostatnio prace badawcze znajdują się wyłącznie w obrębie chińskich wód terytorialnych. W odpowiedzi Ministerstwo Spraw Zagranicznych Socjalistycznej Republiki Wietnamu stwierdziło, że chińskie jednostki badawcze naruszały głęboko terytorium Wietnamu.

Chociaż Socjalistyczna Republika Wietnamu konferowała już więcej niż 10 razy z Chińską Republiką Ludową aby ustalić ostatecznie kwestię przynależności państwowej spornych Paracelów i Spratly oraz przebieg chińsko-wietnamskiej granicy na lądzie, to jednak obie układające się strony nie zdołały osiągnąć żadnego porozumienia. W rezultacie należy oczekiwać w najbliższej przyszłości międzynarodowego konfliktu prawnego między obu państwami, zwłaszcza po tym jak Socjalistyczna Republika Wietnamu i Tajlandia zawarły porozumienie w sprawie podziału obszaru Zatoki Tajlandzkiej w związku z eksploatacją znajdujących się tam podmorskich złóż ropy naftowej.

(ciąg dalszy nastąpi)

Tłumaczenie z języka angielskiego
Maciej S. Sobański

Wydawnictwo „OW” poleca



„Okrety Wojenne” Nr 52
cena 12,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 55
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 56
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 59
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 60
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 61
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 62
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 63
cena 17,50 zł



„Okrety Wojenne” Nr 64
cena 17,50 zł



„Okrety Wojenne” Nr 65
cena 17,50 zł



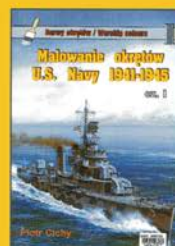
„Okrety Wojenne” Nr 3 spec
cena 7,00 zł



Bitwa koło wyspy Savo
cena 20,00 zł



Operacja „Pedestal”
cena 22,00 zł



Malowanie okrętów U.S. Navy 1941-1945 cz. I
cena 17,00 zł



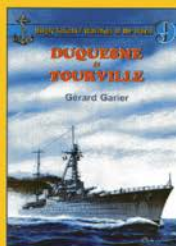
Malowanie okrętów U.S. Navy 1941-1945 cz. II
cena 19,00 zł



Hiszpańskie krążowniki ciężkie typu „Canarias”
cena 7,00 zł



Brytyjskie krążowniki ciężkie typu „County” cz. II
cena 9,00 zł



Duchesse & Tourville
cena 14,00 zł



Amerykańskie pancerniki typu „Iowa” cz. II
cena 15,00 zł



Niemieckie niszczyciele typu „Narvik”
cena 21,00 zł



Niemieckie pancerniki typu „Scharnhorst”
cena 29,00 zł



Japońskie krążowniki ciężkie typu „Myoko”
cena 39,00 zł

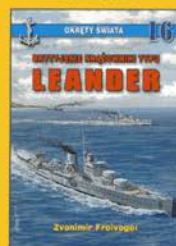


Rosyjskie pancerniki typu „Sewastopol’”
cena 42,00 zł



Brytyjskie krążowniki typu „Leander’”
z serii „Okrety Świata” nr 16

NOWOŚĆ!
Brytyjskie krążowniki typu „Leander” z serii „Okrety Świata” nr 16
Sztywna, lakierowana okładka, 64 strony i trzy rozkładówki z 8 planami w skali 1:400, dwie wkładki z 4 planami kolorowymi, 68 fotografii czarno-białe, 42 rysunki, liczne tabele.
Cena wraz z kosztami wysyłki tylko 39 zł.



Brytyjskie krążowniki typu „Leander’”
Zwornik Frolvigor

ISSN 1231-014X

Indeks 386138

Cena 19,99 zł (0% VAT)

OKRĘTY WOJENNE

www.okretywojenne.pl

Magazyn miłośników spraw wojennomorskich

**Krażownik «Wariag»
Schnellbooty w Norwegii**

**Korwety typu «Gabbiano»
Marynarka Wojenna Omanu**

Numer

67

5/2004



**Bitwa o Wyspy Paracelskie 1974
Niszczyciele rakietowe typu «42»**





Hà Văn Ngạc
(Stany Zjednoczone A.P.)

Bitwa o Wyspy Paracelskie

(19 stycznia 1974 roku) część II

Wietnamski Zespół Operacyjny u wybrzeży Wysp Paracelskich. fot. grzechocnościowo „Hoàng Sa”

Wstęp

Mięło już tyle lat od czasu mego udziału w bitwie o Paracel między flotami Republiki Wietnamu i Chińskiej Republiki Ludowej. Nigdy nie rozmawiałem ani nie pisałem o tej bitwie, choć miałem ku temu okazję łamiąc tym samym obietnicę daną dawnemu dowództwu Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu, które oczekiwało ode mnie przedstawienia dokładnego obrazu tego starcia. Obojętnie czy byliśmy zwycięzcami czy pokonanymi jest faktem niezaprzeczanym, że w toku bitwy oficerowie i marynarze floty Republiki Wietnamu wykorzystali swoje umiejętności i doświadczenie walcząc dzielnie przeciwko chińskiej inwazji dla zachowania integralności terytorialnej ojczyzny. Bez względu jednak na to czy chcieliśmy uniknąć tego starcia, ograniczyć je czy też rozszerzyć w lokalny konflikt, ostateczna analiza wskazuje, że flota wietnamska musiała chwilowo ustąpić pola chińskim siłom uderzeniowym, tak by móc przy innej okazji odzyskać okupowane terytoria.

Dziś przy okazji księżycowego Nowego Roku Kota pisze te słowa poświęcone pamięci bohaterów, którzy oddali swe życie w obronie oddalonych zakątków kraju. Niektórzy z nich pozostali na wieki w płytkich wodach Wysp Paracelskich jako swego rodzaju dodatkowy historyczny dowód naszej narodowej suwerenności. Inni stracili życie

na morzu uchodząc przed okrutnymi chińskimi agresorami.

Wielu weteranów bitwy tak bardzo pragnęło napisać naoczne wspomnienia dotyczące historii Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu czy sił zbrojnych Republiki, że niestety opuścili w nich szereg istotnych szczegółów. Innym weteranom nie pozwolono opublikować informacji uznawanych za tajne przed 30 kwietnia 1975 względnie nie mogli się skonsultować ze mną z powodu swych wędrówek po wolnym świecie po tej dacie.

Ponieważ nie dysponuję podręcznymi materiałami, szereg szczegółów dotyczących godzin bitwy, naszych i nieprzyjacielskich pozycji, nazwisk i stopni wojskowych oficerów biorących udział w starciu, mają jedynie przybliżony charakter. W tej pracy próbuję dać możliwie prawdziwy, szczegółowy obraz bitwy z punktu widzenia dowódcy teatru operacyjnego, mając równocześnie nadzieję, że uczestnicy starcia mogli zapamiętać inne detale starcia, które przekażą mi to pomóc poprawić ten dokument.

Przegląd ogólny

„Tân Xuân Giap Dân Hoàng Sa chiến Nam ngu hải ngoa huyết lưu hồng”

Ten wietnamski dwuwiersz już dużo wcześniej przepowiadał, że w końcu księżycowego roku kalendarzowego 1973 dojdzie do krwawego starcia między południowo-

wietnamską flotą a obcymi najeźdźcami w rejonie leżących na Morzu Południowo Chińskim Wysp Paracelskich. Te wersy których styl rymów nawiązuje do księgi procyktw znanego wietnamskiego proroka Trang Trinh, szybko urzeczywistniły się, gdy mój Zespół Operacyjny powrócił wczesnym rankiem 20 stycznia 1974 do bazy Da Nang, siedziby dowództwa I Strefy Brzegowej. Te wersy przeczytał mi kmdr Nguyễn Viet Tân (prymus absolwentów mojego rocznika 1955 Morskiego Centrum Szkoleniowego Nha Trang), będący wówczas dowódcą Grup Obrony Wybrzeża. Od tego czasu minęło równo 25 lat i dzięki zachęce dawnych oficerów Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu, szereg szczegółów dotyczących wspomnianego morskogo starcia nigdy wcześniej nie odsłoniętych, zostało opisanych w tej pracy dla historii.

Po bitwie, dobre i złe strony naszej taktyki, podobnie jak i strategii wietnamskiej floty, o ile je podnoszono, nie mogły służyć żadnym celom praktycznym jako cenna lekcja w przyszłych konfliktach. Dlatego też jedynie kilka spraw wartych jest uwagi w kontekście możliwości bojowych floty Republiki Wietnamu w czasie jej konfrontacji z komunistycznymi Chinami, których siły morskie, powietrzne i lądowe były znacznie większe i potężniejsze.

W tym czasie Marynarka Wojenna Republiki Wietnamu szczyliła się tym, że nie

Bitwa o Wyspy Paracelskie

tylko walczyła ramie w ramie wraz z innymi rodzajami wietnamskich sił zbrojnych przeciwko komunistom z Północnego Wietnamu, ale także chroniła odległe wyspy przed zdobywcami, którzy wielokrotnie w historii naszego narodu deptali wietnamską ziemię. W porównaniu z operacjami armii Republiki Wietnamu w latach 1970-1971 w Kambodży i Laosie, gdzie nasze oddziały walczyły przeciwko siłom północnowietnamskim skrywającym się w sąsiednich krajach, muszę szczerze przyznać, że flota nie miała takich okazji. Bardzo trudne zadanie dla floty wietnamskiej, której misją było pokonanie wewnętrznej komunistycznej agresji, stanowiło przygotowanie ewentualnej obrony odległych wysp przed chińską marynarką wojenną, która dysponowała przewagą zarówno ilościową jak i jakościową. W czasie wojny wietnamskiej Marynarka Wojenna dzieliła odpowiedzialność za:

- zapewnienie wsparcia ogniowego sił lądowych na brzegu przez fregaty i eskortowce;
- uniemożliwienie infiltracji tras z Kambodży do Deltę Mekongu;
- zabezpieczenie operacji przeciwko liniom zaopatrzeniowym północnowietnamskiej armii wzdłuż wybrzeża Południowego Wietnamu.

Nim przedstawię morskie starcie wraz z jego szczegółami pozwolę sobie wpięrk pokazać łańcuch dowodzenia floty Republiki Wietnamu i jej sił lądowych biorących udział w tej bitwie:

1. kontradm. Trần Văn Chon, szef operacji morskich Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu,
2. komodor Lâm Nguôn Tánh, z-ca szefa operacji morskich Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu,
3. komodor Diệp Quang Thúy, szef sztabu Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu,
4. kmdr Nguyễn Xuân Sơn, dowódca floty morskiej Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu,
5. komodor Ho Văn Kỳ Thoai, dowódca I Strefy Brzegowej Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu,
6. kmdr Hà Văn Ngạc, dowódca Grupy Niszczycieli i Eskortowców (Zespół Operacyjny III)/ Zespół Sił Paracelów Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu,
7. kmdr por. Vũ Hữu San, dowódca *Trần Khánh Du* (HQ 4),
8. kmdr por. Phạm Trọng Quỳnh, dowódca *Trần Bình Trọng* (HQ 5),
9. kmdr por. Lê Văn Thu, dowódca *Lý Thuồng Kiết* (HQ 16),
10. kmdr ppor. Ngụy Văn Thà (pośmiertnie awansowany do stopnia kmdr por.), dowódca *Nhut Tào* (HQ 10),

11. kpt. Nguyễn Minh Cánh, dowódca zespołu desantowych sił szturmowych Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu.

HQ – skrót Hải Quân, oznacza flota

Przyczyny mojej obecności na Wyspach Paracelskich

Niewielu towarzyszy broni z floty Republiki Wietnamu zna przyczyny dowodzenia przez mnie w czasie bitwy morskiej. Źródłem mego dowodzenia była moja nominacja przez Admiralicję na stanowisko do zadań specjalnych w I Strefie Brzegowej w końcu 1972 i początkach 1973 roku. Nie znalazłem przyczyn nominacji mojej osoby do zadań specjalnych aż do czasu przybycia do siedziby dowództwa I Strefy Brzegowej w Da Nang. Tam zostałem uczyniony odpowiedzialnym za przygotowanie do walki na śmierć i życie między flotami Republiki Wietnamu i Wietnamu Północnego. Źródła wywiadowcze potwierdziły, że północnowietnamska marynarka wojenna otrzymała ze Związku Radzieckiego kutry rakietowe typu *Komar* uzbrojone w poddźwiękowe przeciwokrętowe pociski kierowane typu „Styx”. W tym czasie wszystkie nawodne jednostki pływające południowowietnamskiej floty posiadały jedynie możliwości obronne przeciwko rakietom „Styx”. Wynikało to z faktu, że przewidywano rozpoczęcie morskiego starcia z siłami floty DRW w chwili, gdy podejmą one działania na wybrzeżu Wietnamu Południowego aby wspomóc operacje lądowe wojsk północnowietnamskich próbujących powtórzyć ofensywę na północ od rzeki Ben Hải trwającą od końca marca do końca lata 1972 roku.

Spędziłem dwa burzliwe tygodnie w dowództwie I Strefy Brzegowej wypracowując plan obrony. Plan ten przewidywał szerokie równoczesne rozśrodkowanie na morzu różnego rodzaju jednostek pływających, zarówno okrętów jak małych patrolowców w rodzaju «WPB» czy «PCF», tak aby ograniczyć możliwe straty. Równocześnie to rozproszone ugrupowanie miało na dużą skalę stosować flary i paski folii jako pasywne zakłócenia przeciwko rakietom typu „Styx”. Marynarka Wojenna Republiki Wietnamu uzyskała również dodatkowe wsparcie artyleryjskie ze strony sił I Obszaru Korpusnego, które miały niszczyć okręty floty DRW na północ od Cua Viet, utrzymując tym samym ich marsz wzdłuż wybrzeża na południe tak by nasze jednostki zdołały wyjść poza zasięg rakiet typu „Styx”.

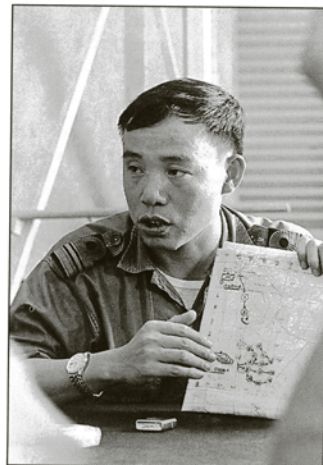
Po przedstawieniu przez mnie wspomnianego planu dowódcom różnych Grup Przybrzeżnych i Grup Morskich Patroli Przybrzeżnych w dowództwie I Strefy Brzegowej, jej dowódca zaaprobował mój plan

i polecił mnie zaprezentować go w dowództwie I Obszaru Korpusnego mieszczącego się również w Da Nang. Przedstawieniu planu w siedzibie Korpusu przewodniczył osobiście jego dowódca gen. Dyw. Ngô Quang Truông. W naradzie uczestniczyli również szef operacyjny I Korpusu płk Ha Mai Viet, płk Khiếu Hữu Diêu oraz dowódca artylerii polowej Korpusu płk Nguyễn Văn Chung wraz ze swymi pomocnikami. Wsparcie ze strony artylerii polowej w przypadku bitwy morskiej mogło okazać się pomocne, tym bardziej, że jej dowódca obiecał w razie potrzeby użycie dalekonośnych dział kal. 175 mm do realizacji planu obrony przedstawionego przez Marynarkę Wojenną.

Moje obowiązki w I Strefie Brzegowej wymagały zwykle dwutygodniowej w skali miesiąca obecności w dowództwie i uzależnione były od planu obowiązków, jakie miałem w kwaterze Zespołu Operacyjnego III w Sajgonie. Nigdy jednak nie otrzymałem rozkazu z dowództwa I Strefy Brzegowej w Da Nang, Floty Morskiej czy Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu w Sajgonie bym pozostał w I Strefie Brzegowej. Zwykle przeprowadzałem generalną analizę sytuacji w I Strefie Taktycznej i towarzyszyłem dowódcy Strefy Brzegowej w inspekcji dywizji, brygad czy pułków wojsk lądowych w I Obszarze Korpusnym.

Wracając jeszcze do morskiej bitwy o Paracelę w dniu 11 stycznia 1974 roku, zaledwie kilka dni po opuszczeniu ChRL przez amerykańskiego Sekretarza Stanu Henry A. Kissingera, chiński minister spraw zagranicznych nieoczekiwanie raz jeszcze ogłosił suwerenność tego państwa na Paracelami

Komandor Hà Văn Ngạc w czasie jednej z narad sztabowych poprzedzających bitwę.
 fot. zbiory Hà Manh Chi



Bitwa o Wyspy Paracelskie

Wietnamskie okręty uczestniczące bezpośrednio w bitwie o Paracele 19 stycznia 1974 roku

Trần Bình Trọng (HQ 5) (eks-amerykański *Castle Rock* WHEC-383, eks-AVP 35) zbud. Lake Washington Shipyard, Houghton, wodowany 01.03.1944, w służbie 08.10.1944, przekazany Marynarce Wojennej Republiki Wietnamu 21.12.1971

Wyporność standardowa 1766 t, zaś pełna odpowiednio 2800 t przy długości kadłuba 94,7 m, szerokości 12,5 m i zanurzeniu 4,1 m. Napęd 2 silniki wysokoprężne Fairbanks względnie Morse o łącznej mocy 6080 KM pracujące na 2 śruby, maksymalna prędkość około 18 węzłów.

Uzbrojenie 1 działo kal. 127 mm, 2 x 40 mm plot, 1-2 moździerze kal. 81 mm, kilka km-ów, załoga około 200 oficerów i marynarzy

Lý Thường Kiệt (HQ 16) (eks-amerykański *Chincoteague* WHEC 375, eks-AVP 24), zbud. Lake Washington Shipyard, Houghton, wodowany 15.04.1942, w służbie 12.04.1943, przekazany Marynarce Republiki Wietnamu 21.06.1972 – pozostałe dane jak *Trần Bình Trọng* (HQ 5)

Trần Khánh Dư (HQ 4) (eks-amerykański *Forster* DER-334), zbud. Consolidated Steel Co. Orange, Texas, wodowany 13.11.1943, w służbie 25.01.1944, przekazany Marynarce Wojennej Republiki Wietnamu 25.09.1971.

Wyporność standardowa 1590 t, a pełna odpowiednio 1850 t przy długości 93,3 m, szerokości 11,2 m i zanurzeniu 4,3 m. Napęd 2 silniki wysokoprężne Fairbanks względnie Morse o łącznej mocy 6000 KM pracujące na 2 śruby, maksymalna prędkość około 21 węzłów.

Uzbrojenie 2 automatyczne działa plot. kal. 76 mm L/50, 6-12 wt pop kal. 324 mm, miotacz bomb głębinowych Mk 15, zrzutnie bomb głębinowych, załoga około 170 oficerów i marynarzy.

Nhut Tào (HQ 10) (eks-amerykański *Serene*, MSF-300), zbud. Winslow Marine Railway & SB Co, Winslow, w służbie od 31 października 1943, przekazany Marynarce Wojennej Republiki Wietnamu w styczniu 1964.

Wyporność standardowa 650 t, a pełna 945 przy długości 56,3 m, szerokości 10,1 m i zanurzeniu 3,0 m. Napęd 2 silniki wysokoprężne Cooper względnie Bessemer o łącznej mocy 1710 KM pracujące na 2 śruby, maksymalna prędkość 14 węzłów.

Uzbrojenie 1 działo plot. kal. 76 mm L/50, 2 działa plot. kal. 40 mm, 2-8 działek plot. kal. 20 mm, załoga około 80 oficerów i marynarzy.

i Wyspami Spratly. Byłem bardzo zainteresowany tymi nowinami, od czasu, gdy w końcu lata 1973 roku dowodziłem zespołem, który wysadził pierwszy wietnamski oddział na wyspie Namyit w archipelagu Wysp Spratly. Kilka dni później, gdy wietnamski minister spraw zagranicznych Vuong Văn Bac, przebywał z misją poza granicami kraju, oficjalny przedstawiciel ministerstwa zaprzeczył chińskim żądaniom i ponownie potwierdził zwierzchnictwo Republiki Wietnamu nad Paracelami i Wyspami Spratly.

W dniu 16 stycznia 1974 roku opuściłem Sajgon udając się do bazy morskiej Vung Tau, gdzie przewodniczyłem uroczystości formalnego przekazania dowództwa fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5). Kmdr por Phạm Trọng Quỳnh zastąpił (niestety nie potrafię sobie przypomnieć nazwiska odchodzącego oficera) jako dowódca *Trần Bình Trọng*. Po powrocie do Sajgonu oglądałem w telewizyjnych wiadomościach jak minister spraw zagranicznych Vuong Văn

Bac zdecydowanie i formalnie potwierdził zwierzchnictwo Republiki Wietnamu nad odległymi Paracelami i Wyspami Spratly. Zrozumiałem, że kryzys ten może najbardziej dotknąć I Strefy Brzegowej, zwłaszcza jeśli flota północnowietnamska wspierana zapewne przez Chiny, zechce wywołać kłopoty na odległych wyspach, tak by wciągnąć Marynarkę Wojenną Republiki Wietnamu do walki na śmierć i życie. Oczywiście siły DRW próbowały skorzystać z tej okazji by przenieść działania ofensywne poza 17 równoleżnik.

Wczesnym rankiem 17 stycznia 1974, nie mając nawet czasu powiadomić dowódcy Sił Morskich, pojechałem się do bazy lotniczej Tân Sơn Nhất, gdzie poszedłem bezpośrednio do wojskowego terminalu. Tam spotkałem dyżurnego chorążego sił powietrznych, któremu powiedziałem, że muszę natychmiast udać się do Da Nang. Dyżurny powiedział, że lot jest pełen, lecz przedstawił mi porucznikowi pilotującemu C-130 „Hercules”. Po wyjaśnieniach

przyczyny mego pośpiechu, pilot pozwolił mi zająć miejsce II pilota w kabinie samolotu.

Po przybyciu do bazy lotniczej w Da Nang około godz. 09.00 poprosiłem z-cę dowódcy I Strefy Brzegowej kmdr Ngyuën Hùu Xuân o gazik, który powiózł mnie do siedziby dowództwa. Tam zapoznałem się ze szczegółami wydarzeń na Paracelach. Dowiedziałem się również, że fregata *Trần Bình Trọng* (HQ 5) na której dzień wcześniej brałem udział w zmianie dowódcy w Vung Tau, przybędzie wieczorem do bazy morskiej Da Nang z zespołem desantowych sił szturmowych na pokładzie.

Dowódca I Strefy Brzegowej pokazał mi także kartkę papieru o której powiedział, że zawiera odręczną notatkę prezydenta Republiki Wietnamu sporządzoną w czasie jego wcześniejszego pobytu w dowództwie. Nie pytałem go o samą wizytę ani też nie czytałem notatki, lecz moim zdaniem była to prywatna instrukcja prezydenta dla flagowego oficera. Dowódca I Strefy Brzegowej dał mi do wyboru dwie możliwości pozostać na tyłowym stanowisku dowodzenia lub też znaleźć się na scenie bezpośrednich działań. Odpowiedziałem natychmiast: chcę być w centrum wydarzeń by móc inspirować mych ludzi. Stąd też mój przydział do Grupy Fregat i Eskortowców (Zespół Operacyjny III) floty, bowiem w przeciwieństwie do poprzedników zwykle uczestniczyłem w morskich patrolach. W każdym długotrwałym patrolu moja obecność podnosiła morale znajdujących się pod komendą oficerów i członków załóg. Zwykle przypominałem dowodzącym oficerom o konieczności szkolenia marynarzy na stanowiskach bojowych i włączania ich do wspólnych ćwiczeń.

Popołudniu dowódca I Strefy Brzegowej zapytał mnie, czy potrzebuję czegoś jeszcze. Odpowiedziałem, że potrzebuję jeszcze jednego dodatkowego okrętu z obawy, że mogę zostać zaatakowany w czasie przejścia morzem na Paracele, nie zaś ze względu na liczbę chińskich jednostek w rejonie samych wysp. Przydzielono mi eskortowca *Nhut Tào* (HQ 10), który w tym czasie dozorował rejon podejścia do bazy w Da Nang, co pozwoliło na skrócenie czasu formowania mego zespołu, mimo że ostatnia jednostka miała sprawny tylko jeden silnik wysokoprężny. Dowódca I Strefy Brzegowej przydzielił kmdr ppor. Nguyễn Chí Tôan (absolwenta Morskiego Centrum Szkoleniowego w Nha Trang z rocznika 1961) w charakterze oficera łącznikowego, jednak w czasie całej operacji nie miałem możliwości zapoznać się z jego kwalifikacjami. Później w oczekiwaniu na przybycie do Da Nang fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5) zjadłem kolację w rezydencji dowódcy I Strefy

Bitwa o Wyspy Paracelskie



Wietnamskie stanowisko obronne z wkm-em Browning kal. 12,7 mm na wyspie Pattle w archipelagu Wysp Paracelskich.

fol. grzecznościowo „Hông Sa”

Brzegowej. Po kolacji dowódca osobiście odprowadził mnie do portu. Po bitwie wyznał mi, że sądził iż była to nasza wspólna „Ostatnia Wieczera”. Oznacza to, że przewidywał bitwę i musiał otrzymywać regularne raporty z biura Szefa Operacji Morskich.

O godz. 21.00 tego wieczora wyszliśmy z bazy kierując się na Paracele. Odpowiedzialność za nawigację w czasie rejsu na Wyspy Paracelskie przekazałem kmrdr por. Phạm Trọng Quỳnh, dowódcy *Trần Bình Trọng*, który był oficerem z dłuższym stażem niż kmrdr ppor. Ngụy Văn Thà, dowódca *Nhut Tào* (Phạm Trọng Quỳnh był absolwentem Morskiego Centrum Szkoleniowego Nha Trang z rocznika 1961, a Ngụy Văn Thà z rocznika 1962). Moja obecność na pokładzie *Trần Bình Trọng* pozwalała dowódcy, który objął okręt zaledwie 2 dni wcześniej, czuć się bezpieczniej do czasu aż w pełni opanował możliwości jednostki i jej załogi.

Oba nasze okręty utrzymywały ciszę radiową, o ile nie liczyć meldunków o zajmowanej aktualnie pozycji.

Dzień przed bitwą

Około godz. 08.00-09.00 w dniu 18 stycznia 1974 roku fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5) i *Nhut Tào* (HQ 10) osiągnęły rejon Wysp Paracelskich. W zasięgu VRC 46 (późniejszy i silniejszy model PRC 25) rozmawiałem otwartym tekstem z dowódcą fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4) kmrdr por. Vũ Hữu San, który był najstarszym stopniem oficerem na miejscu, by nie tylko uzyskać lepsze informacje o sytuacji, ale również poinformować go zgodnie z regulaminami i procedurami obowiązującymi w marynarce wojennej o moim przybyciu, zarówno jako dowódcy Grupy Fregat i Eskortowców (Zespół Operacyjny III), jak i dowódcy teatru operacyjnego. Po zapoznaniu się z sytuacją wyraziłem uznanie dla dowódcy fregaty *Ly Thuởng Kiệt* (HQ 16) w związku

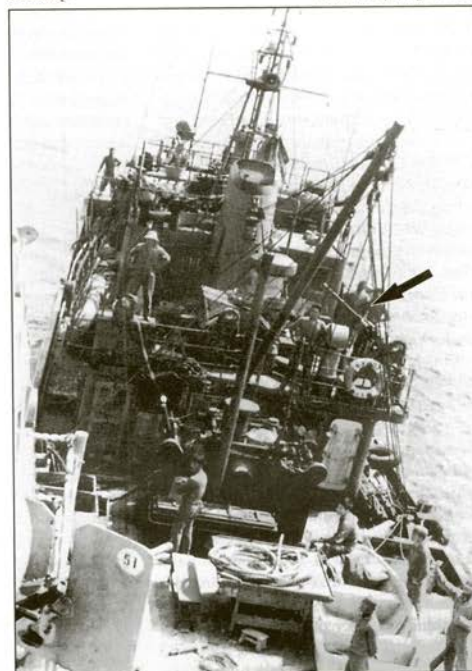
z jego kłopotami, jakie miał przed naszym przybyciem. Gdy zbliżał się wieczór wszystkie cztery okręty (fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4, *Trần Bình Trọng* (HQ 5) i *Ly Thuởng Kiệt* oraz eskortowiec *Nhut Tào* (HQ 10)) skoncentrowały się na płytkich wodach otaczających Wyspy Paracelskie. Mój zespół został ostatecznie sformowany. Grupy bojowe z *Trần Bình Trọng* i *Trần Khánh Du*, które kilka dni wcześniej wylądowały i podniosły flagę Republiki Wietnamu na wyspach Robert, Money i Drummond, pozostawały na swych pozycjach obronnych. Gdy zaobserwowaliśmy chińskie okręty nawodne krążące w rejonie na północ od wyspy Duncan, postanowiliśmy natychmiast pokazać siłę naszego zespołu przeprowadzając ćwiczenia taktyczne w pobliżu wyspy Duncan z nadzieją, że uda się wysadzić na niej desantowy zespół szturmowy, tak jak wcześniej uczyniły to *Trần Bình Trọng* i *Trần Khánh Du*. W tym czasie morze było spokojne z lekkim wiatrem, zaś niebo czyste. Rozkazałem załozdę obsadzić stanowiska bojowe, lecz wszystkie działa kal. 127 mm i 76,2 mm oraz wkm-y nie były skierowane w kierunku swoich celów. Rozpoczynając na południe od wyspy Pattle wszystkie 4 okręty utworzyły szyk liniowy, na którego czele znalazł się *Trần Khánh Du*. Za nim znajdował się flagowy *Trần Bình Trọng*, a następnie *Ly Thuởng Kiệt*, zaś zamykał kolumnę *Nhut Tào*. Wszystkie okręty poruszały się z prędkością 6 węzłów, zaś odległość między poszczególnymi jednostkami w szyku wynosiła około 914 m (dwukrotna odległość

minimalna). Środkami łączności były flagi i lampy sygnalizacyjne, a VRC 46 czy PRC 25 używano jedynie dla uniknięcia niezrozumienia sygnałów kodowanych w czasie ćwiczeń taktycznych.

Po około pół godzinie od chwili jak kolumna Zespołu Operacyjnego ruszyła zbliżając się do wyspy Duncan, dwa chińskie ścigacze okrętów podwodnych typu *Kronstadt* o numerach taktycznych „271” i „274” zareagowały ruszając w naszym kierunku. Tymczasem dwie inne małe jednostki chińskie o numerach „389” i „396” (wg Trần Dô Cầm były to trawłowce typu *T 43*) wraz z 2 zamaskowanymi jednostkami rybackimi o numerach „402” i „407” (wg Trần Dô Cầm jednostka rybacka o numerze „402” nosiła nazwę *Nam Ngụ*) pozostały na swych pozycjach w pobliżu północnego wybrzeża wyspy Duncan. Na dwie mniejsze jednostki nie zwróciłem uwagi, uważając że są to jedynie jednostki pomocnicze. Później w czasie badania dokumentów dotyczących bitwy morskiej o Paracele kmrdr ppor. Trần Dô Cầm z dawnej Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu odkrył, że 2 trawłowce typu *T 43* posiadały lekkie uzbrojenie. Jednostki rybackie, które pełniły funkcje zaopatrzeniowe, miały nie-

Fotografia chińskiego uzbrojonego kutra rybackiego wykonana przed bitwą z okrętu południowowietnamskiego. Na jednostce chińskiej widoczny jest wkm typu DSzK kal. 12,7 oznaczony strzałką.

fol. zbiory Jürg Meister



Bitwa o Wyspy Paracelskie

wielkie znaczenie. Chińska taktyka polegająca na przeszkadzaniu – naruszeniu prawa drogi naszych okrętów, została zastosowana już kilka dni wcześniej, gdy fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4) i *Ly Thuởng Kiet* (HQ 16) wysadzały nasze oddziały na wyspach Robert, Money i Drummond by wyprzeć z nich wojska ChRL. Chiński ścigacz „271” rozpoczął przekazywać komunikat przy użyciu lampy sygnałowej, który został odebrany przez *Trần Bình Trọng* (HQ 5). Treść komunikatu w języku angielskim brzmiała mniej więcej tak: „Te wyspy należą do Chińskiej Republiki Ludowej (dokładnie nie pamiętam tej części) od czasu dynastii Ming. STOP Nikt nie może zaprzeczyć” (tej części jest absolutnie pewien, ponieważ informację otrzymałem dodatkowo lampą sygnalizacyjną).

Natychmiast odpowiedziałem co następuje: „Proszę natychmiast opuścić nasze wody terytorialne”.

Chiński *Kronstadt* „271” przekazał swoją wiadomość naszemu Zespołowi trzykrotnie, po czym otrzymał zacytowaną wyżej odpowiedź, którą fregata *Trần Bình Trọng* (HQ 5) powtórzyła również parokrotnie, wzywając Chińczyków do natychmiastowego opuszczenia wód terytorialnych Republiki Wietnamu.

Od momentu, gdy chińskie ścigacze typu *Kronstadt* zaczęły z dużą prędkością rozmyślnie poruszać się przed frontem naszego szyku, kolizja wydawała się nieunikniona o ile zespół będzie nadal kontynuował marsz. W tej sytuacji rozkazałem by zespół powrócił w rejon na południe od wyspy Pattle i pozostał w gotowości bojowej. Tymczasem chińskie okręty kontynuowały manewr na kierunku północ północny-zachód od wyspy Duncan. Obecność dwóch dodatkowych okrętów Republiki Wietnamu – fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5) oraz eskortowca *Nhut Tào* (HQ 10) na tym obszarze została na pewno odnotowana przez *Kronstadt* „271”, uważany za jednostkę flagową i przekazana do chińskiego dowództwa, stąd też należało oczekiwać wzmocnienia również ich sił.

Uznałem, że celem dramatycznych manewrów chińskich jednostek przed frontem naszego zespołu było niedopuszczenie do wysadzenia sił na wyspie Duncan. W tym momencie sądziłem, że jedynym sposobem skutecznego usunięcia chińskich oddziałów z wyspy bez zbędnego oporu jest niespodziewane przetrzucanie naszej grupy szturmowej na brzeg. Wysłanie naszego desantowego zespołu szturmowego jako bojowych pletwonurków stwarzało szansę na usunięcie Chińczyków z wyspy, tak jak kilka dni wcześniej zrobiły to fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4) i *Ly Thuởng Kiet* (HQ 16). Jeśli zaś Chińcy zamiast ustąpić za-

atakują, nasz zespół gotów będzie do stawienia należytego oporu.

Okolo godz. 20.00 zażądałem by fregata *Ly Thuởng Kiet* (HQ 16) przekazał przemożoną szturmową kompanię saperów I Korpusu na pokład *Trần Bình Trọng* (HQ 5), przetrzucając ich łodziami. D-ca kompanii mjr Hồng wraz z towarzyszącym mu cywilem Mr Kosh z Biura U. S. Defense Attache's Office w Da Nang przyszli zobaczyć się ze mną w mesie oficerskiej. Powiedziałem obu, że wobec nieuchronnie zbliżającego się starcia zbrojnego nie chciałbym mieć na pokładzie mego okrętu personelu z poza marynarki wojennej, wobec czego przesłałem ich na brzeg. Rozkazałem dowódcy *Trần Bình Trọng* przygotować niezbędny suchy prowiant dla tej grupy. Mr Kosh otrzymał również karton z 10 paczkami papierosów Capstans. Widziałem jak Mr Kosh i szturmowa kompania saperów I Korpusu na jednostce desantowej kierowały się ku brzegom wyspy Pattle i pokiwałem im na pożegnanie. Po 30 kwietnia 1975 nigdy nie miałem okazji ponownie spotkać Mr Kosh, by poprosić go o zwrot 10 paczek papierosów „Capstans”, które należały do zapasów fregaty *Trần Bình Trọng*. Major Hồng miał okazję odwiedzić mnie w Los Angeles (Kalifornia) w roku 1996. Powiedział mi, że przed rokiem 1975 napisał swoją kronikę opisującą doświadczenia z chińskiej niewoli, lecz nie została ona uznana za nadającą się do opublikowania przez Wydział Bezpieczeństwa Politycznego armii Republiki Wietnamu.

Okolo 22.00 rozmawiałem przez radio bezpośrednio ze wszystkim czterema dowódcami okrętów, których poinformowałem, że starcie z Chińczykami jest raczej nie-

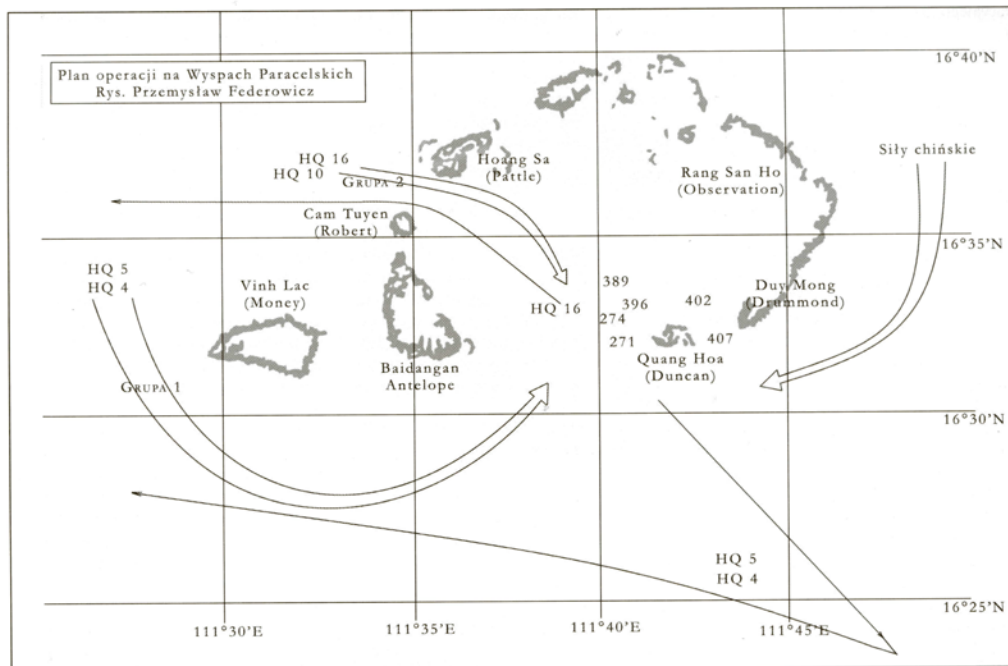
uniknione wobec czego powinni przygotować swoje jednostki i zmobilizować do walki ich załogi. Zdawałem sobie sprawę, że w przypadku bitwy wszyscy moi ludzie znajdą się w niekorzystnym położeniu z uwagi na ich bardzo ograniczone doświadczenie. Nasze siły nawodne od dłuższego czasu były szkolone do prowadzenia patrolowania w strefie przybrzeżnej względnie ogniowego wsparcia sił lądowych operujących na wybrzeżu. Podobnie oficerowie i marynarze, którzy służyli w rozmaitych Rzecznych Grupach Szturmowych na Mekongu, mieli jedynie doświadczenie w działaniach śródlądowych przeciwko partyzantce Viet Cong z użyciem relatywnie lekkiej broni, bądź w warunkach posiadania przewagi ogniowej na swym obszarze operacyjnym.

Okolo godz. 23.00 w dniu 18 stycznia 1974 odebrałem zaszyfrowany rozkaz przekazany na częstotliwości SSB (single side band), niestety nie potrafię sobie przypomnieć skąd, możliwe, że z dowództwa I Strefy Brzegowej (wg *Trần Dô Cầm* był to pilny i tajny rozkaz oznaczony 50.356, datowany 180020H/01/74 z dowództwa I Strefy Brzegowej, który rozpoczynał się: Rozkaz wykonawczy do Operacji Paracel 1). Rozkaz, który został natychmiast po otrzymaniu rozszyfrowany dla uniknięcia zwłoki, jasno podkreślał następujące podstawowe kwestie: wyspę Duncan odzyskać w sposób pokojowy. Choć rozkaz nie wyliczał siły przeciwnika i jego rezerw, jednak pracując wcześniej przez okres 2 lat na stanowisku z-cy szefa sztabu operacyjnego dowództwa Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu, spodziewałem się, że chińska flota może dysponować rezerwowymi oddziałami na wyspie Woody. Wyspa ta wchodziła

Fregata *Trần Bình Trọng* (HQ 5) – okręt flagowy komandora Hà Văn Ngac w bitwie o Wyspy Paracelskie.
fot. zbiory Jürg Meister



Bitwa o Wyspy Paracelskie



w skład Archipelagu Amphitrite leżącego na północny-wschód od wyspy Pattle, bezpośrednio przy 17° i na niej Chińczycy zbudowali swój wysunięty posterunek. Poza tym lotnictwo chińskiej marynarki wojennej dysponowało bazą ze znaczną liczbą myśliwców Mig-19 i Mig-21 na wyspie Hainan, znajdującej się bliżej Paraceli niż Da Nang. Chińska okupacja pustych do tej pory wysp w obrębie Paraceli musiała być dobrze przygotowana i zaplanowana wcześniej niż ChRL ogłosił swoje nad nimi zwierzchnictwo. Tymczasem Marynarka Wojenna Republiki Wietnamu została poinformowana o obecności chińskich oddziałów dopiero w momencie, gdy fregata *Ly Thuông Kiệt* otrzymała rozkaz ich odwiedzenia i dostarczenia szturmowej kompanii saperów I Korpusu w celu przeprowadzenia rozpoznania terenu dla potrzeb budowy niewielkiej przystani.

Natychmiast po otrzymaniu zaszyfrowanego rozkazu wykonawczego podzieliłem nasz Zespół Operacyjny na dwie grupy:

- Grupa I – siły uderzeniowe w składzie: fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4) oraz *Trần Bình Trọng* (HQ 5) pod dowództwem kmdr por Vũ Hữu San z *Trần Khánh Du*;
- Grupa II – siły pomocnicze w składzie: fregata *Ly Thuông Kiệt* (HQ 16) oraz eskortowiec *Như Tảo* (HQ 10) pod dowództwem kmdr por Lê Văn Thu z *Ly Thuông Kiệt*.

Grupa II miała pozostać na płytkich wodach otaczających wyspę Pattle, by rannikiem ruszyć w kierunku wyspy Duncan. Grupa I miała odbić od godz. 00.00 z rannikiem zachodnim, a później południowym, tak by osiągnąć południową część wyspy Duncan następnego dnia 19 stycznia 1974 około godz. 06.00 i wysadzić desantowy zespół szturmowy. Grupa I miała wyruszyć na zachód zamiast bezpośrednio z Pattle na Duncan by uniknąć przeszkadzania ze strony jednostek chińskich, tak jak to miało miejsce popołudniu. Poza tym nocny rejs na płytkim morzu wśród koralowych raf mógł się okazać kłopotliwy dla naszych okrętów, zwłaszcza fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4), który posiadał podkadłubowy sonar. Poza tym w przypadku północno-wschodniego wiatru lądowanie na obszarze południowo-zachodnim naszych środków desantowych uniemożliwiła wysoka fala. W tym miejscu trzeba wspomnieć, że jeszcze w 1973 grupa doradców z U.S. Navy na czele z kmdr Hamm, wielokrotnie proponowała by zdemontować sonar z fregaty *Trần Khánh Du* i jego „bliźniaka” *Trần Hưng Đạo* (HQ 1). W tym czasie kmdr Nguyễn Thanh Chau, dowódca floty morskiej, polecił mnie przekazać Amerykanom, że sonar jest potrzebny nam do celów ćwiczebnych. Później, gdy kmdr Nguyễn Xuân Sơn został dowódcą floty, kontynuowałem moje kontakty z kmdr Hamm, któ-

ry ostatecznie zgodził się z naszymi planami szkoleniowymi. Rzeczywiście niszczyciel bez sonaru tracił wiele ze swego ofensywnego i defensywnego potencjału.

Przebieg bitwy

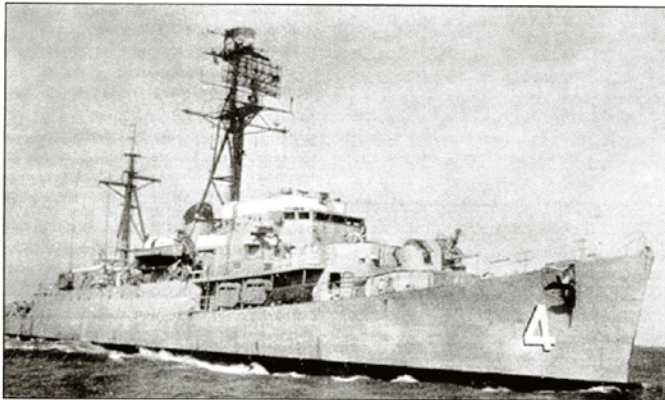
Dokładnie o godz. 06.00 w dniu 19 stycznia 1974, przy nadal ograniczonej widoczności Grupa I znalazła się na południowy zachód od wyspy Duncan. Była wysoka woda. Widoczność wahała się 1,5 – 2 Mm. Na niebie były jedynie nieliczne niskie chmury, jednak nie zanośliło się na deszcz. Słaby wiatr z kierunku północno-wschodniego, zaś morze spokojne z niewielkimi falami. Grupa I podeszła bliżej, około 1 Mm od wyspy Duncan. Fregata *Trần Bình Trọng* (HQ 5) stanął jeszcze bliżej by ułatwić lądowanie naszemu desantowemu zespołowi szturmowemu. Chińskie ścigacze okrętów podwodnych typu *Kronstadt* „271” i „274” wyraźnie pełniły straż, ponieważ ruszyły niezgrabnie nie mogąc wykonywać swoich manewrów, które tak skutecznie przeszkadzały nam poprzedniego popołudnia. Byłem także zaskoczony, że nie zwracałem uwagi na obecne w pobliżu 2 chińskie okręty, które uznałem za nasze główne cele. Musiały one wychodzić się chyłkiem w nocy na płytkie wody, nie byłem jednak pewien czy śledziły ruchy Grupy I. Miałem pewność, że Chińczycy widzieli iż *Trần Bình Trọng* jest jednostką flagową Zespołu Ope-

Bitwa o Wyspy Paracelskie

racyjnego, musieli również znać siłę ognia artylerii fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4).

Desantowy zespół szturmowy dowodzony przez kpt Nguyễn Minh Cảnh, otrzymał moje instrukcje by nie otwierać ognia w czasie lądowania i poprosić chiński oddział o opuszczenie wyspy. W tym zespole jedynie Nguyễn Minh Cảnh oraz Do Văn Long brali udział w pierwszej operacji „Trần Hưng Đạo 22” (o ile się nie mylę) pod moim dowództwem, gdy zbudowano posterunek i umocnienia obronne na wyspie Namyit w Archipelagu Wysp Spratly w końcu lata 1973 roku.

Gdy desantowy zespół szturmowy schodził do 2 gumowych pontonów podszedłem do drabinki by osobiście przypomnieć, że lądowanie winno odbyć się bez użycia siły, a gdy kontakt z Chińczykami zostanie już nawiązany należy ich poprosić o opuszczenie wyspy.



Fregata *Trần Khánh Du* (HQ 5). Jej szybkostrzelne działa kal. 76 mm miały zadecydować o losach bitwy lecz stało się inaczej.

Osobiście nie byłem pewien czy desant zakończy się sukcesem, zwłaszcza od momentu, gdy Chińczycy objęli wyspę Duncan szczególnymi środkami bezpieczeństwa po porażkach na innych wyspach. Tymczasem desantowy zespół szturmowy nie miał wsparcia ogniowego ze strony naszych okrętów. Jeszcze raz poinstruowałem dowódców 4 okrętów o konieczności przygotowania się do bitwy. Jeśli desant nie powieździe się, ogień dwóch automatycznych dział kal. 76 mm fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4) najsilniejszego okrętu zespołu, z łatwością zdoła wyeliminować z walki 2 chińskie ścigacze typu *Kronstadt* „271” i „274”. Co zaś tyczy się sił lądowych na wyspie, to wierzyłem, że będą ostatnim celem do wyeliminowania. Cały czas miałem zamiar przerzucić ewentualnie *Trần Khánh Du* na północ by w razie potrzeby wzmocnić Grupę II, oczywiście po wyeliminowaniu z walki naszych głównych celów, jakimi były ścigacze „271”

i „274”. Miałem pełne zaufanie do siły ogniowej naszego niszczyciela, zwłaszcza od czasu, gdy miałem okazję sprawdzić możliwości ogniowe dwóch automatycznych dział kal. 76 mm w toku wsparcia ogniowego pod Sa-Huynh, pod dowództwem kmrdr por. Nguyễn Quang Tô.

Desantowy zespół szturmowy zbliżał się do wyspy Duncan na dwóch nadmuchiwanym gumowych pontonach. Z mostka *Trần Bình Trọng* (HQ 5) nie miałem możliwości obserwować dokładnie chińskich przygotowań obronnych. Tymczasem chińskie okręty jakoś dziwnie nie reagowały na nasz desant. Zgodnie z meldunkiem dowódcy desantowego zespołu szturmowego, Do Văn Long wszedł na brzeg jako pierwszy i w momencie, gdy otworzył ogień już na linii brzegowej, otrzymał fatalny postrzał. Por. Lê Văn Don (przeniesiony z armii Republiki Wietnamu) próbował natychmiast pomóc

przez radio, że nie możemy na razie otworzyć ognia, bowiem desantowy zespół szturmowy znajduje się ciągle na morzu, wracając na *Trần Bình Trọng*, a to oznaczałoby, że znajdzie się w krzyżowym ogniu. Rozkazałem żołnierzom by nie próbowali odzyskać ciała Do Văn Long, bo groziło to dalszymi stratami w ludziach. Wierzyłem że nie będzie żadnego problemu z odzyskaniem ciała Longa, gdy chińskie siły zostaną starte z wyspy po wejściu do akcji naszych okrętów.

Okolo godz. 10.00 desantowy zespół szturmowy kończył okrętowanie się wraz z ciałem poległego por. Long Văn Don na pokład *Trần Bình Trọng* (HQ 5). O tym samym czasie rozkazałem wszystkim czterem okrętom przygotować się do walki. Każda nasza jednostka miała wziąć na cel jeden chiński okręt i zbliżyć się do niego na odległość około 3 km, pozwalającą na użycie dział kal. 40 mm, które miały większą szybkostrzelność. Nie miałem zaufania do naszych dział kal. 127 mm oraz umiejętności ich obsługi. Działa te miały niską szybkostrzelność i trudno się je ładowało.

Wszystkie cztery okręty miały otworzyć ogień równocześnie na mój rozkaz, co stanowiło element zaskoczenia i mogło zapewnić szybkie obezwładnienie chińskich jednostek. Z powodu kiepskiej widoczności z mostku fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5) nie mogłem prowadzić obserwacji w kierunku *Ly Thuờng Kiệt* (HQ 16) oraz *Nhut Tào* (HQ 10), a także dwóch chińskich trawolców typu *T 43* o numerach taktycznych „389” i „396” wraz z dwoma zamaskowanymi jednostkami rybackimi o numerach „402” i „407”. Nie byłem pewien jak blisko swoich celów znajdują się *Ly Thuờng Kiệt* oraz *Nhut Tào*. Wierzyłem jednak, że oba okręty Grupy II, które nie były zaangażowane w wysadzanie desantu, miały wystarczająco wiele czasu by przygotować plan ataku i powinny łatwo pokonać 2 pary chińskich jednostek pomocniczych i zamaskowanych rybackich. Podobnie jak *Trần Bình Trọng* oraz *Trần Khánh Du* (HQ 4) również one powtórzyły mój rozkaz. Przed wydaniem rozkazu otwarcia ognia, raz jeszcze zapytałem każdy z czterech okrętów czy jest gotów czy też nie oraz podkreśliłem, że ogień musimy otworzyć równocześnie by osiągnąć efekt zaskoczenia. Każdy z dowódców okrętów korzystając z VCR 46 zameldował, że jest gotów. Byłem bardzo podniecony, bo teraz czas ataku zależał ode mnie, nie zaś od moich przełożonych czy taktyki nieprzyjaciela. W tym momencie na chińskich okrętach nie zaobserwowałem żadnych symptomów świadczących, że chcą przechwycić czy zaatakować nasze jednostki.

Kmrdr Dô Kiêm, z-ca szefa sztabu ds. operacyjnych dowództwa Marynarki Wo-

Long, lecz sam również zginął od kuli w pobliżu łodzi. Jego ciało szybko odzyskano. Informacja o niepowodzeniu próby desantu została natychmiast przekazana do dowództwa I Strefy Brzegowej. Po kilku minutach (około godz. 09.00) szef operacji morskich bądź dowódca I Strefy Brzegowej wydał osobiście zwięzły, bo obejmujący tylko 2 słowa, rozkaz dla Zespołu Operacyjnego: „otworzyć ogień” i więcej żadnych szczegółów. Gdy otrzymałem rozkaz glosem za pośrednictwem SSB (single side band), wiedziałem, że nie pochodzi on od oficera łączności, lecz bezpośrednio od oficera flagowego, którym jak sądziłem był szef operacji morskich. Ponieważ znalazłem jego głos, więcej go już nie sprawdzałem. Stało się dla mnie jasne, że słowny rozkaz „otworzyć ogień” zdejmował ze mnie odpowiedzialność za odzyskanie wyspy w sposób pokojowy, który przewidywały pierwotne wytyczne. Osobiście wyjaśniłem

Bitwa o Wyspy Paracelskie

jennej Republiki Wietnamu poinformował mnie o obecności w pobliżu okrętów U.S. Navy. Moje doświadczenie wskazywało jednak by nie ufać do końca naszym sojusznikom, zwłaszcza od lutego 1972, gdy Stany Zjednoczone i ChRL zakończyły wzajemne animozje. Tym samym nie było żadnego powodu by amerykańska VII Flota pomogła nam w sporze terytorialnym między Republiką Wietnamu a Chińską Republiką Ludową. Amerykańskie okręty mogły co najwyżej ratować naszych ludzi, gdyby znaleźli się w kłopotach. Jednak rzeczywistość okazała się bardziej prozaiczna, w czasie poszukiwań i ratowania rozbitków z eskortowca *Nhut Tào* (HQ 10) oraz oddziału broniącego wyspy Pattle, który próbował uniknąć chińskiej niewoli, nie dostrzegliśmy żadnej akcji humanitarnej ze strony amerykańskich okrętów i samolotów.

Około godz. 10.24 rozkaz otwarcia ognia został wydany i przeszedłem do centrum dowodzenia (CIC) fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5), aby przekazywać informacje o starciu bezpośrednio do dowództwa I Strefy Brzegowej za pośrednictwem SSB (single side band). Po złożeniu meldunku, celowo trzymałem mikrofon tak by słychać było odgłosy wystrzałów o których mówiłem. Atak osiągnął swój efekt zaskoczenia, bowiem chińskie okręty oczekiwały z naszej strony akcji podobnej do tej z przed kilku dni, czyli pokojowego lądowania oddziałów na wyspach Robert, Money i Drummond względnie nie prowokujących manewrów całego Zespołu, który doprowadził do wzajemnej wymiany sygnałów.

Chiński ścigacz typu *Kronstadt* „271”, który znajdował się przy zachodnim wybrzeżu wyspy Duncan, dziobem skierowany

na zachód stał się celem fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5) zwróconej dziobem na wschód, zaś lewo-burtowymi działami na północ. Chińska jednostka została natychmiast trafiona w pierwszej minucie, bowiem poruszała się tak wolno, że stanowiła dobry cel dla *Trần Bình Trọng*. Ogień tego ścigacza nie spowodował żadnych uszkodzeń na *Trần Bình Trọng*, jednak poważnie uszkodził znajdujący się bardziej na północ patrolowiec eskortowiec (HQ 10). Fregata *Trần Khánh Du* (HQ 4) znajdująca się na południowy zachód od *Trần Bình Trọng* zajęła się ścigaczem „274” typu *Kronstadt* po swojej lewej burcie. Niestety *Trần Khánh Du* zameldował o kłopotach ze swoimi działami kal. 76 mm już w pierwszej minucie i musiał zaniechać na usunięcie ich awarii. Ten meldunek zepsuł mój plan i spowodował pewne trudności. Gdy po kilku minutach *Trần Khánh Du* usunął awarię, lecz jego działa nadal nie prowadziły ognia, miałem jeszcze trochę nadziei. Po następnych kilku minutach niszczyciel po raz trzeci próbował otworzyć ogień, niestety znowu bez powodzenia. Niestety wietnamski okręt znajdował się na tyle blisko celu, że sam stał się celem dla broni maszynowej ścigacza *Kron-*

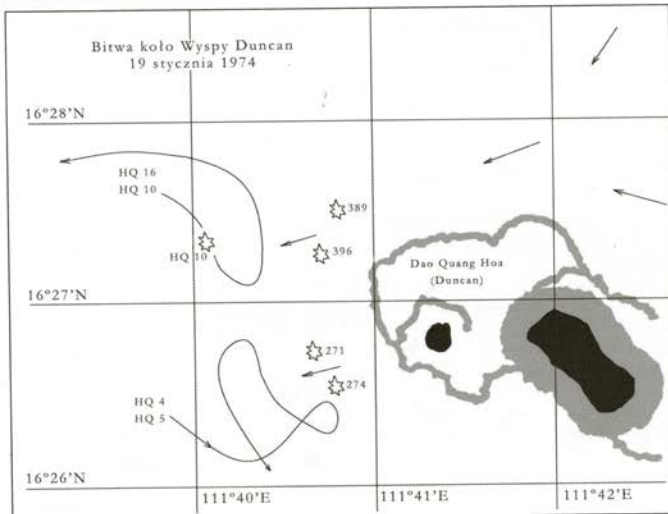


Bardzo interesujące ujęcie mostka chińskiego ścigacza okrętów podwodnych typu *Kronstadt*. fot. zbiory Rafał Ciechanowski

stadt „274”, która spowodowała poważne uszkodzenia.

Na pokładzie *Trần Bình Trọng* (HQ 5) używałem do kontaktu z dowódcami pozostałych okrętów urządzenia PRC 25 zamontowanego przed siedzeniem dowódcy okrętu na lewej stronie mostka. Gdy opuściłem to stanowisko i wyszedłem by obserwować sytuację po obu burtach jednostki, nagle trafił je pocisk, którego eksplozja spowodowała powstanie wyrwy o średnicy 0,5 m i kompletnie zniszczyła urządzenie PRC 25. Od tej pory musiałem zejść do Centrum Dowodzenia (CIC) i korzystać z urządzenia VCR 46. Od tej pory dowódca *Trần Bình Trọng* i jego oficer artyleryjski stali na lewym skrzydle mostka by łatwiej obserwować swój wyznaczony cel. W Centrum Dowodzenia nie mogłem ustalić precyzyjnie położenie jednostek Grupy II i nieprzyjacielskich okrętów na płytkich wodach otaczających wyspę Duncan, bowiem z powodu mgły i niskiego pułapu chmur, na ekranie radaru pojawiły się odbicia.

Po 15 minutach *Ly Thuờng Kiệt* zameldował o otrzymaniu trafienia w maszynownię. Szybkość eskortowca spadła i pojawił się przechył, co wiązało się z koniecznością wycofania go z terenu działań bojowych dla przeprowadzenia niezbędnej naprawy oraz utraty kontaktu z eskortowcem *Nhut Tào* (HQ 10), o którym wiedziałem niewiele, poza tym, że widziano jak załoga opuszczała okręt. Pozwoliłem by *Ly Thuờng Kiệt* wycofał się z walki, widząc, że mający przechył eskortowiec porusza się powoli na jednym sprawnym silniku. Dalsze pozostawienie



Bitwa o Wyspy Paracelskie

jednostki na polu walki oznaczałoby, że stałaby się ona doskonałym celem dla okrętów nieprzyjaciela. W dodatku dowódca *Ly Thuởng Kiệt* był mniej energiczny i nie miałem pewności czy potrafi pokonać kłopoty techniczne, gdy okręt będzie kontynuował walkę. Z drugiej strony fregata *Trần Khánh Du* (HQ 4) została poważnie uszkodzona ponieważ podszedła zbyt blisko ścigacza „274” typu *Kronstadt* i znalazła się w zasięgu ognia jej broni maszynowej. Rozkazałem by *Trần Khánh Du* także wycofał się z walki i poinstruowałem fregatę *Trần Bình Trọng* (HQ 5) by zabezpieczała odwrót, ponieważ Marynarka Wojenna Republiki Wietnamu miała w służbie ogółem 3 fregaty i nie mogła sobie pozwolić na utratę żadnej z nich. Fregata *Trần Khánh Du* (HQ 4) zaczęła wycofywać się z pola walki nie niepokojona przez ścigacz „274” typu *Kronstadt*. Przeciwnie jednostka ta nie atakowana z lewej burty przez fregatę *Trần Bình Trọng* (HQ 5) mogła pośpieszyć z pomocą unieruchomionemu „bliźniakowi” *Kronstadt* „271”. W tym momencie otrzymałem bezpośrednio od z-cy szefa sztabu ds. operacyjnych dowództwa Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu informację, że eskadra F-5 wystartowała z bazy powietrznej Da Nang by zapewnić przykrycie z powietrza naszego Zespołu Operacyjnego. Z naszej wcześniejszej łączności z dowództwem I Dywizji sił powietrznych Republiki Wietnamu w Da Nang wiedziałem, że samoloty F-5 nawet z dodatkowym zbiornikami paliwa, będą mogły zapewnić nam wsparcie lotnicze przez maksimum 5 – 15 minut z uwagi na znaczny dystans dzielący Da Nang od Paraceli. Inny problem związany był z faktem, że siły powietrzne nigdy wcześniej nie prowadziły wspólnych ćwiczeń z flotą, stąd też wątpliwość czy nasi piloci potrafią z powietrza odróżnić własne okręty od chińskich, zwłaszcza, że niebo było zachmurzone i zamglone. Tym samym nasi piloci mogli otworzyć ogień do niewłaściwych celów. Urządzenie VCR 46 w Centrum Dowodzenia było włączone na częstotliwość lotnictwa morskiego, zaś ja chciałem instruować pilotów używając swego nazwiska i stanowiska. Nagle pocisk eksplodował na lewej burcie Centrum Dowodzenia w pobliżu miejsca, gdzie stałem i pomieszczenie ogarnął ogień. Gdy cała obsada Centrum schowała się ze strachu za stół z mapami, szybko wziąłem pobliską gaśnicę i zgasilem ogień. Upadłem po tym jak przeskoczyłem stół z mapami, w rezultacie czego na kilka dni zranilem sobie lewą nogę. Następnie kontynuowałem próby kontaktu z naszymi myśliwcami F-5, jednak gdy po 5 – 10 minutach nie otrzymałem żadnej odpowiedzi, przełączyłem VCR 46 z powrotem na normalną częstotliwość nie-

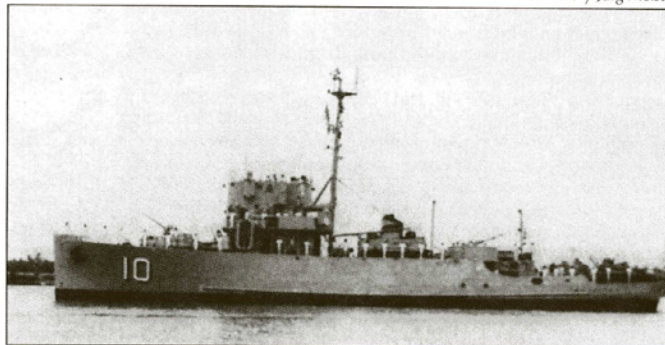
zbędną do łączności z pozostałymi okrętami, tym bardziej, że nasilało się starcie z Chińczykami. W tym czasie fregata *Trần Bình Trọng* (HQ 5) został wielokrotnie trafiony, poważne rany odniósł dowódca - cy działem kal. 127 mm, zaś same działo zostało unieruchomione, ponieważ zablokowało się napędzane silnikiem elektrycznym łożo. Nie działał również SSB (single side band), które zerwana antena spadła na pokład, zaś flaga Zespołu Operacyjnego była cała postrzępiona. Wyszędłem by obserwować lewą burtę, gdy otrzymałem meldunek, że pali się komora amunicyjna. Natychmiast rozkazałem dowódcy okrętu jej zatopienie. Pojedyncze działo plot. kal. 40 mm na lewej burcie nie działało z powodu trafienia w podajnik amunicji, drugie działo na prawej burcie było również nieznacznie uszkodzone. Zażądałem od dowódcy okrętu by poinstruował artylerzystów by strzelali jedynie pojedynczymi pociskami, bowiem działo może być wkrótce potrzebne do odpięcia ataku lotniczego.

Nieoczekiwanie około godz. 11.25 zaobserwowano przez lornetkę w odległości 8 – 10 Mm sylwetki 2 chińskich okrętów uzbrojonych w przeciwokrętowe pociski rakietowe typu „Styx” (*Trần Dô Cầm* podaje, że były to kutry raketowe typu *Komar*) zbliżających się z dużą prędkością po obu burtach naszej jednostki. Żaden z naszych okrętów nie zameldował jednak by widział nieprzyjaciela na ekranie radaru. Miałem nadzieję, że chińskie jednostki wykonują jedynie rutynowy patrol przybrzeżny i wierzyłem, że ominą nas. Stan mojego Zespołu Operacyjnego przedstawiał się następująco:

- eskortowiec *Nhut Tào* (HQ 10) był całkowicie wyeliminowany z walki;
- fregata *Ly Thuởng Kiệt* (HQ 16) miała uszkodzoną siłownię;
- fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5) oraz *Trần Khánh Du* (HQ 4) dysponowały bardzo ograniczoną siłą ognia;

Wietnamski eskortowiec *Nhut Tào* (HQ 10), który został zatopiony przez Chińczyków.

fot. zbiory Jürg Meister



Bitwa o Wyspy Paracelskie

Republiki Wietnamu jak i I Strefy Brzegowej zastanawiało się nad bezpieczeństwem swoich i dwóch swoich okrętów. Dowódca Floty Morskiej w Sajgonie przekazał również taką informację mojej rodzinie.

Około godz. 13.00 fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4) oraz *Trần Bình Trọng* (HQ 5) znajdowały się 10 Mm na południowo-wschód od Wysp Paracelskich. Niebo było czyste i słoneczne. Nagle usłyszałem głos szefa operacji morskich nakazujący powrót dwóch okrętów na Paracelę i dokonanie samozatopienia, gdy okaże się to niezbędne. Rozkaz głosowy został wprowadzony w życie natychmiast. Po ponownym nawiązaniu łączności radiowej przez SSB (single side band) przekazano do dowództwa I Strefy Brzegowej pełną informację o stratach i stanie obu okrętów. Równocześnie na pokład *Trần Bình Trọng* dotarła informacja, że uszkodzona fregata *Ly Thuờng Kiệt* (HQ 16) jest w drodze do bazy w Da Nang osłaniana przez *Trần Quốc Toản* (HQ 6).

O godz. 14.30, gdy oba nasze okręty zmierzające na Paracelę minęły wyspę Triton, to znaczy znajdowały się o około 1,5 godziny marszu od wyspy Duncan, otrzymałem kolejny rozkaz, tym razem nakazujący powrót do Da Nang. W tym czasie niebo było słoneczne z wysokim pułapem chmur, idealne do oceanicznego rejsu. W czasie wizyty w lutym 1974 w biurze szefa operacji morskich kontraadm. *Trần Văn Chon* wyjawiał mnie, że gdyby wcześniej znalazł faktyczny stan Zespołu Operacyjnego, już wcześniej wydalby rozkaz mojego powrotu do Da Nang. W drodze powrotnej do Da Nang rozkazałem by oba okręty utrzymały gotowość bojową, zaś załoga siłowni w miarę możliwości znajdowała się na pokładzie dla uniknięcia strat w ludziach w przypadku storpedowania przez chiński okręt podwodny. Na całe szczęście do tego jednak nie doszło. Na pokładach obu jednostek natychmiast przystąpiono do ustalania uszkodzeń i zbierania łusek oraz niewybuchów.

Siedziałem samotnie na lewym skrzydle mostka fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5) i rozmyślałem o bitwie morskiej, która nie odbyła się zgodnie z moim planem. Obawiałem się chińskiej reakcji w następnych dniach, zwłaszcza w sytuacji gdy decydują się na większe użycie sił zbrojnych. Co wtedy stanie się z personelem naszych posterunków i cywilami na Wyspach Paracelskich? Obawiałem się także o ostateczny los eskortowca *Như Tảo* (HQ 10) z którym zupełnie utraciłem kontakt. Co więcej nie miałem meldunku o stratach na tym okręcie. Miałem żal, że dowódca *Ly Thuờng Kiệt* (HQ 16) nawet nie próbował obserwować, co się działo na *Như Tảo*. Zameldował tylko, że stracił kontakt i widział jak za-



Fregata *Ly Thuờng Kiệt* (HQ 16) w bazie Da Nang po bitwie.

fot. zbiory Hà Manh Chi

loga opuszczala patrolowiec. W czasie bitwy uświadomiłem sobie, że Grupa I była bardziej zaangażowana w działania, niż Grupa II, która poniosła większe straty. Miałem także żal, gdy dowiedziałem się później, że znajdujący się na pokładzie *Trần Bình Trọng* kpt *Trần Kim Diệp*, szef wywiadu morskiego I Strefy Brzegowej posiadał aparat fotograficzny. Niestety nie miał w sobie odwagi korespondenta wojennego by wyjść z mesy oficerskiej i fotografować bitwę morską w gęstym i ponurym dymie, zwłaszcza unieruchomiony ścigacz typu *Kronstadt* o numerze „271”.

Z zainteresowaniem wysłuchałem komunikatu radiowego BBC wczesnym rankiem 20 stycznia 1974 roku. Komunikat ograniczał się jedynie do stwierdzenia, że w rejonie Wysp Paracelskich doszło do bitwy morskiej między flotami Republiki Wietnamu i ChRL. Informowano również, choć bez żadnych szczegółów, że w toku bitwy każda ze stron straciła po jednym okręcie. Czulem swego rodzaju podziw dla BBC za dokładne i szybkie informacje.

Nie paliłem już od kilku miesięcy. Nagle odczułem jednak potrzebę zapalenia kilku papierosów aby uspokoić napięcie po prawie 48 godzinach bez odpoczynku. Powiedziałem dowódcy *Trần Bình Trọng* (HQ 5) by przez głośnik poprosił załogę o kilka papierosów dla mnie. Nawet nie przypuszczałem, że członkowie załogi przekażą mi ponad 20 paczek papierosów, wśród nich zarówno przydzielone amerykańskie jak znajdujące się na wolnym rynku. Byłem poruszony troskliwością oficerów i marynarzy *Trần Bình Trọng*. Około godz. 02.00 sporządziłem wykres operacji oraz szczegółowe

zestawienie strat na odprawę po powrocie do Da Nang.

W dniu 20 stycznia 1974 roku około godz. 07.00 oba okręty Grupy I weszły bezpiecznie do bazy w Da Nang. Fregata *Ly Thuờng Kiệt* (HQ 16) weszła do portu krótko przed nami. Obecność na nabrzeżu wyznaczonym do cumowania naszych okrętów szefa operacji morskich, jego zastępcy oraz dowódcy I Strefy Brzegowej bardzo poruszyła załogi i oficerów, a zwłaszcza mnie. W dodatku spory tłum oficerów i marynarzy z różnych jednostek bazujących w Da Nang wraz z rodzinami przyłączył się do witających powracający z morza Zespół Operacyjny z transparentami o treści:

- *Marynarka Wojenna Republiki Wietnamu gotowa jest bronić narodowego terytorium do ostatniej kropli krwi;*
- *Żelazna wola: przeciwstawić się komunistom. Uroczyście przysięga: bronić nasz kraj;*
- *Hurra niech żyje dzielny, bojowy duch oficerów i marynarzy, którzy wzięli udział w morskiej bitwie o Paracelę;*
- *Hurra niech żyją niepokromieni uczestnicy morskiej bitwy o Paracelę.*

Po przekazaniu zabitych i rannych do bazy, szef operacji morskich, jego zastępca oraz dowódca I Strefy Brzegowej wraz z kmdr *Nguyễn Việt Tân* dowódcą Grup Obrony Wybrzeża weszli na pokład *Trần Bình Trọng* (HQ 5) by wziąć w mesie udział w odprawie poświęconej bitwie morskiej. Uczestniczyli w niej także dowódcy 3 okrętów Zespołu by zaprezentować szczegóły dotyczące ich jednostek. Trzej oficerowie flagowi (z dowództwa Floty) nie pytali mnie o podjęte decyzje taktyczne, a zwłaszcza moją decyzję o wycofaniu Grupy I obszaru

Bitwa o Wyspy Paracelskie

Wysp Paracelskich. Po odprawie trzech oficerowie flagowi dokonali inspekcji uszkodzeń oraz pocieszali oficerów i załogi okrętów. Usłyszałem także sugestię z-cy szefa operacji morskich by nie robić specjalnej odprawy dla dowódcy I Obszaru Korpusnego.

W godzinę później złożył także wizytę gen. dyw. dowodzący I Korpusem, którego oprowadzono by ukazać mu skalę zniszczeń na okrętach.

Wynik bitwy

Generalnie obie strony poniosły w bitwie morskiej takie same straty. Każda utraciła po jednym okręcie, jak informował o tym komunikat BBC wczesnym rankiem 20 stycznia 1974. Republika Wietnamu straciła eskortowiec *Nhut Tào* (HQ 10), zaś chińska marynarka wojenna ścigacz okrętów podwodnych typu *Kronstadt* „271” (uważaną za jednostkę flagową). Inne jednostki obu stron zostały uszkodzone w stopniu przeciętnym lub ponad przeciętnym. Dwa mniejsze chińskie okręty o numerach taktycznych „389” i „396”, podobnie jak zamaskowane jednostki rybackie „402” i „407”



Wbrew temu co pisze autor niniejszego artykułu, redakcja dysponuje fotografią uszkodzonego i wyrzuconego na brzeg, po bitwie o Wyspy Paracelskie, chińskiego trawolca typu T-43. fot. zbiory Rafał Ciechanowski

były zgodne z moimi szacunkami jedynie nieznacznie uszkodzone przez nasz ogień artyleryjski. Ścigacz „271” typu *Kronstadt* otrzymał wiele trafień w nadbudówkę z dział kal. 76 mm fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5), podczas, gdy jego partner *Kronstadt* „274” odniósł znacznie mniejsze uszkodzenia od broni maszynowej i moździerzy piechoty. Mimo wszystko jednak w bitwie morskiej zwykle bardziej liczy się straty w okrętach niż w ludziach. Na *Nhut Tào*, zgodnie z tym, co powiedzieli członkowie załogi, którzy bezpiecznie osiągnęli brzeg, dowódca okrętu i jego zastępca zostali obaj ciężko ranni. Mimo to dowódca odmówił ewakuowania się i poszedł na dno wraz ze swym okrętem zgodnie ze starą dobrą tradycją oficerów floty. Zastępca opuścił jednostkę

wraz ze swymi ludźmi, jednak stracił życie na morzu z powodu odniesionych wcześniej ran. To przypominało mnie o moich instruktorach, którzy opowiadali, że w czasie operacji na rzece Day jedna z jednostek francuskiej marynarki wojennej, typu «LSSL» albo «LSIL», został trafiony pociskiem w mostek, na którym zginął dowódca okrętu i jego zastępca. Dowódzenie objął wtedy oficer mechanik. Po tym błędnym doświadczeniu francuska marynarka wojenna już nigdy nie pozwoliła by dowódcę i jego zastępcę znajdowali się w czasie walki na tym samym stanowisku. Sam nie miałem niestety czasu by wcześniej przypomnieć sobie tego, co mówili moi instruktorzy.

Chińska marynarka wojenna otrzymała w końcowej fazie bitwy czasowe wsparcie, jednak co dziwniejsze nie wykorzystala okazji by ścigać nasz Zespół Operacyjny wykorzystując rakiety przeciwokrętowe typu „Styx”, który cały czas pozostawał w ich zasięgu. Podejrzewam, że chińska marynarka wojenna była prawdopodobnie zajęta ratowaniem ścigacza „271” typu *Kronstadt* i lądowaniem większych sił na wyspie Dun-

publiki Wietnamu, U.S. Navy przekazała wietnamskiej marynarce wojennej raport wywiadu informujący o 42 chińskich jednostkach i 2 okrętach podwodnych zmierzających w czasie bitwy w rejon Paraceli. Tak czy owak chińskie siły morskie przeważały nad ewentualnym wzmocnieniem, jakie mogła zebrać strona wietnamska. Gdyby fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4) oraz *Trần Bình Trọng* (HQ 5) z Zespołu Operacyjnego pozostawały w pobliżu wyspy Pattle jak przewidywał pierwotny plan, ocalenie tych jednostek byłoby mało prawdopodobne, ich potencjał defensywny i ofensywny został znacznie ograniczony. Dlatego też zgadam się, że rozkaz o powrocie 2 jednostek do Da Nang nadszedł we właściwym czasie i był bardziej realistyczny.

Chińczycy wzięli do niewoli cały południowowietnamski personel wojskowy i cywilny na wyspie Pattle oraz zespół ekspedycyjny z fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4) na wyspie Money, dowodzony przez por. Lê Văn Dung (awansowanego przed frontem do stopnia kpt). Początkowo jeńcy byli przetrzymywani na wyspie Hainan, a następnie przetransportowani na ląd do Quangdong (Quảng Đông). Mr Kosh jako zatrudniony w biurze U.S. Defence Attache w Da Nang, został wcześniej zwolniony do amerykańskiego konsulatu w Hongkongu. Południowowietnamski personel wojskowy i cywilny był poddany próbie komunistycznej indoktrynacji, po czym zwolniony do Republiki Wietnamu na granicy między ChRL a Hongkongiem. Z-ca szefa operacji morskich udał się do Hongkongu by odebrać swoich ludzi. Wszyscy repatriowani żołnierze zostali skierowani do szpitala wojskowego Công Hòa w Sajgonie by wyleczyć urazy doznane w czasie złego traktowania w chińskiej niewoli.

Ostatecznie od 20 stycznia 1974 do końca swego istnienia, to jest 30 kwietnia 1975 Republika Wietnamu utraciła kontrolę nad Wyspami Paracelskimi.

Niektórzy oficerowie i marynarze przez wiele dni dryfowali na morzu po swej ucieczce z wyspy Pattle nim zostali podjęci przez naszą jednostkę patrolową. Innych podjął statek handlowy na trasie Singapur – Hongkong. Wszyscy trafili ostatecznie na leczenie do szpitala Duy Tân w Da Nang bądź Công Hòa w Sajgonie. Otrzymali oni również podziękowania od premiera, dowódcy I Obszaru Korpusnego oraz flagowych oficerów Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu.

Przygotowania do odzyskania Wysp Paracelskich

Po wzięciu wysokich rangą wojskowych oraz rządowych oficjeli, fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4), *Trần Bình Trọng* (HQ 5) i *Ly*

Bitwa o Wyspy Paracelskie



Admiral Trần Văn Chon, Szef Operacji Morskich, witający się z oficerami po bitwie.
fot. zbiory Hà Manh Chi



Brefing po bitwie, siedzą od lewej: komodor Ho Văn Kỳ Thoai, adm. Trần Văn Chon, komodor Lâm Nguom Tánh oraz ze wskaźnikiem Hà Văn Ngạc.
fot. zbiory Hà Manh Chi

Thurong Kiệt (HQ 16) zostały skierowane do remontu, w którego trakcie usunięto uszkodzenia i uzupełniono amunicję, przygotowując okręty do działań w celu odzyskania Wysp Paracelskich. Zespół specjalistów przybył z Sajgonu do Da Nang by wziąć udział w naprawach. Z lekko uszkodzonej nadbudówki *Ly Thurong Kiệt* specjaliści wydobyli pocisk, który uszkodził silownię okrętu. Ten zabłąkany pocisk, który na szczęście nie eksplodował został wystrzelony z *Trần Bình Trọng*. Doświadczenia wykazały, że tor lotu przeciwpancernych pocisków tego kalibru mógł ulegać znacznym zmianom w warunkach znacznej wilgotności. Tę informację przekazał mnie osobiście z-ca szefa operacji morskich. W czasie walk pomylenie celów, zamieszanie w stylu swój czy obcy, złe koordynaty ognia są czymś z wystąpieniem czego należy się realnie liczyć. Takie sytuacje miały miejsce w czasie wojny w Vietnamie wielokrotnie. W czasie starcia na Paracelach *Trần Bình Trọng* wystrzelił serki pocisków kal. 127 mm, z których tylko jeden „zabłądził”, mój Zespół Operacyjny naprawdę miał szczęście. Trafienie eskortowca *Ly Thurong Kiệt* przez własny pocisk oraz niesprawność dwóch automatycznych dział kal. 76 mm fregaty *Trần Khánh Du* w czasie pierwszych minut starcia były największymi błędami taktycznymi Marynarki Wojennej Republiki Vietnamu w pierwszych miesiącach 1974 roku. Wiarygodne źródła potwierdzają, że w tym czasie prezydent Republiki Vietnamu Nguyễn Văn Thieu wykorzystywał bitwę morską by przeszkodzić rosnącemu krytycyzmowi swej ekipy ze strony różnych sił politycznych.

Po kilku dniach napraw, fregata *Ly Thurong Kiệt* (HQ 16) przeszła o własnych siłach do bazy morskiej w Sajgonie, gdzie spotkał się z gorącym przyjęciem. Dwa automatyczne działa kal. 76 mm fregaty *Trần Khánh Du* (HQ 4) nie mogły być naprawione na miejscu. Po uzupełnieniu amunicji i naprawieniu uszkodzeń fregaty *Trần Bình*

Trong (HQ 5) i *Trần Quốc Toan* (HQ 6) wyszły w morze na poszukiwanie rozbitków. Samolot C-130 „Hercules” transportu taktycznego krążył w obrębie zamkniętej strefy przybrzeżnej by nie prowokować kolejnej militarnej konfrontacji między Republiką Vietnamu a komunistycznymi Chinami. Samolot ten naprowadzał nasze okręty na pływające na powierzchni morza przedmioty, takie jak puste beczki po paliwie. Byłem obecny na *Trần Bình Trọng* obserwując poszukiwanie, ratowanie i powrót. Co się tyczy eskortowca *Như Tảo* (HQ 10), to z powodu utraty łączności nie znałem jego ostatecznego losu. Miałem jeszcze odrobinę nadziei, że jednostka nie zatonała całkowicie i być może dryfuje ku naszym środkowym wybrzeżom korzystając ze sprzyjającego północno-wschodniego wiatru.

Obecność na tym obszarze fregaty *Trần Quốc Toan* (HQ 6), który właśnie skończył konwojowanie *Ly Thurong Kiệt* (HQ 16) na trasie z Paraceli do Da Nang oraz *Ngô Quyền* (HQ 17) (pod dowództwem kmrpor *Trần Đình Tru*) ściągniętego pośpiesznie z Archipelagu Wysp Spratly, a także „weterana” *Trần Bình Trọng* (HQ 5) pozwoliła na sformowanie nowego Zespołu Operacyjnego. Zadaniem nowego Zespołu było przygotowanie operacji odzyskania Wysp Paracelskich. Choć w składzie zespołu było wielu starszych oficerów, zostałem ponownie wyznaczony na stanowisko dowódcy, tym razem nowego Zespołu Operacyjnego. Ćwiczenia i strzelania przeprowadzano w ciągu dnia w rejonie małej wyspki Châm na południowo-wschód od Da Nang. Po zakończeniu ćwiczeń zaprezentowałem ich rezultaty na odprawie w dowództwie I Strefy Brzegowej, którą kierował z-ca szefa operacji morskich.

Jednak ostatecznie zamiar odzyskania Wysp Paracelskich został anulowany. Choć pozostałem dowódcą wierzyłem, że ofensywa nie uzyska militarnego powodzenia, choć będzie moralnym zwycięstwem. Stare fregaty (eks-patrolowce «WHEC»), używane wcześniej przez U.S. Coast Guard, były lepiej uzbrojone do zadań patrolowych niż do czynnej walki, przede wszystkim z uwagi na ich niską prędkość. Trudno byłoby im walczyć z nowocześniejszymi okrętami. Uzbrojenie eskortowców składało się jedynie z działa kal. 127 mm oraz pary dział plot. kal. 40 mm zamontowanych przez wietnamską marynarkę wojenną w części rufowej, która mogła służyć za lądowisko dla śmigłowca.

W czasie, gdy byłem w bazie z-ca szefa operacji morskich dwukrotnie zbierał oficerów i marynarzy wszystkich jednostek obecnych w macierzystym porcie w celu poinstruowania ich by nie ignorowali dokonani Marynarki Wojennej Republiki Vietnamu. Aby dać dobry przykład podkomendnym zachowywałem spokój i bardzo skromną

Odznaczenie wyróżniających się w bitwie oficerów i marynarzy wietnamskich.
fot. grzecznościowo „Hàng Sa”



Bitwa o Wyspy Paracelskie

postawę. Nigdy nie dyskutowałem ani też nie wyjaśniałem nikomu szczegółowo czynników, które kierowały moimi decyzjami taktycznymi w czasie bitwy.

Pozostając w dowództwie I Strefy Brzegowej przez ponad tydzień pokazałem się z dowódcą I Strefy Brzegowej na mostku fregaty *Trần Bình Trọng* (HQ 5) by nagrać informację dla stacji telewizyjnej sił zbrojnych. Po powrocie na swoje stanowisko w Sajgonie byłem znów zaproszony przez stację telewizyjną sił zbrojnych wraz z trzema dowódcami okrętów oraz garstką podoficerów na rozmowę o wyczynie naszej floty. Tym nie mniej jednak nie wdawałem się w szczegóły bitwy. Zamiast tego poprosiłem dowódców by powiedzieli o wysokim morale i osobistym bohaterstwie ich załóg w czasie bitwy i po jej zakończeniu. Niedługo po tym wziąłem udział w specjalnym wykładzie dla słuchaczy kursu dowództwa i sztabu generalnego w Long Binh. Wykład był szczególnie, ponieważ wysłuchiwali go oficerowie armii, którzy zajmowali ekspozowane stanowiska w swych jednostkach. Gdy komodor, zastępca szefa operacji morskich na wodach przybrzeżnych wszedł na wykład by przedstawić organizację Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu, pierwsze pytanie ze strony słuchaczy dotyczyło bitwy morskiej na Paracelach. Komodor przekazał to pytanie mnie siedzącemu wówczas na sali. Szczerze mówiąc czułem się bezbronny, zaś moja jedyna natychmiastowa odpowiedź brzmiała: Panowie, wszyscy analizowaliście bitwę pod Ấp Bắc, bitwa morska na Paracelach była bardzo podobna. Po mojej odpowiedzi, nie padło już więcej pytań na temat starcia na Paracelach. Muszę dodać, że w bitwie pod Ấp Bắc nasze siły lądowe były nieprzygotowane na taktykę północnych Wietnamczyków z powodu złych informacji wywiadowczych i zamieszaniu w kierowaniu oddziałami.

W ostatnich miesiącach wojny wietnamskiej otrzymałem przydział do Akademii Wojskowej w Long Binh, jako zastępca asystenta kierownika zagadnień morskich.

Po bitwie

Po bitwie morskiej Marynarka Wojenna Republiki Wietnamu otrzymała wiele gratulacji podnoszących heroizm ducha naszych walecznych przodków zmierzających do usunięcia najeźdźców z północy. Bitwa morska zyskała w prasie codziennej oraz cywilnych i wojskowych mediach rozgłos równy bitwie pod Binh Long czy Kontum.

Paracele oraz Wyspy Spratly i Wietnam to jedno i to samo

Dzięki bitwie morskiej większość mieszkańców Wietnamu Południowego dowiedziała się, że nasze odległe terytoria na Mo-

rzu Południowo-Chińskim były bronione i patrolowane przed 30 kwietnia 1975 przez naszą flotę do czasu jej powstania 1 stycznia 1955 roku.

Mówiąc o bitwie morskiej, pierwszego dnia nasza marynarka wojenna wygrała i utrzymała obronę na wyspie Pattle, jednak trudno było przewidzieć dalsze straty. Komodor, który przewodniczył Komitetowi Bezpieczeństwa Morskiego, gdy osobiście odwiedził fregatę *Trần Khánh Du* (HQ 4) w czasie remontu w stoczni marynarki wojennej, powiedział mi nie prywatnie „Wystarczy”. Zinterpretowałem jego wypowiedź jako koniec walk, bowiem Marynarka Wojenna Republiki Wietnamu odpowiadała za inne zadanie, a mianowicie zwalczanie komunistycznej partyzantki w strefie przybrzeżnej. Chińska strategia zajęcia reszty Wysp Paracelskich miała zapewne tajną akceptację supermocarstw. Wierzyłem, że gdyby nie awaria 2 dział kal. 76 mm fregaty *Trần Khánh Du* i bitwa po-

kiego rozkazu w przypadku nowego konfliktu.

Podsumujmy raz jeszcze, gdybyśmy pozwolili na chińską obecność na wyspie Duncan, nie doszłoby do bitwy morskiej i nadal zajmowalibyśmy wyspę Pattle. Oznacza to, że poza stacjonowaniem dodatkowych oddziałów na wyspach Robert, Money i Drummond dla zapobieżenia ewentualnej inwazji, nasza flota musiałaby prowadzić regularne patrolowanie tego akwenu z użyciem sporej liczby okrętów wojennych. Sądzę też, że Chiny stopniowo opanowałyby całkowicie Wyspy Paracelskie, zgodnie ze swoim planem rozszerzenia wpływów w Azji Południowo-Wschodniej. ChRL idąc za przykładem Republiki Wietnamu wprowadziła swoje oddziały na wyspy Nam Yit i Sand Cay leżące na południe i wschód od wyspy Itu Aba zajętej przez oddziały Republiki Chińskiej (Tajwanu) od czasu klęski Japonii w II wojnie światowej. Wyspy te stanowiły część Archipelagu Wysp Spratly.



Powitanie obu powracających do bazy chińskich ścigaczy typu *Kronstadt*, co stoi w sprzeczności ze słowami autora artykułu. Nie należy wykluczyć, że jednostka na drugim planie nie brała udziału w bitwie.
 fot. zbiory Rafał Ciechanowski

toczyła się zgodnie z planem, to znaczy byłibyśmy zdecydowanym zwycięzcą pierwszego dnia, to zmasowany atak chińskiej floty, wojsk lądowych i lotnictwa następnego dnia, nie tylko pokonałby naszą placówkę na wyspie Pattle, ale także mógłby zniszczyć nasz Zespół Operacyjny na znacznie większym obszarze. Wierzyłem również, że I Obszar Korpusny w przypadku alarmu będzie w stanie podjąć skuteczne przeciwdziałania. Eskadra F-5 I Dywizji Sił Powietrznych stała gotowa na pasie startowym bazy Da Nang, lecz nie otrzymała rozkazu startu dla zapewnienia przykrycia powietrznego naszego Zespołu Operacyjnego. Tym bardziej nie należało oczekiwać ta-

Komunistyczne Chiny i Tajwan już wiele razy ogłaszały, że leżące na Morzu Południowo-Chińskim Paracele i Wyspy Spratly stanowią obszar ich wód terytorialnych. Mieliśmy szczerą nadzieję, że gdy Republika Wietnamu obsadzi swymi posterunkami bezludne wyspy Archipelagu Spratly, takie jak Namyit, Sand Cay, North-East Cay, South-East Cay, Spratly i inne, nie napotkamy zbrojnego oporu ze strony Chin Ludowych, Tajwanu, Filipin czy Malezji.

Inna konkluzja sprowadza się do tego, że bitwa morska wprawiała w ruch koncepcje terytorialne ze strony małego i słabego kraju na rzecz supermocarstwa zgodnie z globalną strategią uzgodnioną sekretnie przez sa-



Para chińskich kutrów rakietowych typu Houku w marszu z dużą prędkością. Jednostki te stanowiły dalszą osłonę chińskiego zespołu desantowego. fot. zbiory Rafał Ciechanowski

me supermocarstwa. Można przywołać tu przykład z lat osiemdziesiątych, gdy potężna brytyjska ofensywa usunęła Argentyńczyków z Falklandów na Południowym Atlantyku. Argentyńczycy, którzy uważali Falklandy za część swego terytorium próbowali negocjacji na froncie dyplomatycznym i w końcu podjęli działania zbrojne, gdy wysiłki dyplomatyczne nie przyniosły rezultatów. Pod względem wojskowym Argentyńczycy wiedzieli, że trudno będzie przeciwstawić się siłom brytyjskim, jednak walczyli, starając się kontrolować intensywność walk

dla zredukowania poziomu strat. Ostatecznie Falklandy zostały odzyskane przez Wielką Brytanię. Oczywiście, Falklandy mają większą powierzchnię, są bogatsze w zasoby naturalne i bardziej zaludnione od Paraceli, stąd też walki angażujące znaczniejsze siły były krwawsze. Mimo wszystko wojna o Falklandy i bitwa o Paracelę wykazują pewne podobieństwa.

Po roku 1945 z powodu długiej, gorzkiej wojny znanej jako „Wojna Indochińska” toczony na lądzie przeciwko siłom komunistycznym, Francuzi całkowicie porzucili

Po zajęciu Wysp Paracelskich przez Chińczyków od razu przystąpiono do pracy ideologicznej w postaci szkolenia politycznego i gazetek. W oddali widoczne lufy wkm-u kal. 14,5 mm. Uwagę zwracają też maistowskie mundury z tego okresu. fot. zbiory Rafał Ciechanowski

Po bitwie marynarz chińskiego tralowca typu T-43 czyści lufy działek kal. 37 mm. fot. zbiory Rafał Ciechanowski



kontrolę na szereg lat nad Wyspami Paracelskimi składającymi się z grup Amphitrite i Crescent. Grupę Amphitrite okupowały początkowo siły chińskich nacjonalistów, jednak po ich klęsce w Chinach kontynentalnych w roku 1949 wycofali się na Tajwan. Później Porozumienie Paryskie z roku 1973 wyznaczyło strefę zdemilitaryzowaną wzdłuż 17 równoleżnika, co uniemożliwiło Republice Wietnamu aktywną obecność na wyspach grupy Amphitrite, leżących na północny-wschód od grupy Crescent.

Co się tyczy linii obrony na wyspie Pattle przyjętej przez Republikę Wietnamu, to była ona zasadniczo podobna do posiadanej przez Tajwan na wyspie Itu Aba należącej do Archipelagu Wysp Spratly i nie mogła wytrzymać silnego ataku sił amfibijnych. Nie było żadnych silnych umocnień, a jedynie pluton z lekkim uzbrojeniem żołnierzy sił terytorialnych Republiki Wietnamu i garść meteorologów. Na wyspie Itu Aba silne umocnienia zbudowali Japończycy w okresie, gdy okupowali wyspę w czasie II wojny światowej. Później Tajwan wzmocnił obronę wyposażając ją w działa zdolne prowadzić ogień przeciwko okrętom na pobliskich wodach oraz wprowadzając garnizon w sile batalionu, dowodzony przez plk piechoty morskiej.

Co ciekawsze chińska deklaracja o zwierzchnictwie nad Paracelami i Wyspami Spratly została ogłoszona po wizycie w Chińskiej Republice Ludowej sekretarz stanu USA Henry Kissingera. Zapewne zarówno ChRL jak i USA podpisały wtedy jakieś tajne strategiczne porozumienia bądź Stany Zjednoczone zgodziły się nie mieszać do chińskich działań na Morzu Południo-

Bitwa o Wyspy Paracelskie



Para chińskich myśliwców F-6 (MiG-19) w locie patrolowym nad zajętymi Wyspami Paracelskimi.
fot. zbiory Rafał Ciechanowski

wo-Chińskim. Z tej pewnie przyczyny USA nie zaangażowały się w obronę naszego terytorium. W dniu bitwy morskiej zastępca szefa Sztabu Połączonych Operacji w biurze szefa Sztabu Połączonych Operacji przekazał informację, że obrona naszego terytorium jest naszą prywatną sprawą.

Z amerykańskiego punktu widzenia bojowy potencjał Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu powinien rozwijać się w kierunku:

- zapewnienia wsparcia ogniowego oddziałów walczących w pasie nadbrzeżnym;
- kontroli żywotnych śródlądowych dróg komunikacyjnych w delcie Mekongu;

- zabezpieczenia operacji przeciwko liniom zaopatrzeniowym sił zbrojnych Północnego Wietnamu wzdłuż wybrzeża jego południowej części przy wsparciu sieci stacji radarowych.

Budowa sieci stacji radarowych ciągnących się od strefy zdemilitaryzowanej (DMZ) w Ben Hải aż do Zatoki Tajlandzkiej dla zabezpieczenia przed infiltracją z Północy od strony morza była wyzwaniem z punktu widzenia technicznego i finansowego. Po przekazaniu flocie południowowietnamskiej w roku 1971 dwóch eks-amerykańskich fregat – *Trần Hưng Đạo* (HQ 1) oraz *Trần Khánh Du* (HQ 4), które stały się

Chińscy żołnierze dzielą się wrażeniami po bitwie, w oddali widoczny zakotwiczony tralowiec typu T-43.
fot. zbiory Rafał Ciechanowski



największymi okrętami naszej floty z uwagi na kaliber swych dział, U.S. Navy przy wielu okazjach po roku 1973 żądali byśmy zdemontowali kadłubowe sonary. Ten zabieg ograniczyłby możliwości ofensywne okrętów. Jednostki były uzbrojone w 2 działa plot. kal. 76 mm o szybkostrzelności do 60 strzałów na minutę. Przy tak silnym uzbrojeniu ofensywnym, trudno dziwić się, że w końcowych latach wojny wietnamskiej, Amerykanie nie przepuścili żadnej okazji by opóźnić lub ograniczyć dostawy części zamiennych do tych nowoczesnych dział.

Po bitwie aby oddać należny hold oficerom i marynarzom, którzy polegli na morzu za swój kraj, dowództwo Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu rozważało postawienia kamienia pamiątkowego w rejonie Thu Ngủ nad rzeką Sajgon, co uzależnione było jednak od zgody władz miasta Sajgon. Rada Miejska Sajgonu zgodziła się na nadanie jednej z ulic nazwy kmrd por Nguy Văn Thà. Uroczystości nadania nazwy odbyły się w pierwszą rocznicę morskiej bitwy o Paracele w dniu 19 stycznia 1975 roku, a przewodniczył im kontradm. Lâm Nguon Tánh, szef operacji morskich, jednak ja nie mogłem wziąć udziału w tej ceremonii.

Każdego roku przy okazji wietnamskiego Nowego Roku Księżycowego, który wypada zwykle w styczniu, zawsze przez moment skłaniam myśli ku oficerom i marynarzom, którzy oddali swe życie za ojczyznę i tym, którzy dzielnie walczyli pod moją komendą w morskim starciu o Paracele. Większość morskich weteranów bitwy, obecnie wędrujących po wołnym świecie, są bohaterami chętnymi poświęcić swe życie dla zachowania terytorium naszego kraju, które przodkowie budowali przez wieki. Mam nadzieję, że ten zapis ukaże sens dumy tych oficerów Marynarki Wojennej Republiki Wietnamu, którzy uczestniczyli w bitwie o Paracele i którymi miałem honor dowodzić. ●

**Tłumaczenie z języka angielskiego
wybór i redakcja tekstu
Maciej S. Sobański**

Bibliografia:

- Hà Văn Ngạc, *Tim Hieu Ve Quan Dao Hoang Sa*, „Vietalk”, Volume 4, Number 4, April 1999, Grapevine.
Hà Văn Ngạc, *Nhung Dien Bien Dua Tpi Trận Hải Chiến Hoàng Sa*, „Luot Song”, Number 35, 26 Sept. 1998, San Jose.
Hà Văn Ngạc, *Tuong Thuat Trận Hải Chiến Lịch Sử Hoàng Sa*, „Doan Ket Monthly Magazine”, Austin.
Riding Waves-Navy Day 1974, Republic of Vietnam Navy Publication.
Special Issue on Hoàng Sa, Republic of Vietnam Navy Veterans Association, 1974.
Roczniki Jane's Fighting Ships 1960-69 i 1970-1979.

Wydawnictwo „OW” poleca



„Okrety Wojenne” Nr 52
cena 12,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 55
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 56
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 60
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 61
cena 13,00 zł



„Okrety Wojenne” Nr 63
cena 17,50 zł



„Okrety Wojenne” Nr 64
cena 17,50 zł



„Okrety Wojenne” Nr 65
cena 17,50 zł



„Okrety Wojenne” Nr 66
cena 17,50 zł



„Okrety Wojenne” Nr 3 specj.
cena 7,00 zł



Bitwa koło wyspy Savo
cena 20,00 zł



Operacja „Pedestal”
cena 22,00 zł



Malowanie okrętów U.S.
Navy 1941-1945 cz. I
cena 17,00 zł



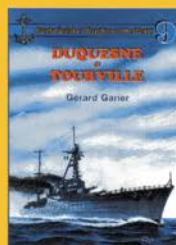
Malowanie okrętów U.S.
Navy 1941-1945 cz. II
cena 19,00 zł



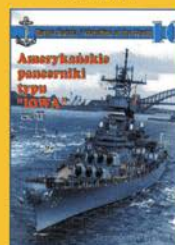
Hiszpańskie krążowniki
ciężkie typu „Canarias”
cena 7,00 zł



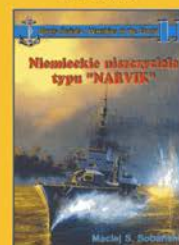
Brytyjskie krążowniki ciężkie
typu „County” cz. II
cena 9,00 zł



Duquesne & Tourville
cena 14,00 zł



Amerykańskie pancerniki
typu „Iowa” cz. II
cena 15,00 zł



Niemieckie niszczyciele
typu „Narvik”
cena 21,00 zł



Niemieckie pancerniki
typu „Scharnhorst”
cena 29,00 zł



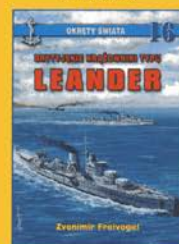
Japońskie krążowniki ciężkie
typu „Myoko”
cena 39,00 zł



Rosyjskie pancerniki
typu „Sewastopol”
cena 42,00 zł



NOWOŚĆ!
Brytyjskie krążowniki
typu „Leander”
z serii „Okrety Świata” nr 16
Sztuczna, lakierowana okładka,
64 strony + trzy rozkładowki
z 6 planami w skali 1:400,
dwie wkładki z 4 planami kolorowymi,
64 fotografie czarno-białe,
42 rysunki, liczne tabele.
Cena wraz z kosztami wysyłki tylko 39 zł.



Brytyjskie krążowniki
typu „Leander”
cena 39,00 zł



Đại Tá Hà Văn Ngạc, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
Captain Hà Văn Ngạc, Republic of Vietnam Navy